

**SÁCH ÁN TỔNG ĐỀ BIỂU TẶNG
KHÔNG ĐƯỢC BÁN**

**KINH PHÁP CÚ
SONG NGỮ CHÚ GIẢI**

TẬP 2

The book is strictly for free distribution, it is not for sale

Biên soạn: Thích Phước Thái

**Ấn hành lần thứ nhất
Chùa Quang Minh
2007**

**Published by:
Quang Minh Temple
18 Burke St, Braybrook, Victoria 3019 AUSTRALIA
Tel: 61 3 9312 5729**

Fax: 61 3 9311 0278

Email: thichphuocthai@gmail.com

Website: <http://www.quangminh.org.au>

National Library of Australia Cataloguing-in

Publication entry:

ISBN 0-646-45392-0

KINH PHÁP CÚ SONG NGŨ CHÚ GIẢI

Thích Phước Thái @2007

First edition 2007

1000 copies

Editor: Thích Phước Thái

Proof Reader: Minh Quang

Book Designer: Diệu Lương - Hồ Sĩ Trung

Cover Designer : Thích Phước Quảng

Thành kính dâng lên với tất cả tấm lòng tri ân những bậc
Giáo Thọ Ân Sư đã dày công giáo huấn.

Nhất là Hòa Thượng Bổn Sư thượng Phước hạ Huệ đã
chứng minh và từ bi chỉ giáo.

Thành kính tri ân:

Sách này được hình thành là nhờ công ơn của:

- Các dịch giả của các dịch phẩm như đã nêu ra ở
phần đầu sách.

- Thượng Tọa Thích Phước Tấn đã tận tình hỗ trợ.

- Quý học chúng Tăng, Ni tại Tổ Đình Phước Huệ.

- Quý Đại Đức Thích Phước Quảng, Thích Phước
Viên, Sư Cô Thích Phước Thanh và các đạo hữu:

Hồ Sĩ Trung, Minh Quang, Diệu Lương, Tâm

Kiên, đã tận tình giúp cho phần đánh máy, kỹ

thuật trình bày và sửa bản in.

- Chư tôn đức Tăng Ni, quý liên hữu của hai đạo tràng:
Quang Minh và Phước Huệ cùng chư Phật tử xa gần đã
phát tâm ủng hộ hỷ cúng tịnh tài ân tống.

Xin tất cả nhận nơi đây lòng tri ân chân thành của soạn giả.

Nguyện đem công đức pháp thí này hồi hướng cho quý ân
nhân cùng pháp giới chúng sanh đều trọn thành Phật đạo.

Thích Phước Thái.

Kinh Pháp Cú

Song Ngữ Chú Giải

Lời đầu sách

Kinh Pháp Cú là những câu nói ngắn gọn do Đức Phật nói
ra tùy theo từng trường hợp. Những lời dạy này nhằm mục
đích thức nhắc đưng cơ lưu tâm để áp dụng tu hành cho có
kết quả tốt đẹp. Những lời dạy này về sau đã được chư Tổ
kết tập lại thành Kinh gọi là Kinh Pháp Cú. Mỗi lời dạy đều
có ghi rõ lý do xuất xứ.

Toàn Kinh gồm có 26 phẩm và có tất cả là 423 câu. Kinh
này nằm trong Tiêu bộ (Khuddaka- Nikaya) của tạng Kinh
Pali và đã được dịch ra nhiều thứ tiếng ở Á Châu và Âu Mỹ.
Đại Đức Narada đã dịch ra bản chữ Anh, xuất bản tại Tích
Lan. Một bản chữ Anh khác của giáo sư C.R Lanman, do
Đại học đường Haward tại Mỹ quốc xuất bản; bản chữ Nhật
của Phước đảo Trục Tứ Lang xuất bản tại Nhật và các bản
Hán dịch rất cổ với danh đề là Pháp Cú Kinh, Pháp tập yếu
tụng v..v

Kinh này rất được phổ cập tại các nước Phật giáo Nguyên
Thủy như Tích Lan, Miến Điện v..v.. Có thể nói Kinh này
như là một quyển Kinh nhật tụng của giới Tăng già và cư sĩ
ở các quốc gia đó. Họ coi như là một quyển kinh gối đầu
giường. Đại đa số đều nhớ nằm lòng. Họ thường xuyên đem
ra áp dụng vào đời sống thực tế hằng ngày. Kết quả rất có
lợi ích.

Riêng những bản chữ Việt, chúng tôi thấy có một vài bản
dịch ra Việt văn như sau:

1. Bản dịch của Hòa Thượng Thích Thiện Siêu do nhà
xuất bản Phú Lâu Na ấn bản tại Hoa Kỳ Phật lịch
2546 - 2002.

2. Kinh Lờì Vàng Dhammapada do Hòa Thượng Thích Minh Châu dịch từ nguyên bản Pali theo thể văn kệ.
3. Bản dịch của các Ni sinh thuộc thiền viện Viên Chiếu dịch theo bản chữ Anh của học giả Eugène Valson Buxlingame. Nhà học giả này đã căn cứ trên nguyên tác Pháp Cú sơ giải bằng tiếng Pali, do nhà xuất bản Thành Phố Hồ Chí Minh ấn hành năm 1999. Đặc biệt bản dịch này, sau mỗi câu Kinh đều có nêu rõ điểm xuất xứ Phật dạy và có kèm theo sau đó là một mẫu chuyện, nêu rõ lý do chính yếu Phật nói ra câu Kinh đó.
4. Bản dịch của luật sư Đình Sĩ Trang dịch đề là Lờì Phật Dạy ấn hành tại Úc năm 1997. Ngoài ra, còn những quyển nào khác nữa, thì chúng tôi chưa được biết đến.

Nay chúng tôi y cứ vào bản dịch Việt ngữ của Hòa Thượng Thích Thiện Siêu làm tài liệu chính để giảng giải cho Tăng, Ni và chúng tôi cũng có thêm phần Kệ tụng do Hòa Thượng Thích Minh Châu dịch. Đồng thời, chúng tôi cũng có thêm phần đối chiếu Anh ngữ trong quyển DHAMMAPADA của dịch giả Acharya Buddharakkhita. Tác phẩm đã ấn hành vào ngày 16 tháng 10 năm 1986. Sở dĩ chúng tôi cho thêm phần Anh ngữ này, với mục đích là muốn giúp cho quý Tăng, Ni sinh tại Phước Huệ Công Đức Tòng Lâm tiện đối chiếu học hỏi. Đồng thời sau mỗi câu Kinh chúng tôi có thêm phần chú thích từ ngữ và lược giảng.

Tài liệu biên soạn này, nhằm mục đích hướng dẫn, giúp thêm tài liệu cho quý Tăng Ni sinh tu học trong khóa an cư tại Phước Huệ Công Đức Tòng Lâm năm 2007. Việc biên soạn này, dù có cố gắng đến đâu, chúng tôi cũng không tránh khỏi những thiếu sót sai lầm. Kính mong chư Tôn

Đức cùng các bậc thức giả từ bi chỉ giáo, chúng tôi xin chân thành đa tạ.

Tổ Đình Phước Huệ

Ngày đầu an cư 01/06/2007

Nhằm ngày 16/04/ âm lịch năm Đinh Hợi.

Thích Phước Thái

X. PHẪM ĐAO TRƯỢNG

(Dandavagga)

129. Ai ai cũng sợ gươm đao; ai ai cũng sợ sự chết; vậy nên lấy lòng mình suy lòng người, chớ giết, chớ bảo giết.

All tremble at violence; all fear death. Putting oneself in the place of another, one should not kill nor cause another to kill.

Kệ tụng

Mọi người sợ đao trượng¹

Mọi người sợ tử thân

Hãy so sánh tự thân

Không giết, không bảo giết.

130. Ai ai cũng sợ gươm đao, ai ai cũng thích được sống còn; vậy nên lấy lòng mình suy lòng người, chớ giết, chớ bảo giết.

All tremble at violence; life is dear to all. Putting oneself in the place of another, one should not kill nor cause another to kill

Kệ tụng

Mọi người sợ đao trượng

Mọi người thích sống còn

¹ Trượng : Cây gậy bằng gỗ, thò trước dùng để đánh người có tội bị xử phạt, như nói : đánh một trăm trượng v.v...

Hãy so sánh tự thân

Không giết, không bảo giết.

Lược giảng

Hai pháp cú trên, Đức Phật dạy tại tinh xá Kỳ Viên, có liên quan đến nhóm lục quần Tỳ kheo. Truyện tích kể lại, “mười bảy vị Tỳ kheo vừa sửa soạn xong chỗ ở thì nhóm lục quần Tỳ kheo tới bảo :

- Chúng ta lớn hơn, chỗ này thuộc về chúng ta.

Mười bảy vị kia không chịu vì sửa soạn trước nhất. Lục quần Tỳ kheo liền đánh các Tỳ kheo huynh đệ của mình. Khung khiếp vì sợ chết , họ gào đến bể phôi. Thế Tôn nghe tiếng la hét hỏi chuyện, rồi Ngài ban hành giới luật về việc hành hung:

- Các Tỳ kheo! Từ nay trở đi, một Tỳ kheo không được hành hung. Ai làm điều này thì phạm tội.

Và Ngài dạy tiếp:

- Nay các Tỳ kheo! Ta phải nhớ rằng cũng như ta, người khác run rẩy trước gậy gộc và sợ chết. Do đó chớ đánh hay giết người”. (Trích nguyên văn tích truyện Pháp Cú Tập II, Viên Chiếu, tr.71).

Ham sống sợ chết là một đặc tính cố hữu của muôn loài. Không một loài động vật nào mà không biết quý trọng mạng sống. Nói rộng ra, là ngay cả đến loài thực vật như cây cỏ chúng vẫn biết quý tiếc mạng sống của chúng. Chẳng qua, chỉ vì cái “**Biết**” của chúng quá yếu ớt, nên chúng không đủ khả năng để biểu lộ phản kháng như những loài động vật khác, khi bị tàn sát mà thôi. Nếu chúng không có năng lực vươn lên để sinh tồn, thì thử hỏi tại sao khi chúng ta bẻ cành hay ngắt đọt, thì chúng lại đâm ra chồi

non và cành lá khác? Đã có mạng sống, dù thượng đẳng hay hạ đẳng, dù động vật hay thực vật, tất cả đều có mạng sống và biết ham sống sợ chết như nhau.

Chính vì lẽ muốn sinh tồn đó nên 2 pháp cú trên, Phật dạy chúng ta cần phải biết tôn trọng sự sống. Tôn trọng sự sống là một lẽ rất công bằng. Muôn loài đã có mạng sống, thì không một loài nào lại không sợ chết. Vì quý tiếc thân mạng mà sợ chết, nhất là đối với loài người. Loài người, tất nhiên là có trí khôn hơn các loài động vật khác. Mình biết quý trọng mạng sống của mình, thì tại sao mình lại nhẫn tâm chà đạp và giết chết mạng sống của kẻ khác? Như thế, thì còn gì là lẽ công bằng?! Và còn gì là lòng nhân ái từ bi?! Tôn trọng sự sống cũng là một đặc tính sẵn có cao thượng của con người. Người xưa nói: “*bạo động là cá tánh của loài thú, bất bạo động là cá tánh của loài người*”. Bởi loài người có trí khôn hơn các loài động vật khác, nhờ có trí tuệ sáng suốt tinh khôn, nên con người mới phân biệt được lẽ phải trái, chánh tà, chân ngụy. Bản chất hướng thượng của con người là xây dựng hơn là phá hoại. Phá hoại hay tàn sát đó không phải là cá tánh đặc hữu của con người. Sỡ dĩ loài người hơn những loài động vật khác là ở chỗ có trí năng hiểu biết hướng thượng đó.

Sát sanh hại vật là một trọng tội. Tội nặng nhất là giết người. Vì muốn cho xã hội được an bình, không có chiến tranh chém giết lẫn nhau, nên Phật dạy người Phật tử không được sát sanh. Đó là giới cấm thứ nhất trong 5 giới cấm của người Phật tử tại gia. Nếu mọi người tuân thủ giữ gìn nghiêm ngặt giới cấm đầu tiên này, thì lo gì thiên hạ chẳng thái bình. Tổ sư có dạy:

Nhất thiết chúng sanh vô sát nghiệp

Thập phương hà xứ động đao binh

Gia gia hộ hộ đồng tu thiện

Thiên hạ hà sầu bất thái bình.

Tạm dịch:

Tất cả chúng sanh không nghiệp giết

Mười phương nào có nổi đao binh

Nhà nhà chốn chốn đều tu thiện

Lo gì thiên hạ chẳng thái bình.

Nhơn loại chỉ cần giữ một giới bất sát sanh thôi, nói rõ ra là không giết người, thì cả thế giới đều vui sống trong cảnh thái bình an lạc. Nhưng tiếc thay! Nhơn loại không giữ được, nên thế giới cứ mãi gây ra cảnh thù hận chiến tranh tàn sát lẫn nhau. Hết quốc gia này đến quốc gia khác.

Có lẽ, thời Phật không có những thứ vũ khí hạng nặng giết người hàng loạt nhanh chóng và dữ dội như hiện nay, mà chỉ có những thứ vũ khí thô sơ như gươm giáo hay đao trượng. Do đó, mà sự tàn sát sinh mạng còn có giới hạn. Thế mà, Phật còn khuyên con người không nên sát hại lẫn nhau, dù đó chỉ là những thứ vũ khí thô sơ. Nếu như Đức Phật sống trong thời đại khoa học nguyên tử hiện đại này, thì Ngài sẽ rất đau lòng, khi chứng kiến cảnh giết người hàng loạt bởi những trái bom có trọng lực công phá tàn sát ác liệt. Đó là một thảm cảnh bi thương nhất mà ngày nay Nhơn loại đã và đang hứng chịu.

Sự sát sanh hại vật có nhiều cách: “*tự sát, giáo tha sát hoặc tùy hỷ sát*”. Tự sát là tự mình ra tay giết hại sinh vật. Có khi mình không ra tay mà sai khiến ra lệnh bảo người khác giết, hoặc thấy người khác giết mình lại vui thích khen ngợi, tùy hỷ theo. Tất cả, đều phát xuất từ lòng tham, sân, si, độc ác của con người mà ra.

Trong truyện tích dẫn chứng trên, cho chúng ta thấy, dù đã xuất gia tu hành, nhưng tập khí ác nghiệp còn quá sâu nặng, nên nhóm lục quần Tỳ kheo đã có những hành động hung bạo đánh đập gây thương tích cho các Tỳ kheo khác. Vì sợ hãi và vì muốn bảo vệ mạng sống, nên các Tỳ kheo khác phải kêu gào la hét lên để cầu cứu. May thay! Phật đã biết và can thiệp kịp thời, nếu không, thì hậu quả sẽ không thể nào lường được!

Thế mới biết, tập khí sân hận si mê của con người thật quá sâu dày và tai hại vô cùng. Do đó, nên Phật dạy hai pháp cú trên để ngăn ngừa lòng sân hận dục vọng tàn bạo của con người. Là con người, không ai lại không tham sanh úy tử. Suy lòng mình biết được lòng người. Điều gì mình không muốn, thì chớ nên gây ra cho người khác khó chịu. Mình sợ chết, thì người khác hay loài khác cũng sợ chết. Thế thì, không nên gây đau khổ, oán thù tương báo cho nhau. Hơn ai hết, người Phật tử nên vì lòng từ bi mà tôn trọng mạng sống, tự mình không sát sanh và cũng không nên xúi giục sai bảo người khác giết. Có thể, thì mọi oán thù tranh chấp sẽ chấm dứt và nhơn loại mới thực sự vui sống trong một xã hội thái bình an lạc.

131. Người nào cầu hạnh phúc cho mình mà lại lấy dao gây phá hoại hạnh phúc kẻ khác, thì sẽ không được hạnh phúc.

One who, while himself seeking happiness, oppresses with violence other beings who also desire happiness, will not attain happiness hereafter.

Kệ tụng

Cầu hạnh phúc cho mình

Lại dùng đao, dùng trượng

Hại hạnh phúc kẻ khác

Đòi sau không hạnh phúc.

132. Người nào cầu hạnh phúc cho mình mà không lấy dao gây phá hoại hạnh phúc kẻ khác, thì sẽ được hạnh phúc.

One who, while himself seeking happiness, does not oppress with violence other beings who also desire happiness, will find happiness hereafter.

Kệ tụng

Cầu hạnh phúc cho mình

Không dùng đao với trượng

Hại hạnh phúc kẻ khác

Đòi sau được hạnh phúc.

Lược giảng

Hai pháp cú này, Đức Phật dạy tại tinh xá Kỳ Viên, có liên quan đến đám trẻ con. Truyện tích kể lại: “Nhân đi vào Xá Vệ khát thực, Thế Tôn thấy một đám trẻ lấy gậy đánh rắn. Ngài hỏi vì sao, chúng bảo vì sợ rắn cắn. Phật liền dạy:

- Nếu các con đánh rắn này vì nghĩ rằng như thế sẽ bảo vệ được hạnh phúc của mình, hậu quả là sau này tái sanh vào các nơi khác nhau, các con sẽ không được hạnh phúc. Ai tìm hạnh phúc cho mình thì không đánh đập kẻ khác”. (Trích nguyên văn tích truyện Pháp Cú Tập II , Viên Chiếu, tr 174).

Sống trên cõi đời này, không ai lại không muốn cho mình được vui sướng hạnh phúc. Bản chất của con người rất hẹp hòi ích kỷ, lúc nào cũng chỉ nghĩ đến hạnh phúc cho riêng mình. Chính vì mưu cầu hạnh phúc cho riêng mình, nên lại sanh ác tâm muốn chà đạp làm thương tổn đến hạnh phúc của kẻ khác.

Truyện tích trên, dẫn chứng cho chúng ta thấy, dù là trẻ con, nhưng chúng cũng rất sợ tổn thương mất đi hạnh phúc của chúng. Vì muốn bảo vệ mạng sống hạnh phúc của mình, nên bất chấp mọi thủ đoạn, dù thủ đoạn đó rất tàn nhẫn, người ta cũng có thể làm được. Bằng chứng, là bọn trẻ dùng gậy gộc để đánh đập những con rắn, mà chúng cho là có thể những con rắn đó cắn hại chúng. Nhân đó, Phật khuyên: “*Ai tìm hạnh phúc cho mình thì không nên đánh đập kẻ khác*”.

Lợi mình hại người, đó chưa phải là hạnh phúc. Hạnh phúc là chúng ta phải làm như thế nào vừa có lợi cho mình và lợi cho người không những hiện đời mà cho đến đời sau nữa, chính đó mới thực sự là hạnh phúc. Đã sống, tất nhiên không ai lại không có mưu cầu hạnh phúc. Nhưng, sự mưu cầu đó phải là hành động không có tác hại cho mình và người. Bằng ngược lại, thì khó có hạnh phúc.

Cứ nhìn vào đời sống thực tế hằng ngày, chúng ta thấy, có nhiều người vì muốn bảo vệ hạnh phúc cho cá nhân họ, mà họ thiếu suy nghĩ, lại nhẫn tâm gây tổn hại trên thể xác và tinh thần kẻ khác. Dùng dao gậy gây thương tích, tương đối cũng còn nhẹ, có người, vì nổi cơn ghen tuông, nóng giận; vì không thỏa mãn cho nhu cầu bản ngã, mà họ nhẫn tâm ra tay tạt a xít (acid) đối phương, gây ra một thảm cảnh lăm tang thương trên thân thể của kẻ bị họ ám hại. Ôi! Còn nỗi đau đớn nào hơn! Khi thân thể của người bị họ hại không còn nguyên vẹn.

Một hành động vì si mê sân hận nhất thời thúc đẩy, chỉ trong một phút chốc thôi, đã hủy hoại nhan sắc của người mà họ muốn trả thù. Thật ghê gớm lòng độc ác của con người! Hành động mưu hại trả thù, chỉ vì quá nô lệ, coi trọng bản ngã, đó đâu phải là hành động của kẻ muốn được hạnh phúc. Hại người, chắc gì mình được an ổn. Ngày đêm mình mãi phập phồng nơm nớp lo sợ bị người ta ám hại lại. Cứ như thế, thì biết đến bao giờ cuộc sống mới có được hạnh phúc an vui?

Thật ra, hạnh phúc rất đơn giản trong tầm tay ta. Chỉ cần mỗi hành động, ta đều có chánh niệm, tất nhiên là ta sẽ có hạnh phúc an lạc ngay. Hạnh phúc trong từng hơi thở, trong từng bước đi và trong từng nụ cười. Nếu ta biết sống trong tinh thức, thì lúc nào và ở đâu, ta cũng có được cuộc sống hạnh phúc. Ta không cần tìm kiếm ở đâu xa. Ta chỉ cần tìm lại ở lòng ta. Mỗi ý nghĩ, lời nói và hành động, ta sống có ý thức trong sáng theo con đường thiện nghiệp là ta đã có hạnh phúc tràn trề rồi.

Ta nên nhớ, phá hoại hạnh phúc của kẻ khác, chính ta đã phá nát hạnh phúc của đời ta! Đức Phật khuyên chúng ta nên mở rộng cõi lòng để yêu thương và giúp đỡ mọi người. Không còn gì hạnh phúc hơn là ta làm cho mọi người có được cuộc sống an vui. Người vui là ta vui. Ngược lại, người khổ là ta khổ. Thế nên, cách hay nhất trong đời là ta tìm hạnh phúc ở nơi tấm lòng rộng lượng vị tha buông xả của ta. Ta hãy cố gắng tập sống buông xả :

Buông xả tâm an vui

Buông xả miệng mỉm cười

Buông xả lòng tươi mát

Buông xả thắm tình người

Buông xả có gì hơn

Buông xả hết giận hơn

Buông xả niềm an thoát

Buông xả trở về nguồn.

Đó mới thật là chơn hạnh phúc tuyệt vời trên thế gian này.

133. Chớ nên nói lời thô ác. Khi người dùng lời thô ác nói với người khác, người khác cũng dùng lời thô ác nói với người, thương thay những lời nói nóng giận, thô ác chỉ làm cho các người đau đớn khó chịu như dao gậy mà thôi.

Speak not harshly to anyone, for those thus spoken to might retort. Indeed, angry speech hurts, and retaliation may overtake you.

Kệ tụng

Chớ nói lời thô ác

Nói ác, bị nói lại

Khổ thay lời thù hận

Hình phạt tất đến thân

Lược giảng

Phật nói pháp cú này cũng ở tại tinh xá Kỳ Viên, có liên quan đến thầy Tỳ kheo Kundadhàna. Trong quá khứ, thầy Tỳ kheo Kundadhàna đã bị một thiên nữ báng sát ám hại, bằng cách dùng lời lẽ ly gián mạ lỵ. Cuối cùng, vị thiên nữ đó lãnh lấy một hậu quả vô cùng khốc hại.

Lời nói thô ác là một trong bốn cách của giới nói vọng. Bốn cách là: “*vọng ngôn, ý ngữ, lưỡng thiệt và ác khẩu*”. Vọng

ngôn là lời nói dối trá, chuyện có nói không, chuyện không nói có. Quấy nói phải, phải nói quấy... Đây là thứ ngôn ngữ không thành thật. Ý ngữ hay thêu dệt là thứ lời nói trau chuốt, dùng lời ngon tiếng ngọt, nịnh hót để mê hoặc lòng người. Lưỡng thiệt là lời nói hai lưỡi. Thường gọi là đòn xóc hai đầu, vì cả hai đầu đều nhọn. Đây là thứ ngôn ngữ “đâm bị thóc, thọc bị gạo”, làm cho đôi bên ganh ghét, thù hận tàn hại lẫn nhau. Thứ ngôn ngữ ly gián phá hoại này cũng thật là độc hại. Ác khẩu là lời nói thô tục, trù rửa chưởi mắng v.v...

Người xưa nói: “*Tâm là gốc thiện ác, miệng là cửa họa phúc*”. Miệng phát ra thành lời là do cái tâm sai sử. Nếu cái tâm nghĩ lành thì miệng nói điều lành. Ngược lại, khi cái tâm nổi giận, thì giục cái miệng thốt ra toàn là những lời cay cú hiểm độc. Cho nên, trong ba nghiệp, thì ý nghiệp là chủ động tạo nghiệp. Bởi vậy, nên nói nó là gốc. Tuy nhiên, cái lưỡi cũng không vừa gì. Nó giống như con dao hai lưỡi. Người ta thường nói: “*cái lưỡi không xương nhiều đường lặc léo*”. Nó lặc léo uốn cong thế nào cũng được. Nó uốn cong cả hai mặt: lợi và hại. Nó uốn xuôi cũng được, mà uốn ngược cũng xong. Khi thương, thì nó rút ra toàn là những lời đường mật bù tai. Dù trái ấu có méo đến đâu, nó vo uốn riết rồi cũng thành tròn. Ngược lại, khi ghét, thì dù trái bồ hòn có tròn trịa đến đâu, nó cũng uốn biến thành méo xẹo. Quả cái lưỡi khi thốt ra lời nói, thật là lợi hại hiểm độc.

Ác khẩu là những lời xuyên tạc, vu khống, chưởi bới, trù rửa, khiêu khích, mạ lỵ v.v... Đôi khi, những lời hoa mỹ, trau chuốt, còn độc hại hơn là lời hung ác. Một thứ ái ngữ mà mằm mông thực chất lại là một thứ quái ác ngữ.

Ở đời, lời thô ác, tuy không ai ưa, nhưng không tác hại bằng lời hoa mỹ có ác ý. Người ta chết vì lời đường mật hơn là lời cay đắng. Vì lời cay đắng, tuy gây cho đối phương rất

khó chịu nhất thời thật, nhưng không gây tác hại lớn lao bằng những lời ái ngữ ngầm chứa quái ác ngữ. Chính đó mới là điều mà người ta dễ lầm tưởng và rồi chết như mình nỏ chậm, không tài nào trở tay cho kịp. Giết người không cần đến vũ khí dao búa, hay súng đạn, thứ đó mới là điều đáng sợ. Nói thế, để chúng ta thấy rằng, trong bốn cách nói vọng mà Phật cấm, luận cho cùng, thì cách nào cũng đều là nguy hiểm cả, nhưt là một khi có chú ác ý xen vào làm chủ động.

Nghiệp nhân đã gây, thì không sao tránh khỏi nghiệp quả. Dùng lời thô ác trù dập chửi rủa người, thì tránh sao khỏi cái quả báo bị người chửi lại. Sở dĩ nói ác là do lòng sân hận. Lòng sân nổi lên không tự kiềm chế, phát ra lời nói rồi tới hành động, thật là tai hại vô cùng. Người xưa có câu nói: “*Sân hỏa nhưt khởi, xung khẩu thiêu tâm*”. Nghĩa là, lửa sân một phen nổi lên, phừng miệng, đốt lòng. Đốt lòng mình và đốt cháy cả lòng đối phương. Điều ta nên nhớ, đã gây nhân ác, thì phải chịu quả ác. Quả báo ác không phải chỉ trả trong hiện đời thôi mà còn liên hệ kéo dài nhiều đời sau nữa.

Trong kinh có kể câu chuyện của một vị Pháp sư dạy cho 500 đồ chúng học. Những vị đồ chúng này, học hành lời thô, bài vở không hiểu, nên ông ta nổi giận mắng nhiếc một câu thậm tệ: “*Các người ngu như con bò*”. Nghe thế, chàm tự ái, những vị đó không chịu nổi lời mắng nhiếc nặng nề của ông thầy, liền nói lại: “*Thầy bảo chúng tôi ngu như bò, mà thầy là người dạy chúng tôi học, vậy thầy cũng là kẻ chăn bò, chứ có hơn gì chúng tôi đâu!*”

Chính những lời nói ác đó, mà vị Pháp sư phải đọa làm loài bò suốt năm trăm đời, và những người học trò đồ chúng kia cũng năm trăm đời sinh trong nhà hạ tiện, phải làm nghề chăn bò mướn cho người!

Lại như, trong Luật Sa Di cũng có nêu ra chuyện của một thầy Sa di khinh cười chế nhạo giọng tụng kinh của một thầy Tỳ kheo già, tụng kinh như chó sủa, nhưng vị Sa di đó không biết thầy Tỳ kheo kia lại là một vị đã chứng quả A la hán. Nghe thế, thầy Tỳ kheo già bảo ông Sa di mau mau sám hối. Ông Sa di vâng lời sám hối, tuy thoát khỏi tội đọa địa ngục, nhưng phải chịu trải qua 500 đời làm thân con chó.

Qua hai chuyện dẫn chứng trên, cho chúng ta thấy, phải hết sức cẩn thận khi nói năng. Nhất là trong những lúc nóng giận bất hòa, ít ai quan tâm kiểm soát được lời mình nói. Có người thốt ra toàn là những lời dao búa thô ác, bất chấp hậu quả như thế nào. Chúng ta đừng quên rằng, không một lời nào thốt ra khỏi nhân quả. Kinh nói:

Người sống ở trên đời

Búa bén sẵn trong miệng

Sở dĩ chém thân mình

Do lời nói thô ác.

Cùng ý tưởng đó, Thiền sư Nguyễn Trãi cũng nói:

Miệng thế nhọn hơn chong mác nhọn

Lòng người quanh nửa nước non quanh.

Hay :

Nào ai dễ có lòng chân thật

Ở thế tin gì miệng đãi bôi

Không thấy kẻ cười cùng kẻ thuyết

Khó khấn, người giục mấy người sui.

(Nguyễn Trãi, Sinh Thức và Hành Động, Võ Văn Ái trang 135)

Hơn ai hết, người Phật tử nên nhớ lời Phật dạy qua pháp cú trên, để lấy đó làm kim chỉ nam trong khi xử sự giao tiếp với đời. Hễ tránh nhân xấu thì không bao giờ gặt hái quả xấu.

134. Nếu người mặc nhiên như cái đồng la bể trước những người đem lời thô ác cãi vã đến cho mình, tức là người đã tự tại đi trên đường Niết-bàn², người kia chẳng làm sao tìm được sự tranh cãi với người được nữa.

If, like a broken gong, you silence yourself, you have approached Nibbāna, for vindictiveness is no more in you.

Kệ Tụng

Nếu như chiếc chuông bể

Tự mình giữ yên lặng

Người đã chứng Niết bàn

Tự mình không sân hận.

Lược giảng.

Pháp cú này, Phật dạy tại tinh xá Kỳ Viên cũng có liên quan đến thầy Tỳ kheo Kundadhàna, nhưng đây là chuyện xảy ra trong thời hiện tại của Phật. Vị thiên nữ, vì ác ý tạo nghiệp

² Niết bàn: Nguyên tiếng Phạn là Nirvana, Trung Hoa phiên âm là Niết bàn. Niết bàn còn gọi là Nê hoàn hay Niết bàn na. Niết bàn có nhiều nghĩa: Diệt độ, Giải thoát, Tịch diệt, Bất sinh, Vô Vi, An lạc, Viển ly v.v... Bởi có nhiều nghĩa, nên thường người ta để nguyên là Niết bàn mà không có dịch nghĩa. Có bốn loại Niết bàn. Niết bàn của Đại thừa gồm có hai: Vô trụ xứ Niết bàn và Tự tánh thanh tịnh Niết bàn. Niết bàn của Tiểu thừa gồm có hai: Hữu dư y niết bàn và vô dư y Niết bàn.

đọa địa ngục, sau khi thoát khỏi địa ngục, trở thành vị xuất gia làm Tỳ kheo. Nhưng vì dư báo còn, nên sau khi đi tu, luôn luôn có một nữ nhân đi theo, do đó, có tên là Kundadhàna. Dư báo đó là gì? Là cái kết quả, do lòng độc ác đố kỵ ganh tỵ hại người, nên phải chịu quả báo.

Dùng lời vu khống, chụp mũ, mạ lỵ, hủy nhục người khác, đó là thái độ hành xử của kẻ tiểu nhân. Đã là tiểu nhân làm gì họ có đạo đức. Đối với hạng người này, thời nào, xã hội nào cũng không thiếu họ. Kẻ tiểu nhân mà lại thêm có quyền thế, thì họ sẽ hại người ta đến mức độ nào! Ở đời, có biết bao người bị họ hãm hại một cách oan ức, kêu trời không thấu, mà chẳng dám hé môi. Người bị họ hại, chỉ vì cái tội hơn họ ở một phương diện nào đó mà họ không có. Thế là, lòng ganh tỵ đố kỵ nổi lên, và rồi họ tìm mọi cách để hãm hại.

Kẻ có quyền thế bao giờ cũng là kẻ có lẽ phải. Quả đúng với câu người đời thường nói: **“Chân lý lúc nào cũng ở kẻ mạnh”**. Họ là kẻ thường hống hách tác oai tác quái, khinh người dưới mắt. Ai đụng chạm tới họ là kẻ đó sẽ chuốc họa vào thân. Họ muốn hại ai là người đó phải chết. Nếu không chết liền, thì cũng bị tù tội mục gông. Kẻ yếu thế, tuy có miệng mà không lời. Xưa nay, xã hội nào, cũng có lắm kẻ cậy vào quyền thế mà hà hiếp dân lành. Tội nghiệp cho những người dân thấp cổ bé miệng, lương thiện hiền hòa, quanh năm suốt tháng chỉ lo lam lũ làm ăn, thế mà cũng không thoát khỏi bàn tay ác độc của họ, một khi họ đã cố ý manh tâm hãm hại.

Đó là hạng người mà lý luận hay tranh cãi bao giờ họ cũng dành phần thắng về họ. Đối với hạng người này, ta không thể đối chất ăn thua với họ. Vì họ là kẻ có thế lực. Ta sợ họ, không phải vì thế lực của họ. Ta nhịn nhục họ cũng không phải là vì ta hèn nhát. Ta ý thức rằng, ta không muốn gây

thêm khổ đau cho ta và cho họ. Hơn hay thua, rốt cuộc, cả hai cũng chỉ chuốc lấy thảm họa đau khổ mà thôi. Kẻ thắng thì cao ngạo vênh váo, tự đắc, khiến lòng bất an. Người thua thì tức bực đau khổ, mất ăn mất ngủ, sanh bệnh, vì nổi căm hờn ray rứt mãi trong tâm. Cả hai đều bị lửa sân hận thiêu đốt, đó là chưa nói, khi tranh cãi đấu đá với nhau bằng võ lực. Bất luận cuộc ấu đả nào cũng đưa đến một hậu quả rất tai hại cho cả đôi bên. Chỉ bằng, ta nghe theo lời Phật dạy, nhẫn nhục không tranh cãi để có được đời sống an vui hạnh phúc. Chỉ cần “*nhẫn như thời chi khí, miễn bá như thời chi ưu*”. Nghĩa là, chỉ nhịn trong một hơi thở thôi, mà ta tránh được hậu quả lo sợ cả trăm ngày. Như vậy, nhẫn là một sức mạnh, chứ không phải là hèn nhát.

*Nhẫn là sức mạnh tự xưa nay
Rạng rỡ thanh danh kẻ nhẫn tài
Hàn Tín hạ mình nơi giữa chợ
Vãn Vương ăn thịt chốn lao tai
Cối Kê Vương Việt nằm gai mật
Hàn Quốc Tử Phòng báo hận dai
Thế thượng cổ kim thành đại sự
Chí bền nhẫn nại rõ anh tài.*

&

*Tu hành học đạo phải bền tâm
Lập chí kiên gan nhẫn nhục thâm
Mặc thế cười chê ai nhạo báng
Vui mùi kinh kệ nín như câm*

*Cho hay chữ Nhẫn là cao thượng
Giận tức làm chi phải khổ tâm
Này hỡi ai ơi! Mau lượng xét
Tu hành học đạo phải bền tâm.*

(Thích Phước Thái)

Ồ đời, sự tranh cãi không đi đến đâu, vì sự vật không có gì gọi là chân lý tuyệt đối. Phải với người này, thì lại quấy với người kia. Trời là cao mà miệng thế hãy còn bia, con mưa nắng thì có kẻ ưa người trách. Cùng là một sự vật, nhưng kẻ thấy thế này, người thấy thế khác. Khác nào như năm anh mù sờ voi. Mỗi anh sờ vào một bộ phận của con voi, rồi hô hoán quả quyết hình con voi giống như thế này, thế kia. Do đó, họ cãi vã với nhau quyết liệt, không ai chịu nhượng bộ ai. Nhượng bộ sao được, vì chính họ sờ vào kia mà! Song, rất tiếc, mỗi người chỉ sờ vào một bộ phận của con voi mà thôi. Không ai sờ hết nguyên hình của con voi. Đã thế, rồi họ lại tranh cãi hơn thua với nhau. Trong khi tranh cãi nhau, họ quên rằng họ là kẻ đang mù. Ngược lại, đối với người sáng mắt thì không thấy và tranh cãi như thế. Vì chân lý là cái hiện thực toàn diện. Vì mù, nên chỉ sờ phần diện cục bộ, rồi phán quyết theo sự cảm quan độc đoán của mình, nên mới xảy ra có sự tranh cãi choảng nhau như thế.

Thật là đáng thương xót tội nghiệp! Tội nghiệp cho các anh mù và cũng đáng tội nghiệp cho ta! Vì sao ? Vì phải trái hay thiện ác ở đời, không có một tiêu chuẩn nhất định. Sự thấy đó chẳng qua là do trình độ nhận thức sâu cạn của mỗi người. Như trường hợp hai thầy Sa di cãi nhau về lá phướng. Một thầy cho là gió động, thầy khác cho là phướng động. Đó là cái nhìn cục bộ phiến diện theo lăng kính của nghiệp thức. Đức Lục Tổ Huệ Năng cho rằng, không phải

phương động, cũng không phải gió động, mà tại cái tâm của hai nhân giả động.

Thật là chí lý! đó là cái nhìn tận gốc rễ của vấn đề. Vì rằng, nếu không có tâm dấy niệm khởi động, thì làm gì có tranh cãi. Tranh cãi là hệ quả của vọng chấp do nghiệp thức “**Biến kế**” phân biệt sai lầm mà ra. Nguồn gốc của mọi tranh chấp, phát xuất từ động cơ nhận thức sai lầm. Không có tri giác sai lầm, thì mọi sự tranh chấp hơn thua sẽ không có. Đối với cái nhìn của người thấu đạt chân lý, thì sự vật thế nào chỉ nhìn theo thế ấy. Ngược lại, đối với phàm phu chúng ta thì khác. Vì chúng ta có quá nhiều tham vọng, muốn mọi vật phải theo chủ quan của mình. Không theo chủ quan của mình, thì tất cả đều sai trái.

Từ đó, sanh ra tranh chấp, cãi vã và tạo nên hận thù sát hại triền miên với nhau. Tại sao ta không bắt chước nhìn sự vật như ông cư sĩ họ Bàng đã nhìn. Đối với vạn vật, ông có cái nhìn thâm thấu như sau :

*Đản tự vô tâm ư vạn vật
Hà phòng vạn vật thường vi nhiên
Thiết ngưu bát phạ sư tử hống
Kháp tợ mộc nhơn khán họa điều
Mộc nhơn bản thể tự vô tình
Họa điều phùng nhơn diệc bất kinh
Tâm cảnh như như chỉ giá thị
Hà lự bồ đề đạo bất thành.*

Tạm dịch :

*Chỉ tự vô tâm cùng vạn vật
Ngại gì vạn vật thường vi nhiên*

*Trâu sắt chẳng sợ sư tử rống
Giống như người gỗ xem chim vẽ
Người gỗ bản thể tự vô tình
Chim vẽ gặp người cũng chẳng kinh
Tâm cảnh như như chỉ thế ấy
Nào sợ Bồ Đề đạo chẳng thành.*

Đó là cái nhìn của người đạt đạo. Cái nhìn phóng khoáng vượt ngoài đối đãi nhị nguyên. Chủ và khách thể đã biến mất, chỉ còn sự vật là sự vật. Cái nhìn không còn ý thức phân biệt can dự vào sự vật. Can dự là có chiếm hữu độc tôn, là bóp méo vo tròn sự vật theo chủ quan của mình. Ở đây, ta thấy cái nhìn của họ Bàng đã thoát ra ngoài trói buộc định kiến vào sự vật. Còn dính kẹt là còn thương ghét, đó là gốc rễ của vô minh. Thoát ngoài chấp trước, định kiến, đó mới thật là cái nhìn tuyệt vời hạnh phúc. Và đó cũng là cái nhìn : “*Tri kiến vô kiến, tư tức Niết bàn*”. Bởi vì: “*Tâm cảnh như như chỉ thế ấy, nào sợ Bồ Đề đạo chẳng thành*”.

Rốt cuộc, bồ đề hay tánh giác, thật vô cùng đơn giản. Đơn giản đến độ mà ta không thể lường được. Lâu nay, ta cứ nghĩ, tìm đạo phải là cái gì cao siêu xa xôi lắm. Nhưng ta không ngờ rằng, “Đạo” hay “Chân lý” chỉ phô bày sờ sờ hiện hữu trước mắt ta. Chỉ cần ta nhìn sự vật thật đơn giản: Thế ấy là thế ấy! đó là cái nhìn hiện lượng tánh hay trực giác. Khô nổi, ta không chịu nhìn như thế. Ta lại thích nhìn sự vật, bằng cách phóng đại tỷ lệ, vì ta quá đòi dào óc tưởng tượng.

Càng tưởng tượng càng xa vời thực tại. Không ai chịu nhìn sự vật một cách đơn thuần. Thử hỏi có mấy ai chịu nhìn sự vật thế ấy là thế ấy đâu! Mà ta muốn sự vật phải được tô điểm vẽ vời hơn lên. Càng vẽ vời lại càng xa tít đạo lý, đó

là ta đã vẽ rắn thêm chun. Rắn vốn không chun, mà ta muốn cho nó có nhiều chun. Đó là cái nhìn điên đảo vọng tưởng phiền não, gây ra bao nỗi khổ đau hệ lụy cho mình và người. Ta tự hỏi lỗi đó do đâu và tại ai? Trong câu hỏi, tự nó đã chứa sẵn câu trả lời rồi vậy.

Người ta không chịu lo chính hình mà cứ mãi đổ thừa cho bóng. Người ta quên rằng, nếu không có hình, thì làm gì có bóng. Cũng vậy, nếu không có vô minh vọng chấp sai lầm, thì làm gì có tranh cãi hơn thua phải trái để làm khổ đau cho nhau.

Pháp cú này, Phật chỉ dạy cho ta về cách sống có được an thân hạnh phúc. Phật nêu ra cái chuông đồng la bễ để làm thí dụ. Cái chuông đồng la bễ, dù người ta có đánh như thế nào, thì âm thanh của nó cũng không còn kêu lên tiếng to trong trẻo. Phật dùng cái đồng la bễ để dụ cho người không còn muốn tranh luận hơn thua. Phê bình, chỉ trích, vạch lá tìm sâu, bới lông tìm vết, đó không phải là thái độ của người khéo biết tu hành.

Người khéo biết tu là người luôn luôn nhìn lại mình. Có nhìn lại mình, mới thấy được lỗi lầm của mình mà lo tự sửa. Nhờ thế, mà cây đạo đức càng lúc càng tươi tốt sum sê. Người có đạo đức, biết cách cư xử, lời của họ luôn đem lại cho người khác an vui. Vì họ là người có đời sống trầm tĩnh, điềm đạm. Họ không thích phê bình, chỉ trích ai. Vì bản thân họ, còn quá nhiều tật xấu.

Ngược lại, đối với những người hay có tật tánh thích phê bình, chỉ trích nói xấu kẻ khác, ta nên tránh xa họ. Giả như, ta bị họ dùng những lời lẽ không nhã nhặn, nói xấu mạ nhục ta thậm tệ, thì Phật dạy, ta nên học bắt chước như cái chuông đồng la bị bễ. Nghĩa là, ta phải khôn ngoan sáng suốt bình tĩnh, giữ thái độ yên lặng, không cần dùng nhiều lời với họ. Cứ nghĩ rằng, ta giống như cái chuông đồng la

bễ. Thế là hết chuyện. Đối phương sẽ cục hứng không còn đối tượng để tấn công ta.

Nếu ta giữ được như thế, là ta sẽ có Niết bàn ngay trong cuộc sống hiện tại. Niết bàn hay hạnh phúc rất gần ta, ở bên ta và trong ta. Không cần phải tìm kiếm ở đâu xa. Hạnh phúc ở ngay từng bước chân ta đi. Và sự an lạc sẽ có ngay trong từng hơi thở. Nếu chúng ta biết hít thở và hành động trong chánh niệm. Có chánh niệm là ta có hạnh phúc an lạc ngay. Còn có tranh cãi phải quấy hơn thua, là ta đã đánh mất chánh niệm. Như vậy cảnh giới Niết bàn, chỉ có, khi nào ta biết dừng lại cái tâm sân hận và si mê. Hãy thấp sáng ngọn đuốc chánh niệm lên trong mỗi phút giây hành động. Được thế, thì chắc chắn đời ta sẽ hết khổ đau ngay.

135. Như với chiếc gậy, người chăn trâu xua trâu ra đồng; sự già, sự chết cũng thế, thường xua chúng sanh³ đến tử vong.

Just as a cowherd drives the cattle to pasture with a staff, so do old age and death drive the life force of beings (from existence to existence).

Kệ Tụng

Với gậy, người chăn bò

Lùa bò ra bãi cỏ

³ Chúng sanh: Sattava (Thuật ngữ). Tiếng Phạn là Tát đóa, Bộc hô thiện na. Cách dịch mới là hữu tình, cách dịch cũ là chúng sinh. Chúng sinh có nhiều nghĩa: 1. có nghĩa là mọi người cùng sinh ra; 2. Các pháp giả hòa hợp mà sinh, cho nên gọi là chúng sinh; 3. Sự sống chết trải qua nhiều lần, cho nên gọi là chúng sinh. Không gọi là chúng tử, bởi vì có sống ắt có chết, cho nên chỉ nêu chữ sinh đại diện. (Từ Điển Phật Học Hán Việt trang 245)

***Già và chết cũng vậy
Lừa người đến tử vong.***

Lược giảng.

Pháp cú này, Phật dạy tại Pubbàrama, liên quan đến Tỳ xá Khur và các nữ cư sĩ của bà trong ngày thọ Bát quan trai.

Tại Xá Vệ, ngày đại lễ trai giới, năm trăm phụ nữ tuân giữ giới luật trai giới và đến tinh xá. Tỳ xá Khur hỏi họ vì mục đích gì mà giữ giới luật.

Người già nhất trả lời :

- Chúng tôi mong phước báo cõi trên.

Người trung niên :

- Để thoát khỏi quyền lực của chồng.

Người trẻ :

- Chúng tôi muốn có con.

Thiếu nữ mới lớn :

- Chúng tôi muốn có chồng.

Tỳ xá Khur dẫn tất cả đến gặp Phật kể lại các câu trả lời, và được Phật dạy:

- *Tỳ xá Khur ! chúng sanh trong thế gian đều bị sanh, già, bệnh, chết, giống như mục đồng cầm gậy trong tay. Sanh đuổi họ đến già , già đuổi họ đến bệnh, và bệnh đuổi họ đến chết. Bốn khổ này như rìu cắt ngăn đời sống. Tuy thế, chẳng ai muốn dừng tái sanh. Tái sanh là mong ước của mọi người. (Trích nguyên văn tích truyện, Pháp Cú Tập II, Viên Chiếu, tr 180)*

Sanh, già, bệnh, chết là một định luật bất di bất dịch, là một quy trình sinh diệt. Đã có thân không một ai thoát khỏi sanh

tử. Cũng như mùa đông không ai tránh khỏi giá lạnh. Sanh tử hay mùa đông là lẽ thường nhiên. Đã thế, thì dù cho ta có lo sợ cũng không tránh khỏi. Sanh, già, bệnh, chết, giống như bốn mùa. Xuân sanh, hạ trưởng, thu liễm, đông tàn. Đời người cũng thế. Theo thời gian mà sinh diệt, diệt sinh.

Pháp cú trên, Phật nêu ra một hình ảnh thí dụ cụ thể: kẻ chẵn trâu lừa trâu ra đồng, con này chạy trước, con kia chạy sau. Con chạy sau đuổi theo con chạy trước. Phật so sánh sự sanh, già, bệnh, chết của con người đuổi theo nhau cũng như thế.

Thời tiết xoay vần xuân đến thu

Cái già sông sọc đã lên đầu

Giàu sang nghĩ lại tro tàn mộng

Năm tháng mang theo chất học sàu

Nẻo khổ vành xe lăn lóc khắp

Sông yêu bọt nước mắt còn đầu

Trường đời nếu chẳng sờ lên mũi

Ngàn thuở lương duyên chỉ bóng màu.

(Tuệ Trung Thượng Sỹ -Trúc Thiên dịch)

Trong Khóa Hư Lục, Thiền sư cư sĩ Trần Thái Tông có nêu ra đề giảng về bốn trái núi. Bốn núi là dụ cho bốn tướng sanh, già, bệnh, chết. Trong Hán Tạng, Kinh Tạp A Hàm bài kinh 1147 có nói về bốn núi. Tạng Pali Kinh Tương Ưng Bộ bài 136 (Hòa Thượng Minh Châu dịch) cũng có đề cập về bốn trái núi. Nguyên do Phật nêu ra bốn trái núi, là vì nhằm cảnh tỉnh vua Ba Tư Nặc.

Vua Ba Tư Nặc, sau khi hành quân thắng trận trở về, ghé thăm Phật, nhà vua lộ vẻ kiêu ngạo trên sắc diện, nhân đó,

Phật mới nói bài kinh này. Phật nêu ra từng trái núi một để hỏi nhà vua. Phật nói: giả như mỗi phương: Đông, Tây, Nam, Bắc, đều có một trái núi to đang lăn đến Đại Vương. Trên đường lăn đến, nó nghiền nát sỏi đá cỏ cây và người vật. Như vậy, Đại vương có thể cử đội binh hùng mạnh nào có thể ngăn được bốn trái núi lớn đó chăng? Vua Ba tư Nặc trân trọng thưa:

- Bạch đức Thế Tôn! không có binh hùng tướng mạnh nào mà có thể ngăn được bốn trái núi đó.

- Phật nói: cũng thế, bốn núi sanh, già, bệnh, chết đang lăn đến Đại Vương. Nghe xong, nhà vua không còn kiêu khí nữa.

Câu chuyện tuy đơn giản, nhưng ngẫm kỹ lại, thật là chí lý. Thử hỏi trong chúng ta có ai thoát khỏi bốn trái núi lớn: sanh, già, bệnh, chết đang lăn tới nghiền nát chúng ta không? Đã không ngăn được, thì chúng ta phải đối diện. Đối diện bằng cách nào? Đối diện không có nghĩa là nhìn ngó để mà chơi. Đối diện, để chúng ta chuẩn bị khi núi lăn đến. Chuẩn bị bằng cách nào? Thiết nghĩ, câu hỏi này, tốt nhất là hãy để mỗi người trong chúng ta tự trả lời lấy.

Như mùa đông đến ta biết là lạnh. Nếu biết sợ lạnh, thì ta hãy chuẩn bị cho cái lạnh đến. Chuẩn bị áo ấm, lò sưởi v.v... Sau khi chuẩn bị thật kỹ càng rồi, thì ta không còn lo âu sợ hãi mùa đông nữa. Cũng thế, ta biết ai rồi cũng phải chết, vì đó là cuối nẻo đường trần, ai rồi cũng phải đến nơi. Nhưng một khi ta đã chuẩn bị cho tích lũy nghiệp tu hành làm lành lánh dữ rồi, thì ta không còn lo sợ nữa. Hành trang tư lương cho cuộc hành trình xa, ta cần phải nghĩ đến, vì đó là một cuộc hành trình đơn độc nhất, mà ta cần phải chuẩn bị cho ta thật kỹ càng và chu đáo. Chuẩn bị xong, ta cứ vui vẻ mà tiến bước lên đường. Lên đường một cách an nhiên tự tại. Ta biết chắc mục tiêu ta đến, chỉ có hoa và trái hạnh

phúc mà thôi. Thế là ta yên tâm mà vui sống với đất trời. Ta không còn ngờ vực và hết lo âu sợ hãi mong lung!

Nhìn vào kiếp sống của con người, thật quá ngắn ngủi mong manh vô thường, khác nào:

*Con người kiếp sống tựa phù ôu
Thọ yếu trời người chớp vọng cầu
Bóng ngã nương dâu chiều sắp đến
Thân như bèo liểu tạm qua thu
Phan Lang thuở nọ còn xanh tóc
Lữ Vọng ngày nay đã bạc đầu
Cuồn cuộn việc đời trôi chẳng đoái
Vàng ô gác núi nước trôi xuôi.*

(Thiền sư cư sĩ Trần Thái Tông)

Hay:

*Thân như bọt nước hợp rồi tan
Chìm nổi lênh đênh khóc khổ than
Mấy kẻ nhận ra mình bọt nước
Bao người biết rõ cảnh hoa tàn
Hơn thua phải trái tranh nhau mãi
Cấu xé bon chen lệ ướt tràn
Này hỏi ai ơi! Mau tỉnh giấc
Chóng lo niệm Phật vắng Tây phang.*

(Thích Phước Thái)

Đời người ngắn ngủi như hạt sương mai, thoáng qua, rồi mất. Tan hợp bất thường khác gì bọt nước. Từ sanh đến tử, nhìn lại như giấc mộng đêm qua. Tất cả chỉ là ảo mộng. Vui cười, buồn khóc, chìm nổi, vinh nhục, thăng trầm, thành bại... tất cả chỉ là trò đùa, là hoa đóm, là huyền ảo, là bọt nước chiều hôm! Biết thế, mà con người còn một hơi thở tàn vẫn còn tranh chấp phải trái hơn thua. Nhưng người ta quên rằng, cuối cuộc đời, chỉ còn lại một nắm tro tàn, một vùa hương lạnh, một tấm hình lốm đốm phai màu. Cái thân xác, mà khi còn sống, thì bon chen danh lợi, hơn thua tranh chấp, tàn hại lẫn nhau, bây giờ đã đi đâu mất rồi?! Phải chăng, đã trở về nguyên quán của nó. Nguyên quán của nó là: đất, nước, gió, lửa.

Sống là vay mượn. Đã có vay mượn là phải có trả. Còn vay, còn mượn, thì tạm gọi là còn sống. Hết vay, hết mượn, thì gọi là chết. Nhưng chết chỉ là chấm dứt của sự vay mượn thân này, nhưng vẫn tiếp tục vay mượn của thân khác nữa. Thế thì, cuộc đời, rốt lại, chỉ có hai chữ mượn trả. Mượn suông sẽ, trả thông suốt, thì đó là hạnh phúc nhất của đời người. Ngược lại, thì đau khổ nhất của đời người. Thật là :

*Tuông huyền hóa đã bày ra đấy
Cánh phù du trông thấy mà đau
Trăm năm thoáng chốc sương bào
Vui lòng mượn trả tự hào bền lâu.*

Nhìn lại, mỗi người chỉ sống bằng cách mượn trả, trả mượn mà thôi. Nếu không còn mượn trả không khí của đất trời, thì ngang đó, đời ta sẽ hoá ra người thiên cổ. Như vậy, có gì mà tự hào: giàu sang, danh vọng, chức tước quyền cao, cỡ nào rồi cũng trở thành một nắm xương tàn lạnh tanh mà thôi! Bởi vì :

*“Thông minh tài trí anh hùng
Si mê đại đột cũng chung một gò.
Biển trần nhiều nổi gay go
Mau mau nhẹ gót qua đò sông mê...”*

Nghĩ thế, không có nghĩa là ta bị quan chán đời, buông xuôi phó mặc cho định mệnh an bày tới đâu hay đó, mà nghĩ thế, để ta có đủ thời gian chuẩn bị cho ngày ra đi của ta sẽ được an nhàn giải thoát. Có thiền quán như thế, ta mới thấy rõ được sự thật của cuộc đời. Từ đó, mọi hơn thua tranh chấp thị phi, ta xem như trò đùa, như mây nổi, như gió thổi, như chiêm bao. Ta không còn mê chấp đắm mình theo cảnh mà trắng bắt bóng dưới nước nữa.

Đời ta, rốt lại chỉ là kẻ đáng thương hại, nếu ta không biết lo tu hành, ăn chay, niệm Phật, để một mai kia, thân chết kéo lôi, chừng đó ta có ăn năn thì cũng đã muộn màng lắm rồi! Nếu ta biết thương ta, thì ta hãy tự lo cho mình trong lúc còn mạnh khỏe, đừng đợi đến lúc nước tới chân, rồi mới lo nhảy. Than ôi! sẽ không còn nhảy kịp nữa đâu! Không ai thương mình bằng mình tự thương lấy mình. Không ai thay thế nỗi khổ niềm đau cho mình. Dù đó là người thân nhất đời mình, tất cả cũng chỉ vì họ mà thôi. Thí như khi ta tạo nghiệp ác, vi phạm luật pháp chẳng hạn, bị luật pháp bắt bớ giam cầm, thử hỏi có ai thay thế tù tội cho ta được không? Hay tất cả đều do ta tự lãnh lấy. Ai gây nấy chịu, không ai thay thế cho ai. Biết thế, thì mỗi người chúng ta nên tự lo lấy mình là hơn!

136. Kẻ ngu tạo ác nghiệp vẫn không tự biết có quả báo gì không? Người ngu tự tạo ra nghiệp⁴ để chịu khổ, chẳng khác nào tự lấy lửa đốt mình.

When the fool commits evil deeds, he does not realize (their evil nature). The witless man is tormented by his own deeds, like one burnt by fire.

Kệ Tụng

Người ngu làm việc ác

Chẳng biết đến quả báo

Vì tự nghiệp, người ngu

Bị thiêu đốt, như lửa

Lược giảng

Pháp cú này, Phật dạy tại tinh xá Trúc Lâm. Duyên do Phật dạy, là do câu chuyện ngạ quỷ hình trăn. Ngài Mục Kiền Liên trên đường đến Linh Thứu sơn, Ngài dùng thiên nhãn thấy một con quỷ hình thù ghê tợn. Nó dài hai mươi lăm dặm bị lửa thiêu đốt khắp mình mẩy. Nhìn thấy, Ngài chỉ mỉm cười. Đến khi gặp Phật, Phật mới kể lại nguyên do của con quỷ này.

⁴ Nghiệp: Karma (Thuật ngữ). Nghiệp có nghĩa là một hành động tạo tác lặp đi lặp lại nhiều lần thành thói quen. Như thói quen hút thuốc, chơi cờ, đánh bài, uống rượu v.v... Nghiệp có nhiều loại. Tổng quát có hai loại nghiệp chính: nghiệp lành và nghiệp dữ. Ngoài ra, còn có Tích lũy nghiệp, Tập quán nghiệp, Cận tử nghiệp, Cực trọng nghiệp v.v...

Thời Phật Ca Diếp, có một vị chương khó giàu có. Ông bị kẻ trộm ganh ghét đốt phá nhà cửa ruộng vườn đất đai của ông. Chưa hết, do lòng sân hận ganh tức thúc đẩy, kẻ trộm đốt phá hương thất do ông chương khó xây dựng cúng dường Phật và đập bẻ bình bát, đồng thời đánh đập gia nhân của ông. Do nhân ác đó, nên tên trộm sau khi chết đọa địa ngục A tỳ, chịu hình phạt khổ sở rất lâu, nhưng quả báo chưa hết, hẳn phải đọa làm thân quỷ bị lửa thiêu đốt, chịu hình phạt ở trên núi Linh Thứu.

Nhân đó, Phật dạy các Tỳ kheo: Khi làm điều ác, kẻ ngu không biết việc ác của mình. Nhưng về sau, hẳn sẽ bị thiêu đốt do nghiệp ác đã tạo, như rừng bị lửa cháy.

Nghiệp tuy có nhiều loại, nhưng không ngoài hai loại chính, đó là thiện nghiệp và ác nghiệp. Nghiệp, như ta đã biết qua về ý nghĩa của nó. Nó là một hành động được lặp đi lặp lại nhiều lần thành thói quen. Chính thói quen đó, trong nhà Phật gọi nó là nghiệp. Nghiệp là hành động tạo thành nhân. Chỗ xuất phát tạo thành nghiệp, gồm có 3 nơi: thân, miệng và ý. Trong ba nghiệp, thì ý nghiệp là chủ động tạo tác. Ba nghiệp này chúng cấu kết với nhau để tạo thành nghiệp thiện hoặc nghiệp ác. Đã có nhân, tất nhiên phải có quả. Nhân tốt, thì quả tốt. Ngược lại, nhân xấu, thì quả xấu. Quả tùy nhân, như bóng tùy hình. Hình cong thì bóng vạy, hình thẳng thì bóng ngay. Nhân quả một mảy may không hề sai chạy.

Pháp cú trên, Phật cảnh tỉnh cho chúng ta biết rằng, khi chúng ta bị vô minh thúc đẩy, không sợ quả báo, nên mới có những hành động hoặc lời nói tạo thành ác nghiệp. Vì thiếu trí huệ biện biệt, nên chúng ta không nghĩ đến hậu quả tai hại của việc làm. Thấy lợi trước mắt mà quên hại về sau. Giống như con thiêu thân lao đầu vào ánh sáng, mà không biết sự lao đầu đó là một tai họa. Bởi thế, nên Phật cho đó là

kẻ ngu muội. Như kẻ trộm cướp, chỉ thấy lợi trước mắt, mà quên (hoặc có nhớ cũng vẫn làm) đi cái quả báo bị tù tội giam cầm trong ngục thất. Phạt cho đó là kẻ tự cầm lửa đốt cháy mình. Vừa khởi niệm gian tham rồi thể hiện ra hành động cướp giựt, đó là ta đã tự châm ngòi lửa đốt cháy ta rồi. Thật là một hành động điên rồ. Ngược lại, người có trí, khi làm việc gì là họ nghĩ ngay đến cái hậu quả của nó. Nhờ đó, mà họ tránh được những cái hậu quả không tốt cho họ.

Qua câu chuyện lược dẫn trên, cho ta thấy, tên trộm đã gây nhân bất thiện, tất nhiên, phải chịu trả cái quả báo thật là đau khổ thể thảm. Khi hiểu được luật nhân quả, chúng ta phải cẩn thận gìn giữ ở nơi 3 nghiệp. Nghiệp quả rất công bằng. Khi đã tạo thành nghiệp, thiện hay bất thiện, chính ta phải chịu trách nhiệm lãnh lấy hậu quả mà do chính ta đã gây ra. Không có một bàn tay nào thường hay phạt ta cả. Ý thức được nhân quả, mỗi người nên tự tạo cho mình có một đời sống hướng thượng an vui hạnh phúc. An vui hạnh phúc chẳng những trong hiện đời mà cho cả đời sau nữa. Tuy nhiên, như chúng ta cũng đã biết qua về nhân quả rất phức tạp. Muốn hiểu nhân quả, chúng ta phải nhìn suốt qua 3 thời kỳ: quá khứ, hiện tại và vị lai. Nếu chỉ nhìn hạn cuộc trong đời hiện tại không thôi, thì ta chưa hiểu rõ nhân quả.

Sống trong cuộc đời đầy những biến động tranh chấp, hận thù, gian xảo, thủ đoạn khuynh loát lừa bịp hại nhau, tất cả đó là một hệ quả của duyên nghiệp trong sự tương quan ít nhiều giữa biệt nghiệp và cộng nghiệp. Biệt nghiệp là nghiệp của mỗi cá nhân tạo thành. Cộng nghiệp là nghiệp chung của gia đình, của quốc gia xã hội, rộng hơn là cả nhân loại. Sự tác động của biệt nghiệp cũng gây ảnh hưởng đến đời sống cộng nghiệp. Bởi sự tác nghiệp ảnh hưởng này, nên tục ngữ ta có câu:

Một người làm xấu cả bọn mang nhờ

Một người làm tốt cả bọn được nhờ.

Một người phá rừng hay gây ô nhiễm môi sinh, có thể gây ra tác động ảnh hưởng không tốt cho nhiều người khác. Nếu cả nhon loại đều gây ra ô nhiễm môi sinh, thì cả nhon loại phải chịu lãnh lấy hậu quả khốc hại, do thiên nhiên giáng xuống trừng phạt. Đó là cộng nghiệp đồng gây cộng khổ. Biệt nghiệp cá nhân tuy có ảnh hưởng đến người khác, nhưng tác hại của nó không bằng cộng nghiệp. Một tên trộm tuy có hành động bất lương, nhưng sự tác hại do hắn gây ra không ảnh hưởng rộng lớn lắm. Tuy rằng, hành động đó cũng gây ra cho một số người đau khổ. Thế nên, nhìn theo lý duyên sinh của nhà Phật, thì mỗi hành động, lời nói, ý nghĩ của mỗi cá nhân, đều có tác động ảnh hưởng đến mọi cá thể khác.

Từ đó, ta có thể nói, một xã hội tốt là do mỗi cá nhân tốt. Ngược lại cũng thế. Cho nên, sự xây dựng một xã hội tốt, phải bắt nguồn từ sự giáo dục xây dựng đạo đức tốt ở nơi mỗi cá nhân. Mà mỗi cá nhân muốn được tốt đẹp, thì mỗi người phải nhìn lại ở nơi chính mình. Nhìn lại mình là nhìn lại ở nơi ba nghiệp tạo tác. Có nhìn lại ba nghiệp, ta mới kiểm soát được từng ý nghĩ, lời nói và hành động của ta. Có như thế, ta mới điều chỉnh ba nghiệp, hành động theo con đường hướng thiện làm lợi ích cho mình và người trong chiều hướng phát triển xây dựng tốt đẹp cho quốc gia xã hội mà ta đang sống. Đó là một đóng góp tích cực lớn lao cho công cuộc đem lại nguồn an vui hạnh phúc cho mình và xã hội vậy.

137 – 140. Nếu lấy dao gây hại người toàn thiện, toàn nhân, lập tức kẻ kia phải thọ lấy đau khổ trong mười điều này: thống khổ về tiền tài bị tiêu mất, thân thể bị bại hoại, hoặc bị trọng bệnh bức bách, hoặc bị tán tâm

loạn ý, hoặc bị vua quan áp bức, hoặc bị vu trọng tội, hoặc bị quyền thuộc ly tán, hoặc bị tài sản tan nát, hoặc phòng ốc nhà cửa bị giặc thiêu đốt, và sau khi chết bị đọa vào địa ngục.⁵

He who inflicts violence on those who are unarmed, and offends those who are inoffensive, will soon come upon one of these ten states:

Sharp pain, or disaster, bodily injury, serious illness, or derangement of mind, trouble from the government, or grave charges, loss of relatives, or loss of wealth, or houses destroyed by ravaging fire; upon dissolution of the body that ignorant man is born in hell.

Kệ Tụng

Dùng đao phật không đao

Làm hại người vô hại

Phải thọ gấp một loại

Trong mười loại khổ đau.

Chịu khổ thọ khổ liệt

Thân thể bị thương vong

Hoặc thọ bệnh kịch liệt

Hay loạn ý tán tâm.

⁵ Địa ngục: naraka, niraya (cõi). Tiếng Phạn là Na lạc ca hay Nê lê. Tiếng Hán dịch là bất lạc, khả yếm, khổ cụ, khổ khí, vô hữu, chi nơi chẳng vui, đáng chán, đủ mọi cảnh khổ, chốn khổ cực. Đây là một cảnh giới tối tăm thật đau khổ.

Hoặc bị vua áp bức

Hay bị vu trọng tội

Bà con phải ly tán

Tài sản bị nát tan.

Hoặc phòng ốc nhà cửa

Bị hỏa tai thiêu đốt

Khi thân hoại mạng chung

Kẻ ngu sanh địa ngục.

Lược giảng

Phật dạy 4 pháp cú trên tại tinh xá Trúc Lâm, có liên quan đến cái chết của Tôn giả Mục Kiền Liên. Theo truyện tích, Mục Kiền Liên bị đám du đảng cướp bóc đánh chết tại Hắc Thạch. Nguyên do, vì sự ganh tỵ thù ghét của phái ngoại đạo Hỏa Thế về việc cúng dường thực phẩm cho đức Phật, mà họ quy kết tất cả đều do Ngài Mục Kiền Liên vận động tín chúng cúng dường.

Từ đó, họ đâm ra căm tức thù ghét và rồi thuê bọn du đảng du thực sát hại Ngài. Trải qua đôi lần bao vây mà không giết được Ngài. Cuối cùng, Ngài biết đây là nghiệp quả của mình phải trả, nên Ngài để cho bọn cướp giết chết. Đây là cái quả báo, mà chính do Phật kể lại. Phật nói rằng, trong đời quá khứ, Tôn giả Mục Kiền Liên là một đứa con chí hiếu, nhưng vì nghe lời vợ mà Ngài đã giả dạng bọn cướp ra tay giết chết cha mẹ già mù lòa. Do quả báo đó, dù đã trải qua nhiều đời chịu quả báo địa ngục, nay lại phải chịu chết dưới tay bọn cướp xé xác nghiền nát thân Ngài.

Theo luật nhân quả, dù trải qua trăm ngàn kiếp, một khi ác nghiệp đã gây, sớm muộn gì cũng phải trả. Trong những tội

ác nặng nhất, đó là tội hành hung giết cha, giết mẹ, vì đây là một trong ngũ nghịch tội. Ngũ nghịch tội là: giết cha, giết mẹ, giết A la hán, phá hòa hợp tăng và xúc phạm gây thương tích thân Phật ra máu. Ở đây, ta thấy, tiền kiếp của Tôn giả Mục Kiền Liên, đã nhẫn tâm giết chết cha mẹ ruột của mình, đó là một cực trọng tội mà Ngài phải trải qua nhiều đời trả quả. Và cuối cùng, phải lãnh lấy cái quả báo, do bọn cướp giết chết không toàn thân. Đó là một định nghiệp phải trả. Dù Ngài là người có thần thông đệ nhất, nhưng cũng không sao tránh khỏi nghiệp quả đã gây.

Nghĩ đến sự tu hành đắc Thánh quả của Tôn giả Mục Kiền Liên, mà Ngài còn phải chịu trả quả báo thâm như thế, đối với chúng ta thì sao? Tuy nhiên, có điều ta cũng cần nên hiểu rõ, đối với người tu hành đạt đạo, thì sự trả quả đối với các Ngài, trả cũng như không trả. Có nghĩa là các Ngài không còn phải đau khổ như chúng ta. Vì các Ngài đã dứt trừ được ngã chấp. Do đó, mà phiền não của các Ngài không còn. Đã phá ngã, các Ngài đâu còn hệ thuộc vào thân. Bởi thế, mà tâm các Ngài vẫn an nhiên tự tại, đó là điều khác biệt với phàm phu chúng ta. Đối với chúng ta khi trả quả, chúng ta thật là đau khổ, bức bách khó chịu, vì sự tu hành, đạo lực của chúng ta còn quá kém đâu có được như các Ngài. Nghiệp đã gây trong quá khứ trải qua nhiều đời làm sao chúng ta biết được? Dù biết hay không biết, thiện ác đáo đầu cũng phải trả. Không ai có thể thoát khỏi, một khi nghiệp ác đã gây. Đó là chúng ta xét qua một cách khái quát về nhân quả báo ứng theo lời Phật dạy là như thế.

Qua những pháp cú trên, Đức Phật còn cho chúng ta biết, bất cứ ai dùng các loại vũ khí, như dao gậy hại người Toàn thiện, thì kẻ đó sẽ phải chịu 10 điều ác báo khổ đau như sau :

1. Đau khổ vì tiền bạc bị mất mát.

2. Thân thể bị hư hoại.
3. Thân thể bị bệnh hoạn.
4. Tâm ý tán loạn.
5. Bị vua quan bức bách.
6. Bị vu trọng tội.
7. Quyển thuộc ly tán.
8. Tài sản bị tiêu diệt.
9. Nhà cửa bị thiêu cháy.
10. Chết đọa vào cảnh khổ.

Đó là mười tội báo phải trả, một khi đã gây nhân bất thiện bằng cách sát hại một bậc tu hành Toàn thiện. Một hành động sai lầm, bởi do chủ động của lòng si mê dục vọng sai sử, nên kết quả phải lãnh lấy một hậu quả lắm bi đát tang thương. Bậc tu hành chứng Thánh quả như các vị A la hán, các Ngài không gây ra và làm hại ai, thế mà vẫn có kẻ dùng mọi cách bám sát hãm hại các Ngài. Kẻ ác hại người hiền, dù xưa hay nay, xã hội nào, thường cũng đều có xảy ra. Bởi do đâu óc hẹp hòi, kỳ thị, tỵ hiềm, ích kỷ mà họ hành động hãm hại, hay bởi những nghiệp nhân ân oán xa xưa. Nhưng dù gì, đó cũng là một hành động bất nhân không thể tha thứ.

Mười điều Phật nói trên để chứng minh rằng, kẻ nào có những hành động bất thiện, hiểm độc xấu xa, ngầm hại người tu hành hiền lương, thì chắc chắn kẻ đó phải nhận lấy những kết quả khổ đau do chính mình đã gây tạo, đó là luật nhân quả tất yếu rất công bằng. Song có điều, khi người hiền bị kẻ ác hại, ta nên bắt chước hạnh nhẫn nhục của các bậc hiền thánh mà cam tâm chịu đựng. Ta nên nhớ và ý thức rằng, kẻ ác tâm hại người hiền lương, tuy đây là việc khó nhẫn, khó hành, nhưng đã là người hiền, tất nhiên là có

thể chịu đựng được. Khổng Tử nói: “Kẻ ác hại người hiền, khác nào như ngấm máu phun người, thì miệng mình dơ trước”.

Trong giáo lý nhà Phật, có nhiều bài kinh đề cập đến vấn đề này. Như Kinh Tứ Thập Nhị Chương, Phật có dạy: “Kẻ ác hại người hiền, khác nào như kẻ ngược mặt lên trời phun nước miếng, nước miếng không lên tới trời mà trở lại rớt vào mặt mình. Cũng thí như kẻ đứng dưới gió giê bụi, bụi không đến người kia, mà bụi trở lại vào mình. Phật kết luận: kẻ ác hại người hiền cũng thế. Người hiền không bao giờ hại được, mà tai họa sẽ về kẻ ác hết”.

Một bài kinh khác, cũng trong Tứ Thập Nhị Chương Phật dạy rằng: “Người ác nghe ai làm điều lành quyết đến phá đổ, vậy các ông nên tự ngăn dứt chớ không nên giận trách. Kẻ mang điều ác đến thì họ sẽ chịu điều ác đó”.

Phật dạy tiếp : “Có người nghe ta giữ đạo, thật hành lòng đại nhân từ, nên đến mắng ta, ta làm thinh không đáp. Người kia thôi mắng, ta hỏi rằng: ông đem lễ vật cho người, người kia không nhận, lễ ấy có về ông chăng ?

Đáp rằng : Về chứ!

Phật rằng, nay ông mắng ta, giờ ta không nhận thì ông tự chuốc lấy họa về thân ông rồi, cũng như “vang theo tiếng, bóng theo hình” hẳn không hề rời nhau. Vậy thì cẩn thận chớ có làm ác”.

Đây là những bài kinh, mà Phật đã khuyên giáo và cho chúng ta thấy rõ điều đó. Việc tu nhân hành thiện, đó là hành động gây nhân tốt từ ba nghiệp. Kẻ ác hại ta, ta không sợ, mà ta chỉ sợ rằng mình không giữ vững lập trường chí nguyện hành thiện của mình. Chỉ sợ mình không đủ sức nhẫn nại chịu đựng. Một khi có những hành động bất thiện trả đũa lại, thì than ôi! thật là uổng phí cả đời hành thiện của

mình. Bởi thế, mà Phật khuyên chúng ta cần phải an nhẫn trước mọi chướng duyên thử thách. Nếu chúng ta áp dụng những lời Phật dạy trên đây, thì mọi việc sẽ đem đến cho ta những điều tốt đẹp. Bằng ngược lại, thì dù ta có tích lũy hành thiện lâu ngày, chỉ cần một đóm lửa sân cũng đủ thiêu hủy cả khu rừng công đức của chúng ta đã gây tạo rồi. Có biết bao người cả đời làm lành, nhưng chỉ một phút giây, không nhẫn nại được, rồi hành động theo lòng dục vọng sân hận sai khiến, kết quả phải chịu quả báo khổ đau! Đây gọi là đốn củi ba năm, chỉ thiêu trong một giờ. Thật là đáng tiếc biết bao!

141. Chẳng phải đi chân không, chẳng phải để tóc xù (bòm), chẳng phải xoa tro đất vào mình, chẳng phải tuyệt thực, chẳng phải nằm trên đất, chẳng phải để thân mình nhóp nhúa, cũng chẳng phải ngồi xồm mà có thể trở nên thanh tịnh, nếu không dứt trừ nghi hoặc.

Neither going about naked, nor matted locks, nor filth, nor fasting, nor lying on the ground, nor smearing oneself with ashes and dust, nor sitting on the heels (in penance) can purify a mortal who has not overcome doubt.

Kệ tụng

Không phải sống lỏa thể

Bện tóc, tro trét mình

Tuyệt thực, lăn trên đất

Sống nhóp nhúa, ngồi xồm

Con người được thanh tịnh

Nếu không trừ nghi hoặc.

Phật dạy pháp cú này tại tinh xá Kỳ Viên, có liên quan đến một thầy Tỳ kheo chứa nhiều của cải. Theo truyện tích, có

một gia chủ ở thành Xá Vệ, sau khi vợ chết, ông xin Phật xuất gia làm Tỳ kheo. Thầy Tỳ kheo này không ở trong tinh xá. Ông ở một tịnh thất gần bên. Vì là người giàu có nên sau khi xuất gia, ông chứa cất nhiều của cải. Khi phát giác, Phật liền quở trách ông. Ông nóng giận liền quăng ngoại y giữa đại chúng. Nhân đó, Phật mới ôn tồn khuyên giáo và cảnh cáo về hành động của ông. Đồng thời, Phật kể lại chuyện tiền kiếp của ông là một tên Dạ Xoa, có liên quan đến Phật, Xá Lợi Phất và Tôn giả A Nan. Sau khi nghe Phật kể, ông thành tâm ăn năn sám hối và nguyện tuân hành giữ gìn những lời Phật dạy. Đó là nguyên nhân chính mà Phật nói ra pháp cú này.

Như chúng ta đã biết, Ấn Độ trước khi Phật ra đời cũng như trong thời kỳ Phật, người dân Ấn, họ rất quan tâm chú trọng đến những hình thức lễ nghi, nhất là trong lãnh vực cúng tế Thần linh. Ngoài ra, họ cũng rất thiết tha trung thành với việc chuyên tu khổ hạnh. Theo họ, người nào muốn đời sau có được cảnh giới giải thoát an vui là phải chuyên cần tu khổ hạnh. Lối tu khổ hạnh của họ là một nếp sống hành xác quá khắc khổ. Những hình thức khổ hạnh tuy nhiều, nhưng đại khái không ngoài những loại hình thái như : Nằm phơi nắng suốt ngày ngoài trời, lấy cây đập vào mình, nhai lá cây có chất đắng làm cho lưỡi bị tê cứng mất cảm giác, hình thù lửa thê, đầu bù tóc rối, không bao giờ tắm gội, không súc miệng đánh răng, trây trét tro hay bùn nhơ khắp mình cho thật dơ dáy, tuyệt thực, ngủ ngồi, ngồi xồm, hoặc ngồi chồm hồm rồi nhảy nhẩy để di chuyển v.v...

Lối tu khắc khổ hành xác này, chính Đức Phật đã trải qua một thời gian và cuối cùng, Ngài đã quyết định từ bỏ và không chấp nhận lối tu này. Vì đây là lối tu mà họ quá đặt nặng ở nơi hình thức, chỉ biết hành hạ xác thân cho cực kỳ đau đớn, trong khi đó, thì họ lại quên đi sự gạn lọc phiền

não ở nơi tự tâm. Khổ đau hay giải thoát không phải ở nơi thân mà ở nơi tâm. Người ta quên rằng, một linh hồn minh mẫn trong một thân thể tráng kiện. Thử hỏi hành hạ xác thân như thế được lợi ích gì? Chính cái tâm mới là cái chủ động quan trọng. Người tu hành, theo Phật, chúng ta cần phải tránh hai thái độ cực đoan: một là quá khắc khổ; hai là quá xa hoa. Một đời sống chỉ biết thụ hưởng dục lạc vật chất không thôi, thì đó cũng là một tai họa cho sự sa đọa. Cuối cùng, con đường Phật chọn để thật hành, đó là một nếp sống trung đạo. Một nếp sống hài hòa giữa thân và tâm.

Trong kinh, Phật thường nêu ra dẫn dụ, cái thân này dụ như chiếc bè, nếu nói theo bây giờ như một chiếc xe. Hãy khéo biết lợi dụng nó để tu hành. Cũng như khéo lợi dụng chiếc bè hay chiếc xe để đi đến nơi mà mình muốn đến. Lợi dụng khác với nghĩa nô lệ hay cung phụng. Nô lệ hay cung phụng là ta hoàn toàn mất hết tự chủ tự do. Do đó, ta sẽ chuốc lấy bao nhiêu khổ lụy vì thân. Thế nên, thái độ khôn khéo của người biết tu, là ta nên điều hòa thân tâm. Đối với tự thân, ta cũng phải tỏ thái độ trân kính không nên hành hạ hủy hoại, vì nó giúp ta rất nhiều trên bước đường tu học. Khi chưa đạt được mục đích, ta không nên khinh thường nó. Chưa qua đến bờ, mà ta lại hủy hoại thuyền bè, thì đó là thái độ của người kém khôn ngoan.

Tóm lại, qua lời Phật dạy trong pháp cú trên, mọi khổ hạnh hành hạ xác thân, đó không phải là biện pháp hay để đạt được tâm thanh tịnh. Mà muốn đạt được tâm thanh tịnh, chúng ta cần phải thường xuyên phản quán nhìn kỹ lại mình để gạn lọc phiền não. Vọng tưởng phiền não có vui đi, thì bản tâm ta mới có được phần nào sáng suốt thanh tịnh.

Nghi hoặc là con đẻ của si mê. Người tu hành mà không trừ nghi hoặc, thì khó được giải thoát. Bởi nghi hoặc là một chướng ngại lớn trên bước đường hành thiện của người tu.

Thế nên, người tu muốn được an lạc giải thoát, cần phải dứt trừ nghi hoặc. Muốn đoạn trừ nghi hoặc, tất nhiên phải có trí huệ. Có trí huệ soi sáng, thì bóng tối nghi hoặc sẽ không còn.

Chính vì thế, mà pháp cú trên Phật nhấn mạnh đến lối tu hành chuyên khổ hạnh hành xác, thật chẳng có lợi lạc gì, nếu như người ta cứ mãi ôm lòng nghi hoặc.

142. Người nào nghiêm giữ thân tâm tịch tịnh⁶, chế ngự, khắc phục ráo riết trên đường tu Phạm hạnh⁷, không dùng dao gậy gia hại sinh linh, thì chính người ấy là Bà-la-môn, là Sa-môn, là Tỳ-kheo⁸ vậy.

Even though he be well-attired, yet if he is poised, calm, controlled and established in holy life, having set aside violence towards all beings – he, truly, is a holy man, a renunciate, a monk.

Kệ Tụng

Ai sống trang nghiêm thân

Nhưng an tịnh, nhiếp phục

Sống kiên trì, phạm hạnh

Không gia hại sinh linh

Xứng danh Bà La Môn.

⁶ Tịch tịnh: Là vắng lặng, không có phiền não, là tên khác của Niết bàn.

⁷ Phạm hạnh: Hạnh trong sạch. Người xuất gia tu phạm hạnh là hàng xa lìa dâm dục, nói chung là xa lìa mọi thứ dục vọng đều gọi chung là phạm hạnh.

⁸ Tỳ kheo: Tỳ kheo hay Sa môn, chỉ cho những vị xuất gia thọ Đại giới, tức 250 giới. Tỳ kheo có ba nghĩa: Khất sĩ, bố ma và phá ác.

Lược giảng

Phật nói pháp cú này tại tinh xá Kỳ Viên, có liên quan đến quan đại thân Santati.

Theo truyền tích, do lòng trung thành, sau khi dẹp giặc xong trở về, ông được vua Ba tư Nặc cho ông ta làm vua nhiếp chánh cai trị trong vòng bảy ngày. Trong thời gian ngắn ngủi này, Santati không màng đến việc nhiếp chánh mà chỉ một bề vui chơi hưởng lạc thỏa thích. Trên đường du ngoạn hành lạc cùng với các cung phi, ông gặp Đức Phật, nhưng ông không để ý đến. Đức Phật biết ông không bao lâu nữa sẽ chứng quả A la hán. Đức Phật nói với Ngài A Nan, nhưng các Tỳ kheo khác không tin và bất bình cho rằng, một kẻ đang truy lạc thỏa thích như thế làm gì đắc quả A la hán? Chứng quả A la hán đâu phải là chuyện dễ dàng mà sao Đức Thế Tôn lại nói như thế. Dù bất bình không tin, nhưng họ không nói ra. Song, quả thật, ông này, vì một nàng cung phi mà ông yêu thương nhất, trong khi đang vui chơi lại ngã bệnh và chết ngay tức khắc. Buồn quá, ông đến đức Phật và được đức Phật nói pháp cho ông nghe. Nghe xong, ông liền tỉnh ngộ và chứng quả A la hán. Sau đó, Phật bảo ông thuật lại chuyện tiền kiếp của ông cho mọi người nghe. Vâng lời Phật dạy, ông kể hết mọi việc... Và cũng nhân đó, Phật mới nói pháp cú này.

Xưa nay, là con người không ai lại không ham địa vị chức tước quyền cao và cũng không ai lại không thích thụ hưởng những khoái lạc thỏa mãn dục tính. Đó là bản chất cố hữu của con người phàm tục. Tuy nhiên, thú vui chỉ mở đường cho đau khổ. Cờ bạc, rượu chè, hút xách, đĩ điếm, dâm ô v.v... Đó là những thú vui hành lạc. Nhưng trong khi hưởng lạc, người ta lại quên rằng, vui đó rồi khổ đó. Khi vui chơi ít ai nghĩ đến đau khổ. Đòi là tương đối, hễ có vui là có khổ. Vì trong khi vui sướng đã nảy mầm khổ đau trong đó rồi.

Cũng như trong hội ngộ đã ngầm chứa mầm chia ly. Phật dạy, người Phật tử phải có cái nhìn như thế. Đó là cái nhìn của một con người có tuệ giác sắc bén.

Nhưng có điều, nhơn vô hoạn họa bất hồi đầu. Nếu ở đời, chỉ có một con đường vui sướng không, không có khổ, thì chắc chắn không ai nghĩ đến chuyện tu hành. Santati nhờ lòng trung thành, nên ông được phần thưởng đích đáng do vua Ba tư Nặc ban cho. Được thay quyền vua, lòng ông vô cùng phấn khởi, dành hết thời gian để hưởng lạc. Vì thời gian quá ngắn ngủi, chỉ có bảy ngày. Nhưng ông quên rằng, cuộc vui hưởng lạc nào rồi cũng tàn. Đối với ông, cuộc vui chưa tàn thì tai họa lại xảy đến.

Nhờ cái chết của nàng cung phi mà ông đã hết lòng yêu thương sủng ái, nên đã thức tỉnh ông để ông đến gặp đức Phật. Và nhờ nghe Phật thuyết giảng xoáy mạnh vào bản chất sinh diệt vô thường của con người, nên ông được tỉnh ngộ và đắc quả A la hán. Như thế, trong niềm đau cùng cực, người ta lại tỉnh ngộ rất nhanh. Đúng là trong họa có phước và trong phước có họa. Nhưng, ở đây ông Santati đã khéo chuyển họa thành phước. Ở đời, người ta thường nói sau cơn mưa trời lại nắng, hay cực dương lại sanh âm. Chớ nếu mưa hoài thì cũng chết mà nắng hạn hoài thì cũng tiêu ma. Còn sống trong vòng tương đối là như thế. Nhơn cùng thì phải tắc biến, mà có biến thì mới tắc thông vậy.

Nghiêm giữ thân tâm tịch tịnh, đây là Phật minh định rõ con đường dẫn đến an lạc hạnh phúc cho người Phật tử hành trì. Hành trì điều gì? Tức nghiêm trì giới luật. Có nghiêm trì giới luật Phật cấm, thì người Phật tử mới có được đời sống tự do giải thoát. “*Chế ngự khắc phục ráo riết, thường tu phạm hạnh*”. Cụm từ này, đã nói lên cái cốt tủy của Phật giáo. Chế ngự khắc phục có khác gì là “*phản quan tự kỷ*”. Mà phản quan tự kỷ là cốt lõi của người tu. Có nhìn lại

minh, mới thấy được cái gốc rễ lỗi lầm của mình để mà thanh lọc chuyển hóa.

Ngày xưa, khi còn là thái tử, vua Trần Nhân Tông đã được Tuệ Trung Thượng Sĩ khai hóa bằng một câu nói ngắn gọn súc tích này: “*Phản quan tự kỷ bốn phạm sự bất từng tha đắc*”. Hằng xem xét lại mình đó là phạm sự gốc của người tu, đừng để tâm chạy theo ngoại cảnh. Có thể nói, qua câu nói đó, đã tóm thâu hết yếu lý của hành giả tu Thiền hay tu bất cứ pháp môn nào khác. Qua câu nói đó, vua Trần Nhân Tông đã lãnh hội được yếu chỉ tu Thiền. Và cũng chính nhờ câu nói đó, mà về sau nhà vua đã trở thành một vị sơ tổ của Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử. Đó là câu chuyện đã xảy ra vào đời nhà Trần ở Việt Nam.

Còn ở Trung Hoa thì sao? Xưa kia, chính Ngài Thần Hội cũng nhờ đức Lục Tổ Huệ Năng khai hóa một câu nói: “*Ta thấy là thấy lỗi mình, còn không thấy là không thấy lỗi người*”. Một câu nói tuy ngắn gọn, nhưng nó có một tác dụng xoáy mạnh vào tâm trí của Sa Di Thần Hội. Và từ đó, câu nói ấy luôn luôn hun đúc tưới tẩm một con người về sau trở thành vị Tổ sư Thiền Tông nổi thạnh dòng Thiền Tào Khê bất diệt. Đó là câu chuyện xảy ra vào đời Đường Trung Hoa. Tuy không gian và thời gian có sai khác, nhưng tinh thần giác ngộ vẫn như nhau.

Phạm hạnh là thanh tịnh. Là Sa môn hay Tỳ kheo hạnh tu của các ngài là đoạn dục khử ái, nhận rõ nguồn tâm. Có xa lìa ái dục, thì tâm mới trong sáng và thanh tịnh. Chuyển hóa thân tâm, không hẳn chỉ dành riêng cho các vị xuất gia, mà cư sĩ tại gia, nếu có quyết tâm tu hành, thì cũng đạt được thánh quả. Điều này, trong lịch

sử thời Phật cũng như trải qua các thời đại sau này, đã chứng minh cho chúng ta thấy rõ điều đó.

Có biết bao cư sĩ tại gia tu hành đạt được giải thoát. Trong Tịnh Độ Tông, có rất nhiều cư sĩ nam nữ niệm Phật được vãng sanh Cực Lạc. Về Thiên tông, thì đời Trần, có vua Trần Thái Tông và Ngài Tuệ Trung Thượng Sĩ đã đạt ngộ lý Thiên và có một đời sống xuất cách tự tại giải thoát, khó ai có thể sánh kịp. Ngoài ra, còn nhiều người tu tại gia mà bản thân họ đã đạt được an lạc hạnh phúc khá cao. Thế nên, luận về việc tu hành, chuyển hóa vô minh phiền não, thì không luận là tại gia hay xuất gia, nếu ai có nỗ lực quyết chí tu hành, đều có thể đạt được thành quả tốt đẹp cả.

Một người tu hành, dù tại gia hay xuất gia, chỉ biết một bề mưu cầu lợi lạc hạnh phúc cho riêng mình, mà không nghĩ đến hạnh phúc của kẻ khác, thì chưa phải xứng danh là người Phật tử. Giết hại sanh linh, gây đau khổ tổn thương đến sanh mạng của những loài khác, đó là điều cấm kỵ mà Phật thường khuyến nhắc người Phật tử không nên hành động sát hại. Mình biết bảo vệ hạnh phúc cho mình, thì người khác hay loài khác cũng muốn bảo vệ hạnh phúc của chúng. Hiểu và thương như thế, thì trong đời sống hằng ngày, ta không nên gây tổn hại cho bất cứ ai. Đó là phương cách sống hay nhất mà Phật thường khuyến khích người Phật tử nên có tấm lòng rộng lượng vị tha hòa ái và nên yêu thương tất cả muôn loài.

143. Biết lấy điều hổ thẹn để tự cấm ngăn mình, thế gian ít người làm được. Nhưng người đã làm được, họ khéo tránh điều khổ nhục như ngựa hay khéo tránh roi da.

Only rarely is there a man in this world who, restrained by modesty, avoids reproach, as a thoroughbred horse avoids the whip.

Kệ Tụng

***Người biết thẹn, tự chế
Thật khó tìm ở đời
Ai cũng tránh chỉ trích
Như ngựa hay tránh roi.***

Lược giảng

Pháp cú này, Phật dạy tại tinh xá Kỳ Viên, có liên quan đến trưởng lão Pilotika. Vị trưởng lão này, trước khi xuất gia, ông ta là một thanh niên đói rách ăn xin lang thang rày đây mai đó. Sau khi gặp Tôn giả A Nan, được A Nan thấu nhận cho xuất gia. Khi xuất gia, ông trở nên một Tỳ kheo đấp y, do tín thí dâng cúng và đi hành hóa khắp nơi.

Một hôm, ông nghĩ đến cái tấm y giẻ rách mà xưa kia ông đã mặc vào mình để đi xin ăn. Nay trở lại tìm kiếm nơi mà trước kia ông đã quăng nó trên một cành cây. Trong khi tìm kiếm, ông khởi niệm thiền quán và tự thống trách với tấm lòng hổ thẹn. Ông tự trách: tại sao mình phải tìm kiếm nó? Tìm kiếm nó để làm gì? Vì cái đó đã mất rồi. Cái gì đã mất rồi, tại sao mình phải tìm kiếm lại? Tìm kiếm thế có ích lợi gì không? Ông cứ mãi thiền quán về những câu hỏi đó. Không bao lâu, ông đã chứng quả A la hán. Và từ đó, mọi vọng tưởng phiền não ràng buộc thế gian coi như chấm dứt. Khi trở về tinh xá, ông trình bày sự thật về sự chứng quả của ông. Khi ông nói, các vị Tỳ kheo khác không tin, cho là ông nói dối. Liền đó, ông được đức Phật xác chứng lời ông nói là sự thật. Và do đó, Phật nói pháp cú này.

Trong đạo Phật thiền quán rất quan trọng. Bất cứ thiền quán về vấn đề gì. Tu học mà thiếu thiền quán, khác nào như người đầu bếp nấu ăn mà không có muối. Dù người đầu bếp đó có tay nghề thiện xảo đến đâu, mà thiếu muối cũng không làm sao nấu thức ăn ngon được. Thiền quán đối với người tu học cũng thế. Dù hành giả tu bất cứ pháp môn nào, nếu thiếu thiền quán, cũng không thể nào đạt được sở

nguyên. Nhờ thiên quán mà trí tuệ khai phát. Bởi thiên quán tự nó đã có định rồi. Khi ta tập trung vào một đối tượng nào đó để quán sát, tất nhiên, tâm ta sẽ dễ được an định. Như chúng ta quán niệm hơi thở chẳng hạn. Nhờ theo dõi quán sát hơi thở lâu ngày mà tâm ta được an định. Điều này là một lẽ thật. Nếu như chúng ta cố gắng thật hành, thì chúng ta sẽ thấy cái kết quả của nó.

Hổ thẹn là nghĩa của hai chữ tâm quý. Tâm quý là hai món tâm sở thiện trong mười một món thiện của Duy Thức Học. Tâm nghĩa là hổ thẹn với chính mình. Còn quý là hổ thẹn với người khác. Cả hai đều nói lên một ý nghĩa cao đẹp hướng thượng. Hai món tâm sở thiện này rất cần thiết trong đời sống. Con người sở dĩ hơn loài cầm thú là vì con người còn biết hổ thẹn. Nhờ biết hổ thẹn nên con người không làm những điều sai quấy xấu ác. Nghiệp dụng của hai tâm sở này là ngăn ngừa hai món tâm sở ác là “vô tâm và vô quý”. Người không biết xấu hổ, chuyện gì họ cũng dám làm. Dù đó là chuyện tội ác tày trời. Họ bất chấp dư luận khen chê. Họ thuộc hạng người mà người ta thường gọi họ là thứ mặt chai mày đá hay vô liêm sỉ. Dù xã hội có lên án hay chê trách nguyên rủa họ đến đâu, họ cũng chẳng màng để ý đến. Thói nào vẫn tật nấy. Thật đây là hạng người rất khiếp đảm và vô cùng tai hại cho xã hội.

Sống trong xã hội loài người, tất nhiên, con người cần phải có nhân phẩm. Mất đi đặc tánh cố hữu này, con người đâu khác gì loài cầm thú. Vì tự trọng thể diện nhân phẩm, nên người ta không làm những chuyện bậy bạ trái với luân thường đạo lý. Người biết tự trọng xấu hổ khi nghĩ quấy làm sai, họ đều biết ăn năn hối cải. Trừ phi con người mất hết lương tâm đạo đức, mới không biết tự trọng nhân phẩm. Nếu người còn có chút lương tâm lương tri đạo đức, thì không ai lại không biết xấu hổ. Dù việc làm sai trái đó

không ai biết, nhưng chính họ cũng tự cảm thấy xấu hổ. Họ tự thâm trách hối hận chính họ. Họ bị lương tâm cắn rứt giày vò khó chịu. Họ là người đang đi trên con đường thánh thiện. May mắn thay! Nhơn loại cũng còn có những hạng người biết hướng thiện này. Nếu không, thì cả thiên hạ đều đại loạn.

Điều quan yếu hơn nữa, trong pháp cú trên, Phật muốn dạy chúng ta phải có tâm tâm quý trước khi nói năng hay hành động. Nếu biết lời nói hay hành động của mình nhằm mục đích: thủ đoạn, lừa bịp, gian xảo, dối trá... lợi mình hại người, thì Phật khuyên chúng ta nên biết xấu hổ ngăn ngừa. Một khi đã ngăn ngừa tiêu diệt ngay trong trứng nước, thì chắc chắn không có hậu quả xấu xảy đến với chúng ta. Người nào biết ngăn ngừa từ trong ý tưởng như thế, Phật cho đó là người khéo biết tu và thật hiếm có trên thế gian này.

Tuy khó, nhưng nếu ai cố gắng thật hành được, thì Phật nói người đó khéo tránh khổ nhục, như ngựa hay khéo tránh roi da. Con ngựa hay, khi thấy người ta nhá roi lên là nó sẽ biết tránh ngay. Nhờ thế, mà nó không bị ăn đòn để phải chịu đau khổ. Qua so sánh này, Phật ngầm ý nhắc nhở mọi người, nên phải có tâm tâm quý ngay từ trong ý nghĩ, chớ đừng để cho nó phát hiện ra ngoài thành hậu quả không tốt. Chừng đó, có ăn năn hối cải thì cũng đã muộn rồi. Chi bằng ta khéo tránh nhân xấu, thì sẽ không có quả xấu.

Nếu ai cũng hằng nhớ đến hai tâm sở thiện “Tâm” và “Quý” này, thì chắc chắn trong đời sống hằng ngày của chúng ta sẽ ít gây ra những cảnh đau khổ cho mình và người. Vì đó là người sống có ý thức. Sống có ý thức là có chánh niệm. Mà có chánh niệm là không có khổ đau. Mong sao, mọi người nên nhớ lời Phật dạy trên để xây dựng một

nếp sống hạnh phúc cho cá nhân, gia đình và xã hội. Có thể, mới thật xứng đáng và đúng với ý nghĩa làm người vậy.

144. Các người hãy nỗ lực sám hối như ngựa đã hay còn thêm roi. Hãy ghi nhớ lấy chánh tín, tịnh giới, tinh tiến, tam-ma-địa (Thiền định) trí phân biệt Chánh pháp, và Minh hạnh túc để tiêu diệt vô lượng thống khổ.

Like a thoroughbred horse touched by the whip, be strenuous, be filled with spiritual yearning. By faith and moral purity, by effort and meditation, by investigation of the truth, by being rich in knowledge and virtue, and by being mindful, destroy this unlimited suffering.

Kệ Tụng

**Như ngựa hay bị roi
Hãy nhiệt tâm, tinh cần
Với tín, giới, tinh tấn
Thiền định cùng trạch pháp
Đầy đủ trí, giới đức
Hãy trừ vô lượng khổ**

Lược giảng

Pháp cú này Phật nói tại tinh xá Kỳ Viên, cũng liên quan đến trường lão Politika đã nói ở trên.

Đọc qua pháp cú này, chúng ta nên chú ý những từ ngữ mà Phật răn dạy. Để hiểu phân nào qua lời Phật dạy trên, thiết nghĩ, chúng ta cũng nên tìm hiểu sơ qua từng vấn đề một.

1. Nỗ lực Sám Hối: Sám hối là một thuật ngữ của Phật giáo. Sám hối nguyên tiếng Phạn là samma, người Trung Hoa dịch là hối quá. Sám có nghĩa là ăn năn lỗi trước. Hối nghĩa là nguyện chừa bỏ lỗi sau. Nguyện từ đây về sau không bao giờ tái phạm lại lỗi lầm đó nữa. Sám hối có nhiều cách: *Hồng danh sám hối. Tác pháp*

sám hối. Thủ tướng sám hối và cuối cùng là Vô sanh sám hối. Ba sám hối trước thuộc về “Sự”, cái sau thuộc về “Lý”. Về ý nghĩa của các loại sám hối này, trong Pháp Cú tập một, chúng tôi đã có giải thích qua. Ở đây, chúng tôi không lặp lại. Tuy nhiên, chúng ta nên nhớ rằng, là con người sống trên đời này, không một ai là không làm lỗi, chỉ trừ các bậc Thánh nhơn. Đã có tội lỗi mà chúng ta muốn hết, thì Phật dạy người Phật tử phải thường xuyên sám hối. Hoặc phát lồ sám hối hay thủ tướng sám hối v.v... tùy theo căn cơ trình độ và sức khỏe của mỗi người mà chọn cho mình một phương pháp sám hối thích hợp. Phương pháp sám hối tuy có cao thấp, sâu cạn, khó dễ khác nhau, nhưng mục đích chính vẫn là sám hối ở nơi tự tâm mình. Vì tội từ tâm khởi, thì cũng phải từ tâm mà sám. Có thể, thì tội lỗi mới thuyên giảm và hết được. Còn sám hối theo kiểu chỉ biết chạy theo hình thức bên ngoài, hì hục khum lên lay xuống mà không thành tâm cải hối ở nơi tự tâm, thì đó không phải là sám hối đúng cách theo đạo Phật. Người Phật tử sám hối như thế, thì vạn kiếp cũng không hết tội. Cho nên ở đây Phật dạy, người Phật tử phải nỗ lực chuyên cần sám hối từng giây phút nơi tâm mình. Một vọng niệm sai quấy khởi lên, chúng ta liền sám hối. Có sám hối thường xuyên như thế, thì mới chuyển hóa được những hạt giống xấu trong tâm. Như thế, chúng ta mới thực sự sám hối và mới thực sự có lợi ích cho mình và người.

2. Ghi nhớ lấy chánh tín: Chánh tín là niềm tin chơn chánh, là niềm tin đúng với chân lý nhân quả. Nếu chúng ta tin lệch ra quỹ đạo nhân quả Phật dạy, thì đó là mê tín hay tà tín. Do đó niềm tin của người Phật tử rất quan trọng. Nếu người Phật tử đặt định niềm tin sai lệch theo tà ngoại, thì than ôi! Đời ta sẽ rơi vào con đường ác đạo và không biết đến bao giờ mới được thoát ly. Vì thế, nên ở đây, Phật dạy chúng ta cần phải ghi nhớ khắc sâu hai chữ “Chánh Tín”.

3. Tịnh giới và tinh tiến: Phật dạy, người tu hành dù tại gia hay xuất gia, nếu muốn được giải thoát, thì mỗi người phải giữ gìn tịnh giới một cách nghiêm ngặt. Có giữ giới thì tâm ta mới được thanh tịnh, nên gọi là tịnh giới. Ngược lại, nếu chúng ta khinh thường giới luật, không giữ gìn, thì chúng ta sẽ tự chuốc lấy những đau khổ ràng buộc vào thân. Cho nên, giới luật là căn bản của đạo giải thoát mà Phật dạy người Phật tử cần phải nghiêm trì. Hơn thế nữa, sự tu hành không chỉ một ngày một bữa, mà phải thường xuyên áp dụng lời Phật dạy vào đời sống hằng ngày. Phải luôn luôn tinh tấn nỗ lực kiên trì. Dù hành trì bất cứ pháp môn nào, người Phật tử muốn có kết quả tốt đẹp, thì phải siêng năng giữ vững ý chí lập trường, quyết lòng đi tới không hề thối bước lui sụt. Có tinh tấn, mới đạt được thành công như ý nguyện.

4. Tam ma địa hay Thiền định: Thiền định là pháp tu căn bản của đạo Phật. Dù hành giả tu bất cứ pháp môn nào, nếu tâm không an định, thì đó là tu sai với chánh pháp. Và như thế, thì không phải pháp tu của đạo Phật. Vì tâm có định, thì trí huệ mới khai phát. Theo giáo lý Nguyên Thủy, Phật dạy, muốn có định, thì hành giả phải giữ giới nghiêm minh như đã nói ở trên. Nhờ giữ Giới nên mới có Định và từ Định mới phát Huệ. Đây gọi là “*Tam vô lậu học*”, là ba môn học giải thoát phiền não, chấm dứt sanh tử khổ đau. Hành giả tu theo ba môn học này, thì chắc chắn sẽ được an lạc giải thoát.

5. Trí phân biệt chánh pháp: Trong bài kệ thì gọi là Trạch pháp. Người tu cần phải chọn cho mình một pháp môn thích hợp với căn cơ trình độ của mình. Vì trong đạo Phật có vô lượng pháp môn tu. Thế nên, tu hành muốn có kết quả, tất nhiên, chúng ta phải trạch pháp. Trạch là chọn lựa. Pháp là giáo pháp hay pháp môn. Muốn chọn lựa đúng pháp, thì cần

phải có trí huệ biện biệt, nên nói là Trí phân biệt chánh pháp.

6. Minh hạnh tức để tiêu diệt vô lượng thống khổ: Minh hạnh tức còn gọi là Minh thiện hành hay Minh hạnh viên mãn. Nghĩa là đầy đủ Minh và Hạnh. Đây là một trong mười danh hiệu của Phật. Minh có nghĩa là sáng suốt, tức trí huệ. Còn Hạnh là công hạnh, biểu hiện ở nơi oai nghi hình tướng, tức chỉ cho phần giới luật. Nói cách khác, Minh thuộc về Trí, còn Hạnh thuộc về Phước. Người tu hành cần phải đủ cả hai phước trí trang nghiêm. Đức Phật nhờ tu cả hai, nên Ngài mới tiêu diệt vô lượng thống khổ và đạt được giác ngộ giải thoát hoàn toàn.

Tóm lại, người tu từ địa vị phàm phu mà muốn tiến lên Thánh quả, thì Phật dạy, trước hết phải sám hối những tội lỗi đã gây và nguyện một lòng tiến tu không tái phạm như ngựa hay lại thêm roi. Trong khi tiến tu, cần phải ghi nhớ chánh tín nhân quả, không được tin sắn nghĩ quấy, theo tà ma ngoại đạo. Chỉ một lòng tin Tam Bảo đúng theo chánh pháp Phật dạy. Phải luôn luôn lấy giới luật làm thầy. Ngày đêm luôn nhớ giữ gìn tịnh giới một bề tinh tấn như con tuấn mã thẳng tiến không hề bê tha giải đãi. Nhờ đó, mà được thiền định và có trí huệ sáng suốt để biện biệt rành rõ pháp môn tu hành. Bằng vào nỗ lực quyết chí tu hành nên hành giả được đầy đủ phước đức và trí huệ. Từ đó, mọi phiền não không còn và được an lạc giải thoát.

145. Người tưới nước lo dẫn nước, thợ làm tên lo uốn tên, thợ mộc lo nẩy mực cưa cây, người làm lạnh thì lo tự chế ngự⁹.

⁹ Chế ngự: ngăn chặn tác hại và bắt phải phục tùng theo mệnh lệnh của tâm thiện. Như nói chế ngự những dục vọng cá nhân v.v...

Irrigators regulate the waters, fletchers straighten arrow shafts, carpenters shape wood, and the good control themselves.

Kệ tụng
Người dẫn thủy dẫn nước
Kẻ làm cung nắn tên
Người thợ mộc uốn ván
Bậc chí thiện tự điều.

Lược giảng

Pháp cú này, Phật dạy tại tinh xá Kỳ Viên có liên quan đến Sa di Sukha. Tên Sukha là do Tôn giả Xá Lợi Phất đặt cho. Chữ Sukha có nghĩa là hạnh phúc. Khi lớn lên được 7 tuổi, chú bé Sukha liền xin mẹ đi xuất gia và được bà mẹ vui vẻ bằng lòng. Bà mẹ giao chú bé và xin được thẻ phát xuất gia với Ngài Xá Lợi Phất. Từ đó, chú Sa di Sukha được Ngài Xá Lợi Phất chỉ dạy cho một phương pháp thiền quán. Một hôm, Sa di Sukha trông thấy người làm ruộng thì lo dẫn thủy nhập điền, người thợ làm tên thì đang uốn từng mũi tên, thợ mộc thì đeo bánh xe v.v... Thấy thế, Sukha liền nghĩ đến cách điều phục tâm mình. Nhờ biết cách điều phục tâm, nên không bao lâu Sukha chứng quả A la hán. Nhân đó, Phật nói pháp cú này.

Qua pháp cú trên, ta thấy Phật nêu ra ba hình ảnh rõ rệt. Mỗi hình ảnh là một công việc chuyên môn. Việc ai người nấy làm, không xen tạp lộn lạo. Người làm ruộng thì lo dẫn nước vào ruộng. Người làm tên, thì cứ miệt mài làm tên. Thợ mộc thì lo đeo làm bánh xe. Tất cả, đó chỉ là những công việc làm thường nhật. Đối với những việc làm này, chúng ta cũng vẫn thấy hằng ngày. Nhưng đối với chúng ta, thấy thì thấy, tâm ta không có gì khác lạ. Nhưng đối với sư chú Sa di Sukha thì có khác. Mặc dù tuổi đời còn nhỏ,

nhưng sư Chú được đào tạo trong một môi trường khá đặc biệt. Sư Chú được sự hướng dẫn dạy dỗ của một vị Thầy giáo thợ rất giỏi. Một bậc trí huệ đệ nhất trong hàng Thanh Văn. Đó là Ngài Xá Lợi Phất. Ngài Xá Lợi Phất chỉ dạy cho sư Chú biết cách thiền quán. Nhờ thực tập hằng ngày, nên công phu thiền quán của sư Chú đã đến độ chín mùi. Do đó, khi thấy những việc làm đó hiện ra trước mắt, sư Chú liền phản quán và biết rõ cách điều phục chế ngự tâm mình. Từ đó không bao lâu, sư Chú Sukha đạt được quả vị A la hán.

Qua đó, cho chúng ta một bài học kinh nghiệm quá rõ. Khi vào đạo, được nhân duyên xuất gia, lại gặp một bậc Thầy đầy đủ kinh nghiệm trong sự hướng dẫn tu tập, thì đó là một cơ may rất lớn. Gặp được Minh Sư không phải là chuyện dễ dàng. Nếu chúng ta có được đầy đủ phước duyên, thì mới có thể gặp được. Như thế, thì chắc chắn cơ hội đạt đạo đối với chúng ta sẽ không còn xa lắm. Cho nên, đồng thời xuất gia, cùng tu, cùng học, nhưng sự tiến đạo nghiêm thân của mỗi người có sai khác. Lý do, một phần là vì ta không gặp được vị thầy hướng dẫn giỏi. Người xưa, họ rất kỹ trong việc tầm sư học đạo. Dù vị thầy không có danh vọng tên tuổi, hằng sống ẩn dật trong chốn thâm sơn cùng cốc hay ở một nơi nào đó mà ít người biết đến, thế mà với cặp mắt tinh đời hiểu đạo, người ta vẫn mang khăn gói đi tìm tới vị thầy đức độ đó để nương tựa cầu pháp tu học.

Ngược lại, ngày nay thì có khác. Phần nhiều, người ta hay tìm đến những vị thầy có tên tuổi địa vị cao trong đạo. Vì có địa vị cao, nên được nhiều người biết đến. Người ta lại thích tìm đến để nương tựa, vì như thế sẽ được ảnh hưởng danh tiếng lây. Người chơn tu không cần địa vị. Địa vị của người xuất gia là khát sĩ. Khát sĩ là người xin ăn. Về vật chất, thì xin cơm áo của đàn na thí chủ để nuôi thân. Về tinh thần, thì xin giáo pháp của Phật để nuôi lớn pháp thân huệ mạng.

Phật không có địa vị chức tước gì cả. Người ta gọi Phật là Như Lai hay Thế Tôn. Ngoài ra, không gọi một chức vụ gì khác, dù đức Phật là người lãnh đạo cầm đầu Tăng đoàn.

Đối với người xuất gia thời nay, sao có quá nhiều chức vụ. Có người có hàng lô chức vụ. Chức vụ nào cũng kêu to. Rốt lại, cả ngày mãi quay quần chạy theo những chức vụ đó mà quên đi sự tu hành. Vì mỗi chức vụ là một trách nhiệm nặng nề phải làm. Không làm thì bị người ta chê trách, cho rằng, không chu toàn trách nhiệm. Ấy mới chết! Nhưng thà chết, biết nói sao hơn! Danh càng cao, thì té càng nặng. Dù biết trước là sẽ té và chắc chắn là té nặng, té đau! Nhưng vì háo danh vẫn không từ bỏ. Nhưng cái danh vị đó chỉ là thứ hư danh rỗng tuếch. Hễ có danh là có lợi. Cuối cùng, đời tu bị chết đuối trong biển danh lợi, khác nào như con chó chết đuối giữa dòng sông. Thật là tội nghiệp quá!

Nếu ta may mắn gặp được vị Thầy chọn chánh tu hành, không màng danh lợi, thì đó là đại phước. Nhưng đối với thời nay, thì thật là khó tìm. Thường những vị này, ít xuất hiện trên trường danh lợi. Vì họ lo ẩn tích mai danh để dưỡng tâm nuôi đức. Nếu nói theo ngôn ngữ nhà Thiền, thì gọi là nuôi lớn Thánh thai. Đến tu học với những vị Thầy như thế, đối với xã hội, tuy vô danh tiểu tốt, nhưng đối với đạo lý giải thoát, thì lại rất gần. Đó là một sự thật. Gương hạnh giải thoát người xưa còn đó. Những tấm gương xưa, đủ chứng minh cho chúng ta thấy rõ. Thấy rõ để noi theo và trên hết là chọn cho mình có một hướng đi đúng Chánh pháp. Có thể, thì trên đường tu hành mới có hy vọng an lạc giải thoát phần nào. Bằng không, thì dù tu lâu ở trong chùa, chỉ còn lại là tính theo thời gian năm tháng lâu mau mà thôi!

Nói thế, không có nghĩa là chúng ta quơ đũa cả nắm. Dĩ nhiên, cũng có những vị tuy có chức vụ trong đạo, vì muốn

để thuận theo thời thế cho thích nghi với xã hội văn minh tân tiến thời nay, nhưng các Ngài vẫn tu hành có kết quả cao. Nghĩa là vẫn có phần nào an lạc giải thoát tự tại trong cuộc sống. Tuy nhiên, đối với những bậc Thầy có đầy đủ đạo lực đức hạnh như thế, thử hỏi được có bao nhiêu người trên thế gian này? Dù cho viện dẫn biện minh dưới hình thức nào, chúng ta cũng không thể qua khỏi cặp mắt tinh tế của người đời. Dù người đời không biết, nhưng mỗi người chúng ta cũng tự biết. Chỉ có lòng ta mới biết rõ ta nhất. Giấu được người chớ làm sao giấu được mình? Chỉ có đức tánh thành thật mới thực sự lâu bền và mới thực sự là người có đạo đức. Nói rõ hơn mới thực sự là bậc chọn chánh tu hành. Ngoài ra, chỉ là giả dối lợi dụng chiếc áo nhà tu để mưu cầu lợi dưỡng mà thôi!

XI. PHẨM GIÀ

(Jarāvagga)

146. Làm sao vui cười, có gì thích thú, khi ở trong cõi đời luôn luôn bị thiêu đốt. Ở trong chỗ tối tăm bùng bít sao không tìm tới ánh quang minh?

When this world is ever ablaze, why this laughter, why this jubilation? Shrouded in darkness, will you not seek the light?

Kệ Tụng

Làm sao cười thích thú

Khi đời mãi bị thiêu

Sống trong cảnh tối tăm

Sao không tìm ánh sáng?

Lược giảng

Pháp cú này Phật dạy tại tinh xá Kỳ Viên, có liên quan đến những nữ cư sĩ bạn của bà Tỳ xá Khur. Vì tin tưởng tin nữ Tỳ xá Khur, nên các ông chồng cho một số bà vợ theo để học hỏi với bà Tỳ xá Khur. Vì họ cho rằng những người vợ của họ sẽ sửa đổi tánh nết và có chánh niệm tốt.

Một hôm, vào ngày lễ hội, họ cùng nhau đến lạc viên vui chơi, đồng thời hầu rượu cho những ông chồng. Sau ngày lễ hội, những bà vợ lên chồng đến một lạc viên vui say chè chén, đến đâu say mềm không còn biết trời đất là gì. Sau đó, các bà này bị các ông chồng biết được đánh đập hành hạ.

Hôm khác, vì ngựa quen đường cũ, nên các bà lại rủ nhau tụ tập ở lạc viên uống rượu nữa. Vì muốn bảo vệ uy tín cho các bà và nhất là sợ bọn ngoại đạo chê cười, nên Bà Tỳ xá Khur dẫn họ đến tinh xá Kỳ Viên gặp Phật. Đến trước Phật, trong lúc các bà này với con men say vẫn còn. Lợi dụng cơ hội này, ma vương nhập vào điều khiển thân xác các bà để quấy phá Phật. Biết rõ sự việc, Phật liền dùng thần lực nhiếp phục ma quân và làm cho các bà tỉnh táo trở lại. Nhân đó, Phật nói pháp cú này.

Thời Phật là thời của Chánh pháp. Phật và các Thánh đệ tử còn đó. Pháp âm của Phật vẫn vang dậy hằng ngày. Nhưng không phải ai ai cũng được thừa hưởng. Dù sống trong thời đại của Phật, nhưng nếu không có duyên lành gặp Phật, tu tập hành thiện, thì những tệ nạn xã hội vẫn xảy ra. Song có điều, khi gặp Phật, thì mọi đau khổ sẽ chấm dứt.

Các bà này, tuy có gia đình, nhưng vì thiếu tu học, không có thực tập Thiền quán, chánh niệm, nên các bà làm nô lệ cho dục vọng, bước chân vào con đường trụ lạc sa đọa. Nhưng may mắn thay! Các bà còn có người bạn tốt là bà Tỳ xá Khur, một người nữ cư sĩ tu học đàng hoàng, thật hành đúng

theo chánh pháp, nên hướng dẫn các bà đến gặp Phật. Từ đó, các bà nghe Phật dạy, rồi ăn năn hối lỗi nguyện sửa đổi tâm tánh và thật hành đúng theo lời Phật dạy. Nhờ đó, mà các bà được an lạc không còn đau khổ nữa.

Là con người, không luận phái tính, ai ai cũng thích thụ hưởng khoái lạc. Ham thích thụ hưởng ngũ dục lạc: tiền tài, sắc đẹp, danh vọng, ham ăn, mê ngủ, có người nào lại không ham muốn. Chỉ trừ có hai hạng người: một là các bậc Thánh nhơn, hai là những kẻ cuồng tâm loạn trí. Ngoài ra, ai ai cũng đua đòi ham thích.

Rượu là một trong những thứ có chất men say kích thích. Nó là thứ độc tố giết hại con người. Ngoài sự gây tác hại bệnh hoạn ra, nó còn làm cho con người mất hết nhân cách. Khi đã uống quá chén, con người mất hết tự chủ. Rượu tuy không lỗi, nhưng lỗi ở nơi con người sử dụng. Ở một chừng mực nào đó, thì rượu là mối tương giao trong ân tình lễ nghĩa. Vì vậy, ngày xưa, người ta hay dùng trà rượu để giao tình. Nhưng là con người còn quá nhiều dục vọng thèm khát, nên khó có ai tự biết khắc chế chừng mực. Từ đó, rượu không còn là lễ nghĩa nữa, mà nó trở thành chén tạc chén thù, và rồi gây ra lắm điều họa hại. Chẳng những hại bản thân mình mà còn hại lây đến những người chung quanh khác. Một khi thân men đã nhập vào đưa đường chỉ lối, thì than ôi! Con người mất hết bình tĩnh. Khi không còn bình tĩnh, thì dễ gây ra lắm cảnh tang thương hệ lụy.

Như những trường hợp xảy ra nhan nhản hằng ngày trong xã hội. Nào là gây ra tai nạn xe cộ, đụng chết người, làm trở ngại lưu thông, đánh lộn, đâm chém, bắn giết lẫn nhau vân vân và vân vân. Chính vì thế, mà Phật cấm người Phật tử vô cơ không được uống rượu. Ngoài ra, những loại kích thích tố gây mê khác, như á phiện, cần sa v.v... nói chung là

những loại ma túy, thì Phật cấm người Phật tử không được dùng đến.

Xã hội ngày nay, phần lớn người ta đi tìm hạnh phúc trong khoái lạc. Họ vui cười thích thú trong khi thụ hưởng. Nhưng người ta quên rằng những cảm thọ khoái lạc đó, chính nó lại là nguyên nhân đưa người ta đến chỗ thân bại danh liệt và cuối cùng là tử vong. Hút chích xì ke, cờ bạc rượu chè, hành lạc dâm ô v.v... tất cả đều là những cảm thọ khoái lạc. Một khi, con người đã lậm vào con đường nghiện ngập này, thì hậu quả sẽ ra sao? Câu hỏi này, chỉ có những người trong cuộc mới có câu trả lời thích đáng. Chính vì vậy, mà trong pháp cú trên, Phật đã chỉ bày vạch trần cho chúng ta thấy rõ tai hại của sự thụ hưởng khoái lạc.

Phật dạy: *“làm sao vui cười, có gì thích thú, khi ở trong cõi đời luôn luôn bị thiêu đốt”* ? Kinh Pháp Hoa Phật dạy: *“Tam giới bất an du như hỏa trạch”*. Nghĩa là Ba cõi không an dưỡng như nhà lửa. Hiện Nhơn loại đang ở trong nhà lửa. Tất cả chúng ta không ai lại không bị lửa tham dục, lửa vô thường thiêu đốt. Thế mà, chúng ta vẫn vui chơi thỏa thích không hay biết gì cả. Dù có biết, nhưng chắc gì chúng ta đã thực sự chịu chạy ra. Thà cam lòng chịu cho lửa tham dục thiêu đốt, miễn sao thụ hưởng được những khoái lạc của ngũ dục, lục trần, là chúng ta đã mãn nguyện lắm rồi! Lửa có đốt cháy chết thân ta ra thành tro bụi cũng chẳng sao! Quả thật, Phật cho chúng ta là những kẻ quá si mê. Cứ mãi cam chịu ở trong cảnh khổ tối tăm giam mình trong ngục tù ngũ dục, không chịu tìm cách thoát ra!

Cứ nhìn vào hiện trạng xã hội, chúng ta thấy, có biết bao người đã và đang nướng mình trong lạc thú. Kết quả ra sao? Là khổ đau trần ngập, là kéo lê kiếp sống đọa đày trong cảnh thân tàn ma dại. Muốn chết cũng không được, mà muốn sống cũng chẳng kham. Thế là hết! Chết cả cuộc đời!

Thật uổng phí làm một kiếp người! Rồi theo luật nhân quả, đời nay đã vậy, đời sau sẽ ra sao? Nỗi khổ này, tiếp nối chồng chất nỗi khổ kia. Cứ từng hạt đau thương chảy dài trên chuỗi hạt thương đau. Một chuỗi dài đau khổ triền miên, không kỳ hẹn có ngày thoát ra!

Muốn thoát ra, chỉ có một con đường là chúng ta phải hồi tâm chuyển ý. Phải mạnh dạn cương quyết thiết tha chuyển nghiệp. Phải dùng trí huệ để soi sáng cho việc làm hành động của mình. Nhờ vào trí huệ soi sáng đó, chúng ta mới có đủ nghị lực sáng suốt, can đảm mà dứt trừ. Những ai đã và đang lậm vào con đường nghiện ngập, xin các bạn hãy vì tương lai và vì sự sống làm người của mình mà hãy mạnh dạn đứng lên quyết tâm cai nghiện làm lại cuộc đời. Có thể, thì mọi khổ đau ngang đó sẽ chấm dứt.

Mong sao, những ai đã lỡ bước đi vào con đường nghiện ngập, chúng ta không nên bi quan, hãy mạnh dạn đứng lên tự cứu lấy đời mình. Một khi đã có quyết tâm, dù chết, ta cũng phải trừ bỏ những nghiệp xấu, không thể để kéo lê cuộc đời mãi đi trong bóng tối của sự đày đọa thể xác và tinh thần trong nỗi tuyệt vọng khổ đau. Sự chuyển hướng làm lại cuộc đời đó là cả một quyết tâm hùng tráng vươn lên. Đó là chúng ta đã thực sự chạy ra khỏi nhà lửa dục vọng thiêu đốt. Và như thế, chúng ta đã tìm lại con đường sống trong ánh quang minh của trí giác. Đó là chúng ta đã thực sự bắt gặp ánh sáng cuối đường hầm. Không có ai và cũng không có bàn tay phép lạ nào cõi trời cho ta, mà chính ta phải tự cõi trời cho ta. Chỉ có ta làm chủ nhân ông quyết định đời ta mà thôi. Mong lắm thay!

147. Hãy ngắm cái thân tốt đẹp này chỉ là đồng xương lở lói, chồng chất tật bệnh mà người ta tưởng là êm ái, trong đó tuyệt đối không có gì trường tồn.

Behold this body – a painted image, a mass of heaped up sores, infirm, full of hankering – of which nothing is lasting or stable!

Kệ Tụng

Hãy ngắm thân đẹp này

Nơi tụ hội, chồng chất

Bệnh hoạn, bận tâm nhiều

Thật không gì trường cửu.

Lược giảng

Pháp cú này Phật dạy tại Veluvana, có liên quan đến Sirimà.

Sirimà vốn là một cô gái giang hồ ở thành Vương Xá. Cô có một nhan sắc tuyệt đẹp, chuyên sống bằng nghề mãi dâm. Tuy là một cô gái bán thân sinh sống, nhưng hạt giống lành trong tâm cô vẫn có. Một hôm, cô gặp Phật và cô tỏ ra rất hổ thẹn. Đồng thời cô đến trước Phật cầu xin sám hối, vì một sự lỗi lầm gây xúc phạm với nữ cư sĩ Uttarà, vợ của Sumana. Hai vị này là con của một phú gia có thế lực. Khi đó, Phật nói kệ cho cô nghe:

Lấy không giận thắng giận

Lấy thiện thắng không thiện

Lấy thí thắng xan tham

Lấy chơn thắng hư ngụy.

Nghe xong bài kệ, cô liền chứng quả Dự Lưu (Tu đà hoàn).

Sau đó, Sirimà xin quy y với Phật và đã được Phật chấp nhận. Kể từ đó, cô ta trở thành một Phật tử tại gia rất thuần thành. Cô thường cúng dường thức ăn cho Phật và chúng tăng. Vì nhan sắc quá đẹp, cho nên cô ta đã làm cho bao

nhiều chàng trai mê say đắm đuối vì cô. Có người, chỉ một lần nhìn qua nhan sắc kiều diễm, thiên kiều bá mỹ của cô, liền đâm ra thâm yêu trộm nhớ và rồi mang bệnh tương tư.

Thời gian không lâu, Sirimà lâm trọng bệnh và chẳng bao lâu cô ta qua đời. Phật hay tin, bảo vua quàng xác để trong nhà thiêu, không nên hỏa táng sớm. Bốn ngày sau, thi thể Sirimà sinh trưởng lên, giống như một đồng thịt lờ lỏi và những con dòi lúc nhúc từ chín lỗ bò ra, trông rất ghê tởm. Vua đánh trống rao truyền cho mọi người đến xem xác Sirimà. Lệnh vua loan truyền, không bao lâu mọi người đến xem đông đúc. Đức Phật và các hàng Tỳ kheo tăng, Tỳ kheo ni cũng có mặt dự kiến.

Sau đó, nhà vua ra lệnh, nếu ai bỏ ra ngàn đồng, thì được quyền sở hữu thi thể của Sirimà. Từ giá cao hạ xuống giá thấp nhất và cuối cùng cho không, cũng không ai thèm lưu tâm để ý đến. Nhân đó, Phật liền nói pháp cú này.

Sắc đẹp của con người, ngoài phước báo do người ta tu tạo ra, nó còn được người ta luôn quan tâm chăm sóc, nhất là phái nữ. Hầu hết phái nữ, đều muốn làm đẹp. Đó là đặc tính cố hữu mà không có một người nữ nào lại không muốn. Ngày nay, có nhiều thẩm mỹ viện chuyên sửa sắc đẹp. Đối với thân thể ngoại diện, không chỗ nào mà người ta không sửa được. Tuy nhiên, ở đời tương đối không có gì là hoàn hảo. Có người nhờ sửa mà trông đẹp ra. Ngược lại, có người do sửa mà xấu đi, thậm chí đưa đến cái chết. Chuyện đời, không ai bảo đảm và lường trước được. Tuy nhiên, cũng có người họ có sắc đẹp rất tự nhiên, không cần phải trang điểm hay sửa nhiều.

Sirimà nhờ tiền kiếp tu hành khá, nhất là nhờ tu hạnh nhẫn nhục, nên đời này cô ta được thân hình đẹp đẽ, sắc nước hương trời. Nhưng rất tiếc, người con gái hồng nhan này lại bạc mệnh phải nuôi sống bằng nghề mua hương bán phấn.

Có lẽ tâm cảnh của Sirimà cũng không khác gì nàng Kiều. Tâm cảnh ở đây là cả hai đều hành cái nghề bán mình, đưa người cửa trước rước người cửa sau. Hơn thế nữa, còn giống nhau ở điểm hồng nhan bạc phận. Tuy nhiên, Thúy Kiều trải qua mười lăm năm luân lạc, không phải do tự ý Kiều muốn như vậy, mà tất cả chỉ vì hoàn cảnh trở trêu bạc mệnh đưa đẩy Kiều phải hứng chịu như thế. Ra vào lầu xanh, đó là chuyện bất khả kháng!

Kiều tuy trải qua nhiều nỗi gian truân dạn dày sương gió éo le như thế, nhưng cũng còn có chút cơ may là gặp được sư bà Giác Duyên. Lúc gặp sư bà Giác Duyên, thì Kiều đã xuất gia có pháp danh là Trạc Tuyên. Song có điều, không biết Kiều xuất gia với ai và ai là thầy làm lễ thể phát xuất gia cho Kiều (lúc Kiều ở trong Quan Âm Các của Hoạn Thư) đặt pháp danh là Trạc Tuyên? Chuyện đó xin được gát qua. Ở đây, chúng ta thấy sư bà Giác Duyên đạo hạnh và tuệ giác không sâu sắc. Vì thế, mà sư bà không độ nổi ni cô Trạc Tuyên, để Trạc Tuyên phải tái sanh vào thanh lâu một lần nữa.

Ngược lại, ở đây, Sirimà có duyên phúc hơn Thúy Kiều nhiều. Mặc dù mang thân phận là một cô gái giang hồ, nhưng chỉ một lần gặp Phật, nghe Phật thuyết giáo, tức thời tâm thức của cô ta hoàn toàn chuyển đổi và từ đó cô ta nỗ lực dụng công tu hành, không bao lâu đắc thành thánh quả. Đó là sự khác biệt rất lớn giữa hai cô gái sắc nước hương trời này.

Tuy nhiên, dù có đẹp đến đâu, bản chất của con người cũng vốn là bất tịnh. Dù chúng ta có quan tâm chăm sóc lo sửa đến mấy chẳng nữa, rốt lại, nó cũng hiện bày nguyên hình xấu xa của nó. Như gương mặt, làn da, hay mái tóc chẳng hạn. Mặt có cắt sửa đẹp, rồi tới ngày nó cũng xụ xuống. Tóc có nhuộm cho đen để nhìn thấy trẻ ra, nhưng rồi hết thời kỳ,

nó cũng bày ra trắng toát. Làn da có căng ra ửng hồng đến đâu, cuối cùng rồi nó cũng phải nhăn nheo trở lại. Vì đó là sự thật. Không ai có đủ quyền năng sửa đổi được sự thật. Chỉ sửa được trong một giai đoạn ngắn ngủi tạm thời mà thôi.

Ngày xưa, chính vua Trần Thái Tông, khi còn tại vị, có lần Ngài nói: “*Đầu da sọ trăm cài lược giắt, túi da hôi wóp xạ xông hương, cắt lụa là che đậy máu tanh, dồi sơn phấn át thừng phân thúi*”. (Bản dịch của HT Thanh Từ trong Khóa Hư Lục)

Là một ông vua cư sĩ, quyền uy tột đỉnh, chung quanh kẻ hầu người hạ, có biết bao cung phi mỹ nữ, toàn là những nàng tuyệt thế giai nhân, thế mà đối với Ngài, nhan sắc của các mỹ nhân kia, dù có đẹp đến đâu, tất cả cũng chỉ là một lớp sơn hào nhoáng phủ che bên ngoài để mê hoặc lòng người. Nhưng thực chất bên trong, nó chứa toàn là những thứ ô uế, bất tịnh.

Sirimà là một cô gái cũng thuộc về hạng tuyệt thế giai nhân. Cô là người chuyên nghề buôn hương bán phấn, thuộc hạng làng chơi thứ thiệt. Nhưng khi gặp Phật, thì cô hồi tâm thức tỉnh quay về nẻo thiện. Đương thời, có biết bao chàng trai say mê đắm đuối, thậm chí có người tương tư nhan sắc của cô mà sanh bệnh. Thế mà, sau khi cô chết, không ai muốn nhìn ngó đến cái tử thi của cô. Vì cái đẹp tuyệt trần kia, giờ đây chỉ còn lại là một đồng thối thúi tha hôi tanh làm mỗi ngon cho ruồi bu dòi đục.

Bởi thế, pháp cú trên, Phật bảo chúng ta hãy “*ngắm nhìn cho thật kỹ cái thân tốt đẹp này chỉ là đồng xương lở lói, chồng chất tật bệnh, đã được người ta tưởng là êm ái, trong đó tuyệt đối không có gì trường tồn*”.

Ở đời, người ta không dám nhìn sự thật. Thiên hạ đua nhau sống bằng giả dối. Dùng thứ giả dối này phủ che lên thứ giả dối kia. Cái thân là thứ giả hợp, bất tịnh, nhưng có mấy ai nhìn thấy được sự thật đó. Vì do nhân duyên giả hợp bởi bốn chất: đất, nước, gió, lửa, mà người ta cứ tưởng là thật, là trường tồn. Kỳ thật nó là thứ vô thường huyền ảo tan hợp bất thường, khác gì bọt nước. Cái thân này, ngoài vô thường, bất tịnh ra, nó còn là một ổ vi trùng. Vì là ổ vi trùng, nên nó có nhiều tật bệnh. Cho nên Phật mới nói cái thân này chông chát nhiều tật bệnh. Bệnh là một hiện tượng hư hoại bởi một bộ phận nào đó, nếu chữa không lành, thì sẽ đưa đến tử vong. Nhưng dù có chữa lành đi chăng nữa, cũng chỉ tạm duy trì kéo dài thêm sự sống một thời gian ngắn nữa thôi. Cuối cùng, nó cũng sẽ hoại diệt. Hiểu như thế, ta không nên cố chấp vào thân này, để tạo thêm ác nghiệp mà thọ khổ. Ta hãy lợi dụng nó khi còn mạnh khỏe để tích lũy tu hành tạo thêm nhiều thiện nghiệp lợi mình, lợi người trong hiện tại và mai sau.

148. Cái hình hài suy già này là cái rường tập trung bệnh tật, dễ hư nát. Đã có tụ¹⁰ tất có tán¹¹, có sinh tất có tử.

*Fully worn out is this body, a nest of disease, and fragile.
This foul mass breaks up, for death is the end of life.*

Kệ Tụng

Hình hài suy già này

Một rường bệnh, biến hoại

¹⁰ Tụ: nhóm họp lại thành một hình thể cụ thể.

¹¹ Tán: tan ra. Hễ có tụ lại thì có tan ra. Đây là nói lên cái lý duyên sinh vô thường không có gì tồn tại lâu dài.

Nhóm bất tịnh tiêu hủy

Đã sống tất diệt vong.

Lược giảng:

Pháp cú này Phật dạy tại tinh xá Kỳ Viên, có liên quan đến ni cô Uttarà.

“Ni cô vẫn tiếp tục hành hương khát thực cho đến một trăm hai mươi tuổi. Một hôm, gặp một Tỳ kheo, bà dâng hết thức ăn trong bát, không chừa lại gì cho mình. Ngày thứ hai và tiếp ngày thứ ba, Uttarà cũng lại gặp và dâng cúng cho vị Tỳ kheo đó tại chỗ cũ.

Đến ngày thứ tư, Uttarà đang đi khát thực như thường lệ thì gặp Phật nơi thật đông người. Bà bước lui, lá y bà bị tuột, bà giẫm chân lên, vương vãi nên té ngã. Thế Tôn đến gần bà và bảo:

- *Sư muội, thân của người suy yếu theo tuổi già, không còn bao lâu sẽ hoại diệt*”. Nhân đó, Phật nói pháp cú này. (Trích nguyên văn tích truyện Pháp Cú Tập II, Viên Chiếu, tr 214)

Già là một trạng thái suy nhược thoái hóa. Mọi cơ phận đều suy dần. Dù biết thân già có nhiều bệnh tật, khổ mình, khổ người, thế mà người ta vẫn muốn sống lâu. Người xưa nói: “*đa thọ, đa nhục*”. Càng sống lâu, càng chịu đựng khổ nhọc nhiều. Khổ nhọc đủ mọi phương diện, từ thể xác đến tinh thần. Về thể xác, không cần nói ai cũng biết, ngoài phần tứ chi đau nhức rã rời ra, rồi nào là lưng còng, má cốp, da nhăn, tóc bạc, mắt mờ, tai điếc v.v... Sức khỏe ngày càng kiệt lực dần, như đèn cạn dầu, ăn không ngon, ngủ không yên giấc. Về tinh thần thì lú lẫn, nhớ trước quên sau, nghĩa là trí óc không còn minh mẫn nữa. Tuy nhiên, tuổi già, nếu người ta biết thức tỉnh gắng chí tu hành cũng là điều tốt. Ở

đây, chánh phủ Úc thường quan tâm đến sức khỏe và trợ cấp tiền cho người già. Nhờ vậy, mà người già khỏi phải lo lắng đến việc cơm ăn áo mặc làm phiền con cháu chăm sóc dưỡng nuôi.

*Tuổi già lụm cụm ốm đau hoài
Tóc bạc da mồi trí lẫn sai
Nương gậy cậy con, con mắng nhieéc
Nhờ tiền trợ cấp sống qua ngày
Tuổi già ở Úc tuy buồn chán
Nhưng bệnh ngặt nghèo cấp cứu ngay
Quãng gánh lo đi và vui sống
Được thế lo gì chẳng sống dai.*

(Thích Phước Thái)

Người già ít nhiều hay mang bệnh cố chấp. Do cố chấp, mà tuổi trẻ cho là người già khó tánh. Vì người già hay sống lại quá khứ. Tại sao? Tại vì không dám nhìn về tương lai. Mỗi khi nghĩ đến tương lai, thì cảm thấy như cái chết gần kề. Vì đoạn đường tương lai còn quá ngắn ngủi. Do đó, mà người già ít dám nghĩ đến tương lai. Thứ hai, tuổi già nó chông chắt không biết bao nhiêu thứ tật bệnh. Phật nói: “*Cái rình già tập trung bệnh tật, dễ hư nát*”. Thân già mòn mỏi, tứ chi đau nhức hoành hành, thử hỏi như thế còn ham muốn cái gì nữa mà tranh giành hơn thua để nghĩ đến tương lai chớ?

Phật dạy, dù sống về quá khứ hay sống về tương lai, cả hai đều là bất ổn. Vì sao? Vì càng nghĩ ngợi tâm ta càng bất an. Chi bằng, cứ lo niệm Phật và tập sống ngay trong giây phút hiện tại. Đừng vọng niệm nghĩ nhớ mông lung, chẳng ích lợi gì. Tuổi già được có cái lợi hơn tuổi trẻ là có nhiều thời gian rảnh rỗi. Hãy khéo biết lợi dụng thời gian rảnh rỗi để dốc lòng gia công niệm Phật, thì thật là lợi ích biết bao! Như vậy, không phải trong cái hoạn họa mà ta tìm được cái phước báo đó sao?

Qua câu chuyện ngắn trích dẫn trên, cho ta thấy vị Tỳ kheo ni già luôn đi khát thực. Trong khi đi khát thực, Sư bà lại nhịn ăn để đem thức ăn trong bát của mình dâng cúng cho vị Tỳ kheo khác. Cứ thế, trải qua hai ba ngày, cho đến Sư bà yếu đi và ngã té xuống. Lúc đó, may mắn, Sư bà gặp đức Phật và đức Phật khuyên nhắc Sư bà hãy nghĩ đến tuổi già suy yếu, không bao lâu nữa sẽ hoại diệt. Ngẫm ý cảnh tình Sư bà nên cố gắng tinh tấn tu hành, vì ngày chết gần kề. Đó là lời cảnh tỉnh không những cho vị Tỳ kheo già đó, mà Phật còn thức nhắc cho những ai đã đến tuổi già nên ý thức mà ráng lo tu niệm. Vì cái chết cận kề. Cái chết nó đến với chúng ta bất cứ lúc nào. Nó không bao giờ hẹn trước với bất cứ một ai...

149. Trái hồ lô (trái bầu) về mùa thu thì khô tàn, thân này cũng vậy, khi đã hư hoại, thì chỉ còn một đồng xương màu lông hạc; rõ thật chẳng có gì vui.

These dove- coloured bones are like gourds that lie scattered about in autumn. Having seen them, how can one seek delight?

Kệ Tụng

Như trái bầu mùa thu

Bị vất bỏ quãng đi

Nhóm xương trắng cũng vậy

Màu trắng bạc bỏ câu

Thấy vậy ai còn vui?

Lược giảng

Pháp cú này Phật dạy tại tinh xá Kỳ Viên, có liên quan đến nhóm Tỳ kheo cả tin.

“Năm trăm Tỳ kheo nhận đề mục thiền quán từ Thế Tôn, rút vào rừng nỗ lực phấn đấu thiền định. Nghĩ rằng, mình không còn tham ái và đã hoàn thành tu tập, họ ra khỏi rừng đến báo với Thế Tôn đã chứng đắc. Họ vừa đến ngoài cổng tinh xá, Thế Tôn vội bảo Trưởng lão A Nan rằng, họ chưa có duyên gặp Phật, bảo họ đến lò thiêu trước rồi trở lại gặp Phật sau.

Thay vì thắc mắc tại sao, các Tỳ kheo bảo nhau: “Đức Phật là bậc đại trí, chắc chắn Ngài có ý”. Họ tuân hành đến lò thiêu và trông thấy các thi thể. Với các thi thể để lâu đến một hai ngày thì họ thấy ghê tởm, các thi thể mới chết còn tươi rói lại kích động lòng dục của họ. Lúc đó mới nhận ra tham ái vẫn còn trong lòng. Thế Tôn ngồi trong hương thất phóng quang ảnh đến đối diện với các Tỳ kheo bảo:

- *Này các Tỳ kheo, thấy nguyên bộ xương mà các ông thích thú tham đắm xấu xa thì có hợp lẽ không?* Nhân đó, Phật dạy pháp cú này”. (Trích nguyên văn tích truyện Pháp Cú Tập II, Viên Chiếu, tr 216)

Qua truyện tích dẫn chứng trên, ta thấy Phật dạy cho các thầy Tỳ kheo một bài học thiền quán cụ thể về thân người. Phật biết, các vị Tỳ kheo này tuy có vào rừng sâu để thực tập thiền quán, nhưng lòng tham ái sắc dục vẫn còn. Cho nên thay vì đến gặp Phật, Phật bảo hãy đi thẳng đến lò thiêu để quán sát tận mắt các tử thi chưa thiêu hoặc đã thiêu rồi.

Khi nhìn thấy các thi thể sinh trưởng lên, thật là ghê tởm. Còn những thi thể thiêu xong, thì còn lại một đồng xương trắng. Thân con người, khi còn hơi thở ra vô, các tế bào làm việc, nên nhìn thấy còn tươi trẻ đẹp đẽ. Nhưng khi tắt hơi thở rồi, máu đặc lại, toàn thân lạnh ngắt, chùng đó thì thể cứng đờ ai cũng như ai. (Ngoại trừ các bậc tu chứng đắc đạo, những vị này, thân thể của họ mềm mại khác hơn

người thường. Điều này là một sự thật đã được nhiều người chứng kiến và thí nghiệm qua).

Chết rồi, người ta phải nghĩ ngay đến việc đem cái xác cất giấu vào trong hòm. Vì để ngoài không ai chịu nổi mùi hôi thúi. Vài ngày sau, người ta phải mau mau đem đi chôn hoặc thiêu đốt. Không ai dám để lâu cái thân chết. Vì để lâu nó sẽ gây ra ô nhiễm môi trường gây tác hại cho những người chung quanh.

Thế thì, cũng cái thân đó, khi sống thì ai cũng trầm trồ khen đẹp, lắm khi người ta còn tranh giành nhau vì sắc đẹp mà phải ra tay tàn hại lẫn nhau. Đến khi chết, ai ai cũng ghê tởm và xa lánh. Nghĩ cho cùng, con người sau khi chết còn thua con vật. Vì con vật người ta còn bỏ tiền ra để mua ăn. Còn con người thì sao? Đến gần, người ta còn không dám, đừng nói chi đến việc gì khác. Như thế, thì giá trị của con người ở chỗ nào? Nếu nó có giá trị thật, thì khi sống cũng như lúc chết, người ta cũng phải đối xử quý trọng như nhau. Tại sao lúc còn sống thì thương yêu quý kính, đến khi chết rồi, thì lại coi thường ghê sợ rẻ khinh?

Thử ngẫm kỹ, con người ngay khi còn sống, bản chất của nó cũng vẫn là hôi thúi, chớ đâu phải đợi đến chết mới là hôi thúi. Nhưng vì lúc sống, người ta năng tắm rửa kỳ cọ và khéo trang sức xông ướp vào những thứ nước hoa thơm giả tạo bề ngoài. Do đó, mà người ta quên đi cái bản chất bất tịnh của nó. Sự xông ướp này, có khác gì người ta dùng ngũ vị hương ướp thịt. Thịt nhờ ướp ngũ vị hương vào nên khi nướng người ta chỉ nghe mùi thơm mà không nghe mùi cháy khét hôi tanh của nó.

Đó là vì người ta không muốn nhìn thẳng vào sự thật. Vì người ta sợ sự thật bày ra lộ liễu chán chường! Nên cần phải che giấu cái xấu xa hôi tanh của nó. Con người vốn đã giả dối, người ta lại che đậy lên bao thứ giả dối khác nữa. Như

vậy, cuộc sống ở thế gian, toàn là sống bằng giả dối. Càng dùng những thủ đoạn khéo léo giả dối tinh xảo che mắt người ta chừng nào, thì người ta lại càng đánh giá khen tốt chừng đó. Bởi vậy mới có câu nói: “*Thế gian là trường chuyên lường gạt giả dối với nhau*”. Biết đến bao giờ người ta mới sống thật với nhau! Phật dạy, người Phật tử phải có chánh niệm thiền quán. Nhờ có chánh niệm thiền quán, người Phật tử mới nhận ra được sự thật của cuộc đời. Trước hết, Phật dạy, người Phật tử phải quán chiếu tự thân. Thấy rõ thân này chỉ là giả dối tạm bợ và bất tịnh. Hằng quán chiếu như thế, thì mọi dục vọng tham ái chấp trước ở nơi thân mình và người sẽ lần lần suy giảm.

*Có chi là sạch ở nơi thân
Pheo phổi ruột gan máu thịt gân
Mũi dãi tanh hôi đường cứu khiêu
Nhóp nhúa ra vào tợ ó phân
Thế gian lắm kẻ yêu thương tiếc
Thượng sĩ xuất trần chẳng đoái thân
Ai người tỉnh giác chơn thường quán
Bất tịnh từ đầu đến chí chân
(Thích Phước Thái)*

Phật đem trái bầu để dụ cho thân này. Trái bầu khi còn tươi thì vỏ nó xanh. Nhưng khi phơi khô thì vỏ của nó biến thành màu trắng. Con người cũng thế. Lúc sống, nhờ vận động, ăn uống, nên máu huyết lưu thông, da dẻ hồng hào, nhưng sau khi chết, da thịt tan rã, chỉ còn lại một bộ xương trắng khô. Thân này cũng thế, còn vay mượn, thì tạm gọi là còn sống. Khi hết vay mượn thì chết. Như vậy, đời người sống chết chỉ là một sự mượn trả mà thôi!

Đó là một sự thật mà ít có ai để tâm thiền quán. Trong gia đình, khi có người thân qua đời, người ta đem chôn hoặc đem thiêu. Dù thiêu hay chôn, cuối cùng, còn lại cũng chỉ là

một nắm xương tàn. Vì là cát bụi nên phải trả trở về cho cát bụi!

“Thông minh tài trí anh hùng

Si mê đại đột cũng chung một gò...”

Thật vậy, “gò” và “lò” là hai nơi mà khi con người nhắm mắt xuôi tay đều phải đến đó. Nếu không ra gò, thì cũng phải vô lò. Biết thế, chúng ta nên khắc chế mọi dục vọng nhu cầu thỏa mãn cho thân. Ta quyết không làm nô lệ cho nó sai sử. Tất cả, ta đều hạn chế giảm bớt. Càng sống đơn giản, ta càng có nhiều hạnh phúc. Đó là nếp sống của người khéo biết thiếu dục tri túc. Chỉ có nếp sống đó, đời ta mới thực sự được an nhàn và mới thực sự có hạnh phúc. Bằng ngược lại, thì đời ta sẽ khổ đau dài dài trong sự bon chen đua đòi vật chất.

Ta nên biết, thế giới vật chất là một thế giới mê hồn trận. Khi bị lạc bước vào thế giới này, ta khó mà dừng lại để thoát ra. Nhưng ta đừng quên lời Phật dạy: “*các pháp hữu vi là vô thường, là mộng ảo, là bọt nước... chúng ta hợp bất thường. Cuối cùng, chúng ta chỉ là kẻ đuổi theo để nắm bắt một làn hương khói mà thôi...!*”!

150. Thân này là cái thành xây bằng xương cốt, tô quét bằng máu thịt, để cất chứa sự già và sự chết, ngã mạn và dối gian.

This city (body) is built of bones, plastered with flesh and blood; within are decay and death, pride and jealousy.

Kệ tụng

Thành này làm bằng xương

Quét tô bằng máu thịt

Ở đây già và chết

Mạn, hư nguy chất chứa.

Lược giảng

Pháp cú này Phật dạy tại tinh xá Kỳ Viên, có liên quan đến ni cô Janapada- Kalyàni Rùpanadà.

Trước khi xuất gia trở thành ni cô, cô này có nhan sắc tuyệt đẹp. Do đó mà cô có tên là Rupa. Nghĩa là người con gái có sắc đẹp tuyệt trần. Vì quá đẹp, nên cô đâm ra kiêu hãnh và khinh khi những cô gái có nhan sắc kém hơn cô.

Một hôm, cô đến gặp Phật và sau khi đánh lễ, Phật thuyết giảng cho cô nghe một thời pháp. Khi thuyết giảng, Phật dùng thần lực, hiện ra một cô gái có nhan sắc đẹp hơn cô. Cô này, đứng gần bên Phật. Từ một cô gái ở tuổi xuân xanh kiêu diễm, không mấy chốc lại trở thành một phụ nữ và rồi già nua. Tất cả nhan sắc theo thời gian mà tàn tạ dần. Đến tuổi già rồi sanh ra nhiều thứ bệnh tật và chết.

Rupa nhìn thấy cảnh tượng do Phật biến hiện ra đó, bấy giờ cô ta nhìn lại thân phận mình không khác gì cô gái trẻ đẹp kia. Dù cho nhan sắc có mỹ miều duyên dáng, sắc nước hương trời, tuyệt đẹp đến đâu, không mấy chốc cũng trở thành một kẻ già nua da nhăn má cốp... hình thù rất xấu xí và rồi suy tàn dần đến chết. Thấy thế, nàng con gái xinh xắn có thân hình đẹp đẽ kia liền tỉnh giác và xin Phật xuất gia sống đời ni cô chuyên tu phạm hạnh.

Nhân cơ hội này, Phật nói một bài kệ để tỉnh thức những ai còn kiêu hãnh với sắc đẹp duyên dáng tuyệt trần của mình mà hồi tâm tu niệm. Dù cho sắc đẹp đến đâu, đẹp đến đâu: “*chìm đáy nước cá lờ đờ lặn, lừng da trời nhận ngấn ngơ sa*” hoặc đẹp như cũ: “*Tây Thi mát vía hay Hằng Nga giết mình*”, cũng không thoát khỏi luật vô thường chi phối và

cuối cùng chỉ còn lại một bộ xương khô mà thôi. Phật nói bài kệ như sau:

Hãy nhìn, Nandà!

Sự liên kết những bộ phận gọi là thân,

Nó là bệnh tật, bất tịnh, thói tha, rỉ chảy.

Thật là ngu ngốc nếu ham muốn nó.

Thân này như thế nào, thân kia cũng thế,

Thân kia ra sao, thân này cũng sẽ vậy.

Hãy nhìn các yếu tố của thân đều là không.

Đừng trở lại thế gian,

Hãy dập tắt tham ái khiến tái sanh,

Và người sẽ đi trong an tĩnh.

(Trích trong truyện tích Pháp Cú tập II của Viên Chiếu)

Sau khi nghe Phật nói bài kệ này, Rupanadà chứng quả Tu đà hoàn. Vì muốn cho cô tiến lên thánh quả A la hán, nên Phật dạy thêm:

- *Này Rùpanandà, đừng nghĩ rằng thân này có thực, không một chút gì là thực trong thân này. Thân này là thành trì làm bằng xương, do ba trăm khúc xương dựng lên. Nghe xong, Rùpanandà chứng quả A la hán. Và rồi Phật nói tiếp pháp cú này.*

Đọc qua Pháp cú trên, Phật cho chúng ta một hình ảnh cụ thể về thân. Phật nói: “*Cái thân này là cái thành xây bằng xương cốt và tô quét bằng máu thịt*”. Qua lời dạy này, chúng ta hãy bình tâm quán sát cho thật kỹ tường tận, xem lời Phật dạy có đúng như vậy không. Phật so sánh giữa cái thân (body) và cái thành. Phạm người ta muốn xây dựng

một cái thành, tất nhiên là cần phải hội đủ những vật liệu. Cái thành được dựng lên và đứng vững được, tất phải nhờ những cốt sắt. Những cốt sắt là cái nòng bên trong để chịu đựng và làm cho tám tường thẳng đứng. Đồng thời cũng chịu đựng cả những mái ngói lợp bên trên. Cái thân này cũng thế. Sở dĩ toàn thân đi đứng vững vàng là nhờ vào bộ xương chịu đựng. Bộ xương là nòng cốt của thân thể.

Muốn cho bức tường thành vững chắc và trông thấy đẹp mắt, tất nhiên, người ta phải tô trét bằng cement và sơn phết nước sơn bên ngoài. Thân này cũng vậy, ngoài bộ xương làm nòng cốt ra, nó còn phải nhờ đến các sợi dây gân và máu thịt. Đồng thời phải nhờ có lớp da bao bọc lại. Tất cả đều là do duyên hợp. Phải hội đủ những điều kiện mới tạo thành. Khi xây dựng tường thành, nó còn đòi hỏi những vật liệu xây dựng tốt hoặc xấu. Nếu vật liệu tốt có chất lượng, thì xài được bền lâu. Ngược lại, thì không bền lâu. Thân này cũng thế. Nếu những điều kiện phối hợp tạo thành, tất cả đều tốt, không tỳ vết bệnh hoạn, thì thân thể người đó có sức khỏe tốt và kéo dài sự thọ mạng dài lâu hơn, so với người có sức khỏe kém hay đau yếu bệnh tật. Nhưng dù tốt hay xấu, cuối cùng, tất cả đều phải bị hoại diệt. Vì đó là lẽ thật của cuộc đời. Không ai có quyền đổi khác được. Cũng như tường thành kia, dù xây dựng bền chắc đến đâu, rồi lại, cũng phải bị hư hoại mà thôi.

Một khi đã xây dựng hình thành một cái thành rồi, hay nói rõ hơn như hoàn thành một cái nhà, tất nhiên, trong ngôi nhà đó phải cất chứa nhiều thứ vật dụng đồ đạc. Cũng thế, Phật nói, cái thân này, bên trong nó cất chứa toàn là những thứ bất tịnh như già chết, ngã mạn và dối gian.

Chữ bất tịnh nói trên, nó có hai nghĩa: Không sạch và bất an. Thân này vốn không sạch và luôn luôn bất an. Tại sao? Vì những bộ phận trong thân người toàn là những thứ cấu

uế. Như gan, ruột, pèo, phổi, tim, óc, máu, mủ v.v... nhìn lại không thứ nào sạch cả. Còn nói bất an, là vì tất cả đều do duyên hợp. Đã là duyên hợp, thì tất phải do duyên tan. Đã có hợp, tất nhiên là có hoại. Mà hoại là bệnh, là bất an. Về vật chất bất an và về tinh thần cũng bất an. Cho nên, Phật nói tất cả đều là không chủ. Mà không chủ là không có cái ta chân thật. Tất cả đều là giả dối không thật. Người nào hằng để tâm quán sát như thế, thì Phật nói người đó dần dần sẽ thoát ly sanh tử khổ đau vậy.

151. Cái xe vua đi dù được trang hoàng lộng lẫy cũng phải hư hoại, thân này dù có trau tria cũng có lúc già yếu. Chỉ trừ thiện pháp của bậc thiện nhân là không bị suy già và cứ di chuyển từ người lành này sang người lành khác.

Even gorgeous royal chariots wear out, and indeed this body too wears out. But the Dhamma of the Good does not age; thus the good make it known to the good.

Kệ tụng

Như xe vua lộng lẫy

Cuối cùng bị nát tan

Thân này rồi sẽ già

Chỉ có pháp kẻ thiện

Khỏi bị nạn tiêu vong

Sáng tỏ giữa kẻ thiện

Lược giảng

Pháp cú này Phật nói tại tinh xá Kỳ Viên, có liên quan đến hoàng hậu Mallikà. Theo truyện tích, Bà là chánh hậu của

vua Ba tư nặc. Bà là một Phật tử rất thuần thành thường tới lui tinh xá để cúng dường đức Phật và chúng tăng. Có một điều bất hạnh cho bà là bà đã phạm giới tà dâm. Chính vua Ba tư nặc đã nhìn thấy hành động dâm ô của bà với một con chó mà bà đã cung yêu chiều chuộng nhứt ở trong nhà tắm.

Khi nhà vua khiển trách, bà lại chối quanh không nhận tội. Thế là bà phạm thêm cái tội nói dối. Do đó, lòng bà luôn luôn bất an. Vì ôm ấp mặc cảm tội lỗi nên trước khi lia đời, bà cứ mãi ray rứt về tội lỗi của mình đã gây ra. Mặc dù trước đó bà đã cúng dường nhiều phẩm vật quý giá dâng lên cho đức Phật. Nhưng trong giờ phút hấp hối, bà không nhớ đến sự cúng dường đó. Bà chỉ nhớ và lo sợ tội lỗi đã gây tạo. Do có đó, nên sau khi nhắm mắt, bà bị đọa vào địa ngục A tỳ. Vua Ba tư Nặc rất yêu thương bà và nhà vua nóng muốn biết thân thức của bà thác sanh về đâu? Vua đến bạch Phật, Phật biết trước sự việc nên khuyên nhà vua không nên bi lụy. Bà hoàng hậu chỉ đọa địa ngục trong vòng 7 ngày thôi, rồi sau đó sẽ thác sanh lên cõi trời Đâu Suất.

Sau bảy ngày, đức Phật chỉ đi một mình ôm bát vào thành khát thực. Đến cổng hoàng cung, vua hay tin thay vì sốt đồ ăn vào bát của Phật, nhà vua cầm bát của Phật định lên sân thượng, nhưng Phật từ khước. Đức Phật chỉ muốn ngồi ở ngôi nhà để xe. Nhà vua thuận theo ý Phật và ông cúng dường thức ăn cho Phật tại chỗ ngồi.

Nhà vua tỏ vẻ buồn rầu áo não và bạch Phật về việc của hoàng hậu. Phật bảo: nhà vua không nên lo lắng, vì hoàng hậu nhờ phước đức cúng dường Phật và chúng tăng, nên đã sanh lên cõi trời Đâu Suất. Dù biết vậy, nhưng nhà vua vẫn ưu tư buồn khổ. Phật thấy vậy rất thương xót nên khuyên bảo và giảng pháp cho ông nghe. Nhân đó, Phật mới hỏi nhà vua về những chiếc xe. Có ba loại xe. Chiếc xe cũ kỹ nhất là

của đời ông, chiếc xe hơi cũ là của đời cha và chiếc xe còn mới là của nhà vua.

Đức Phật dạy:

“Đại vương, xe của cha còn tốt hơn xe ông nội, cũng vậy xe của đại vương còn tốt hơn xe của cha. Sự suy tàn cũng sẽ làm hư hoại thân này. Đại vương, chỉ có đức hạnh chơn chánh mới không hư hoại”. Và rồi đức Phật liền nói pháp cú này.

Qua phần lược dẫn truyện tích trên, ta thấy, bà hoàng hậu, tuy được nhà vua sủng ái, nhưng vì bà ta phạm một lỗi lầm rất lớn. Do đó, mà cả hai người đều mất hạnh phúc. Dù ở địa vị cao sang, quyền uy tột đỉnh, nhưng bản chất vẫn là con người, vẫn có đủ những hạt giống: hỷ, nộ, ái, ó, ai, lạc v.v... Trong mỗi con người, đều sẵn có hai thứ hạt giống tiềm tàng: tốt và xấu hay thiện và ác.

Bà hoàng hậu, tuy là một Phật tử hiểu đạo, nhưng vì hạt giống xấu trong tâm thức của bà chưa được chuyển hóa khá, nên đôi khi nó lại lấn át hạt giống tốt và rồi nó hành động theo lòng si mê dục vọng sai khiến. Từ đó, bà không còn giữ được hạnh phúc như thuở nào. Và cũng từ đó, lòng bà bất an. Đó là do bà đã tạo nên một nội kết mặc cảm tội lỗi rất lớn trong đời, mà chính bà không thể tự hóa giải được.

Không bao lâu bà lâm trọng bệnh và qua đời. Nhân nào quả nấy. Sau khi chết, bà bị đọa vào địa ngục A tỳ. Tuy nhiên, đây chỉ là trả cái quả báo của cận tử nghiệp, cho nên thời gian rất ngắn. Còn tích lũy nghiệp là nhờ hằng ngày bà tu tạo phước đức cúng dường và trong tâm luôn hướng về Phật pháp, nên sự thọ tội của bà trong địa ngục cũng không có dài lâu. Nhờ phước đức cúng dường Phật và chúng tăng, nên sau đó, bà được sanh lên cõi trời Đâu Suất.

Sau khi hoàng hậu mất, vua Ba tư nặc rất thương nhớ sầu khổ. Vua là một Phật tử rất có tín tâm. Ông hết lòng phụng sự Phật pháp. Ông đã cúng dường nhiều tài vật tạo nhiều phương tiện để Phật và chúng tăng tiện bề giáo hóa chúng sanh. Vì cảm kích lòng hảo tâm của ông, nên sau bảy ngày hoàng hậu mất, Phật một mình ôm bát đến trước cửa hoàng cung. Mục đích là Phật muốn đến viếng thăm và an ủi ông. Hay tin Phật đến, nhà vua đích thân cung thỉnh Phật vào trong cung. Ông định thỉnh Phật lên trên sân thượng, nhưng Phật từ khước.

Phật chỉ ngồi trong nhà để xe. Nhìn thấy những chiếc xe để đó, nhân đó, Phật dùng những chiếc xe này làm đề tài để Phật nói một bài pháp. Phật so sánh thân này giống như chiếc xe của nhà vua. Chiếc xe, khi mới sản xuất, thì ai thấy cũng trầm trồ khen đẹp. Xài một thời gian, thì nó phải cũ kỹ. Phật nói: *“Dù đại vương có trang hoàng cho chiếc xe lộng lẫy đẹp đẽ đến đâu, cuối cùng rồi, nó cũng phải hư hoại”*.

Thân này cũng thế. Lúc còn trẻ trung, nhựa sống tràn đầy, ai trông thấy cũng cho là đẹp. Nhưng rồi, cũng theo thời gian mà nhan sắc phải héo úa tàn phai. Có thân ai trẻ đẹp mãi mà không già không? Cũng như có chiếc xe nào mà không phai màu cũ kỹ không? Chiếc xe, dù chúng ta có sơn phết tân trang thiết bị đến cỡ nào, rồi nó cũng phải hư hoại mà thôi. Vì bản chất của nó là vô thường, là sanh diệt.

Thân này cũng vậy. Dù chúng ta có bỏ ra tốn hao bao nhiêu tiền bạc để sửa sắc đẹp, nhưng cuối cùng thì sao? Nó có còn trẻ đẹp bền bỉ mãi không? Hay rồi nó cũng da nhăn má cốp... và tàn tạ xấu xí không ai muốn nhìn. Vì bản chất của nó là gốc cây mục. Chúng ta có tô trét sửa mới làm đẹp cách mấy đi nữa, rồi nó cũng mục rã. Thật đúng với câu người ta

thường nói: *“tiền mất mà tật vẫn mang, sửa sang tân trang lại càng chuốc khổ”*.

Xét cho cùng, thì thân này nó già từng sát na. Các tế bào luôn luôn thay đổi biến dịch. Cái này chết đi cái kia sinh trưởng. Cứ thế mà luân lưu theo dòng sanh diệt. Tất cả đều phải bị luật vô thường chi phối đào thải. Không có một thứ gì tồn tại lâu dài. Tuy nhiên, chỉ có một thứ không già. Đó là Phật nói: *“chỉ trừ thiện pháp của bậc thiện nhân là không bị suy già mà cứ di chuyển từ người lành này sang người lành khác”*.

Thiện pháp là pháp lành, là cái không hình tướng. Vì không có hình tướng, nên nó không bị luật vô thường sanh diệt chi phối. Nói cách khác, *“Thiện pháp”* cũng chính là *“Phật tánh”* hay *“pháp tánh”*, đó là cái pháp gốc của con người. Cái gì có hình tướng, thì cái đó bị hoại diệt. Trong Kinh Kim Cang Bát Nhã Phật nói: *“Phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng. Nhược kiến chư tướng phi tướng tức kiến Như Lai”*.

Phật nói: *“cái gì có hình tướng đều là giả dối không thật. Nếu thấy các tướng mà không dính kẹt vào tướng, thì người đó mới thấy được Như Lai”*. Như Lai ở đây, không phải chỉ cho Phật quả. Mà Như Lai ở đây, là chỉ cho cái thể tánh thanh tịnh sáng suốt bất sanh bất diệt mà mỗi người chúng ta đều sẵn có. Về tướng của các pháp, thì có vô thường sanh diệt. Tại sao? Vì tất cả đều do duyên hợp. Đã do duyên hợp, nên thể tánh của nó là *“Không”*. Cũng như những lượn sóng nhỏ lớn nổi trên mặt biển có khác nhau, nhưng bản thể của chúng chỉ là nước. Người nào nhận ra cái thể tánh sẵn có này, thì gọi người đó là kiến tánh hay ngộ đạo. Và từ đó cứ như thế mà truyền pháp cho nhau, mãi mãi không cho đoạn diệt, nên Phật nói, cứ di chuyển từ người lành này sang người lành khác.

Tóm lại, mọi vật trên đời, không có vật gì tồn tại theo thời gian. Phật nêu ra hình ảnh của chiếc xe để tiêu biểu cho tất cả mọi vật khác. Cái thân này giống như cỗ xe kia. Mọi người ai ai cũng phải trải qua một chu kỳ: “*sanh, già, bệnh, chết*, hay *sanh, trụ, di, diệt*”. Lúc trẻ thì đẹp, đến lúc già thì xấu đi. Nhưng dù đẹp hay xấu, tất cả đều mang một mẫu số chung, đó là “Chết”. Nhưng chết không phải là hết, mà nó chỉ là biến đổi qua một hình thái khác thôi.

Ý thức như thế, Phật khuyên chúng ta nên cố gắng làm lành lánh dữ. Tu tạo nhiều điều phước thiện. Như bà hoàng hậu, tuy tạo tội bị đọa lạc, nhưng nhờ tu phước bố thí cúng dường Tam Bảo mà bà ta được phước báo sanh thiên. Đời người, khi nhắm mắt xuôi tay, tất cả đều để lại cho đời, chỉ có mang theo hai thứ: “*ngiệp lành hoặc nghiệp ác*”. Tùy theo chỗ tạo nghiệp lành dữ hiện đời mà người ta có thọ sanh vui khổ khác nhau.

152. Những người ít nghe kém học, suốt đời như trâu, gân thịt dẫu lớn mạnh mà trí tuệ không tăng thêm.

The man of little learning grows old like a bull. He grows only in bulk, but, his wisdom does not grow.

Kệ Tụng

Người ít nghe kém học

Lớn già như trâu nái

Gân thịt tuy lớn mạnh

Trí tuệ không gia tăng.

Lược giảng

Phật dạy pháp cú này tại tinh xá Kỳ Viên, có liên quan đến Trưởng lão Ca lưu đà di. Vị Trưởng lão này, khi mở miệng nói ra điều chi, đều bị người ta chê cười. Lý do, là vì ông

thất học, nên ăn nói không đâu vào đâu. Khi ông đến những nơi người ta đang tế lễ hoặc nơi đám tang, thì ông thốt ra những lời nói thật là vô duyên và sai trái. Khi các thầy Tỷ kheo chứng kiến nghe ông nói như thế, liền đến bạch Phật.

- “Bạch Thế Tôn! Ca lưu đà di đi đến chỗ lễ lạc hay tang ma có lợi ích gì? Điều đáng phải nói, Ca lưu đà di nói trật lất”.

Đức Phật dạy: “*Ca lưu đà di không phải hiện đời nói năng như thế mà trong tiền kiếp, ông cũng đã nói điều không đúng. Khi mở miệng nói ra, ông đều nói sai bét, trật lất những việc xảy ra*”.

Nhân đó, Phật nhắc lại câu chuyện tiền kiếp về việc nói năng không đúng của Ca lưu đà di. Xưa kia, ông ta là một Bà la môn tên là Aggidatta và ông có người con trai tên là Somadatta. Người con trai này, theo hầu vua và được nhà vua rất tín nhiệm sủng ái. Aggidatta chuyên sống bằng nghề nông. Ông có hai con bò đực, nhưng lại chết một con. Ông liền bảo con trai của ông nên xin nhà vua cho ông một con bò đực khác. Người con trai, vì không muốn nhà vua hiểu lầm mình, lợi dụng chức tước để xin xỏ này kia nên mới nói với người cha rằng, cha nên trực tiếp tâu lên vua. Người con chỉ vẽ bày cách để nói: cha phải nói bài kệ như thế này:

Tôi có hai con bò đực giúp tôi cày bừa.

Nhưng một con đã chết.

Xin cho tôi con khác, vương tử anh hùng!

Bài kệ chỉ có ba câu đơn giản như thế, nhưng khôn nỏi, ông cha phải mất hết một năm trời mới nhớ thuộc lòng. Người con bảo ông cha nên mang lễ vật đến trước vua và tâu lên như thế. Nghe lời con, ông cha liền làm theo.

Khi đến trước vua, Aggidatta liền đọc bài kệ:

Tâu bệ hạ!

Tôi có hai con bò đực giúp tôi cày bừa.

Nhưng một con đã chết.

Xin lấy con còn lại, vương tử anh hùng!

Nghe tâu qua, nhà vua vô cùng ngạc nhiên lấy làm lạ. Bảo ông tâu lại, nhưng ông ta vẫn lặp lại đúng như thế.

... Sau khi kể xong câu chuyện tiền kiếp, Đức Phật quy kết lại hiện tại: Thời đó nhà vua là A Nan, Bà la môn là Ca lưu đà di và Somadatta chính là ta.

Sau đó, Phật liền tuyên bố rõ cho đại chúng biết, đây không phải là lần đầu tiên mà Ca lưu đà di nói không đúng việc, đúng lời, vì ông ấy quá ngu si, ít nghe, kém học, không khác gì con trâu đực. Đó là nguyên do mà Phật nói ra pháp cú này.

Qua câu chuyện lược dẫn trên, cho chúng ta một bài học về việc mở mang trí huệ. Thật vậy, trong đạo Phật trí huệ rất quan trọng. Người Phật tử đến với đạo Phật, không phải chỉ đến bằng niềm tin không thôi, mà điều quan yếu là phải đến và tiếp nhận bằng trí huệ. Nếu chỉ có niềm tin, thì người Phật tử dễ bị lung lạc. Vì niềm tin chưa đủ sức soi sáng để người Phật tử đi đúng hướng chân lý, mà phải cần đến ánh sáng trí huệ. Chỉ có ánh đuốc trí huệ mới có đủ khả năng soi sáng và chỉ đạo hướng dẫn con người đi đúng lộ trình hợp với chân lý. Niềm tin chỉ là trái tim, luôn thể hiện bằng tình cảm. Chất liệu tình cảm tuy cũng rất cần thiết cho người Phật tử xây dựng niềm tin, nhưng nếu thiếu trí huệ soi sáng, thì đôi khi niềm tin đó lại trở thành mù quáng. Đó là điều rất tai hại. Cho nên giữa tình cảm và lý trí phải được quân bình. Vì thế, một Phật tử phải luôn trang bị cho mình đủ cả hai thứ song hành, đó là: *“niềm tin và trí giác”*. Thiếu một

trong hai, thì sự tu hành của người Phật tử sẽ không đạt được kết quả tốt đẹp.

Muốn có trí huệ, người Phật tử cần phải luôn trau dồi. Trau dồi bằng cách thường xuyên nghe và học hỏi giáo lý. Phải luôn ứng dụng ba phương pháp học Phật: *“văn huệ, tư huệ và tu huệ”*. Đây là ba môn học tối cần thiết cho người Phật tử. Phật tử là người đang hướng đời mình về đạo giác ngộ. Muốn hướng đến đạo giác ngộ, tất nhiên, người Phật tử phải hằng quán chiếu. Phải vận dụng trí huệ soi rọi qua mọi hành động: *“từ ý nghĩ, lời nói và việc làm”*. Có thế, người Phật tử mới hy vọng tránh được mọi lỗi lầm.

Ca lưu đà di bị Phật quả trách nặng nề về việc nói năng không đúng thời, đúng chỗ và đúng việc. Sở dĩ như thế là vì ông không chịu nghiên cứu học hỏi. Phật dùng hình ảnh con trâu để so sánh với những người suốt đời dốt nát. Con trâu hay con bò chỉ có được thân hình to lớn vạm vỡ, nhưng chẳng có trí huệ gì! Cho nên, thường những kẻ nào ngu đần, nói nghe không hiểu, người ta hay nói là ngu như con bò.

Lời Phật dạy trong pháp cú trên, không có nghĩa là mạt sát, mà đức Phật muốn khuyến tấn mọi người nên trau dồi học hỏi để có thêm trí huệ. Được làm thân người rất khó. Đã được thân người mà không chịu học hỏi để thăng tiến, thì đó là điều thật đáng tiếc! Sự nghiên tầm học hỏi, dù ngoài đời hay trong đạo, tất cả đều tối ư cần thiết.

Người xưa nói: *“sĩ phu ba ngày không đọc sách mặt mũi đồng bụi thấy phát ghét”*. Chỉ mới ba ngày không đọc sách thôi, mà người ta còn thấy không ưa nổi. Nếu cả đời không học hỏi, không đọc sách thì sao? Các cụ xưa thường khuyên dạy con cháu:

Rừng Nho biển Thánh khôn dò,

Nhỏ mà không học lớn mò sao ra

Nay nhờ cơm mẹ áo cha

Gắng công học tập để ta bằng người.

Tiền của vàng bạc cả đời mình tạo ra, tuy nó là vật quý giá, nhưng chắc gì mình giữ nó còn hoài. Ngược lại, cái kiến thức mà mình gia công nỗ lực học hỏi, thì nó không bao giờ mất. Thí dụ: hai người cùng đi qua một cái biển lớn, ông A là người giàu có mang theo nhiều vàng bạc. Trong khi đó, ông B thì không có mang theo vàng bạc gì cả. Ông ta chỉ mang theo trong mình cái kiến thức sở học chuyên ngành bác sĩ. Nghĩa là ông ta đã có văn bằng bác sĩ.

Khi ra giữa biển, không may bị chìm tàu, tất cả vàng bạc của ông A đều bị mất hết. Nhưng cả hai ông đều thoát chết, vì được người khác cứu sống.

Khi tới đất liền, ông B dùng cái kiến thức sở học có bằng bác sĩ nên ông hội nhập lập nghiệp vào cuộc sống mới rất nhanh. Và tạo nên sự nghiệp rất khỏe và dễ dàng. Trong khi đó, ông A thì bắt đầu tạo lại sự nghiệp mới bằng con số không. Phải vận dụng hai bàn tay trắng để tạo dựng, dĩ nhiên, rất là vất vả và khó khăn. Thế thì, vàng bạc mang theo có mất, nhưng cái kiến thức kia không mất. Thử hỏi cái nào quan trọng hơn? Vì vậy việc đầu tư kiến thức cho mình rất là quan trọng.

Ở đây, khoan nói đến việc giàu nghèo. Vì điều đó còn do cái phước báo của mỗi người. Và nó còn đòi hỏi nhiều yếu tố khác. Ở đây, chỉ nói đến cái nào quan trọng hơn trong cuộc sống. Và đời sống nào nhẹ nhàng khỏe khoắn hơn thôi. Người có học thức khi đi đến đâu, cũng được người ta quý kính trọng dụng. Quốc gia nào cũng hoan nghinh, không dám khinh thường. Và dĩ nhiên, họ là người có địa vị trong xã hội. Đó là một hiện thực của xã hội, dù xưa hay nay, không ai có thể phủ nhận được.

Không ai công cử một người dốt nát lên làm Tổng Thống hay Bộ Trưởng. Do đó, bất luận thời đại nào, xã hội nào, việc giáo dục học hỏi trau dồi kiến thức vẫn phải được coi trọng và đặt lên hàng đầu. Nếu không, thì không còn là xã hội loài người nữa.

153 – 154. Ta lang thang trong vòng luân hồi¹² qua bao kiếp sống, tìm mãi mà không gặp kẻ làm nhà. Đau khổ thay kiếp sống cứ tái diễn mãi ! Hỡi kẻ làm nhà! Nay Ta gặp được người rồi. Người không thể làm nhà nữa. Bao nhiêu rui mè của người đều gãy cả rồi, kèo cột của người đã tan vụn cả rồi. Trí Ta đã đạt đến vô thượng Niết bàn, bao nhiêu dục vọng đều dứt sạch cả.

Through many a birth in samsara have I wandered in vain, seeking the builder of this house (of life). Repeated birth is indeed suffering!

O house-builder, you are seen! You will not build this house again. For your rafters are broken and your ridgepole shattered. My mind has reached the Unconditioned; I have attained the destruction of craving.

Kệ tụng

Lang thang bao kiếp sống

Ta tìm nhưng chẳng gặp

Người xây dựng nhà này

Khổ thay, sống luân hồi.

Ôi! Người làm nhà kia

¹² Luân hồi: luân là bánh xe; hồi là xoay tròn. Dùng hình ảnh bánh xe xoay tròn để nói lên mọi vật đều chịu chung một định luật Luân hồi. Tất cả vạn vật thiên hình vạn trạng, không một vật nào thoát khỏi luân hồi.

*Nay ta đã thấy người
Người không làm nhà nữa
Rui mè người bị gãy
Kèo cột người bị tan
Tâm ta đạt tịch diệt
Tham ái thấy tiêu vong.*

Lược giảng

Hai pháp cú này, Phật nói sau khi Ngài đắc đạo dưới cây bồ đề. Và sau này, Phật nói lại cho Tôn giả A Nan nghe.

Nói lên điều này, đức Phật nhằm minh chứng cho chúng ta thấy, Ngài đã trải qua bao kiếp sống nổi trôi trong vòng luân hồi bất tận. Hai chữ lang thang là một trạng từ diễn tả nhiều kiếp thăng trầm không định hướng. Điều đó, phải chăng, đức Phật đã minh xác một cách rõ ràng rằng, con người là một hiện thể luôn luôn tái sinh. Chết không phải là mất hẳn, như phái Đoạn Diệt đã chủ trương.

Tuy nhiên, có điều ta cần nên hiểu rõ: cũng đồng đi trong vòng luân hồi, nhưng hướng đi của chúng sanh và Bồ tát có khác nhau. Hướng đi của chúng sanh là do nghiệp lực dẫn dắt. Đi trong vòng trả nghiệp. Ngược lại, hướng đi của Bồ tát là đi vì nguyện lực độ sanh.

Ở đây, ta thấy, Phật cũng đã trải qua nhiều kiếp nổi trôi. Ngài cũng đi lang thang thọ khổ như chúng ta. Nhưng có điều khác hơn là Ngài đi để tìm ra kẻ làm nhà. Chính vì chưa tìm ra được kẻ làm nhà nên Ngài mới có lang thang chịu khổ. Vậy ai là kẻ chủ chốt tạo ra căn nhà? Căn nhà đó là gì? Tại sao tìm ra được kẻ làm nhà thì dứt khổ, không còn luân hồi nổi trôi nữa? Đó là những vấn đề thắc mắc mà Phật đã khám phá.

Trước hết, phải tìm cho ra kẻ làm nhà. Kẻ làm nhà không phải tìm từ bên ngoài. Mà nó luôn ẩn tàng sâu kín bên trong con người. Đó chính là “*Ái dục*”. Vâng! Ái dục chính là nguyên nhân tạo ra căn nhà. Căn nhà là xác thân năm uẩn này. Sở dĩ, chúng sanh nhiều kiếp nổi trôi xuống lên trong vòng lục đạo luân hồi, đều do gốc ái dục mà ra. Vì có “*Ái*” nên mới có “*Thủ*” và rồi có “*Hữu*”. Ái là một trong mười hai mắc xích nhân duyên. Mười hai nhân duyên gồm có: 1. Vô minh 2. Hành 3. Thức 4. Danh sắc 5. Lục nhập 6. Xúc 7. Thọ 8. Ái 9. Thủ 10. Hữu 11. Sanh 12. Lão tử ưu bi khổ não. Hành giả khi chứng quả A la hán thì không còn ái dục nữa.

Ái dục không còn, thì mọi thứ phiền não cấu nhiễm khác cũng không còn. Cho nên mới nói là mọi thứ tạo nên căn nhà như rui, mè, đòn tay, đòn dông v.v... cũng đều bị gãy đổ tan rã hết. Cây đòn dông chịu đựng cái sườn nhà là vô minh, căn nguyên phát ra mọi dục vọng. Đoạn gốc vô minh thì cây sanh tử không còn. Nhưng hành giả phải vận dụng cây búa bén trí huệ mới có thể đốn phá được cội gốc vô minh.

Vô minh không còn thì Niết bàn hiện khởi. Đến đây, hành giả đạt được cảnh giới Niết bàn bất sanh bất diệt. Đó là cảnh giới Vô Vi, siêu xuất thế gian mà Phật đã chứng đắc. Đến đây, mới thực sự chấm dứt vòng luân hồi khổ đau mà vô lượng kiếp quá khứ đức Phật đã trải qua.

Trải bao mấy kiếp nổi trôi

Biết bao thu vắng mấy hồi dạ đau

Ngàn hoa rơi rụng trước sau

Vô thường nhanh chóng khó chào qua đong

Cảnh đời sóng gió biển lòng

Đùa chơi nắm bắt mấy vòng lợi danh
Chào đời mấy chốc xuân xanh
Đã qua thuở ấy lá cành sắp xa
Sao bằng niệm Phật Di Đà
Hơn thua tranh chấp chỉ là phù du
Quyết lòng qua cửa sông phù
Khéo tu thì nổi vụng tu thì chìm.

(Thích Phước Thái)

155. Lúc thanh niên cường tráng đã không kiếm ra tài của, cũng chẳng lo tu hành, thì khi già cả chẳng khác gì con cò già bên bờ ao, không kiếm ra mồi, phải ử rữ chết mòn.

Those who in youth have not led the holy life, or have failed to acquire wealth, languish like old cranes in a pond without fish.

Kệ Tụng

Lúc trẻ, không phạm hạnh

Không tìm kiếm bạc tiền

Như cò già bên ao

Ử rữ, không tìm cá.

156. Lúc thanh niên cường tráng đã không kiếm ra tài của, cũng chẳng lo tu hành, nên khi già nằm xuống, đáng người như cây cung gãy, cứ buồn than về dĩ vãng.

Those who in youth have not led the holy life, or have failed to acquire wealth, lie sighing over the past, like worn-out arrows (shot from) a bow.

Kệ Tụng

Lúc trẻ không phạm hạnh

Không tìm kiếm bạc tiền

Như cây cung bị gãy

Thở than cho dĩ vãng.

Lược giảng

Hai pháp cú trên Phật nói tại Isipatana có liên quan đến Mahàdhana (Đại phú) con của một chương khố.

Mahàdhana con trai của một nhà giàu có, tài sản trị giá lên đến tám trăm triệu. Vì là con của một phú gia, nên Mahàdhana mãi lo ăn chơi, suốt ngày chỉ đờn ca hát xướng, không chịu học hành. Trong khi đó, trong thành cũng có một gia đình giàu có tài sản ngang bằng với gia đình của Mahàdhana. Gia đình này cũng có một cô bé gái thường lâu lòng ăn chơi giống như chàng trai Mahàdhana.

Cả hai cô cậu này con nhà giàu có lại có cùng một ý hướng thích ăn chơi, nên họ rất hợp nhau. Từ đó, họ yêu nhau và lớn lên họ cưới nhau. Sau khi thành hôn, thời gian không lâu, cha mẹ cả hai bên đều lần lượt qua đời. Tất cả tài sản đều do đôi vợ chồng này quản lý. Thói nào tật nấy, họ phung phí ăn chơi bê tha trác táng và bị một nhóm anh chị ăn chơi khác lường gạt họ đi vào con đường truy lạc sa đọa. Không bao lâu, số tài sản của họ không có cánh mà đã tung bay hết. Bây giờ hai vợ chồng nghèo khổ đói khát phải đi lang thang ăn xin rày đây mai đó đầu đường xó chợ để kiếm sống qua ngày.

Một hôm, đến xin những thức ăn thừa của các chú Sa di tập sự. Phật thấy thế, gọi tôn giả A Nan và nói: Hai vợ chồng con của chương khô, lẽ ra, nếu họ biết lo làm ăn, kinh doanh sự nghiệp, đừng phung phí ăn chơi, thì đời họ đâu đến đời như thế này. Họ sẽ trở thành vị chương khô thứ hai, giàu nhất trong thành này. Và nếu họ rời bỏ thế gian, thành Tỳ kheo sẽ đặc quả A la hán. Nhưng rất tiếc, bây giờ họ đã đánh mất tất cả, chẳng khác nào như con cò già mắc cạn trong ao. Do đó, nên Phật nói hai pháp cú này.

Mahàdhana do đời trước tu nhân bố thí nên có phước sanh trưởng trong nhà giàu có, nhưng lại ham chơi, không nghĩ gì đến tương lai. Còn cha mẹ vì nghĩ mình lắm của nhiều tiền, nên luôn luôn nuông chiều theo ý con. Mặc cho con phung phí ăn chơi đi vào con đường trụy lạc. Đó là cách thương con mà hại con. Thông thường, người ta cứ nghĩ đến cái lợi trước mắt, mà ít ai nghĩ đến cái hại về sau. Nhưng, sự đời nay vậy mai khác. Người xưa nói: “*phước bất hưởng tận*”. Vì có phước báo nên mới được giàu có. Trong khi thụ hưởng mà không biết lo tính toán, gây nhân tốt cho mai sau, thì đó quả là người vô trí.

Nhìn vào hiện trạng của xã hội hiện nay khắp nơi trên thế giới, chúng ta thấy có rất nhiều thanh thiếu niên nam nữ giống như chàng trai trẻ Mahàdhana và người yêu của hắn ta. Lúc nhỏ thì lêu lổng mê chơi bỏ học. Cặp bè cặp bạn rủ nhau đi vào con đường trụy lạc. Có nhiều cô cậu may mắn sanh trưởng trong gia đình giàu có, nhưng không biết lợi dụng sự giàu có đó để tự tạo tương lai cho mình. Cứ nghĩ rằng, gia đình mình có lắm tiền nhiều của tha hồ ăn chơi, cần gì phải lao đầu vào việc học hành. Cha mẹ thì cũng không quan tâm tới việc học hành tương lai sự nghiệp của con. Vì không có ai câu thúc kèm hãm, nên các cô cậu có dịp lao đầu vào hố sâu tội lỗi.

Sự đời đâu phải như thế mãi. Đến một lúc nào đó, thì gia đình bị suy sụp khánh kiệt, tài sản không còn. Bây giờ nhìn lại, con đường phía trước đầy đen tối. Hiện tại, thì thân tàn ma dại. Hồi nào lắm tiền nhiều của ăn chơi xả láng, nay thì tiền khô cháy túi, bạn bè trước kia lân la thân mật bao nhiêu, nay thì tất cả đều xa lánh hết. Thói đời là thế đó!

*Vai mang túi bạc kè kè
Nói bậy nói bạ thiên hạ nghe râm râm.*

Hay:

*Còn tiền còn bạc còn đệ tử
Hết tiền hết bạc hết ông tôi.*

Quả đúng với câu:

*Khi vui thì vỗ tay vào
Đến khi hoạn nạn thì nào có ai.*

Ở đời, xưa cũng như nay và mãi mãi về sau, người ta chỉ phò thịnh chớ không ai lại chịu phò suy bao giờ. Lúc còn tiền của nhiều, có quyền uy thế lực, thì ôi thôi lắm bạn nhiều bè, tiền hô hậu ủng, đi ra có người hầu hạ lo lắng đủ thứ, nhưng đến khi khô túi, hết quyền lực, thì chẳng thấy con ma nào bèn mẫn đến gần. Chẳng những không đến gần mà còn bị họ đạp luôn xuống sinh lầy cho không còn góc đầy dậy nổi! Tình đời bạc bẽo như vôi là thế đó!

Bây giờ, có ăn năn hối hận thì cũng đã muộn màng lắm rồi! Cuộc đời đã đi vào ngõ cụt. Chung quanh, nhìn đâu cũng thấy toàn là đen tối. Vì thế, khi có được cơ hội tốt, Phật khuyên chúng ta nên khéo biết lợi dụng cơ hội để tự tạo xây dựng cuộc sống thăng hoa cho chính mình. Vì tất cả do mình định đoạt lấy đời mình. Tiền bạc của cải hay cha mẹ, nhân đến bạn bè, tất cả đều là thứ yếu. Không ai có quyền định đoạt đời mình. Nhất là khi còn trẻ, ở vào lứa tuổi thanh xuân, căng tràn đầy nhựa sống, mình nên ý thức để lo học

hành. Chúng ta nên nhớ rằng, tương lai tốt đẹp là nhờ xây dựng bằng những chất liệu tốt trong hiện tại. Mọi hành vi tốt hay xấu, đều do trách nhiệm định đoạt ở nơi chính mình.

Hai Pháp cú trên, đức Phật đã vạch rõ, chỉ bày cái tai hại của cặp vợ chồng Mahàdhana. Đôi thanh niên nam nữ này, quả họ sống không có lý tưởng. Cả đời lẩn đạo, họ đều thất bại. Họ sống không có định hướng. Hướng tiến của họ, chỉ có một con đường phía trước là ăn chơi. Ăn chơi theo kiểu không cần biết đến ngày mai.

Chơi cho liễu chán hoa chê

Cho lẩn lóc đá cho mê mãi sâu.

Vì ăn chơi như thế, nên về già chỉ còn lại như một bóng ma. Phật nói, giống như con cò già bên bờ ao không kiếm ra mồi, khô héo chết mòn. Hay như cây cung bị gãy, cứ buồn than về dĩ vãng. Thế là chấm dứt cuộc đời! Chấm dứt mà vô quan tài nằm êm trong đó thì không nói làm chi, đấng này, chấm dứt bằng một thân tàn ma dại, kéo lê kiếp sống đọa đày! Nghĩa là sống không ra sống mà chết không ra chết. Đó mới thật là thâm, mới là khổ đau cùng cực.

Cuối cùng chỉ có mình hành hạ lấy bản thân mình. Thử hỏi ai tạo ra cuộc sống đó cho mình? Có phải tại mình gây nhân xấu, nên phải gặt hái quả xấu. Không có ai hành phạt mình cả. Tự mình hành phạt lấy mình mà thôi! Thật là đau xót lắm thay!

Mong các bạn trẻ hiện đang ở vào lứa tuổi thanh xuân, cuộc đời của các bạn còn nhiều hy vọng và tràn đầy sức sống, xin các bạn hãy lắng nghe lời Phật dạy trên để tự hướng đời mình đi trên con đường thiện nghiệp, có đầy hoa trái hạnh phúc. Và nên tránh xa vết xe đổ của anh chàng Mahàdhana. Có thể, thì tương lai cuộc đời của các bạn chắc chắn sẽ có

hiều triển vọng huy hoàng và sẽ gặt hái nhiều thành quả tốt đẹp. Chúc các bạn thành công trên bước đường sự nghiệp.

XII. PHẨM TỰ NGÃ

(Attavagga)

157. Nếu biết tự thương mình, phải gắng tự bảo hộ, trong ba thời phải có một, người có trí nên tỉnh ngộ, chớ mê man.

If one holds oneself dear, one should diligently watch oneself. Let the wise man keep vigil during any of the three watches of the night.

Kệ tụng

Nếu yêu quý tự ngã

Phải khéo bảo vệ mình

Người trí trong ba canh

Phải luôn luôn tỉnh thức.

Lược giảng

Pháp cú này Phật dạy tại Bhesakalàvana, có liên quan đến hoàng tử Bồ Đề. Vị hoàng tử này có nhiều mưu mô gian ác, ngầm ý muốn hại tên thợ xây cung điện cho ông ta. Nhưng may mắn, tên thợ này biết được, nên tìm cách thoát thân cả vợ lẫn con. Và khi cung điện hoàn thành, hoàng tử Bồ Đề mở hội ăn mừng và thỉnh cầu đức Phật đến. Ông trải thảm sang trọng để Phật và tôn giả A Nan bước lên, nhưng đức Phật và Ngài A Nan không bước lên thảm, đồng thời Phật bảo ông nên cuốn thảm lại. Ý ông nghĩ thảm, khi Phật bước chân lên thảm, thì ông sẽ có con trai hoặc con gái. Phật hiểu ý ông, nên không bước lên.

Sau đôi lần khản nguyện thỉnh cầu và bày tỏ ý ông muốn có con trai hay con gái với đức Phật, đức Phật vẫn từ khước ý ông không giẫm chân lên thăm. Nhân đó, Phật cho ông biết về tiền kiếp tạo ác của ông.

Trong tiền kiếp, ông và vợ ông khi bị chìm tàu, cả hai đều may mắn thoát chết. Khi lên đảo, vì quá đói nên cả hai vợ chồng đều tìm kiếm thức ăn. Thấy trứng chim, cả hai đều mừng rỡ ăn hết ổ trứng chim này đến ổ trứng chim khác. Không bao lâu, cả hai vợ chồng đều ăn hết cả trứng lẫn những con chim non trên đảo.

Họ ăn như thế, từ lúc trẻ cho đến lúc già. Phật nói, bởi gây nhân ác đó, nên suốt đời không có con. Phật lại dạy tiếp, nếu muốn đời sống của mình có hạnh phúc, có con cái, thì cần phải sáng suốt không nên gây đau khổ cho loài khác. Đó là người khéo biết thương mình và tự bảo vệ lấy mình suốt trong ba thời: thanh niên, trung niên và lão niên. Đó là lý do chính yếu Phật nói pháp cú này.

Ba thời là nói lên suốt cả đời người. Phật bảo, nếu chúng ta biết tự thương lấy mình, thì mỗi cá nhân nên tự nỗ lực xây dựng hạnh phúc đời mình qua ba giai đoạn của một đời người. Người khéo biết toan tính lo xa, thì tránh được cái hậu quả buồn gần. Quả đúng như lời Khổng Tử đã nói: *“Nhơn vô viễn lự, tắc hữu cận ưu.”* Nghĩa là: người không lo xa, ắt có buồn gần. Sách Nho cũng có câu: *“Tích cốc phòng cơ, dưỡng nhi đãi lão.”* Nghĩa là: chứa lúa thóc trong nhà để phòng khi đói khát, nuôi trẻ con để phòng bị lúc tuổi về già.

Người sống có ý thức, tất nhiên, là người biết mỗi giai đoạn phải làm gì cho thích hợp. Lúc còn thanh niên, sức khỏe cường tráng, phải lo nỗ lực gắng chí dồn hết cho sự học hành. Đây là giai đoạn tốt nhất cho sự chuẩn bị bước vào đời ở lứa tuổi trung niên. Lứa tuổi trung niên là lứa tuổi lập

NGHIỆP. Khổng Tử nói: *“tam thập nhi lập.”* Vì ở lứa tuổi này, người ta đã có chút ít kinh nghiệm trong cuộc sống. Cho nên, sự lập nghiệp có phần vững chắc hơn.

Trong giai đoạn này, người ta làm hết sức mình để chuẩn bị cho cái tuổi lão niên. Đến tuổi lão niên, là cái tuổi lão già an chi. Ở vào giai đoạn này, nhựa sống của người ta tàn tạ khô héo dần. Mọi sự hơn thua tranh danh đoạt lợi, chức tước quyền cao, bon chen với đời, người ta đã quá ê chề chán ngấy, không còn ham thích nữa. Đây là cái tuổi mà các cụ ta ngày xưa, thường hay lui về vườn, tiêu dao hưởng nhàn vui thú điền viên. Vui với thiên nhiên, với trăng thanh, gió mát, không còn vướng bận gì đến việc đời. Như trường hợp cụ Nguyễn Gia Thiều Ôn Như Hầu đã nói:

Lấy gió mát trăng thanh kết nghĩa

Mượn hoa đàm đuốc tuệ làm duyên

Thoát trần, một gót thiên nhiên

Cái thân ngoại vật là tiên trong đời.

Vâng, chỉ có niềm vui đó mới đưa con người đến chỗ thực sự an nhàn giải thoát mà thôi!

158. Trước hãy đặt mình vào Chánh đạo¹³ rồi sau giáo hóa¹⁴ kẻ khác, được như vậy mới tránh khỏi điều lỗi lầm xảy ra.

¹³ Chánh đạo: Chánh là ngay thẳng; đạo là con đường. Chánh đạo là con đường chơn chánh đưa con người đến chỗ an lạc giải thoát hoàn toàn.

¹⁴ Giáo hóa : giáo là lời dạy; hóa biến đổi. Giáo nghĩa là dùng những lời chánh lý để chuyển đổi tâm thức con người từ tối tăm đến sáng suốt, từ đau khổ đến an lạc, từ sanh tử đạt được niết bàn.

One should first establish oneself in what is proper; then only should one instruct others. Thus the wise man will not be reproached.

Kệ Tụng

Trước hết tự đặt mình

Trên chánh pháp chơn yếu

Sau mới giáo hóa người

Người trí khỏi bị chê

Lược giảng

Pháp cú này Phật dạy tại tinh xá Kỳ Viên, có liên quan đến Trưởng lão Upananda, một hoàng tử dòng họ Thích Ca.

Theo truyền tích, Tỳ kheo Upananda có biệt tài thuyết pháp. Dù thầy thuyết pháp rất hay, nhưng có đôi khi thầy làm trái lại những điều thầy đã giảng dạy. Như những vật dụng do tín chủ cúng dường, thầy đều thọ dụng hết. Thậm chí, khi phân xử, thầy lại không chia đều mà thầy dành lấy những vật tốt về mình. Việc đó, gây ra lăm nổi bất bình cho các thầy Tỳ kheo khác. Ông nghĩ rằng, ông là người thuyết pháp hay, nên ông được quyền hưởng dụng nhiều các thứ tốt đẹp hơn.

Vì không thể chịu đựng được sự bất bình đáng đó, nên những Tỳ kheo khác, bạch trình với đức Phật. Phật bảo, đây không phải là lần đầu tiên mà Tỳ kheo Upananda đã gây ra cho các thầy bất bình ghê tởm thất vọng về ông ta, mà trong quá khứ về kiếp trước ông cũng đã từng làm như thế...

Người xưa có câu nói: “*Thuyết dị hành nan*”, hay “*Năng thuyết bất năng hành*”. Nghĩa là, nói thì rất dễ mà thật hành thì rất khó. Hoặc có người nói thì rất hay, nhưng không bao giờ làm theo những gì mình đã nói. Đây là một căn bệnh

chung khó chữa của con người. Căn bệnh trầm trọng này, không chỉ riêng cho bất cứ ai hay ở trong bất cứ lãnh vực nào. Từ lãnh vực Tôn giáo cho đến chánh trị, xã hội v.v... Bất cứ lãnh vực nào cũng đều có những hạng người này. Họ là người chỉ biết nói miêng tài, hay vào tai ra miệng. Họ có biệt tài sử dụng ba tác lưỡi để khoe khoang phô trương lừa bịp thiên hạ. Họ giống như cái máy phát thanh. Họ nói một đường làm một ngã. Họ chuyên sống bằng nghề đầu môi chót lưỡi. Thiên hạ lầm họ rất nhiều. Họ mượn danh nghĩa, đội lốt tôn giáo để làm tiền thiên hạ. Họ lợi dụng lòng tin của tín đồ mà tha hồ trục lợi. Thời nào và trong bất cứ xã hội nào, xưa hay nay, cũng đều có những hạng người này. Nhiều người hết tiền, hết của cũng chỉ vì nghe theo những lời khuyên dụ thuyết giảng đường mật của họ.

Khi biết được sự thể rõ ràng, thì than ôi! mọi việc đã quá phủ phàng! Thế nên, Phật dạy người Phật tử khi nghe bất cứ ai, dù người đó mệnh danh là Phật hay Tổ nói, tất cả đều phải cân nhắc suy xét cho thật kỹ càng, chớ không nên vội tin. Phải nhìn hành động của họ có xứng hợp với lời họ nói hay không. Người khôn khéo, cần phải có sự kiểm chứng trong khi nghe. Ở đời vàng thau lẫn lộn thật khó phân biệt.

Trong đạo Phật luôn đề cao việc tri hành phải hợp nhất. Nghĩa là lời nói và việc làm phải đi đôi với nhau. Nếu chỉ nói mà không làm, thì đó là kẻ chỉ biết nói suông, khác nào cái tù đọng sách. Tệ hơn nữa là họ có ý đồ trục lợi. Bản thân họ không được lợi ích, làm sao họ đem lợi ích đến cho mọi người?

Câu chuyện lược dẫn nêu trên, thầy Tỳ kheo Pananda là người chỉ có tài hay nói mà hành động thì trái ngược lại. Khi giảng thuyết, thì thầy khuyên các Tỳ kheo khác phải nên thiếu dục tri túc, không nên cất chứa tài sản. Trong khi

đó, thì ông ta lại tom góp tài vật để cất chứa và thậm chí lại lưỡng gạt sự phân chia lấy bớt của các vị Tỷ kheo khác, đó là hiện tượng của lòng tham. Vì không chế ngự được lòng dục vọng tham lam, nên hành động trái ngược những gì ông nói. Lời nói bao giờ cũng cao siêu tuyệt mỹ, nhưng việc làm thì lại khác. Vì thâm hiểu bệnh trạng nặng nề này của con người, cho nên cổ đức có lời khuyên:

Đầu mồm nói suốt trăm phần diệu

Dưới gót không ly một điểm trần.

Một triết gia nào đó cũng đã nói: “*Con đường thành công nhất trên đường đời là bạn hãy thật hành những điều gì mà bạn thường khuyên bảo kẻ khác*”. Đây là lời khuyên thật là chí lý. Thông thường, những lời khuyên đều nhắm vào những điều hay lẽ phải. Không ai khuyên con người làm những điều phi pháp tội lỗi. Ta khuyên người không nên hút sách, cờ bạc, say sưa... tất nhiên, là ta không bao giờ làm những điều này. Có thể, thì lời khuyên của ta mới thực sự có giá trị. Và như thế, chính bản thân ta mới thực sự là một con người có nhân phẩm đạo đức. Bằng ngược lại, thì lời khuyên của ta chỉ là lời khuyên trống rỗng vô bổ. Vì không ai làm theo lời khuyên của ta cả. Do đó, một người thực sự có đạo đức, thì họ tuy nói ít, nhưng rất có giá trị đối với người nghe. Vì chính bản thân họ là những lời thuyết giáo sống động, đó là thân giáo.

Pháp cú trên Phật dạy rất rõ: “*Trước hãy tự đặt mình vào Chánh đạo rồi sau mới giáo hóa kẻ khác, được như vậy mới tránh điều lỗi lầm xảy ra*”. Cụm từ: “*đặt mình vào Chánh đạo*”, Phật muốn thức nhắc mọi người, cần phải trau dồi, rèn luyện, tu tập cho mình thật sự có đạo đức. Nhất là phẩm hạnh của một người có trách nhiệm hoằng hóa lợi sanh. Người có phẩm cách, đời sống đạo đức cao thượng, thì việc giáo hóa mọi người trở về với đạo đức nhân bản, với Chánh

pháp, mới thật sự có tác dụng hiệu quả cao. Nếu không, thì việc giáo hóa không thể thành công được. Chẳng những thế mà còn gây ra lắm điều tệ hại. Làm trò cười cho người đời chế nhạo phi báng. Và như thế, sẽ làm mất tín tâm ở nơi mọi người, đó là một lỗi lầm rất lớn đối với người có trách nhiệm giáo hóa chúng sanh vậy.

159. Nếu muốn khuyên người khác nên làm như mình, trước hãy sửa mình rồi sau sửa người, vì tự sửa mình vốn là điều khó nhất.

One should do what one teaches others to do; if one would train others, one should be well controlled oneself. Difficult, indeed is self-control.

Kệ tụng

Dạy người như thế nào

Hãy dạy mình như vậy

Khéo điều, mới điều người

Khó thay, tự điều phục.

Lược giảng

Pháp cú này Phật dạy tại tinh xá Kỳ Viên, có liên quan đến chuyện Trưởng lão Pāṇhika Tissa. Sau khi nhận đề mục thiền quán từ nơi Phật dạy, vị Trưởng lão này dẫn năm trăm Tỷ kheo vào trong rừng sâu để thực tập. Ông bảo các vị Tỷ kheo, mọi người hãy đề tâm thiền quán qua lời đức Thế Tôn dạy. Xong, ông đi tìm chỗ vắng vẻ để ngủ nghỉ. Trong khi đó, thì các Tỷ kheo kia đi kinh hành suốt canh một. Đến giữa đêm, họ trở lại tinh xá. Khi ấy, Trưởng lão Pāṇhika Tissa, sau khi nằm dài ngủ một giấc say sưa, mới thức dậy đi tìm những vị Tỷ kheo này. Lúc gặp, ông liền lên giọng gắt gỏng bảo: các ông phải tiếp tục đi vào rừng để thiền

quán, không được về đây ngủ nghỉ. Thế là, các vị Tỳ kheo này vâng lời ông lại trở vào rừng kinh hành thiền quán. Cứ thế, cho đến hết canh giữa. Mãi đến gần sáng, họ kéo nhau về tinh xá. Khi về đến tinh xá, họ lại bị vị Trưởng lão này đuổi ra, không cho họ ngủ nghỉ. Sau khi đuổi ra, ông lại đi ngủ. Các vị Tỳ kheo trẻ tuổi cứ đĩnh ninh nghĩ rằng, vị sư phụ của mình thật quá nhiệt tình. Từ đó, họ để ý theo dõi. Sau khi khám phá ra, biết rõ sự thật là ông ta chỉ tìm cách nằm dài ngủ, chớ không có tham thiền quán tưởng chi cả. Biết rõ sự tình, các vị Tỳ kheo này đâm ra bực mình vì thức sáng đêm quá sức mệt mỏi. Sau đó, khi hết hạn ở rừng, họ trở về bạch trình tỏ rõ duyên cớ cùng đức Phật. Nhân đó, đức Phật dạy:

- Nay các Tỳ kheo! Nếu một người răn bảo kẻ khác, trước hết hãy tự điều phục, và tự điều phục mình thì có thể điều phục kẻ khác.

Sống trong một tập thể, người có trách nhiệm lãnh đạo hướng dẫn người khác tu học, tất nhiên, mình phải là người gương mẫu. Khi bảo người khác làm, chính mình phải đích thân làm. Không thể nói một đường làm một ngã. Bảo người ta không nên nói láo, mình lại nói dối hơn ai hết. Bảo người ta chăm chỉ học hành, thì mình lại kiếm chuyện đi chơi. Bảo người ta ráng lo tu học, mình lại kiếm cớ tìm chỗ ngủ dài. Bảo người ta tu tập thiền quán, mình lại đi tìm chỗ yên tĩnh ngủ nghỉ. Như vậy, lời khuyên dạy của mình thật vô nghĩa, vì không có ai nghe theo.

Câu chuyện lược dẫn trên, cho ta thấy sự thất bại của vị Trưởng lão Padhanika Tissa. Là một người hướng dẫn tu học, nhưng ông không có tinh thần trách nhiệm. Ông không có đức tánh của một người lãnh đạo. Ông không phải là người giáo thọ gương mẫu. Ông không tự khắc chế nổi tật tánh xấu của ông. Khi hướng dẫn chỉ bảo mọi người tu học,

ông lại chỉ biết ra lệnh dạy bảo người khác mà chính bản thân ông thì ông lại làm một điều trái ngược. Thay vì ông cùng đi với mọi người vào rừng tu tập thiền quán, theo như lời Phật dạy, thì ông lại chém về lẩn tránh tìm chỗ ngủ nghỉ. Ông là người không có một chút tự trọng. Người như thế, thật không xứng đáng lãnh đạo. Lãnh đạo bản thân ông còn chưa xứng đáng, nói chi đến việc lãnh đạo mọi người. Bởi thế, khi ông bị các vị Tỳ kheo trẻ tuổi phát hiện ra, bạch trình lên đức Phật, thì ông đã bị Phật quở, khiển trách là một người thiếu đạo đức trách nhiệm.

Ngẫm lại, hạng người như vị Trưởng lão trên, bất cứ trong đoàn thể nào, dù đời hay đạo, chúng ta thấy, nơi nào cũng có. Hạng người chỉ biết sai bảo kẻ khác làm, còn bản thân mình thì lo hưởng thụ. Họ khéo nịnh bợ kẻ trên, ra oai dọa nạt kẻ dưới. Họ tìm đủ mọi cách mách lới xảo quyệt để hầu che đậy cái chân tướng xấu xa của họ. Họ là hạng người chỉ biết nô lệ cho lòng dục vọng, miễn sao thỏa mãn những nhu cầu có lợi cho thân thể của họ là được.

Đạo đức đối với họ chỉ là một cái áo khoát bề ngoài để dễ bề trục lợi. Họ là hạng người không biết tầm quý. Họ chỉ biết làm sao hưởng thụ cho sung sướng là được. Đây là hạng người sâu mọt làm băng hoại mất hết thể diện của một đoàn thể tu học. Họ là người chỉ biết phá hoại hơn xây dựng. Là người sống trong một tập thể, chúng ta nên lưu ý đối với những hạng người lãnh đạo chỉ biết nói mà không làm.

160. Chính tự mình làm chỗ nương cho mình chứ người khác làm sao nương được? Tự mình khéo tu tập mới đạt đến chỗ nương dựa nhiệm mầu.

One truly is the protector of oneself; who else could the protector be? With oneself fully controlled, one gains a mastery that is hard to gain.

Kệ Tụng
Tự mình nương tựa mình
Tựa điểm nào hơn nữa
Nhờ khéo điều phục mình
Được điểm tựa khó được.

Lược giảng

Pháp cú này Phật dạy tại tinh xá Kỳ Viên, có liên quan đến bà mẹ của Trưởng lão Kumara Kassapa.

Một người mẹ thật đau khổ vì bị nghi oan. Trước khi xuất gia vào Ni chúng, bà đã có mang thai, nhưng chính bà và người chồng đều không hay biết. Bà gia nhập vào Ni chúng thuộc phái Đề Bà Đạt Đa. Sau khi phát hiện biết bà mang thai, lời dị nghị đàm tiếu nghi oan của mọi người đã làm bà thật vô cùng thất vọng đau khổ. Tiếng đồn đến tai đức Phật, Phật biết đây là một sự nghi oan của mọi người. Phật sai ngài Ưu Ba Ly, một người trì giới đệ nhất đến tận nơi để giải oan.

Sau khi cho khám nghiệm kỹ càng, ngài Ưu Ba Ly đồng dạng công bố giữa mọi người là người đàn bà này vô tội. Và tính theo ngày tháng, thì cái bào thai kia là có trước khi bà xuất gia. Thế là mọi việc được minh bạch, không còn ai nghi ngờ. Không bao lâu, đứa bé lại chào đời. Đứa bé đó chính là Kassapa.

Kassapa lớn lên cũng đi xuất gia. Mẹ con cách xa nhau 12 năm. Có lần, bà mẹ trông thấy con mình trên đường mang bát đi khát thực, bà mừng quá la lên rồi vội vã chạy đến, vì bất cẩn bà té sấp xuống chân Ngài. Nhìn thấy cảnh tượng đau lòng đó, thầy Kassapa không muốn cho tình mẫu tử sống dậy trong lòng thêm phiền não rắc rối cho sự tu hành,

nên Ngài nói những câu như vô tình bạc nghĩa. Nghe con nói thế, người mẹ rất đau lòng xót dạ ngậm ngùi nuốt tủi đành gạt lệ bỏ đi! Từ đó, bà quyết chí không còn nương tựa vào bất cứ ai, vì chính con ruột của bà còn vội bỏ bà, thì thử hỏi trên đời này, còn có ai thương bà để cho bà đáng nương tựa gởi thân. Chính bà là nơi nương tựa cho bà. Bà quyết tâm dũng mãnh nỗ lực quyết chí tiến tu, không còn ý lại vào bất cứ ai khác.

Qua câu chuyện lược dẫn trên, ta thấy bà mẹ của thầy Kassapa thật là đau khổ. Chính nỗi đau khổ này làm cho bà đứng vững mạnh hơn. Khi mẹ con gặp lại, thông thường là người ta mừng rỡ bịn rịn khóc than. Thế nhưng ở đây, ta thấy mẹ con của ngài Kassapa thì ngược lại. Thầy Kassapa đối xử với mẹ thật vượt hơn thường tình. Thầy đã không xúc động rơi lệ, dù đã trải qua 12 năm trường xa cách. Thầy đã gạt lệ khóc thầm, khi đối xử với người mẹ mình như kẻ vong ân bạc tình bạc nghĩa.

Nhưng chính cái bạc tình này đã đánh thức cái tình đạo lý sống dậy trong tận cùng tâm khảm của người mẹ. Bà đã mạnh dạn đứng lên và quyết tâm tự nỗ lực tu hành, không nương tựa hay ý lại vào bất cứ ai. Vì cái chân lý giải thoát không ai có thể ban cho mình được. Khổ hay vui chính do mình tạo lấy, đó là một bài học thật tràn đầy ý nghĩa thâm thúy.

Người ta sống hay ý lại kẻ khác. Đối với người Phật tử, Phật dạy không nên ý lại vào bất cứ nơi ai, dù người đó là đức Phật. Câu nói: “*hãy tự mình thấp đuốc lên mà đi, nhưng hãy thấp lên với chánh pháp*”. Đó là lời dặn dò phó chúc chí thiết sau cùng của Phật đối với ngài A Nan, một người thị giả luôn luôn hầu cận bên Phật. Qua lời dạy này, đức Phật muốn thức nhắc cảnh tỉnh mọi người hãy tự mình quyết định đời mình. Đừng bao giờ tin cậy nương vào bất

cứ ai. Vì không có một vị Thần Thánh nào có thể cứu mình được.

Chính mình hãy tỉnh thức tự cứu lấy đời mình. Không ai có đủ quyền năng ban phước, giáng họa định đoạt đời ta cả. Địa ngục hay thiên đường do ta tự tạo lấy. Ta tự cầm tay lái chiếc xe đời ta. Ta không nên ý lại gởi thân phận mình cho bất cứ ai, dù người đó mệnh danh là Thần Thánh. Ngay cả đức Phật, Ngài còn không cho chúng ta ý lại nương tựa vào Ngài. Thế thì, thử hỏi trên đời này còn có ai để cho ta tin tưởng trao thân gởi phận nữa chớ?!

Phật chỉ giúp cho ta bằng cách chỉ dạy. Nói cách khác, Ngài chỉ có nhiệm vụ là người vẽ bản đồ và chỉ đường cho chúng ta đi. Đi hay không là quyền quyết định của chúng ta. Ngài chỉ rõ con đường nào an lạc và con đường nào đau khổ. Quyền chọn lựa con đường là hoàn toàn ở nơi chúng ta. Ngài không bắt buộc ai phải đi theo con đường Ngài chỉ dẫn. Ngài cho chúng ta có trọn quyền quyết định, chọn lựa. Đạo Phật rất tự do và công bằng là ở chỗ đó. Ngài chỉ khuyến hóa ta chớ không bao giờ bắt buộc hay khuyến dụ ta. Người học Phật xin nhớ rõ ở điểm này. Khổ hay vui là do tự mình quyết định chọn lấy.

Đọc qua Pháp cú trên, Phật dạy rất rõ: “*Chính tự mình làm chỗ nương cho mình, chứ người khác làm sao nương được?*” Thế mà, đại đa số Phật tử chúng ta hay ý lại nương vào người khác. Cứ nghĩ rằng, Phật hay Bồ tát hộ độ cho mình, trong khi đó mình không chịu lo tu, không làm theo những gì Ngài chỉ dạy. Lúc sống không lo tu niệm, làm lành lánh dữ, ăn chay niệm Phật, đến khi chết thì chạy vô chùa nhờ Tăng Ni tụng kinh cứu độ giùm. Phật tử tin tưởng một bề ý lại như thế, thì thật là đáng thương xót, tội nghiệp biết bao!

Phật dạy tiếp: “*Tự mình khéo tu tập mới đạt đến chỗ nương dựa nhiệm mầu*”. Người tu hành muốn đạt đến quả vị A la hán hay quả vị Phật là tự mỗi người nỗ lực hành trì. Trong khi thật hành, Phật dạy người Phật tử phải khéo tu tập. Khéo tu tập là khéo chọn lựa pháp môn cho thích hợp với căn cơ và trình độ của mình. Sau khi đã chọn đúng pháp môn rồi, từ đó, người Phật tử phải vận dụng công phu tu tập, nỗ lực hành trì đúng theo lời Phật chỉ dạy. Có thế, thì mới mong đạt được kết quả tốt đẹp vậy.

161. Ác nghiệp chính do mình tạo, tự mình sinh ra. Ác nghiệp làm hại kẻ ngu dễ dàng như kim cương phá hoại bảo thạch.

Evil, a witless man does by himself, born of himself and produced by himself, grinds him as a diamond grinds a hard gem.

Kệ Tụng

Tự mình làm điều ác

Tự mình sanh, mình tạo

Ác nghiệp khiến kẻ ngu

Như kim cương nghiền bảo.

Lược giảng

Pháp cú này Phật dạy tại tinh xá Kỳ Viên, có liên quan đến một vị cư sĩ tên là Mahà Kala.

Mahà Kala là một cư sĩ tu hành đắc quả Dự lưu. Ông là người tu hành rất tinh tấn, thường hay đến tinh xá thọ trì Bát quan trai. Có một hôm, ông ở lại tinh xá suốt đêm nghe pháp. Sáng sớm, ông ta đi ra ngoài bờ ao đang đứng rửa mặt, bỗng có một tên trộm chạy ngang qua làm rớt túi đồ trước mặt ông ta, mà hắn đã vừa mới lấy. Vừa lúc đó, người chủ

mắt đồ chạy đến nhìn thấy tang vật của mình đã mất, nổi cơn tức giận, không cần phân bua phải trái, ngỡ rằng ông ta là kẻ ăn trộm, nên người chủ nhà xông tới đánh ông ta đến chết.

Sau đó, các thầy Tỳ kheo phát hiện xác chết và rồi bạch trình lên đức Phật. Phật bảo, Mahà Kala đã trả cái quả báo mà ông ta đã gây ra trước kia. Nhân đó, Phật kể tiếp câu chuyện về tiền kiếp của ông ta. Xưa kia, chính Mahà Kala đã vu oan, gây ra tai họa giết chết người. Ngày nay, ông ta phải trả cái quả báo thâm đó.

Nghiệp quả là một định luật tất yếu. Một khi đã gây nhân ác, dù gần hay xa, dù mau hay chậm, cuối cùng cũng phải trả, không một ai thoát khỏi luật nhân quả.

Sự tác nghiệp do chính chúng ta tạo ra, tất nhiên chúng ta phải chịu trách nhiệm lãnh lấy. Nghiệp lành hay dữ cũng thế. Người ta thường nói: “*Gieo gió thì phải gặt bão*”. Tùy theo cường độ của cái nhân mà chúng ta đã gây tạo nặng nhẹ, khi trả quả cũng có nặng nhẹ khác nhau, song có điều nó không bao giờ mất. Nhân quả có ra từ ý nghĩ, lời nói và hành động. Một lời nói làm cho ích nước lợi dân, cũng một lời nói làm cho nước mất nhà tan.

Phật nói: “*Ác nghiệp chính do mình tạo, từ mình sinh ra, rồi chính ác nghiệp đó trở lại hại mình, dụ như kim cương phá hoại bảo thạch*”. Trên đời này, không có gì xảy ra mà không có nguyên nhân. Một người biết lo tu hành, trì trai giữ giới, ăn chay niệm Phật, suốt đời không làm gì hại ai, tại sao hôm nay phải hứng chịu nhiều tai ương hoạn họa? Vậy thì nhân quả có công bằng không? Điển hình như câu chuyện dẫn chứng trên, Mahà Kala là một cư sĩ rất hiền lành, thường xuyên đến tinh xá nghe pháp và thọ trì Bát quan trai. Thế thì, tại sao lại bị một người nhẵn tâm đánh chết? Chuyện xảy ra, thật là oan ức. Thật ra, không có gì là

oan ức cả. Nếu chúng ta, chỉ nhìn nhân quả trong hiện tại, thì thấy như là oan ức, không công bằng. Nhưng nếu chúng ta chịu khó tìm hiểu nhìn về quá khứ, thì nhân và quả rất rõ ràng. Sở dĩ hôm nay, Mahà Kala bị đánh chết một cách đau thương như thế, Phật nói, do tiền kiếp, ông ta đã gây ra cảnh giết người cũng chết oan một cách thâm, bằng cách vu oan giá họa, ném đá giấu tay. Nếu Phật không nói nguyên do tiền kiếp của ông ta, thì chúng ta rất đỗi nghi ngờ về nhân quả.

Do đó, muốn hiểu rõ nhân quả, chúng ta phải chịu khó nhìn xuyên suốt qua 3 thời kỳ: quá khứ, hiện tại và vị lai. Nếu chỉ nhìn cục bộ trong hiện tại không thôi, thì chúng ta không thể nào hiểu rõ nhân quả. Vì từ nhân tới quả, nó diễn biến theo chiều thời gian.

Vừa qua, báo chí đã đăng tải một vụ thẩm sát đẫm máu kinh hoàng ở Mỹ. Thẩm trạng đã xảy ra vào ngày 16/4/07 tại Đại học Công nghệ Virginia, kết quả 33 người chết, kể cả thủ phạm. Thủ phạm trong vụ thẩm sát này là một thanh niên Hàn Quốc, tên là Cho Seung- hui.

Về nguyên nhân của vụ thẩm sát này, dĩ nhiên, có nhiều lý do. Nhưng nguyên nhân chính, theo báo chí cho biết, là vì anh ta ghen tức hận thù tình yêu. Nổi tức giận thù ghét hận đời đã nhen nhúm ngấm ngấm trong lòng anh ta từ lâu. Từ một nội kết thâm sâu tận cùng của tâm thức mà anh ta không thể hóa giải được, nên cuối cùng đưa đến một hậu quả vô cùng khốc hại. Một cái nhân bất thiện ban đầu khởi lên tuy rất yếu ớt, nhưng nếu chúng ta không khéo chuyển hóa nó, để càng ngày nó càng nhen nhúm phát triển lớn mạnh và tất nhiên, một ngày nào đó, khi đã chín mùi thì nó phải nổ tung thôi! Chừng đó, không có một thế lực nào ngăn cản được và rồi sẽ gây ra một thẩm trạng khủng khiếp kinh hoàng mà không ai có thể lường trước được.

Thế giới ngày nay, con người sống phóng thả gần như thác loạn. Nhon tính, lương tri, đạo đức, nơi đã được mọi người tin tưởng quan tâm trong việc hun đúc giáo dục, đào tạo con người là nhà trường, mà nay hầu như đã bị bật gốc. Cuộc sống hối hả chạy theo máy móc vật chất, kim tiền, con người như mất hết tự chủ. Sống hoàn toàn nô lệ cho ngoại cảnh. Đầu óc con người như điên cuồng rối loạn. Người ta cứ mãi la làng lo chạy chữa cháy trên cái ngọn, mà người ta không chịu tìm hiểu và chữa cháy ngay từ cái căn nguyên gốc rễ của nó. Gốc rễ của nó là vô minh, là lòng dục vọng: tham, sân, si...đó là những độc tố tàn hại con người mà không ai để ý chạy chữa hoán cải. Đời sống con người ngày nay đã đánh mất quân bình đạo đức, không còn cắm sâu gốc rễ đạo đức vào mảnh đất tâm linh.

Đã thế, các nhà kinh doanh làm phim ảnh chuyên sản xuất những loại phim ảnh kích thích bạo động, xã hội đen, đâm chém, bắn giết với nhau, khơi dậy dục tính mãnh liệt ở tuổi trẻ, khiến cho chúng gây bạo động giết người như trò chơi. Đó là một sự đầu độc kích thích tuổi trẻ làm băng hoại của một nếp sống thơ ngây hiền hòa. Thay vì, giáo dục hướng dẫn đời sống đạo đức, xây dựng tình người, thì họ lại tạo ra nhiều cảnh bạo động chém giết coi mạng sống con người thua cỏ rác! Vì cuồng trí thác loạn, nên chúng giết người một cách bừa bãi. Than ôi! cảnh tượng người làm khổ người, đồng loại tàn sát đồng loại với nhau, biết đến bao giờ mới thực sự chấm dứt!

Cái tác nhân như thế, thì thử hỏi làm sao tránh khỏi cái hậu quả tệ hại đau thương?!!! Đã gieo nhân xấu, thì bảo sao có quả tốt cho được?

Xin mọi người hãy chiêm nghiệm lời Phật dạy trên, để chúng ta ý thức đem ra ứng dụng chuyển hóa thân tâm trong

đời sống hằng ngày. Có thể, thì mới tránh được những nỗi khổ đau mà chính do con người tạo lấy.

162. Sự phá giới làm hại mình như giầy mang la¹⁵ bao quanh cây Ta la¹⁶ làm cho nó khô héo. Người phá giới chỉ là người làm điều mà kẻ thù muốn làm cho mình.

Just as a single creeper strangles the tree on which it grows, even so, a man who is exceedingly depraved harms himself as only an enemy might wish.

Kệ tụng

Phá giới như giầy leo

Xiết chết cây ta la

Gieo hại cho tự thân

Như kẻ thù mong ước

Lược giảng :

Pháp cú này Phật dạy tại tinh xá Trúc Lâm, có liên quan đến Đề Bà Đạt Đa.

Truyện tích kể lại: “Các Tỳ kheo bàn tán trong pháp đường:

- Chư huynh, Đề Bà Đạt Đa tập khí độc hại, tánh tình xấu ác, ý muốn quá tàn bạo. Chỉ vì hiềm độc như thế nên luôn

¹⁵ Mang la: Tiếng Phạn là Maluva, tên một loại dây bìm. Cây Ta la khi bị leo quấn vào là khô héo chết ngay.

¹⁶ Ta la tiếng Phạn là Sala. Tên một loại cây cao lớn thuộc họ long não, sống ở các vùng nhiệt đới như Ấn Độ. Loại cây này, thân cao khoảng 32m, lá dài hình bầu dục, đầu lá nhọn, dài khoảng 16 đến 25 cm, rộng khoảng 10 đến 16 cm; hoa nhỏ màu vàng nhạt, gỗ rất cứng, có thể dùng làm vật liệu xây dựng, mù có thể thay thế cho nhựa đường, hạt để ép dầu

cúi ân sủng của A Xà Thế, dâng tặng nhiều lễ vật cho ông ta, xúi giục ông ta giết cha, rồi cùng âm mưu sát hại Phật.

Thế Tôn nghe được liền bảo:

- Đây không phải lần đầu, ở kiếp trước ông ta đã từng như vậy.

Rồi Ngài kể chuyện Kurunga Miga và chuyện khác trong Bốn sanh, xong dạy tiếp:

- *Này các Tỳ kheo! Khi một người phó mặc tính ác độc của mình thắng lướt mọi ranh giới, để cho ý muốn xấu ác nảy sanh từ tánh ác độc, giống như dây leo bám quanh cây Sa la, cuối cùng sẽ làm cho cây héo chết, người đó sẽ tống vào địa ngục hoặc một cõi giới khổ não nào đó*". (trích nguyên văn tích truyện Pháp Cú Tập II, Viên Chiếu, tr 253)

Tập khí là tên khác của chủng tử. Chủng tử là hạt giống. Hạt giống, tuy có rất nhiều loại, nhưng tựu trung cũng không ngoài hai thứ hạt giống: lành và dữ. Hai loại hạt giống này, ai ai cũng có. Nói cách khác, trong kho A lại da thức của mỗi người đều có huân chứa tiềm tàng hai loại hạt giống thiện và bất thiện này. Hạt giống có ra là do mỗi người huân tập. Tùy theo sự huân tập sâu dày cạn mỏng mà đến lúc hiện hành nó có mạnh yếu khác nhau.

Sự huân tập này không phải chỉ có trong hiện đời thôi, mà nó đã có từ nhiều đời về trước. Nếu trong kho A lại da thức mà hạt giống lành nhiều, thì nó sẽ hiện ra hình tướng, tánh nét của một con người rất hiền từ. Ai trông thấy cũng rất dễ thương mến và có cảm tình ngay. Ngược lại, nếu hạt giống ác nhiều và mạnh, thì nó cũng hiện ra từ hình tướng cho đến tánh nét đều hung dữ, ai trông thấy cũng phát sợ, ít dám lân la gần gũi.

Thế nên, Phật dạy, người Phật tử cần phải huân tập cho mình thật nhiều hạt giống lành. Như niệm Phật, tụng kinh, bái sám, bố thí, cúng dường v.v... Chính sự huân tập này nó sẽ trở thành thói quen tốt. Hiện đời chúng ta sẽ được an vui lợi lạc và đời sau cũng được an vui lợi lạc. Cho nên, tập khí cũng có nghĩa là thói quen, mà thói quen là nghĩa của hành động. Hành động phát xuất từ thân, miệng và ý. Ba thứ này cũng gọi là nghiệp. Hành động được lặp đi lặp lại thành thói quen. Như vậy, tập khí cũng chính là nghiệp, là thói quen.

Qua câu chuyện trích dẫn trên, cho chúng ta thấy, tập khí của Đề bà đạt đa là thứ tập khí độc ác. Phật đã nói rõ, không phải tập khí hiện đời mà trong quá khứ ông ta đã nuôi dưỡng thứ tập khí độc ác này. Từ một tập khí ganh ghét, đố kỵ, không muốn ai hơn mình, nên sanh ra bao thứ tệ hại khác. Ông cấu kết với vua A xà thế cố ý hại Phật. Ông đã ra tay hại Phật nhiều lần, nhưng không lần nào hại được. Cho thấy, tập khí bất thiện của ông ta quá sâu nặng. Người tu hành sợ nhứt là tập khí xấu.

Xét kỹ, không phải chỉ có Đề bà đạt đa hay vua A xà thế mới có những hạt giống ganh ty ác độc này, mà hầu hết chúng ta ai ai cũng đều sẵn có. Chẳng qua nặng hay nhẹ mà thôi. Nếu người nào khéo biết huân tu già dặn, miên mật, chuyển hóa nó từ trong trứng nước khi nó mới manh nha khởi mầm, thì những hạt giống bất thiện của người đó lần lần sẽ giảm nhẹ và yếu dần đi.

Tập là nhóm họp; khí là hơi. Nó không có hình tướng. Vì thế, nên nó là thứ thật khó trừ khó đoạn. Vì bọn chúng không có nơi trú ngụ cố định. Như những hạt giống tham, sân, si, mạn, nghi, ác kiến, đó là những hạt giống sâu nặng, chúng thuộc về những thứ căn bản phiền não. Bình thường không biết chúng ở đâu, nhưng khi đối cảnh xúc duyên, bất như ý là chúng hiện hành ngay.

Pháp cú trên, đức Phật cho chúng ta biết tai hại của sự phá giới. Vì phá giới, nên người ta tạo ra lắm nhiều tội ác. Chính những tội ác đó lại là cái nhân bất thiện để thúc đẩy chúng ta trôi lăn mãi trong vòng sanh tử luân hồi. Tất cả những nỗi thống khổ là cái kết quả mà do chính chúng ta tạo ra.

Phật cho chúng ta thấy một hình ảnh rất cụ thể về tai hại của sự phá giới này. Phật nói: “*những ai phá giới tổn mình hại người, hại vật, khác nào như dây mang la quấn lấy cây Ta la, tất nhiên là cây đó phải héo chết. Người phá giới cũng thế. Cũng phải trả cái nghiệp quả đau khổ như cây Ta la kia*”.

Ví như, vì sân hận giận dữ, chúng ta không dần được, liền bắn chết người. Cái ác nhân sát nhon đó nó đeo bám sát theo ta như dây bám leo cây, và rồi chúng ta phải đền tội trả cái quả báo giết người. Có khi chúng ta bị kẻ thù giết lại hay bị luật pháp trừng trị hành hạ. Chúng ta phải chịu trả cái quả báo đau khổ cùng cực, như cây Ta la kia đã bị héo chết. Nghĩa là chúng ta sẽ bị chết dần chết mòn trong từng giây phút. Chính cái chết héo đó mới thực sự là đau khổ thống thiết!

Do đó, Phật khuyên mọi người nên tránh dữ làm lành, lo tu hành, tạo nhiều thiện nghiệp để được an vui giải thoát trong hiện tại và mai sau.

163. Việc hung ác thì dễ làm nhưng chẳng lợi gì cho ta, trái lại, việc lành có lợi cho ta thì lại rất khó làm.

Easy to do are things that are bad and harmful to oneself. But exceedingly difficult to do are things that are good and beneficial.

Kệ tụng

Việc hung ác dễ làm

Và những điều tự hại

Còn việc lành việc tốt

Thật sự rất khó làm.

Lược giảng

Pháp cú này Phật dạy tại tinh xá Trúc Lâm, cũng có liên quan đến chuyện Đề Bà Đạt Đa.

Theo truyền tích, một hôm Tôn giả A Nan bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn, sáng nay trên đường vào thành Vương Xá khát thực. Đề Bà Đạt Đa gặp con bảo rằng: “*Kể từ nay, sự đệ A Nan, tôi sẽ trai giới và điều hành công việc của Tăng chúng, độc lập với Tăng đoàn và Thế Tôn*”. Hôm nay y sẽ tách Tăng đoàn ra làm hai, tự trai giới và điều hành công việc của Tăng chúng.

Nghe vậy, Thế Tôn đọc bài kệ:

Điều thiện thật dễ làm

Đối với người hiền thiện

Người ác không thể kham

Những việc làm phước thiện

Điều ác thật dễ làm

Đối với người dữ ác

Người hiền chẳng thể cam

Xuống tay làm điều ác.

Rồi Ngài bảo:

Này A Nan! Người ta dễ làm điều ác, khó làm điều thiện.
(Trích nguyên văn tích truyện, Pháp Cú Tập II, Viên Chiếu, tr 254)

Sống trong một thế giới mà lòng người ác nhiều thiện ít. Hằng ngày xảy ra không biết bao nhiêu chuyện thương tâm. Từ cá nhân, gia đình, đến ngoài xã hội, lúc nào cũng biến loạn, bất an, xáo trộn. Câu nói: “*Tâm bình thế giới bình*” cho thấy, đó chỉ là một lý tưởng ước mơ. Thực tế, thì làm sao có được! Biết đến bao giờ lòng người mới được an bình? Dù vẫn biết, mọi khổ đau hay vui sướng, gốc từ ở nơi lòng người.

Từ thời xa xưa, cách đây trên mấy ngàn năm, đức Khổng Phu Tử cũng đã từng khuyến nhắc răn dạy mọi người:

*Dục bình thiên hạ
Tiên trị kỳ quốc
Dục trị kỳ quốc
Tiên tề kỳ gia
Dục tề kỳ gia
Tiên tu kỳ thân
Dục tu kỳ thân
Tiên chánh kỳ tâm.*

Tạm dịch:

*Muốn trong thiên hạ được thái bình
Trước hết mỗi quốc gia phải tự trị lấy
Muốn cho mỗi quốc gia được tự trị*

Trước hết mỗi gia đình phải lo chỉnh đốn an ổn

Muốn mỗi gia đình được chỉnh đốn an ổn

Trước hết mỗi cá nhân phải lo tu thân

Muốn cho mỗi cá nhân tu thân

Trước tiên phải sửa cái tâm của mình cho chơn chánh.

Thế là, cuối cùng giữa đạo Phật và đạo Nho gặp nhau ở một tụ điểm là « *sửa ở nơi cái tâm* ». Thế nhưng, sửa ở nơi cái tâm nào? Tức phải sửa, (nói đúng hơn là chuyển đổi) ở nơi cái tâm bất thiện, cái tâm vọng động. Chính cái tâm vô minh vọng động này là đầu mối tạo ra không biết bao nhiêu nghiệp ác.

Đề Bà Đạt Đa hại Phật. Ông muốn ly khai khỏi Tăng đoàn, không muốn tòng phục đức Phật. Ông muốn lập thành một phái riêng. Ông đã gây xáo trộn trong Tăng đoàn, làm cho mọi người phải nghi kỵ và gây ra nhiều rắc rối cho đức Phật. Tất cả việc làm của ông ta, đều phát xuất từ cái tâm vọng động bất thiện này. Từ một ý niệm bất hảo khởi lên, rồi theo nó mà hành động, tất nhiên là phải có hậu quả. Bằng chứng là Đề Bà Đạt Đa cuối cùng, ông ta phải lãnh lấy hậu quả mà chính do ông ta đã tạo ra.

Pháp cú trên, Phật cho chúng ta biết, làm ác thì dễ mà làm lành thì khó. Gây tạo nghiệp ác dễ như trên dốc cao tuột xuống. Ngược lại, gây tạo nghiệp lành khó như người leo núi cao. Bởi thế, người xưa có câu nói: “*Tòng thiện như đặng, tòng ác như bặng*”. Thật vậy, trong xã hội, người làm việc từ thiện, giúp ích cho mọi người thì rất ít. Còn kẻ gây rối, phá làng, phá xóm, làm cho mọi người phải lo âu sợ hãi, thì rất nhiều.

Ngắm lại, đời người thật ngắn ngủi, sống không bao lâu, thoáng qua rồi mất. Thế mà người ta không ý thức tạo nghiệp lành, gây nhân tốt, giúp ích cho xã hội, làm những việc lợi mình, lợi người. Một mai, vô thường đến, nhắm mắt xuôi tay, thử hỏi ta có mang theo được gì? Và ta có để lại những gì hữu ích cho đời không? Vẫn biết, lòng người rất ích kỷ, lúc nào cũng chỉ nghĩ đến cái lợi riêng cho mình, ai chết mặc ai. Nhưng, thưa bạn, bạn cứ thử nghĩ, dù cho bạn có thủ đoạn gian xảo mánh khéo lừa bịp ăn trên đầu trên cổ thiên hạ đến đâu, cuối cùng, bạn cũng chỉ còn lại có 3 chữ: **“Lò, Gò và Hũ”**. Một là bạn vào lò thiêu mà an nghỉ. Hai là bạn sẽ ra ngoài gò mã mà nằm. Ba là bạn sẽ vào trong hũ ngòi nghỉ. Thế thì, cuộc đời rốt lại, chỉ có ngần ấy thôi sao!

Bạn ơi! Người xưa có nói: *“Cọp chết để da, người ta chết để tiếng”*. Dù tiếng xấu hay tiếng tốt, chúng ta vẫn phải để lại. Tốt, thì được thiên hạ tán dương noi theo. Xấu, thì thiên hạ suốt đời nguyên rủa. Đó là nói theo đời. Đối với đạo Phật, thì khi còn sống, bạn cứ làm những điều phước thiện, có lợi cho bạn và cũng không làm tổn hại ai. Khi làm, bạn cũng không có ý muốn để lại tiếng thơm cho đời. Bạn là người đang thật hạnh hạnh hỷ xả. Cái gì đến thì làm, không có ý vụ lợi. Bạn vẫn muốn làm người ra đi không để lại dấu vết. Đó là bạn học hạnh Bồ tát. Dù bạn không có ý muốn để lại, nhưng trong lòng mọi người cũng đã ghi đậm *“nét son sáng giá”* của bạn rồi.

Thưa bạn, ở nơi nhơn thừa, bạn cứ tu thân, tề gia, cho phải đạo làm người. Nếu bạn là Phật tử, thì bạn chỉ giữ đúng theo Tam quy và gìn giữ năm giới cấm Phật dạy. Đó là bạn tự xây dựng đời mình theo nếp sống đạo đức. Từ đó, bạn tích cực đóng góp làm lợi ích cho xã hội, tùy khả năng và phương tiện sẵn có của bạn. Bấy nhiêu đó, cũng đủ làm cho bạn vui sống lắm rồi. Và chính bạn, bạn cũng không cảm

thấy hổ thẹn khi ôn nghĩ lại đời mình. Niềm vui mà bạn có, đó cũng là niềm vui chung của mọi người. Như vậy là bạn đã có hạnh phúc trong tay của bạn rồi. Chúc bạn thành công trong sự nghiệp lợi mình, lợi người, hiện tại và mai sau.

164. Những người ác tuệ ngu si, vì tâm tà kiến mà vu miệt giáo pháp A-la-hán, vu miệt người hành Chánh đạo và giáo pháp đức Như lai, để tự mang lấy bại hoại, giống như cỏ Cách tha¹⁷, hễ sinh hoa quả xong liền tiêu diệt.

Whoever, on account of perverted views, scorns the Teaching of the Perfected Ones, the Noble and Righteous Ones – that fool, like the bamboo, produces fruits only for self-destruction.

Kệ Tụng

Kẻ ngu si miệt thị

Giáo pháp bậc giải thoát

Bậc hiền thánh chánh mạng

Chính do tà kiến này

Tự mang quả hoại diệt

Như quả cây cách tha.

Lược giảng

Pháp cú này Phật dạy tại tinh xá Kỳ Viên, có liên quan đến Trưởng lão Kàla.

¹⁷ Cách tha: nói đủ là cách tha cách. Tiếng Phạn gọi là kattthaka. Đây là một loại cây lau, có tên khác là Cách tha cách trúc (Velu-sankhata-katttha). Loại cây này, sau khi ra hoa kết trái rồi là chết.

Vị Trưởng lão này, được sự giúp đỡ của một vị nữ thí chủ ở thành Vương Xá. Bà đối xử với vị Trưởng lão này rất tốt, khác nào như tình mẹ đối với con.

Một hôm, bà nghe tin đồn Phật thuyết pháp rất thâm sâu vi diệu. Bà trình bày với vị Trưởng lão tỏ ý muốn đến nghe. Ông ta liền ngăn cản và bàn ra. Vì ông sợ bà không còn giúp đỡ ông nữa. Mặc cho ông ngăn cản, bà cũng quyết định đi nghe. Đang lúc bà ta ngồi nghe Phật thuyết giảng, Trưởng lão Kàla bước vào và thốt ra những lời thiếu nhã nhặn. Biết rõ ý tưởng của ông, Phật liền bảo:

-“Đừng tự phụ! Vì ác kiến, ông đã phỉ báng giáo pháp của chư Phật. Nhưng như thế ông chỉ làm tổn hại mình thôi”.

Ở đời, dù biết rằng mình dở hơn người về mọi mặt, nhưng vì lòng tự ái, quá coi trọng bản ngã, không cho phép người ta khuất phục. Hơn thế nữa, vì lòng ích kỷ, ganh tỵ hẹp hòi, không muốn ai hơn mình. Trưởng lão Kàla sợ mất người lo phục vụ cho mình. Một khi gặp người có tài đức hơn, thì chắc chắn người ta sẽ nương tựa học hỏi. Dù sao, vị Trưởng lão này cũng quá rõ tâm lý của phái nữ. Người nữ bao giờ họ cũng nặng về tình cảm hơn lý trí. Dù ngoài đời hay trong đạo cũng thế.

Ở đây, ta thấy bà nữ thí chủ này rất hay. Dù bà bị vị thầy mà bà hết lòng kính trọng ngăn cản, nhưng không vì thế, mà bà ta lại nghe theo mà bỏ lỡ cơ hội nghe Phật thuyết pháp. Đó là người thực sự có quyết tâm và vì chánh pháp. Không phải là người chỉ quá đặt nặng tình cảm mà mất đi lý trí hướng dẫn chọn lựa. Dù bà ta là một người nữ. Đây là một đức tánh sáng suốt khéo biện biệt chánh tà phải trái của bà mà ta cần phải học hỏi.

Vì sợ mất người lo phục vụ cho mình, mà ông ta thốt ra những lời lẽ hằn học thiếu lễ độ. Ông ta mắng nhiếc vị nữ

thí chủ này rất thậm tệ trước mặt đức Phật. Ông ta còn lên giọng kẻ cả tự đắc, bảo đức Phật chỉ dạy cho bà ta những cách thức thông thường như: cúng dường, bố thí, trì giới mà thôi. Vì bà ta ngu lăm, không hiểu nổi những giáo pháp sâu xa đâu. Do đó mà Phật dạy cho ông ta một bài học: *“Đừng vì ác kiến, ông đã phỉ báng giáo pháp của chư Phật, nhưng như thế ông chỉ làm tổn hại mình thôi”.*

Lời Phật dạy trên là một tấm gương để chúng ta soi chung. Ở đời, người ta quá thiên trọng về vật chất mà xao lãng tinh thần. Đời sống giữa vật chất và tinh thần không quân bình, thì đó là một tai hại rất lớn cho nhơn loại. Hiện trạng thế giới ngày nay, nhơn loại đang đi vào ngõ cụt, vì không có lối thoát cho đời sống tinh thần. Do quá đặt nặng về vật chất, nên người ta khinh thường những lời dạy của các bậc Thánh Hiền. Chẳng những thế mà họ còn hủy báng, miệt thị, chê bai. Họ coi thường đạo đức, lễ sống hướng thượng. Đó là một nguy kịch mà con người ngày nay phải hứng chịu những thảm trạng xảy ra đau thương, gần như mất hết nhơn tính. Họ hành động mù quáng, theo bản năng vị kỷ của lòng vô minh dục vọng sai khiến.

Trong phạm vi của vai trò lãnh đạo, hướng dẫn tín đồ Phật tử tu học, có đôi khi, vì lòng ích kỷ nhỏ nòi, ganh tỵ, thù hiềm, mang đầu óc bệnh hoạn kỳ thị, mà ta đánh mất bản chất của một bậc thầy lãnh đạo tín đồ. Ta không muốn cho bản đạo hay đệ tử của ta phải đi nơi khác. Dù rằng, ta là kẻ kém tài thiếu đức. Ta không có đủ tư cách của một người giáo thọ hướng dẫn dạy dỗ tín đồ Phật tử. Vì tranh chấp bản đạo tín đồ, hay đệ tử mà có nhiều người công kích, mạt sát lẫn nhau gây ra cảnh bất hòa trong hàng huynh đệ. Đó là một tệ nạn tai hại rất dữ mà ta cần phải tránh.

Ngày nay, hiện trạng này đã và đang xảy ra. Có người dùng mọi thủ thuật để thu hút tín đồ về chùa mình cho đông. Mục

đích là để phô trương thể lực và nhằm mục đích trục lợi. Nếu vì mục đích lợi ích cho sự truyền bá Chánh pháp Phật dạy, thì ta nên hết lòng bái kính mà thật tâm ủng hộ. Bằng ngược lại, nếu vì mục đích khác có tánh cách quyền lợi cá nhân riêng tư, thì ta nên bái xá mà xa lánh càng xa càng tốt. Vì ta biết rõ, nơi đây không phải là nơi để cho ta nương thân tu học.

Người Phật tử phải có trí huệ sáng suốt để biện biệt rõ lẽ chánh tà chân ngụy. Vì hiện ta đang sống trong một thời đại hỗn tạp vàng thau lẫn lộn. Ta cần phải lấy cây thước giáo lý Phật dạy ra đo. Có thế, thì ta mới không bị lầm lẫn đáng tiếc, để rồi mai sau ân hận thì đã quá muộn màng rồi! Là đệ tử Phật, dù tăng hay tục, tất cả chúng ta đều phải có bổn phận bảo vệ duy trì Chánh pháp. Những ai vu miệt khinh chê hủy báng Chánh pháp, Phật nói, đó là kẻ tự mình mang lấy bại hoại và sẽ chết rử mục giống như cỏ cách tha, hễ sinh hoa quả xong liền bị tiêu diệt.

165. Làm dữ bởi ta, mà nhiễm ô cũng bởi ta; làm lành bởi ta, mà thanh tịnh cũng bởi ta. Tịnh hay bất tịnh đều bởi ta, chứ không ai có thể làm cho ai thanh tịnh được?

By oneself is evil done; by oneself is one defiled. By oneself is evil left undone; by oneself is one made pure. Purity and impurity depend on oneself; no one can purify another.

Kệ Tụng

Tự mình làm điều ác

Tự mình sanh nhiễm ô

Tự mình không làm ác

Tự mình thanh tịnh mình

Thanh tịnh, không thanh tịnh

Đều do tự chính mình

Ai thanh tịnh cho ai.

Lược giảng

Pháp cú này Phật dạy tại tinh xá Kỳ Viên, có liên quan đến chuyện của Culla Kàla.

Culla Kàla là một cư sĩ rất ngoan đạo. Ông thường xuyên đến tinh xá nghe Phật thuyết pháp. Trường hợp của ông cũng tương tự như cư sĩ Kàla nói trên. Ông cũng bị một tên trộm liệng túi đồ trước mặt. Họ định túm lấy đánh ông. Rất may, ông đã được một vài cô gái giang hồ chứng kiến và xác nhận ông không phải là kẻ trộm. Nhờ đó mà ông không bị đánh đập.

Sau khi thả ra, ông đến tinh xá thuật chuyện lại cho các Tỷ kheo nghe. Các vị này trình lên đức Phật và được Phật dạy:

- “*Này các Tỷ kheo! Cư sĩ Culla Kàla được cứu mạng nhờ cả hai mặt, sự can thiệp của các cô gái giang hồ và chính ông ta vô tội. Chúng sanh ở thế gian này do ác nghiệp gây nên, tự mình chịu khổ não ở địa ngục hay cảnh giới khổ sở khác. Nhưng người làm điều thiện thì tự mình cứu độ, được lên cõi trời hay Niết bàn*”.

Trong kinh Hoa Nghiêm có bài kệ:

Nhược nơn dục liễu tri

Tam thể nhứt thiết Phật

Ứng quán pháp giới tánh

Nhứt thiết duy tâm tạo.

Tạm dịch:

*Nếu người nào muốn biết
Ba đời tất cả Phật
Nên quán tánh pháp giới
Tất cả do tâm tạo.*

Người hành động sai quấy, vì tâm họ vọng động nhiễm ô. Ngược lại, người hành động lương thiện, lợi mình, lợi người là do tâm họ thanh tịnh. Như vậy, tất cả khổ vui trên đời, đều do tâm ta tạo lấy. Nói tâm tạo, ta phải hiểu đó là tâm vọng tưởng. Còn tâm chơn, thì không có tạo tác. Đạo Phật quy trách nhiệm ở nơi con người. Vì xưa kia, Thái tử Sĩ Đạt Ta cũng là con người, Ngài giác ngộ tu hành thành Phật. Ngài hơn con người thường là ở chỗ Ngài sống được với cái bản tâm chân thật mà Ngài sẵn có. Ta cũng có sẵn cái tâm đó. Nhưng vì ta mê, nên tâm đó có mà chưa phát hiện. Ngài hơn ta là ở chỗ đó.

Pháp cú trên, Phật cho chúng ta thấy rõ, quyền định đoạt ở nơi chúng ta. Không ai đem lại sự thanh tịnh cho ta và cũng không ai trói buộc ta. Buộc hay mở chính do ta tự quyết định lấy. Khi tâm ác độc nổi lên mà ta không kịp thời ngăn chặn, chuyển hóa, thì hậu quả sẽ xảy ra không tốt đẹp. Kinh dạy rằng: “*Người ngu chuyên làm việc ác, tự rước lấy tai họa vào thân. Đời nay vui lòng, lung ý, đời sau mang tội rất nặng*”.

Người khéo biết tu, Không nên nghe theo lòng dục vọng sai khiến. Hằng ngày, chúng ta nên soi rọi lại mình. Quán chiếu từng tâm niệm. Tâm niệm xấu ác dấy lên, ta quyết buông bỏ không theo. Hằng giữ tâm ý cho được thanh tịnh, đó là cội gốc của sự tu tập. Đức Phật Ca Diếp có nói bài kệ răn dạy như sau:

Chư ác mạc tác

*Chúng thiện phụng hành
Tự tịnh kỳ ý
Thị chư Phật giáo.*

Nghĩa là:

*Các điều ác chớ làm
Vâng làm các điều lành
Giữ tâm ý mình cho trong sạch
Đó là lời chư Phật dạy.*

Bài kệ trên đã tóm tắt hết yếu nghĩa của Phật giáo. Toàn bộ hệ thống giáo điển của Phật giáo cũng chỉ dạy con người ngàn ấy. Dù chư Phật trong ba đời cũng đều dạy không ngoài ý nghĩa này. Nếu mọi người y theo bài kệ ngắn gọn nói trên mà thực sự hết lòng tu tập, thì chắc chắn chúng ta sẽ hết khổ ngay. Như vậy, địa ngục hay Niết bàn đều ở trong lòng của chúng ta vậy.

166. Chớ vì lợi ích cho kẻ khác mà quên hẳn lợi ích cho chính mình. Người biết lo ích lợi mình mới thường chuyên tâm vào những điều ích lợi.

Let one not neglect one's own welfare for the sake of another, however great. Clearly understanding one's own welfare, let one be intent upon the good.

Kệ tụng

***Dầu lợi người bao nhiêu
Chớ quên phần tự lợi
Nhờ hiểu rõ tự lợi***

Hãy chuyên tâm lợi mình.

Lược giảng

Pháp cú này Phật dạy tại tinh xá Kỳ Viên, có liên quan đến Trưởng lão Attadattha.

Sắp nhập Niết bàn Phật bảo đệ tử:

- *Này các Tỳ kheo, bốn tháng nữa ta sẽ nhập Niết bàn.*

Bảy trăm Tỳ kheo chưa chứng quả Dự lưu, quá đỗi xúc động, không hề rời xa Thế Tôn, và thì thầm với nhau không biết nên làm gì. Nhưng Trưởng lão Attadattha thì tự nhủ Phật sắp nhập diệt mà mình chưa hết tham ái, vậy phải phần đầu hết sức để chứng quả A la hán trong khi Phật còn tại thế. Các Tỳ kheo ngạc nhiên thấy Trưởng lão tách rời họ, gần như không nói chuyện với họ nữa. Họ không hiểu tại sao nên thưa chuyện với Thế Tôn. Ngài hỏi lại Trưởng lão, biết được sở nguyện nên tán dương ông và dạy các Tỳ kheo:

- *“Này các Tỳ kheo! Người nào thành thật quý trọng Ta thì phải như Trưởng lão Attadattha mới được. Thực sự tôn quý Ta không phải là lễ kính Ta với hương hoa. Chỉ có người hành trì theo pháp từ bậc thấp đến bậc cao nhất mới đúng là tôn quý Ta. Do đó các ông nên theo gương Trưởng lão Attadattha. (trích nguyên văn tích truyện Pháp Cú tập II, Viên Chiếu, tr 259)*

Trong đạo Phật, tự lợi và lợi tha, lúc nào cũng được nhắc đến. Nếu chỉ vì lợi tha không mà chúng ta không nghĩ đến phần tự lợi, thì điều đó chưa đúng với tinh thần đạo Phật. Đức Phật khi xưa, chính Ngài cũng phải nghĩ đến phần tự lợi trước. Suốt thời gian tầm thầy học đạo cũng như thời gian tu khổ hạnh trong rừng sâu núi thẳm, tất cả cũng vì tự lợi. Trong suốt thời gian mười mấy năm trời tu tập, Ngài

cũng chưa phát hiện được chân lý. Từ đó, Ngài quyết định đến ngồi dưới cây Tất bát la để tư duy quán sát. Trải qua thời gian 49 ngày đêm, Ngài nỗ lực chuyên cần tu tập, chuyển hóa hết vô minh phiền não và cuối cùng, Ngài đạt thành sở nguyện. Sau khi thành Phật, Ngài mới nghĩ đến việc lợi tha là ra hoàng hóa độ sanh.

Như vậy, người tu phải lo phần tự lợi trước rồi sau mới nghĩ đến việc lợi tha. Như mình chưa biết lợi, thì làm sao cứu vớt được người. Muốn cứu vớt người, trước tiên, chúng ta phải tự tập bơi lội trước. Có thể, thì mình và người mới được bảo đảm an toàn.

Qua truyện tích nêu dẫn trên, cho chúng ta thấy rằng, Trưởng lão Attadattha mới là người thực sự quý kính đức Phật. Biết tin Phật sắp nhập Niết bàn, ông tự lo nỗ lực tu chứng. Trong khi đó, các thầy Tỳ kheo khác thì lại không muốn rời xa đức Phật. Tinh thần ý lại không nỗ lực tự tu, đó không phải là tinh thần của đạo Phật. Phật luôn luôn khuyến khích mọi người, trước phải lo tự lực, tự giác. Mình có an lạc hạnh phúc, mới có thể chia sẻ an lạc hạnh phúc đến cho mọi người.

Ngược lại, mình còn đau khổ trần ngập, thì làm sao chia sẻ an lạc hạnh phúc cho ai? Muốn dạy người học tập cho giỏi, trước tiên mình phải gắng lo chuyên cần học tập cho thật giỏi. Nếu mình còn dốt đặc cán mai, thì thử hỏi dạy ai? Do đó, Pháp cú trên Phật khuyên chúng ta trước tiên phải lo tự độ, rồi sau mới nói đến chuyện độ tha. Nếu chỉ biết tự hành một mặt không thôi, thì đó chưa phải đúng theo tinh thần Phật dạy.

Có người cứ mãi lo làm việc lợi người, nhìn lại mình thì trống rỗng. Chẳng khác nào, tối ngày cứ lo đem bạc cho người, rốt cuộc lại mình không có đồng điều bỏ túi. Giống như kẻ làm thuê suốt ngày đêm bò mướn cho người, rốt lại

cả đời mình không có chút sữa bò để uống. Dạy người ta tu mà mình không tu. Bảo người ta ăn mà mình không ăn, rốt lại, người no, mình đói. Như vậy, mình có được lợi lạc gì đâu?! Người dạy đạo thời nay, đôi khi, chúng ta thường mắc phải cái lỗi lầm này. Muốn được giải thoát, tự mình phải nỗ lực lo tu. Có tu hành thực nghiệm đúng đắn, thực sự lợi ích, mới đem ra dạy người. Như thế, thì mới khỏi bị lầm lạc, mình và người mới thực sự cả hai đều được lợi lạc vậy.

XIII. PHẨM THẾ GIAN

(Lokavagga)

**167. Chớ nên theo điều ty liệt¹⁸, chớ nên đem thân
buông lung. Chớ nên theo tà thuyết¹⁹, chớ làm tăng
trưởng tục trần²⁰.**

¹⁸ Ty liệt: yếu kém, thấp hèn.

¹⁹ Tà thuyết: Những chủ thuyết chủ trương không phù hợp chân lý. Như các phái Thường kiến hoặc Đoạn kiến ngoại đạo. Phái Thường kiến cho rằng con người có một linh hồn bất tử. Ngược lại, phái Đoạn kiến cho rằng con người chết rồi là mất hẳn, không có luân hồi và quả báo đời sau.

²⁰ Tục trần: Tục nói cho đủ là thế tục, chỉ cho thói đời. Người ta thường nói: phạm phu tục tử. Ý nói, chỉ cho hạng người đang sống trong vòng

Follow not the vulgar way; live not in heedlessness; hold not false views; linger not long in worldly existence.

Kệ Tụng

Chớ theo pháp hạ liệt

Chớ sống mặc, buông lung

Chớ tin theo tà kiến

Chớ tăng trưởng tục trần.

Lược giảng

Pháp cú này Phật dạy tại tinh xá Kỳ Viên, có liên quan đến một Tỳ kheo trẻ.

Theo truyền tích, sáng sớm, hai thầy trò một già một trẻ đến nhà nữ thí chủ Visàkha để khất thực. Sau khi dùng bánh và cháo, vị Trưởng lão đi sang nhà khác, để thầy Tỳ kheo trẻ ở lại. Trong khi rót nước vào bát, người cháu gái thấy gương mặt mình phản chiếu trong nước liền mim cười, thầy Tỳ kheo trẻ cũng cười lại.

Cô bé thấy thầy cười liền nói chế giễu: “Cái đầu trọc cười”. Thầy Tỳ kheo trẻ nổi xung mắng lại: “Cô là kẻ trọc đầu, má cô, ba cô cũng trọc đầu”. Cô bé òa lên khóc và chạy vào sau bếp mách bà.

Sau khi biết rõ câu chuyện giữa hai người, bà Visàkha hết lời khuyên can, nhưng cả hai người đều không chịu hòa dịu.

vô minh vọng chấp, ném đủ mùi đời thói hư tật xấu. Chữ trần nghĩa đen là bụi, nghĩa bóng là chỉ cho những thứ cấu bợn phiền não.

Tục trần ở đây, theo Tích Lan giải thích là luân hồi

Khi vị Trưởng lão trở lại, thấy thế, liền quở trách thầy Tỳ kheo trẻ. Thầy Tỳ kheo trẻ bất bình, tức giận liền đến bạch Phật.

Phật biết rõ sự tình, Ngài liền khuyên bảo:

-“*Thái độ chế giễu, nhạo báng lấy đó làm vui là thái độ thấp hèn không nên có, cũng như không nên sống buông thả phóng dật*”.

Phẩm này có tên là Phẩm Thế Gian. Chữ Thế Trung Hoa dịch là thiên lưu, ý chỉ cho thời gian luôn luôn dời đổi. Còn chữ Gian có người đọc là Gián, chỉ cho không gian gián cách. Như vậy, tất cả muôn vật, không vật nào thoát khỏi thời gian và không gian. Từ ngữ này, Phật muốn ám chỉ cho ba cõi: dục giới, sắc giới và vô sắc giới. Chúng sanh vì tạo nghiệp lành dữ nên mãi xuống lên trong ba cõi và trôi lăn trong sáu đường (Trời, người, A tu la, địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh).

Qua tích truyện lược dẫn trên, cho chúng ta thấy, một cô bé buông ý thốt ra lời nói chế giễu, xúc phạm một vị xuất gia tu hành, đó là điều lẽ ra, cô không nên nói. Vì đó là lời nói thiếu ái ngữ, mất hòa khí. Sở dĩ có lời nói thiếu nhã nhặn lịch sự đó, là vì cô bé này không được học hỏi về phương cách gìn giữ chánh niệm. Do không có chánh niệm, nên cô ta mới buông lung tâm ý, thốt nên lời nói bất cần như thế.

Thế mới biết, chánh niệm thật hết sức quan trọng trong đời sống của con người. Người Phật tử có hít thở trong chánh niệm, thì mới mong kiểm soát được mọi hành động, từ ý nghĩ, lời nói và việc làm. Có hằng kiểm soát như thế, thì mọi việc sẽ an ổn và đời sống của chúng ta mới có hạnh phúc an vui. Rất tiếc, người ta coi thường chánh niệm, nên mới xảy ra nhiều việc đáng tiếc đau thương cho mình và người.

Thầy Tỳ kheo trẻ này, cũng thiếu thiền quán học tập chánh niệm, nên chấp vào lời nói của một cô bé mà hai bên mới lớn tiếng cãi cọ nhau, đến nỗi bà Visakha và vị Trưởng lão cũng không dàn xếp yên chuyện được. Nội vụ xảy ra, phải đợi đến đức Phật mới dạy bảo dàn xếp yên xuôi.

Cũng một sự việc xảy ra, nếu ta thiếu chánh niệm quán chiếu, mất bình tĩnh, tâm trí không sáng suốt, lệ thuộc duyên trần, nhìn vấn đề thiên kiến, theo vọng chấp tình cảm, thì tất nhiên là ta không thể nào giải quyết được vấn đề một cách ôn hòa. Vì lúc đó ta để cho lòng tư dục ái kiến, sân hận của ta xen vào, nên khó thấy được toàn triệt của vấn đề. Muốn thấy rõ và sâu vào toàn bộ của vấn đề, tất nhiên là ta phải đứng trên lập trường khách quan để quán sát.

Ở đây, ta thấy, sở dĩ đức Phật giải quyết được vấn đề đó, là vì Ngài đứng trên bình diện toàn bộ của vấn đề, định tĩnh sáng suốt, nên Ngài mới thực sự hiểu rõ nguyên nhân căn cơ những gì đã xảy ra, và cần phải giải quyết ra sao. Sau khi biết rõ duyên cớ, Phật giải quyết một cách rất êm dịu và làm đẹp lòng mọi người. Đây là một bài học thiết yếu mà chúng ta cần phải lưu tâm học hỏi.

Pháp cú trên, Phật cho chúng ta biết, bao lâu con người còn chạy theo vật dục, sống buông thả theo dục lạc thế gian, thì bấy lâu con người vẫn còn đi trong vòng luân hồi chịu khổ đau mãi mãi. Những thứ dục lạc ở đời, Phật cho đó là những thứ thấp hèn. Những thứ đưa con người đến chỗ thân bại danh liệt. Dù cho con người có thụ hưởng đến đâu, rốt lại, cũng chuốc lấy đau khổ mà thôi.

Trên đời này, vật chất do người ta tạo ra, nhưng rồi người ta lại phải đau khổ vì nó. Không có ai là không đau khổ vì vật chất. Hễ có ra thứ gì là ta bị dính mắc và đau khổ với thứ đó. Có cái nhà lầu cao mấy tầng, trông thật đẹp mắt sang trọng, ai thấy cũng trầm trồ khen ngợi, nhưng họ đâu có biết

rằng, cái khổ của nợ nần chồng chất phải trả. Họ phải vất vả tranh thủ cây ngày lẫn đêm để trả nợ. Đó là chưa nói đến bao nhiêu thứ bill phải lo thanh toán cho xong. Nhất là tiền rác, nước phải trả nhân lên gấp đôi.

Có người khi chưa xây nhà thì thân thể tráng kiện khỏe khoắn, trông thấy mập ra, nhưng sau khi xây nhà, thì thân thể hốc hác ốm o tiêu tụy. Thế thì có sướng gì đâu, chỉ có được cái vỏ bên ngoài sang trọng, nhưng trong ruột thì đau khổ ngút ngàn. Có lắm người khi vương mắc vô rồi, lờ cười lờ khóc, nuốt không trôi mà nhả ra thì tiếc. Thế thì, có thụ hưởng vui sướng gì đâu! Khi mà tâm hồn của họ lúc nào cũng nặng trĩu ưu tư lo lắng!

Cũng như tiền bạc chính do con người tạo ra, nhưng người ta lại bị nó khống chế, sai khiến đủ thứ. Người ta nô lệ nó đã đành, lắm khi người ta còn phải chết vì nó. Vì nó mà người ta dám làm tất cả, dù phải bán rẻ cả lương tâm. Quả thật, đồng tiền là một sức mạnh vạn năng và thật quá ác nghiệt oái oăm. Một thi nhân nào đó đã lên án gắt gao đồng tiền:

Ác nghiệt chi mi lắm rủa tiền

Mi làm nhơn loại hoá ra điên

Mi tô mặt nạ đen thành trắng

Mi khiến nhơn tình thẳng hoá xiêng

Mi đập luân thường vô một xó

Mi xô nhân nghĩa dẹp đôi bên

Mi xui thế giới đâm nhau mãi

Ác nghiệt chi mi lắm rủa tiền!

Hay:

Tiền với bạc là nhân nạn khổ

Tiền xô người vào chỗ u minh

Tiền tài thay đổi tánh tình

Tiền gây nên cảnh đệ huynh tương tàn.

Xét cho cùng, lỗi không phải ở nơi đồng tiền hay vật chất. Lục trần không có lỗi chi cả. Nhưng lỗi đó phải xét lại ở nơi lòng người. Đồng tiền người ta tạo ra là để trao đổi giao dịch trên thương trường cho dễ bề tiện lợi. Nhưng tại lòng tham lam của con người quá độ, muốn chiếm hữu tất cả tiền bạc về mình, không muốn san sẻ chia bớt cho ai, nên từ đó mới xảy ra những vụ tranh chấp sát hại lẫn nhau. Thế giới bất an, cũng chỉ vì cái tâm tham vọng cùng cực không đáy của con người mà ra.

Ta nên nhớ rằng, tiền bạc, vật chất không thể đem lại thực sự hạnh phúc cho con người. Có chăng cũng chỉ là những thứ hạnh phúc giả trá tạm bợ nhất thời mà thôi. Được lợi thì vui mừng, nhưng vui đó rồi khổ đó. Không tiền khổ đã đành, nhưng có tiền rồi lại càng khổ hơn. Sống trong cõi đời tương đối, khổ vui luôn luôn đắp đổi với nhau là như thế.

Có người khi chưa có số tiền lớn, thì đi đâu cũng không sợ ai theo dõi rình rập hại mình, nhưng khi đã có lắm bạc nhiều tiền rồi, thì ôi thôi! họ đi đâu cũng nơm nớp phập phồng lo sợ. Trong tâm không lúc nào an ổn. Ngày xưa ăn ngủ tự do, ngày nay mất ăn mất ngủ. Đó là chưa nói, khi có tiền lại sanh ra lắm chuyện lằng nhằng lằng nhằng trong gia đình. Nếu là Phật tử, thì ngày xưa, tụng kinh, niệm Phật tu hành tinh tấn, bây giờ, khi có lắm tiền nhiều bạc rồi, thì thời khóa bỏ luôn, không còn an tâm tụng kinh, niệm Phật được nữa. Tối ngày lo sợ chỉ biết niệm tiền. Từ đó, tâm trí luôn luôn bất an. Lo sợ đủ thứ, thấy ai cũng sợ người ta thanh toán mình. Cho nên Phật Tổ mới nói: “*tiền của là rắn độc, nó*

cần mình bắt cứ lúc nào”. Nhưng vì lòng tham mà chúng ta quên đi! Bởi thế, nên Phật nói: *“chúng sanh vì mê muội nhận khổ cho là vui, mà lẫn lộn trong non sâu bể hận”*.

Chúng ta nên biết rằng, tiền bạc vật chất, nó không ở trong tay mình lâu. Vì những thứ ấy chỉ là những thứ vô thường tạm bợ. Nay ở trong tay mình, mai sẽ về tay kẻ khác. Đó là chưa nói đến năm nhà cướp mất: *“lửa cháy, nước trôi, giặc cướp, con phá tán và nhà nước tịch thu”*.

Có người, tối ngày làm lụng vất vả cực nhọc trời chết, ăn không dám ăn, mặc không dám mặc, chắt mót dành dụm cả đời, bỗng một cơn hỏa hoạn, hay một trận động đất, hoặc bão lụt, thì tất cả đều tiêu hủy tiêu tan trong nháy mắt, mọi vật đều tan tành trở thành mây khói. Có ai lâm vào hoàn cảnh này, mới cảm nhận nỗi khổ đau ngút ngàn!

Một bọt nước nổi lên óng ánh, từ xa nhìn, người ta cứ ngỡ nó là hạt kim cương, nhưng khi đưa tay vớt, thì thật là hoài công vô ích. Tất cả đều lọt qua kẽ tay, không có một bọt nước nào tồn tại. Vật chất ở đời cũng thế. Thoáng nhìn, người ta cho nó là lâu dài bền bỉ, nhưng tất cả đều bị thời gian gặm nhấm dũa mòn không vật nào tồn tại. Bởi vậy, nên Phật nói: *“Vạn vật đều là vô thường”*.

Hiểu thế, là Phật tử ta nghe theo lời Phật Tổ dạy cố gắng tập tu theo hạnh thiểu dục tri túc. Đồng thời, tùy theo duyên cảnh mà ta sống an phận, cố gắng làm lành lánh dữ, tạo thêm nhiều phước đức, nỗ lực tu hành, quyết sống không buông lung. Ta luôn tâm niệm rằng:

Cuộc đời bi thảm đáng cay

Gió đùa với bóng mượn vay một đời

Duyên sinh an phận tùy thời

Sống đùa mặc sống sáng ngời đạo tâm.

Ta sống có lý tưởng. Sống đúng theo Chánh pháp, xa lánh mọi tà thuyết. Ta quyết không nghe theo những tà thuyết vu vơ chuyên khuyến dụ ru ngủ đời ta lún sâu vào tội lỗi, đau khổ. Ta phải sáng suốt, tin sâu vào lý nhân quả, quyết không gây nghiệp ác để làm khổ mình khổ người. Đó là ta chọn một con đường hạnh phúc theo nếp sống hướng thượng bằng tất cả trí tuệ, để quyết đạt cho kỳ được sự an vui giải thoát.

168. Hăng hái đừng buông lung, làm lành theo Chánh pháp. Người thực hành đúng Chánh pháp, đời này vui, đời sau cũng vui.

Arise! Do not be heedless! Lead a righteous life. The righteous live happily both in this world and the next.

Kệ tụng

Coi chừng, chớ buông lung

Hãy sống theo chánh hạnh

Kẻ chánh hạnh hưởng lạc

Cả đời này, đời sau.

169. Khéo thực hành Chánh pháp, chớ làm điều ác hành. Người thực hành Chánh pháp, đời này vui, đời sau vui.

Lead a righteous life; lead not a base life. The righteous live happily both in this world and the next.

Kệ tụng

Hãy sống theo chánh hạnh

Chớ sống theo tà hạnh

Kẻ chánh hạnh hưởng lạc

Cả đời này, đời sau.

Lược giảng

Hai Pháp Cú này Phật nói tại Banyan Grove, có liên quan tới vua Tịnh Phạn, tức phụ thân của Ngài.

Sau khi Phật thành đạo, trải qua thời gian dài, lần đầu tiên Phật trở về hoàng cung tại thành Ca tỳ la vệ (Kapila). Tuy Phật đã về hoàng cung, gặp lại mọi người trong hoàng tộc, ai nấy đều vui mừng đón tiếp Ngài, nhưng theo lệ thường, sáng sớm Ngài vẫn mang bát đi khát thực. Thấy thế, phụ hoàng Ngài không vui liền đến trước Ngài mà nói rằng: “Này con ơi! Sao con làm nhục nhà ta vậy? Con vốn là chủ thành này, từng ở trên châu báu, nay cứ cầm bát lần đi từng nhà, có phải làm hổ nhục cho ta lắm sao!” Đức Phật liền nói cho vua nghe, đó là pháp tắc lâu đời của chư Phật và rồi Ngài liền nói hai Pháp cú này.

Đời sống của người xuất gia thời Phật là đời sống khát thực. Phật chủ trương và luôn khuyến tấn các đệ tử của Ngài là phải thật hành hạnh đi xin ăn, không một ai được quyền tạo lập tài sản cho riêng mình. Pháp tắc khát thực, là phải đi từng nhà, không được bỏ sót.

Nếp sống Tăng đoàn thời Phật tất cả đều phải như thế. Đây là một nếp sống thật giải thoát. Các Ngài không bị ràng buộc vướng bận bởi bất cứ thứ gì. Một đời sống đi lang thang rày đây mai đó không nhà. Ngày ăn một bữa, đêm lại ngủ dưới tàn cây. Giường của các Ngài là đất, mền của các Ngài là sương. Một đời sống cực kỳ đơn giản và chính cái nếp sống cực kỳ đơn giản, vô sản này mà các Ngài mới có nhiều an lạc hạnh phúc. Vì không có thứ gì trói buộc làm phiền toái các Ngài cả.

Ngẫm lại, người xuất gia thời nay, vì muốn thích nghi thời đại, có đôi khi, chúng ta thích nghi quá trớn làm mất đi

phẩm chất đạo hạnh. Những nếp sống cao đẹp hạnh phúc của thời Phật, so với ngày nay, chúng ta đã đánh mất đi quá nhiều. Ngay cả những động tác trong bốn oai nghi của người xuất gia, chúng ta cũng khó giữ đúng. Ngày xưa, Phật và các hàng Thánh chúng đi từng bước vững chãi thành thoi an lạc. Các Ngài đi trong chánh niệm, hoàn toàn không có những dự án tính toán trong đầu.

Ngày nay, chúng ta cũng đi, nhưng nội dung phẩm chất đi của chúng ta không giống các Ngài. Chúng ta đi trong thất niệm. Chúng ta đi nhanh, tính toán, lo âu đủ thứ, đi hồi hải như con ma đói. Nội cái đi thôi là chúng ta cũng đã thấy khó giữ cho đúng rồi. Còn biết bao những chuyện khác, nhất là vấn đề tài sản, tiền bạc, của cải, vật chất, những thứ vật dụng hằng ngày, so với đời sống của Phật Tổ thời xưa, thì ôi thôi! Ngàn trùng xa cách!

Vẫn biết, sự đổi mới của đạo Phật đi vào cuộc đời để chuyên hóa xã hội, để làm mới đạo Phật, thích nghi với thời đại, là điều rất cần thiết. Sự đổi mới đó nhằm mục đích *tạo dựng cho mỗi người có nếp sống an vui hạnh phúc*. Việc làm đó, không có gì là chống trái với tinh thần gốc rễ tuệ giác của đạo Phật. Tuy nhiên, có lắm người lợi dụng sự đổi mới đó mà sống buông thả, tha hóa, mất gốc đạo đức làm mất đi bản chất đạo Phật. Đó là một tác hại rất lớn cho bản thân mình và làm tổn thương ảnh hưởng không tốt cho đạo Phật, nhất là cho Tăng đoàn.

Hai Pháp Cú trên, Phật dạy không những chỉ riêng cho người xuất gia, mà Phật còn khuyến tấn nhắc nhở cả người Phật tử tại gia. Theo Phật, một đời sống buông lung là một đời sống bê tha phóng đãng. Một đời sống gây ra biết bao nỗi khổ niềm đau cho chính bản thân mình và tha nhân.

Cứ nhìn vào thực trạng của xã hội ngày nay, chúng ta thấy, nhơn loại đang trên đà tự sát. Theo đà sống gọi là vẫn

minh, nhưng thực chất, thì lại là văng xương. Ngoài những tệ nạn gây ra tội phạm: hiếp dâm, cướp của, giết người, xì ke, ma túy, băng đảng v.v... đã và đang xảy ra hàng ngày, còn biết bao những thảm họa khác, nhất là thảm họa làm ô nhiễm môi sinh. Thế giới đang la làng về vấn đề này. Đây là thứ vẩn minh mà con người sẽ đi lần đến tự hủy diệt lấy mình. Nếu mọi người không tự ý thức bảo vệ môi sinh, làm sạch môi trường, thì một ngày nào đó nhơn loại sẽ thực sự vẳng bóng trên hành tinh này.

Theo các nhà chuyên nghiên cứu sử học cho biết, sự xuất hiện của con người trên trái đất này, là sau các loài thảo mộc và súc vật. Như vậy, sự sống của con người muốn được sinh tồn lâu dài, thì con người phải ý thức tiếp tay bảo vệ môi sinh. Vì tất cả có sự sống tương quan mật thiết với nhau. Bảo vệ môi sinh, không gây ô nhiễm, đó cũng là cách hành thiện cứu người. Sự sống của con người không thể đơn độc mà tồn tại được.

Thế nên Phật dạy, mọi người phải thật hành đúng theo Chánh pháp, thì đời này vui và đời sau cũng vui. Đúng theo Chánh pháp là thể hiện nếp sống nhân bản, phải tu thân, tề gia và bình thiên hạ. Tức mỗi người phải tự quán chiếu để chuyển hóa thân tâm, bằng cách bỏ ác làm lành, cải tà quy chánh, hy sinh làm lợi ích cho nhân quần xã hội. Đó là chúng ta tự cứu lấy chúng ta. Nếu không, thì chắc chắn mọi người sẽ không thể nào vượt thoát khỏi thảm họa diệt vong.

170. Như bọt nước trôi sông, như lầu sò chợ bể²¹. Nếu xem đời bằng cặp mắt ấy, chẳng còn sợ thần chết kéo lôi.

²¹ Lầu sò chợ bể: dịch nghĩa của cụm từ: thần lầu hải thị. Ngâm ý là chỉ cảnh huyễn hóa không thật. Những làn khí bốc lên trên mặt biển đựng phải ánh nắng, hoặc làn không khí mà hiện ra những bóng hình nhìn xa

*One who looks upon the world as a bubble and a mirage,
him the King of Death sees not.*

Kệ Tụng

Như bọt nước trôi sông

Như lầu sò chợ bể

Xem đời bằng cặp mắt ấy

Tử thần không bắt gặp.

Lược giảng

Câu chuyện này xảy ra khi đức Bổn Sư ở tại tinh xá Kỳ Viên, với năm trăm Tỷ kheo chứng quả.

Theo truyện tích kể lại, có năm trăm Tỷ kheo nhận đề mục thiền định từ đức Bổn Sư, trở về rừng và nỗ lực thiền định. Nhưng mặc dù chiến đấu hết mình, họ không thể nào phát triển tuệ giác.

Các thầy nghĩ thầm: “Chúng ta sẽ đổi đề mục khác thích hợp với chúng ta hơn”. Các thầy lại chỗ Phật, trên đường đi các thầy thấy một ảo ảnh, tập trung mọi ý niệm về ảo ảnh ấy, các thầy khai mở tuệ giác. Khi bước vào sân tu viện, trời đổ mưa, các thầy đứng đậy nhìn những bọt nước nổi bập bênh và tan nhanh chóng. Một tư tưởng trôi dậy: “*Tự ngã của chúng ta như bọt nước nổi tan*”. Lập tức các thầy tập trung tư tưởng vào ý nghĩ này. Đức Bổn Sư đang ngồi trong hương thất, bèn hóa thân đến trước các thầy và nói Pháp Cú trên.

Nghe xong, các thầy chứng quả A la hán ngay tại chỗ.

như lầu đài chợ búa. Người xưa tin những làn khí ấy là hơi của giếng sò thần tự dưới đáy bể phun lên.

(Trích nguyên văn tích truyện Pháp Cú Tập II, Viên Chiếu, tr 268)

Đề mục thiền quán thật tối thiết yếu đối với hành giả. Bất cứ cảnh tượng nào trên thế gian này, nếu người khéo biết tu, đều có thể biến thành những đề mục thiền quán cả. Nhìn bọt nước trôi nổi bập bềnh trên sông, lập tức các Tỷ kheo liền phát khởi tư tưởng thiền quán. Đó là một đề mục thiền quán rất thiết thân với con người.

Ngẫm lại cho thật kỹ, đời người có khác gì bọt nước. Vì nó tan biến bất thường. Mới thấy đó rồi mất đó. Sáng thấy còn, chiều lại mất không hay. Nhưng có phải thật mất hẳn hay không? Bọt nước tan rồi có phải mất hẳn bọt nước hay không? Đó cũng là một đề mục cho chúng ta tiếp tục thiền quán. Bọt tan, nhưng nước nào có mất. Nhưng ta tự hỏi bọt nước này từ đâu có?

Nếu chúng ta chịu khó thiền quán sâu hơn, thì chúng ta sẽ thấy trong bọt nước, gồm có đám mây, có bầu trời u ám và có cả ao, hồ, sông, biển, hoa, lá, cây, rừng v.v... Như vậy, bọt nước chỉ là một biểu hiện tiếp nối của những thứ không phải bọt nước để hình thành ra bọt nước. Rồi khi bọt nước tan ra, nó sẽ biến dạng và biểu hiện qua một hình thái khác. Thế thì bọt nước nào có mất đi đâu? Khi đủ duyên thì hiển hiện.

Hiển Hiện

*Mây tan biến ta cho là mây mất dạng
Ta bước đi trong thương tiếc bản khoãn
Ta thương mây một thoáng trôi phăng
Ta gục khóc lệ sầu biếng ăn không nôi
Mọi cảnh vật biến tan thành mây khói*

Bầu trời xanh vẫn hiển hiện mãi trong lành

Mây tan hình biến dạng hạt mưa nhanh

Thấm lòng đất nuôi xanh màu cây lá

Dù hạt bụi hay núi non ngàn cây đá

Không vật nào từ có biến thành không

Hạt mưa rơi ôm lấy một dòng sông

Rồi biến dạng khi đủ duyên liền biểu hiện.

Mọi sự vật trên đời, không có vật gì từ không mà thành có hay ngược lại, cũng không có thứ gì từ có mà biến thành không. Tất cả chỉ là do nhân duyên biểu hiện mà thôi. Thiền quán sâu sắc vào bọt nước, ta thấy thân ta cũng như thế. Ta ra đời chỉ là biểu hiện tiếp nối từ những cái nhân duyên trong quá khứ. Cái ta đó khi đủ nhân duyên thì nó biểu hiện có mặt một thời gian. Khi thiếu duyên, thì nó tan biến để rồi biểu hiện ra một hình thái khác.

Như vậy, chết nào có mất đi đâu. Chết chỉ là một biến hình đổi dạng, từ cảnh này sang cảnh khác vui đau. Điều quan trọng là ta hãy chuẩn bị cho ta có đầy đủ những điều kiện tốt. Tức là ta phải nỗ lực tu hành, tránh dữ làm lành, tích công bồi đức, làm lợi ích cho mình và người, để cuộc sống của ta có ý nghĩa, an lạc và hạnh phúc.

Được thế, thì ta còn gì phải lo âu sợ chết. Nếu chúng ta có con mắt tuệ giác nhìn sâu vào cuộc đời như thế, thì chúng ta không còn sợ thần chết kéo lôi nữa.

171. Giả sử thế gian này có được trang hoàng lộng lẫy như chiếc xe của vua đi nữa, thì trong số người đến xem, chỉ người ngu mới tham đắm, chứ kẻ trí chẳng hề bận tâm.

Come! Behold this world, which is like a decorated royal chariot. Here fools flounder, but the wise have no attachment to it.

Kệ Tụng

Hãy đến nhìn đời này

Như xe vua lộng lẫy

Người ngu mới tham đắm

Kẻ trí nào bận tâm.

Lược giảng

Pháp cú này Phật dạy tại tinh xá Trúc Lâm (Veluvana) có liên quan đến hoàng tử Vô Úy.

Sau khi dẹp loạn ở biên cương, hoàng tử Vô Úy thắng trận trở về, được vua cha Tần Bà Sa La rất vui mừng và ban thưởng. Các nàng vũ nữ ca múa hát xướng ở trong hoàng cung bấy ngày. Hoàng tử có dịp ngắm cung điện của vua cha thật trang hoàng lộng lẫy. Đến ngày thứ tám, chàng tắm bên bờ sông và trông thấy một vũ nữ nhan sắc tuyệt đẹp. Chàng ngắm nhìn cô vũ nữ này nhảy múa, mê say đắm đuối. Nhưng không may, nàng ta bất thần bị ngã bệnh và chết.

Buồn quá! Hoàng tử liền tìm đến đức Phật và trình bày nỗi buồn của mình. Đức Phật an ủi và khuyên bảo: “*Biết bao lần cô vũ nữ kia đã chết và cũng biết bao nhiêu lần hoàng tử đã khóc cho cô ấy. Luân hồi sanh tử, tử sanh là như thế*”. Phật nói tiếp:

- “*Này hoàng tử! Không nên sầu não, chỉ có kẻ khờ dại mới chôn mình trong bể ưu bi. Nhân đó, Phật nói Pháp cú này*”.

Pháp cú này Phật nêu một thí dụ để so sánh, giả sử cả thế gian này, mọi thứ đều đẹp đẽ lộng lẫy như chiếc xe của vua, chỉ có kẻ ngu mới tham đắm, còn người trí thì chẳng hề bận tâm.

Hiện chúng ta đang sống trong cõi dục, mọi thứ vật chất đối với chúng ta không thứ nào mà chúng ta chẳng tham muốn. Theo lời Phật dạy trên, thì hầu hết nhưn loại đều thích làm người ngu. Bởi lòng tham muốn của con người biết sao cho đủ. Có một, họ muốn có mười. Khi được mười, họ muốn lên trăm v.v... Cứ thế mà tăng lên mãi.

Biển sâu đến đâu, người ta cũng có thể dò đến đáy được, còn cái túi tham của con người có đáy đâu mà dò. Vẫn biết tham lam là xấu xa, là đau khổ, là khổ thân, là mệt trí, nhưng con người có bao giờ biết dừng lại đâu! Còn sống thì tham lam đã đành, đến khi sắp chết lòng tham cũng không buông bỏ. Bởi thế, mà Phật nói chúng sanh trôi lăn mãi trong vòng sanh tử luân hồi để chịu lắm cảnh khổ đau là thế!

Khác hơn người ngu, người trí là người tỉnh thức sáng suốt. Nhờ có trí huệ nên họ nhận rõ vạn vật chỉ là hư ảo. Vì tất cả đều không thoát khỏi luật vô thường. Dù cho giàu có, nhiều tiền lắm của sang trọng đẹp đẽ đến đâu, rốt lại cũng chỉ là huyễn hóa như giấc mộng mà thôi. Vạn vật không có gì bền chắc. Đời là giả dối tạm bợ. Không có thứ gì tồn tại lâu dài. Quả đúng như Ôn Như Hầu Nguyễn Gia Thiều đã than:

Tuồng huyễn hóa đã bày ra đấy

Kiếp phù sinh trông thấy mà đau

Trăm năm còn có gì đâu

Chẳng qua một nắm cỏ khâu xanh rì!

Biết thế, thì thử hỏi tham đắm để làm gì? Người ta đau khổ chém giết với nhau cũng chỉ vì lòng tham. Tham mà không được toại nguyện thì nổi sân. Khi lửa sân bốc cháy lên, thì còn đâu biết phân biệt phải trái. Thế là anh si nhẩy vào can thiệp quyết lòng ăn thua đủ. Lớn thì quốc gia này xâm lấn quốc gia kia. Nhỏ thì giữa cá nhân này với cá nhân nọ. Cứ thế mà tranh chấp không thôi. Tất cả cũng chỉ vì ba thứ **Tham, Sân, Si** mà ra.

Ngược lại, người trí là người nhận ngay từ cái gốc của chúng. Chúng chỉ là những thứ hư giả như bọt nước tan hợp bất thường. Trong Chứng Đạo Ca, Ngài Vĩnh Gia Huyền Giác đã nói:

“...Ngũ ấm phù vân không khứ lai
Tam độc thủy bào hư xuất một”.

Thân ngũ uẩn ta cho là thật có, nhưng đối với cái nhìn của người đạt đạo thì nó chỉ là mây nổi hợp rồi tan trong vũ trụ bao la. Tham, Sân, Si, chúng cũng chỉ là những thứ bọt bèo sanh diệt huyễn hư, không có gì là chân thật độc hại cả. Do nhận rõ như thế, nên người ta dứt trừ được lòng tham. Bởi vậy, Phật cho đó là người trí, tức người nhìn đời bằng tuệ giác. Nhờ đó, tuy sống trong lòng cuộc đời mà tâm người ta thật thanh thoi, tự tại, giải thoát.

172. Người nào trước buông lung sau lại tinh tấn, người đó là ánh sáng chiếu cõi thế gian, như vàng trắng ra khỏi mây mù.

*He who having been heedless is heedless no more,
illuminates this world like the moon freed from clouds.*

Kệ tụng

Ai trước sống buông lung

Sau sống không phóng dật

Sẽ chói sáng đời này

Như trăng thoát mây quần.

Lược giảng

Câu chuyện xảy ra tại Kỳ Viên, có liên quan đến Trưởng lão Sammūjani.

Vị Trưởng lão này luôn quét dọn không kể giờ giấc. Một hôm, ông cảm chối đến thất của Trưởng lão Revata (Ly bà đa) thấy vị này đang ngồi yên, ông thâm trách, cho rằng, Trưởng lão Revata tối ngày ăn không ngồi rồi, tiêu hao của tín thí, không chịu cầm chổi quét dọn như ông.

Trưởng lão Revata, liền cho ông một bài học: “*Không phải tối ngày cầm chổi quét dọn hoài mới là tinh tấn, mà một thầy Tỳ kheo ngoài việc khát thực, quét dọn phòng ốc ra, còn cần phải thiền tọa quán niệm*”. Nhờ lời dạy đó, Trưởng lão Sammūjani cố gắng thật hành, không bao lâu, ông chứng quả A la hán.

Sau đó, các Tỳ kheo khác thấy các phòng đều đầy rác rến, mới hỏi Sammūjani sao huynh không quét? Ông trả lời: trước kia tôi buông lung nên thường quét dọn, bây giờ tôi trở nên tinh tấn, nên không quét dọn nữa.

Các Tỳ kheo đem chuyện đó bạch trình lên Phật, Phật bảo đúng như vậy. Nhân đó, Phật dạy Pháp cú này.

Qua câu chuyện lược dẫn trên, cho chúng ta thấy, người tu hành không phải tối ngày lo làm công kia việc nọ, mà cho là vị đó siêng năng. Đối với đời, ai làm như thế, thì người ta thầm khen là vị đó rất siêng năng. Họ siêng năng với lý do, là vì họ mưu cầu danh lợi. Vì chén cơm manh áo, vì muốn

giàu sang hơn thiên hạ, nên họ phải chịu cực, chịu khổ để làm như thế. Ngược lại, đối với người tu hành, nhất là đối với những người xuất gia, thì lại khác. Vì mục đích của người xuất gia nhắm tới là phải đạt cho kỳ được giác ngộ và giải thoát.

Trường hợp Trưởng lão Sammāṇi tởi ngày chỉ biết lo dọn quét bên ngoài, mà ông không hề lo dọn quét bên trong, nên ông bị Phật quở cho đó là buông lung. Bởi vì, ông làm việc chỉ biết mãi say mê với công việc mà bỏ phế việc ngồi thiền, thì đó chưa phải là người siêng năng. Chử tinh tấn trong đạo Phật là hành giả phải hồi quang phản chiếu nỗ lực diệt trừ phiền não. Vì có diệt hết phiền não tham, sân, si, ... thì định huệ mới phát sanh và có như thế, mới thực sự giải thoát.

Ở đây, ta thấy, Trưởng lão Sammāṇi lại không làm như thế. Vì ông thiếu thực tập thiền quán và ái ngữ, nên ông mới thốt lời chê trách Trưởng lão Revata là người chỉ biết ăn không ngồi rồi, tiêu hao của đàn na tín thí. Nhưng ông đâu có ngờ rằng, chính ông mới là người không biết tu hành và làm tiêu hao của tín thí. Và ông mới chính là người buông lung. Vì ông làm thiếu sự nhận diện của chánh niệm. Làm không có mặt trời ý thức soi sáng vào công việc mình làm.

Cũng đồng thời làm một công việc như quét dọn, rửa bát, tưới cây, nhổ cỏ, lật rau v.v... đối với người tu, nhất là đối với người xuất gia như chúng ta, phải làm trong chánh niệm. Chánh niệm là để tâm chú ý hằng **“Biết”** vào công việc mình đang làm. Tuyệt đối không nên khởi nghĩ mong lung. Làm mà khởi nghĩ lung tung, Phật cho đó là buông lung hay tâm trạo cử phóng dật.

Sau khi nghe Trưởng Lão Revata khuyên nhắc, từ đó, ông nỗ lực thiền quán và không bao lâu đắc quả A la hán. Cuối cùng, ông được Phật khen, cho rằng, ông là người trước kia

buông lung, nhưng nay lại tinh tấn rất mực, giống như vừng trắng ra khỏi mây ám.

Xét kỹ, trong giới tu hành, nhất là người xuất gia hiện nay, cũng có nhiều người giống như Trưởng lão Sammāṇi. Suốt ngày, họ lo làm những việc bên ngoài, thậm chí không có thời gian nào rảnh rỗi. Ai thấy cũng cho rằng vị đó rất tinh tấn. Họ hết lòng phục vụ cho đạo pháp. Nhưng, đó chỉ là tinh tấn theo công việc, cũng không khác mấy với người đời. Vì cả hai cũng bận rộn suốt ngày. Chỉ khác là không lo nghĩ đến vấn đề cơm ăn áo mặc. Thiếu đủ không cần quan tâm biết đến. Vì việc này đã có Phật tử lo. Khác nhau là khác ở điểm đó. Nhưng không khác nhau ở nơi bận rộn với công việc.

Nếu người tu chỉ một bề say mê với công việc, thì bị Phật quở cho đó là buông lung. Vì sao? Vì tâm luôn luôn dính mắc theo duyên trần. Thử hỏi có người nào làm việc mà không tính toán lo âu không? Ai làm cũng muốn cho công việc của mình được hoàn hảo.

Muốn thế, thì phải dồn hết tâm lực vào công việc. Tính toán đương đầu trực diện đối nội, đối ngoại đủ thứ việc. Lúc nào đầu óc cũng căng thẳng, phiền não rối rắm đủ thứ. Được việc thì vui, mà trái lại thì buồn. Thuận theo ý mình thì tốt, nghịch với ý mình thì nổi sân la ó om sòm. Đây là tâm trạng mà đa số người xuất gia chúng ta vương mắc.

Đối với thời nay, không có mấy người làm việc Phật sự mà tâm cảnh như như. Nghĩa là làm mà không bị dính mắc vào công việc. Chỉ có những bậc đạo lực thâm hậu *đối cảnh vô tâm* hay *đôi đến thì ăn một ngủ khô*. Những bậc cao đức này, chúng ta không dám luận bàn đến. Ngoài ra, đối với những người tập sự tu hành hạnh xuất thế như chúng ta, thì không ai dám tự hào là mình làm không dính mắc vào ngoại cảnh. Người tu hành không ai biết rõ mình, bằng mình tự

biết mình. Dù cho chúng ta có cố gắng tỏ ra cho người ta biết mình là thứ thiệt, làm Phật sự như trò chơi, nhưng than ôi! Làm sao qua đời mắt tinh ranh của người đời. Thế thì, mình phải thành thật nhìn kỹ lại chính mình. Chính vì thế, mà Trưởng lão Revata phải vận dụng công phu thiền quán cho mình có một nội lực thâm hậu. Bằng cách là phải thực tập thiền tọa. Có ngồi yên, mới thấy được những vọng niệm vi tế. Đó là phản quan tự kỷ. Người tu phải luôn luôn nhìn lại mình. Mà muốn nhìn lại mình cho thật kỹ lưỡng, thì Phật dạy chúng ta cần phải ngồi thiền. Trong bốn oai nghi: đi, đứng, ngồi, nằm, chỉ có tư thế ngồi mới là thù thắng hơn các oai nghi khác. Thế nên, Phật Tổ dạy người tu hành phải lấy việc ngồi thiền làm căn bản. Nhưng phải ngồi với tư thế tươi mát và thanh thoi.

173. Người nào trước làm ác sau lại làm lành, người đó là ánh sáng chiếu cõi thế gian như vầng trăng ra khỏi mây ám.

*He who by good deeds covers the evil he has done,
illuminates this world like the moon freed from clouds.*

Kệ Tụng

Ai dùng các hạnh lành

Che khuất các nghiệp ác

Sẽ chói sáng đời này

Như trăng thoát mây quần.

Lược giảng

Câu chuyện này xảy ra tại Kỳ Viên, có liên hệ đến Trưởng lão Chỉ Man (Angulimāla, tức Ương quật ma la)

Ương quật ma la, thường gọi là anh chàng Vô Nã. Đây là một con người rất độc ác. Anh ta giết người không biết gớm

tay. Anh ta đi đến đâu, người ta đều hoảng hốt lo sợ đến đấy. Anh ta giết nhiều người, cứ giết xong, thì anh ta chặt một ngón tay để làm chuỗi đeo cổ. Mọi người nghe đến tên anh, ai nấy đều sợ kinh hồn khiếp đảm.

Vào một buổi sáng, đức Phật mang bát đi vào thành Xá Vệ khát thực. Thọ trai xong, đức Phật đi về phía mà anh chàng Vô Nã đang ẩn núp ở đó. Mọi người đi đường đều ngăn cản không cho đức Phật đi. Nhưng đức Phật vẫn không quan tâm đến sự khuyên can của họ. Đức Phật vẫn lặng lẽ bước đi. Thấy thế mọi người đều lo sợ cho đức Phật.

Từ xa, Vô Nã nhìn thấy đức Phật, chàng ta rất đổi vui mừng, vì hôm nay, chàng ta chưa giết một người nào. Chàng nghĩ thầm: lạ thay! mọi người không ai dám đi một mình vào đây, sao hôm nay, chỉ có Sa môn Cù Đàm dám đi một mình? Nghĩ xong, anh ta mang gươm chạy đuổi theo đức Phật và quyết lòng phải giết đức Phật cho kỳ được. Phật đi trước, anh ta đuổi rượt theo sau, nhưng vẫn không theo kịp đức Phật. Tức quá! Anh ta vội hét lớn tiếng lên! Này Sa môn Cù Đàm hãy dừng chân lại. Phật bảo: “*Ta đã dừng lại từ lâu rồi. Chỉ có người chưa dừng lại đó thôi!*” Phật nói tiếp: “*Ta đã dừng tất cả những thứ trước cấu phiền não tham, sân, si... Ta có lòng từ bi đối với mọi người. Còn người, sao người không chịu thôi bỏ cái tâm ác độc giết hại người! Ta khuyên người nên từ bỏ cái tâm ác độc đó đi*”.

Nghe Phật dạy thế, chàng ta liền ném khí giới xuống đất và xin quy y xuất gia theo Phật. Đức Phật thọ nhận chàng ta vào trong Tăng đoàn và trở thành một bậc Sa môn gương mẫu. Sau khi xuất gia, ông ta nỗ lực tu hành, không bao lâu chứng quả A la hán.

Thời Phật, cách chúng ta hơn hai mươi lăm thế kỷ, nhưng vẫn có những con người quá độc ác. Họ giết người như trò chơi. Coi mạng sống con người còn rẻ hơn bèo. Họ muốn

giết ai thì giết. Không cần biết người đó là ai. Thấy người thì cứ giết. Độc ác như anh chàng Vô Nã trong câu chuyện lược dẫn trên, có lẽ, trong xã hội loài người không còn ai độc ác hơn.

Người ta từng lên án các bạo chúa, trong thời đại quân chủ, như xưa kia, vua Tần Thủy Hoàng đốt sách chôn sống học trò và giết chết biết bao người một cách vô cớ tàn nhẫn. Nhưng sự ác độc đó, mục đích là vì ông muốn bảo vệ ngai vàng, quyền uy, thống lãnh cai trị thiên hạ của ông.

Ngược lại, anh chàng Vô Nã này, giết người chỉ vì nghe theo lời ngoại đạo tà giáo khuyến dụ để được sanh Thiên đường. Thật là oái oăm ngược đời, kẻ chuyên làm ác mà muốn được sanh Thiên. Tuy rằng, cả hai đều bạo ác, nhưng mỗi người đều có một mục đích khác nhau. Đối với vua Tần Thủy Hoàng, cho đến khi chết, ông vẫn đeo đuổi cái mộng ước mưu bá đồ vương, có được cái quyền uy tột đỉnh, ngồi trên thiên hạ. Ông không một chút hối hận, hoán cải những tội ác mà ông đã gây ra.

Ngược lại, anh chàng Vô Nã này, tuy cũng rất độc ác, nhưng còn gặp được Phật. Nhờ Phật giáo hóa mà ông ta cải ác tùng thiện, cải tà quy chánh. Ông quyết lòng cải hối theo Phật xuất gia và nỗ lực tu hành, đắc thành đạo quả.

Thế mới biết, con người dù cho có độc ác đến đâu, cũng có phút giây ăn năn hối cải. Nếu người đó gặp được một bậc Thầy cao đức hướng dẫn chỉ giáo. Tần Thủy Hoàng không có được cái duyên phúc này. Ông không có được một Đại thiện hữu tri thức chuyển hóa. Do đó, nên ông rất đau khổ suốt cả cuộc đời. Thật là tội nghiệp!

Tại sao chàng Vô Nã lại hồi tâm chuyển ý? Thứ nhất, là ông gặp Phật một bậc Thầy toàn giác, đạo cao đức trọng. Thứ hai, là chính ông đã có sẵn hạt giống lành. Hạt giống

này, vì thiếu duyên nên nó chưa có cơ hội phát hiện. Duy Thức Học cho chúng ta biết, trong mỗi người chúng ta, ai ai cũng đều sẵn có hai loại hạt giống: thiện và ác. Hai loại hạt giống này, tùy theo môi trường, hoàn cảnh mà chúng hiện hành có sai khác. Nếu người có duyên phúc tốt, thì sẽ gặp môi trường hoàn cảnh tốt và hạt giống lành sẽ phát triển nhanh hơn.

Ngược lại, thì hạt giống ác sẽ phát triển mạnh. Bởi thế, nên xã hội loài người mới đặt định ra vấn đề giáo dục cải hóa con người. Bản tính cố hữu của con người vốn không bạo động. Vì bạo động, đó là cá tánh của loài thú vật. Nuôi dưỡng đức tánh bất bạo động, và làm cho nó tăng trưởng, đó là con người có ý chí hướng thượng. Thánh Gandhi là cha đẻ của chủ thuyết bất bạo động. Chỉ có bất bạo động mới đưa con người đến lại gần nhau. Và từ đó mới dễ thiết lập cảm thông *hiếu và thương* nhau hơn để có cơ hội sống chung hòa bình.

Rất tiếc, thế giới ngày nay, người ta còn quá hăng say bạo động. Càng ngày, người ta càng đánh mất đi yếu tính nhân bản. Đạo làm người mất đi, thì giá trị nhân phẩm không còn. Có khôi phục lại đạo đức nhân bản, thì xã hội mới bớt loạn lạc khổ đau. Nền văn hóa nhơn loại đang bị lung lay đến tận gốc rễ. Các nhà làm văn hóa, cần phải cắm sâu gốc rễ đạo đức nhân bản. Nếu không, thì nếp sống văn hóa của con người sẽ bị mất gốc thâm. Và như thế, thì nhơn loại càng hứng chịu những bạo động khủng bố, bắn giết, và những tệ nạn thảm họa đau thương khác xảy ra khốc liệt. Đó là một sự thật không ai có thể phủ nhận. Thú tánh trong con người càng bộc phát mạnh mẽ, thì nhơn tính càng bị yếu dần. Từ đó, nảy sanh ra không biết bao nhiêu điều họa hại cho xã hội.

Thiết nghĩ, những ai đã và đang đi vào con đường tội ác như chàng thanh niên Vô Nã kia, xin mỗi người hãy tự quán chiếu xét lại. Xưa kia, chàng thanh niên Vô Nã, chỉ vì cuồng tín, mất sáng suốt, bị bính vẽ Thiên đường hấp dẫn, tạo cho anh ta có những tri giác sai lầm, gây ra nhiều tội ác, nhưng cuối cùng, anh ta đã được một bậc Thầy chuyển hóa và trở thành người lương thiện đạo đức.

Anh ta đã mạnh dạn ném khí giới, đứng lên hiên ngang làm lại cuộc đời. Anh ta hoàn toàn đổi mới con người. Tên sát nhân Ương Quật Ma La ngày xưa đã chết, để rồi chuyển hóa thành một thầy Sa môn hiền từ gương mẫu thật dễ kính mến. Thậm chí vua Ba Tư Nặc cũng phải bái kính và cúng dường.

Quả thật, Vô Nã là một con người từ trong bóng tối si mê mà bước ra ánh sáng trí tuệ đầy tình thương. Tình yêu thương nhơn loại đã tràn ngập trong lòng anh ta. Anh ta đã trở thành một con người sống có lý tưởng, luôn luôn mang tình yêu thương đến cho mọi người. Ngày xưa, anh đi đến đâu, người ta run sợ khiếp đảm đến đó. Bây giờ, thì đã khác xa rồi.

Chính vì thế, mà Phật dạy: *“Người nào trước làm ác sau lại làm lành, người đó là ánh sáng chiếu cõi thế gian như vầng trăng ra khỏi mây ám”*. Mong sao, những ai đã vì một phút sai lầm, nên dần thân vào con đường tội phạm như anh chàng thanh niên Vô Nã kia, xin hãy nghe theo lời Phật dạy, mà quyết tâm mạnh dạn đứng lên làm lại cuộc đời, để chiếu sáng thế gian như vầng trăng ra khỏi mây ám. Xin các bạn hãy cương quyết làm vầng trăng sáng: *“Phóng hạ đồ đao lập địa thành Phật”*.

174. Như chim thoát khỏi lưới, chẳng mấy con bay thẳng lên trời cao, trong thế gian này chẳng mấy người sáng suốt trông thấy cao xa.

Blind is this world; here only a few possess insight. Only a few, like birds escaping from a net, go to the realms of bliss.

Kệ tụng

Đời này thật mù quáng

Ít kẻ thấy rõ ràng

Như chim thoát khỏi lưới

Ít hướng thẳng trời cao.

Lược giảng

Câu chuyện xảy ra tại tinh xá Aggālava có liên quan đến cô bé thợ dệt.

Khi Phật đến Àlavi, dân chúng mừng rỡ và họ thỉnh Phật thọ trai. Thọ trai xong, Phật dạy cho họ nghe về pháp quán niệm cái chết. Trong số thỉnh chúng, có một cô bé 16 tuổi, chuyên sống bằng nghề dệt vải. Nghe lời Phật dạy, trải qua 3 năm, cô hằng quán niệm đến cái chết.

Sau một thời gian, đức Phật quán sát biết thọ mạng của cô bé không còn bao lâu nữa, nên đức Phật trở lại Àlavi để gặp cô ta. Hay tin Phật đến, cô bé rất mừng, nhưng vì bận dệt vải, nên cô không đến gặp Phật ngay được. Phật biết nên sau khi thọ trai, Phật không thuyết pháp liền mà Phật chờ cô bé đến.

Cô bé dệt xong, liền chạy đến để gặp Phật. Phật hỏi cô bé vài câu hỏi, tất cả cô đều trả lời đúng hết. Phật khen ngợi cô ta. Trong khi đó, mọi người khác ngồi nghe đâm ra bực mình và họ xì xào với nhau trách cứ cô bé. Họ đâu hiểu được những câu hỏi thâm sâu lắt léo của đức Phật. Chỉ có cô bé mới hiểu được thâm ý của Phật thôi. Và nhân đó Phật nói Pháp Cú này.

Người đời hầu hết ai cũng sợ chết. Dù rằng, họ chưa biết tình trạng biến chuyển của cái chết xảy ra như thế nào. Nhưng, nói đến chết là người ta sợ cuống cuống lên. Sợ dĩ người ta sợ chết là vì ai cũng ham sống. Dù có người sống rất cực khổ, không thụ hưởng được gì, nhưng nói đến chết, họ vẫn lo sợ.

Ở đây, Phật dạy, người nào muốn không sợ chết, thì phải thường xuyên quán niệm đến cái chết. Vì chết là một định luật bất di bất dịch. Hễ có sanh tất có diệt. Nhưng chết không phải là hết. Như bóng đèn đang cháy sáng, bỗng tắt, người ta lầm tưởng là không còn điện nữa. Nhưng thật ra, bóng đèn bị đứt, chớ điện nào có mất đi đâu. Thế mà người ta cứ mãi lo sợ mất điện. Chỉ cần thay bóng mới khác vào, thì ánh sáng sẽ có lại ngay.

Bóng đèn, vì thiếu một điều kiện nào đó, nên nó không thể tiếp tục cháy được. Cũng thế, thân này là do duyên hợp. Khi còn đủ duyên, thì tạm nói là còn sống. Khi bị hư một bộ phận nào đó trong thân, thì sự sống không còn. Không còn là không còn cái xác thân, chớ không phải mất đi cái dòng tâm thức. Cũng như bóng đèn không còn cháy sáng được nữa, chớ không phải mất đi cái luồng điện lực.

Phật bảo chúng ta phải quán niệm đến cái chết, chỉ là sinh diệt, diệt sinh mà thôi. Điều quan yếu, nếu muốn không sợ chết, thì chúng ta cần phải chuẩn bị thật chu đáo cho cái chết. Chuẩn bị như thế nào? Chuẩn bị bằng cách, vâng theo lời Phật dạy, chúng ta cố gắng làm lành, lánh dữ, tu nhân, tích đức, ăn chay, niệm Phật, quyết chí tu hành.

Thí như, chúng ta biết mùa đông là lạnh. Nếu muốn không sợ lạnh, thì mỗi người hãy chuẩn bị sẵn sàng cho mình các thứ chống lạnh, như áo ấm, mền, nệm, lò sưởi v.v... Chuẩn bị cho thật kỹ lưỡng rồi, thì dù mùa đông có tới, ta cũng không lo sợ. Vì ta biết thế nào mùa đông cũng phải đến.

Phật nói đó là người trí. Đó là người không mù quáng sợ hãi về cái chết.

Thiên quán sâu hơn về cái chết, khi chúng ta nhìn cây bấp, thì chúng ta sẽ thấy được hạt bấp. Nhìn đám mây, ta thấy có biển nước sông hồ... tất cả chỉ là biểu hiện có mặt theo dòng thời gian, không có gì mất đi và cũng không có gì tồn tại. Xem những hình ảnh hoạt động trên màn ảnh TV, khi tắt điện, những hình ảnh đó không còn hoạt động nữa, ta cứ tưởng là mất hẳn, nhưng không mất đi đâu cả, khi có điện vào, thì sẽ có những hình ảnh tiếp tục hoạt động trở lại.

Hiểu thế rồi, ta không còn gì phải lo sợ cái chết. Xe chạy lâu đời thì phải hư, khi hư không còn xài được, thì phải bỏ. Cái áo rách như bản, cần phải thay áo khác. Bỏ xe này mua xe khác. Điều quan trọng là ta phải chuẩn bị cho có tiền nhiều để mua xe mới tốt hơn. Cũng thế, chết là điều kiện tất yếu phải đến, điều quan trọng là ta hãy chuẩn bị cho cái thân của ta kế tiếp đẹp đẽ tốt hơn.

Muốn thế, thì ta cần phải nỗ lực tu hành, để có được cái thân như ý muốn. Theo luật nhân quả, hễ gây nhân tốt, tất nhiên là ta phải có quả báo tốt. Đó là quyền quyết định hướng đi của chúng ta. Chúng ta phải quyết định làm con chim khi thoát khỏi lưới là phải bay bổng lên trời cao, để nhìn thấy trời đất bao la rộng rãi. Chớ không thể bay là đà trên mặt đất liền, để rồi bị sa vào lưới nghiệp nữa. Khi đó, dù cho con chim có muốn thoát ra khỏi lưới để bay cao, thì chao ôi! Đã quá muộn màng rồi!

Người nào thiên quán sâu sắc như thế, Phật cho đó là người có trí huệ, nhìn xa thấy rộng không còn vọng chấp, thiên kiến, tạo nghiệp ác để bị thân chết kéo lôi đi vào con đường đau khổ, tuyệt vọng nữa.

175. Con thiên nga chỉ bay được giữa không trung, người có thần thông chỉ bay được khỏi mặt đất, duy bậc đại trí, trừ diệt hết ma quân mới bay được khỏi thế gian này.

Swans fly on the path of the sun; men pass through the air by psychic powers; the wise are led away from the world after vanquishing Mara and his host.

Kệ tụng

Như chim thiên nga bay

Theo hướng đi mặt trời

Kẻ trí nhờ thần thông

Bay lượn giữa hư không

Nhờ trừ diệt ma quân

Kẻ trí thoát đời này.

Lược giảng

Theo truyện tích kể lại, câu chuyện xảy ra khi đức Thế Tôn ở tại Kỳ Viên, có liên quan đến ba mươi vị Tỳ kheo.

Một hôm, có ba mươi vị Tỳ kheo sống ở các xứ khác đến thăm đức Phật. Tôn giả A nan trông thấy các vị ấy đến khi đang chuẩn bị vào hầu Phật. A Nan nghĩ thầm: “Ta sẽ đợi đức Thế Tôn tiếp đón các Tỳ kheo này, sau đó ta mới vào hầu”, và Tôn giả đợi ngoài cửa.

Phật đón tiếp các Tỳ kheo, thuyết pháp một cách hoan hỷ cho các vị. Sau đó, tất cả chứng quả A la hán. Các vị từ giả Phật, bay lên hư không.

Các Tỳ kheo đi rồi, A Nan đến chỗ Phật, hỏi:

- Bạch Thế Tôn, có ba mươi Tỳ kheo đến đây, họ ở đâu?

- Đã đi.

- Bạch Thế Tôn, họ đi đường nào?

- Họ bay qua hư không.

- Bạch Thế Tôn, như vậy họ đã thoát khỏi sanh tử?

- Đúng thế! Này A Nan! Sau khi nghe Ta nói pháp, họ đã chứng A la hán.

Lúc ấy có một vài con thiên nga bay liệng trên không. Đức Phật nói:

- *Này A Nan! Ai phát triển đầy đủ Tứ thần túc²², người ấy bay liệng như thiên nga. Nhân đó, Phật nói Pháp cú này.* (Trích nguyên văn tích truyện Pháp Cú Tập II, Viên Chiếu, tr 290)

Thần túc thông, còn gọi là Như ý túc thông, là một trong ngũ thông. Đây là loại thần thông có công năng biến hóa không lường. Có thể phi hành tự do theo ý muốn. Thân bay giống như chim bay vô ngại. Người tu hành có được thần thông lực dụng như thế, thì đối với người thế gian cho đó là quá tuyệt rồi. Thế nhưng, ở đây, Phật lại nói, chỉ có bậc đại trí mới bay khỏi thế gian này.

²² Tứ thần túc: Bốn thần túc, gồm:

1. Tập định đoạn hành cụ thần túc.
2. Tâm định đoạn hành cụ thần túc.
3. Tinh tiến đoạn hành cụ thần túc
4. Ngũ định đoạn hành cụ thần túc.

Pháp cú này, Phật nêu ra hình ảnh của con thiên nga (ngỗng trời) và người có thần thông để so sánh với bậc đại trí. Con ngỗng trời dù cho nó có bay cao đến đâu, rồi cũng có lúc cũng phải đáp xuống đất. Người có thần thông phi hành biến hóa đến đâu, nhưng chưa diệt trừ hết vô minh phiền não, cũng vẫn tiếp diễn đi trong vòng luân hồi thọ khổ. Chỉ có bậc đại trí trừ hết ma quân phiền não mới bay ra khỏi thế gian này.

Thật vậy, người tu hành muốn được giác ngộ giải thoát, thì phải đoạn trừ ở nơi cái gốc. Cái gốc rễ đó là vô minh. Nếu không lo đoạn trừ ở nơi cái gốc, mà chỉ chạy theo cái ngọn, thì muôn đời khó được giải thoát. Cái ngọn đó là thần thông. Có lắm người tu, họ chỉ thích chạy theo cái dụng. Tu mà có phát sanh những hiện tượng này họ rất thích.

Cũng như nói, tu có hào quang, hay xuất hồn ngao du nơi này nơi kia, hoặc giả tiên đoán biết rõ chuyện quá khứ, vị lai v.v... nghe thế, thì họ rất ham tu. Còn nói tu để được có trí huệ sáng suốt, dứt trừ vô minh phiền não, cứu cánh giác ngộ giải thoát, thì họ thấy sao quá buồn nản và xa vời. Nhưng họ đâu biết rằng, tất cả cái dụng đó có ra đều do từ thể mà có. Như nói, có bao nhiêu thứ nước uống ngon ngọt, cũng đều từ một chất ướt mà ra. Nói thế, họ nghe sao buồn quá! Họ muốn tu là phải có kết quả mau. Chính vì sự ham muốn đó rồi nghe đâu chúc đó, không cần biện biệt chánh tà, thì đó quả là một tai hại vô cùng.

Chúng ta nên nhớ rằng, tất cả cái dụng trên đời đều từ thể mà ra. Như nói tất cả những lượn sóng to nhỏ trên biển cả đều từ nước mà ra. Thế mà ít ai chịu nhận ở nơi cái tánh thể đó, họ chỉ thích chạy theo trên tướng và dụng. Thần thông có ra cũng từ nơi thể mà có. Nhưng thần thông bay liệng trên không, nó không cứu mình thoát khỏi sanh tử luân hồi.

Đó là chưa nói, khi dụng công tu sai theo ngoại đạo tà giáo, thì tai hại biết là ngần nào!

Chúng ta nên biết rằng, chỉ cần ứng dụng sai một ly là đã đi xa một ngàn dặm. Cho nên, người Phật tử khi dụng công tu hành phải nên chọn lựa pháp môn tu cho đúng với Chánh pháp. Trước tiên, pháp môn đó phải phù hợp với căn cơ trình độ của mình. Sau đó, mình cần phải nghiên cứu học hỏi cho rõ pháp môn mà mình đang chọn lựa để tu. Bằng ngược lại, cứ nghe đâu theo đó, không cần biết chánh hay tà, thì thật là một tai hại vô cùng. Không những hại cho mình đời này, mà nó còn hại cho những đời sau nữa. Nếu là Phật tử, xin tất cả hãy cẩn thận.

Qua câu chuyện trích dẫn trên cho chúng ta thấy, ba mươi vị Tỳ kheo, sau khi diện kiến đức Phật và được nghe đức Phật thuyết pháp, tất cả đều khai ngộ và chứng quả A la hán. Mà chứng quả A la hán là đã chấm dứt con đường sanh tử khổ đau. Điều chúng ta nên nhớ, sở dĩ những thầy Tỳ kheo này được chứng quả nhanh chóng như thế, là vì, đó chẳng qua chỉ là một giọt nước làm tràn ly nước mà thôi. Không phải lần đầu gặp Phật mà các ngài được chứng quả. Phật chỉ là một tăng thượng duyên tốt cho các ngài đó thôi. Kỳ thật, là do các ngài đã huân tu, thiền quán đến mức độ chín mùi rồi, nên khi gặp Phật, nghe Phật dạy là các ngài liền chứng quả. Các ngài đã thực sự hết phiền não, và đã đạt được Niết bàn an lạc.

176. Những ai vi phạm đạo Nhất thừa²³, những ai ưa nói lời vọng ngữ, những ai không tin tưởng đời sau, thì chẳng có điều ác nào mà họ không làm được.

²³ Nhất thừa hay Phật thừa (thuật ngữ). Giáo pháp duy nhất để thành Phật. Thừa là cỗ xe, ví với giáo pháp của đức Phật, giáo pháp có thể chờ

For a liar who has violated the one law (of truthfulness), who holds in scorn the hereafter, there is no evil that he cannot do.

Kệ Tụng

Ai phạm đạo nhưt pháp

Ai ưa lời vọng ngữ

Ai không tin đời sau

Không ác nào không làm.

Lược giảng

Câu chuyện này xảy ra khi đức Phật ở tại tinh xá Kỳ Viên, có liên quan đến Chiến già ma na (Cincà Mānavika).

Trên bước đường hành hóa, đức Phật gặp rất nhiều chướng nạn. Những chướng nạn này, phần lớn là do ngoại đạo tìm cách gây ra hãm hại. Một trong những vụ hãm hại đó, là do ngoại đạo xúi giục Chiến già ma na làm nhục đức Phật. Mục đích của họ là muốn làm cho đức Phật không còn uy tín để họ được thủ lợi. Vì uy tín, đạo hạnh và sự hoằng hóa của đức Phật càng ngày càng lan rộng. Do đó, mà các phái ngoại đạo càng lúc càng mất nhiều quyền lợi và tín đồ. Do lòng ganh tỵ đố kỵ đó, mà họ bày ra nhiều phương chước mưu mô xảo quyệt để hại Phật.

Sau khi thầy trò bàn tính phương cách hại Phật, nhưng chưa tìm ra được phương cách nào hay nhất và có tác dụng lớn lao. Trong số các nữ tín đồ của họ, thì có nàng Chiến già ma na. Nàng này còn trẻ trung và thêm có nhan sắc tuyệt đẹp. Nàng lãnh sứ mạng để tìm cách hại Phật. Nàng tìm ra được

người đến bờ Niết bàn, nên gọi là Thừa. Kinh Pháp Hoa chuyên thuyết lý Nhất thừa này.

một phương chước là hằng ngày nàng sẽ trang điểm cực kỳ mỹ lệ để thường tới lui tinh xá giả bộ nghe đức Phật thuyết pháp. Để thực hiện theo diệu kế đó, nàng đến gần tinh xá nơi Phật ngự để trú ngụ. Nàng thường tới lui nghe Phật thuyết giảng một thời gian, sau đó nàng dùng cách độn bụng cho mỗi lúc mỗi u to lên giống như người có chửa.

Một hôm, nàng đứng trước Phật giữa thính chúng đang nghe Phật thuyết pháp, rồi bỗng nhiên, nàng quát tháo to lên bằng những lời lẽ nhục mạ và vu oan cho Phật. Nàng ta cho rằng chính đức Phật là tác giả của cái bào thai đó. Phật biết rõ có sự, Ngài ngồi an nhiên lặng thinh. Các thính chúng đều ngơ ngác nhìn Phật và rồi đưa mắt nhìn chòng chọc vào mặt nàng ta. Họ tỏ ra có ý giận dữ bất bình cô ta qua những lời thóa mạ đức Phật.

Bảy giờ Trời Đế Thích quán sát biết rõ duyên cớ, liền biến ra con chuột chui vào bụng của cô ta và cắn đứt sợi dây cột vào bụng. Dây bị đứt ra liền khi ấy vật (đĩa) độn trong bụng rớt xuống và làm đứt mấy ngón chân của cô ta.

Thế là, âm mưu vu khống chụp mũ đức Phật đã bị lộ tẩy phơi bày trước mắt mọi người. Ai nấy đều tức giận mắng chửi la ó rùm lên và rồi họ đuổi nàng ta ra khỏi tinh xá. Vì tâm ác độc hại Phật, nên kết quả nàng ta lãnh lấy quả báo là đọa địa ngục A tỳ. Nhân đó Phật cho biết, không phải đây là lần đầu tiên, mà Chiến già ma na hại Phật, trong quá khứ cô ta cũng đã từng hại Phật như thế. Do đó, Phật liền nói Pháp cú này.

Qua câu chuyện lược dẫn trên, cho chúng ta một bài học về nhân quả cụ thể. Hại người trở lại hại mình. Ở đời, người ta vì lòng ganh ghét không muốn ai hơn mình, nên tìm đủ mọi phương chước, thủ đoạn, xảo quyệt để hãm hại đối phương cho kỳ được. Hại ra mặt hay hại ngầm sau lưng, đó còn tùy thuộc vào cái cường độ của cái tâm ác độc mà người đó

muốn hại. Nếu lòng ác độc của người đó nổi lên mạnh bạo, thì họ bắt kẻ phải trái, lương tâm, đạo đức. Họ quyết lòng phải hạ nhục đối phương cho kỳ được. Họ là người hoàn toàn mất hết lương tâm và lương tri, miễn sao thỏa mãn được cái lòng tự ái độc ác của họ thì thôi. Họ không cần đếm xỉa và nghe theo lương tâm của họ. Họ là người sống hoàn toàn nô lệ cho dục vọng bản ngã vị kỷ.

Những ngoại đạo này, họ thù ghét đức Phật, vì đức Phật đã hơn họ về mọi mặt. Mọi người chán ghét họ, vì người ta thấy rõ bộ mặt thật của họ. Bộ mặt đó chỉ là cái lớp áo đạo đức bề ngoài, nhưng thực chất thì họ không có đạo đức. Họ là những người mưu cầu lợi dưỡng. Do đó, mọi người hướng về Phật và theo Phật ngày càng đông. Vì thế, lòng căm tức nuôi hận trả thù của họ càng lúc càng mạnh. Càng căm tức ganh ghét chùng nào lương tâm của họ càng đau khổ nhiều chùng này. Âm mưu của họ đã bị bại lộ. Chẳng những họ không hại được Phật, mà trái lại, họ còn chuốc lấy thảm họa là mọi người càng thù ghét xa lánh họ hơn.

Thế mới biết, kẻ ác tâm hại người hiền lương, khác nào tự họ cầm đuốc đốt cháy họ. Họ ngậm máu dơ phun người, kết quả là miệng họ đã đầy máu trước. Tâm địa độc ác hại người, người chưa bị hại mà chính mình đã chuốc lấy đau khổ quá nhiều rồi. Bài học trên là một tiếng chuông cảnh tỉnh cho những ai mang tâm địa ganh tỵ, ác độc tìm cách hại người.

Người ta hơn mình, lẽ ra mình phải nên tìm hiểu học hỏi để cho bằng người. Nếu như mình không có được cái tâm tùy hỷ như Bồ tát, thì cũng chớ nên ganh ghét hại người. Nhất là đối với người Phật tử, dù xuất gia hay tại gia, Phật Tổ thường khuyên chúng ta nên phải học cho kỳ được cái tâm tùy hỷ. Có tùy hỷ việc làm của người, thì chẳng những ta không có đau khổ mà ta càng có thêm nhiều công đức.

Công đức là ở chỗ tâm ta vui vẻ. Tâm vui vẻ đó là tâm an lạc hạnh phúc.

Pháp cú trên Phật dạy, những ai vi phạm đạo Nhất thừa, đạo Nhất thừa ở đây có nghĩa là pháp tánh chân thật. Vi phạm là sống ngược lại. Sống trái với chân lý, đó là nếp sống chạy theo dục vọng trần lao đau khổ. Kế tiếp, Phật khuyên chúng ta không nên nói lời vọng ngữ, và phải tin tưởng có quả báo đời sau. Nếu như không được như vậy, thì Phật nói không có điều ác nào mà người ta chẳng dám làm. Vì có tin nơi lý nhân quả, tội phước, người ta mới lo tu hành làm lành lánh dữ, mới lo tu tạo gieo trồng phước đức. Bằng ngược lại, con người không sợ tội lỗi báo ứng, thì quả đó là một tai hại rất lớn lao cho xã hội loài người.

Đó là họ theo phái Đoạn kiến ngoại đạo. Phái này chủ trương chết là mất hẳn, không có nhân quả tội phước báo ứng đời sau. Thế là, con người tha hồ làm ác, lập thành băng đảng, cướp của giết người, hiếp dâm, ma túy v.v... không có tội phạm nào mà họ không dám làm. Đó là một bức tranh bi đát thê thảm và cũng là một tệ nạn nhất của xã hội ngày nay! Thử hỏi như thế thì xã hội và đời sống của con người sẽ ra sao? Tin rằng, mỗi người sẽ có câu trả lời xác đáng rồi vậy.

177. Người xan tham không thể sanh lên cõi trời, người ngu si không ưa tán dương việc cúng dường, nhưng người trí thấy việc cúng dường lại tùy hỷ và tương lai họ sẽ được phần an lạc.

Truly, misers fare not to heavenly realms; nor, indeed, do fools praise generosity. But the wise man rejoices in giving, and by that alone does he become happy hereafter.

Kệ Tụng

Keo kiết không sanh thiên

Người ngu ghét bỏ thí

Kẻ trí thích bỏ thí

Đời sau được hưởng lạc.

Lược giảng

Câu chuyện này xảy ra tại tinh xá Kỳ Viên, có liên quan đến phẩm vật cúng dường tối thắng.

Sau khi khát thực, Phật và Thánh chúng đệ tử trở về tinh xá, vua Ba Tư Nặc đến thỉnh Phật và Thánh chúng thọ trai. Phật hứa khả. Hôm sau, nhà vua sắm sanh phẩm vật thật nhiều để cúng dường và bảo dân chúng đến xem. Mọi người đến xem và rồi họ họp nhau lại mua sắm phẩm vật để cúng dường Phật và chúng Tăng nhiều hơn phần phẩm vật của nhà vua.

Hôm sau, nhà vua lại dâng cúng nhiều hơn. Và dân chúng trong thành họp lực tài vật với nhau, dâng cúng nhiều hơn nhà vua nữa. Cứ thế, mà giữa nhà vua và dân chúng tranh nhau cúng dường trải qua 6 lần, không ai chịu kém hơn ai. Bây giờ, nhà vua đâm ra lo lắng và suy nghĩ tìm phương cách thắng thế hơn.

Hoàng hậu Mạt Lợi (Mallikà) thấy vua lộ vẻ buồn lo liền hỏi duyên cớ vì sao. Vua thuật lại mọi việc. Nghe xong, hoàng hậu bày cách xây một lầu đài rộng lớn cho 500 Sa môn ngồi và các người tùy tùng ngồi ngoài. Đồng thời làm 500 lồng trắng cho voi và mỗi người đều có các cung nữ đứng hầu. Như thế, thì dân chúng không thể nào sánh kịp.

Nhà vua làm theo. Mọi việc xong xuôi, vua thỉnh Phật và chúng Tăng đến. Tất cả phẩm vật cúng dường trị giá lên đến khoảng 14 triệu, chỉ trong một buổi thọ trai thôi.

Khi ấy, trong triều có hai vị đại thần, một tên là Kàla, một tên là Junha. Đại thần Kàla tỏ ý không hài lòng vì tốn kém

quá nhiều trong ngân khố. Ngược lại, Junha thì rất vui mừng tán thán.

Thọ trai xong, Phật không thuyết pháp như thường lệ, và cũng không tán thán phẩm vật cúng dường tối thắng của nhà vua. Vì Ngài nghĩ, nếu tán thán cho xứng với phẩm vật cúng dường, thì đại thần Kàla khó sống. Do đó, Phật chỉ nói một bài kệ đơn giản, rồi từ giả mọi người.

Sau đó, Phật và Thánh chúng trở về tinh xá. Nhà vua không vui theo hỏi đức Phật. Duyên do vì sao mà Phật không tán thán như lệ thường? Bây giờ, Phật mới nói rõ cho nhà vua biết về việc keo kiệt tiếc phẩm vật dâng cúng của đại thần Kàla. Nếu Phật khen ngợi, thì Kàla sẽ chết.

Nghe xong, nhà vua liền hỏi Kàla và nhà vua nói tiếp: tất cả phẩm vật là của ta, ta hết lòng dâng cúng cho Phật và Thánh chúng, cứ sao người lại tiếc nuối?

Phật nói: “Thôi đại vương! Người ngu thấy kẻ khác làm điều phước thiện, thì sanh tâm không vui và chính họ sẽ có quả báo không tốt về sau”. Nhân đó, Phật nói cho mọi người nghe Pháp cú này.

Qua câu chuyện lược dẫn trên, cho ta một bài học về việc cúng dường. Giữa nhà vua và dân chúng tranh nhau cúng dường Phật và chúng Tăng. Lý do tại sao họ tranh nhau như thế? Nếu nói về tiền của, thì dân chúng làm sao sánh bằng của vua? Tuy cá nhân thì họ không bằng, nhưng nếu tất cả họp sức đồng lòng, thì tiền kho bạc đựng của vua cũng khó sánh kịp. Vì vậy, trải qua sáu lần để tranh nhau cúng dường. Sờ dĩ họ tranh nhau, vì ai cũng muốn mình có nhiều phước báo. Tu theo nhơn thừa là như thế. Vì họ muốn có phước nhiều để đời sau thọ hưởng. Tuy nhiên, bà hoàng hậu đưa ra một kế sách mà dân chúng không thể nào theo kịp. Ngoài phẩm vật cúng dường thượng thặng ra, còn có 500 con voi

trắng và rất nhiều cung nữ hầu hạ. Thế là dân chúng đành chịu.

Ở đây, ta thấy, không phải so sánh chuyện hơn kém, mà là chuyện đánh giá ở nơi tâm địa của con người. Từ tấm lòng của vua, hoàng hậu, dân chúng, ai ai cũng có lòng hảo tâm, không nghĩ đến phẩm vật. Trong khi đó, thì đại thần Kàla lại tỏ ra sốt ruột tiếc của kho của nhà vua. Đó là của vua mà ông còn tiếc như thế, còn nếu là của ông thì sao? Chắc chắn là ông không có phát tâm như thế rồi. Chúng tỏ tâm của ông ta quá keo kiệt rít rắm. Do đó, mà Phật xót thương một con người có tâm hồn rất tham lam bòn xén và Phật không muốn nhìn thấy ông bị sát hại, nên Phật không tán thán căn xứng theo phẩm vật nhà vua cúng dường. Đây là lòng từ bi của Phật. Phật chẳng những thương ông có một tâm hồn nhỏ hẹp, mà còn thương cả thân mạng của ông nữa. Chính vì nghe Phật nói, nên nhà vua mới không có ý trách Phật. Và đồng thời cũng cứu được mạng sống của ông Kàla.

Bởi thế, Phật mới nói: “*Người xan tham không thể sanh lên cõi trời*”. Vì cái nhân xan tham làm sao có cái quả giàu có sung sướng. Phật lại dạy tiếp: “*Người ngu si không ưa tán dương việc bố thí*”. Đây là một tâm lý thường tình của con người. Có những người, chẳng những họ không bố thí làm phước cho ai, mà khi thấy người khác làm, thì họ lại sanh tâm chê bai kích bác.

Họ coi trọng đồng tiền của cải hơn trái núi. Dù thấy kẻ khác đang lâm vào hoàn cảnh hết sức thương tâm, nhưng họ vẫn đứng đưng không chút từ tâm thương xót bố thí. Lòng họ thật là chai đá. Họ sống thiếu tình người. Bởi vậy, Phật nói những người ngu si thấy ai làm việc phước thiện thì lại sanh tâm không ưa. Chẳng những không ưa thôi mà họ còn phê bình nói xấu.

Hạng người này, xưa nay thời nào cũng có. Ngược lại, Phật nói người trí thấy ai bố thí thì họ khởi tâm tùy hỷ tán dương. Do đó mà họ có thêm nhiều phước đức. Người có tâm rộng lượng như thế, thì chắc chắn tương lai họ sẽ dự hưởng phần an lạc.

Là Phật tử, hẳn chúng ta không một ai muốn làm người ngu. Không ai muốn tương lai của mình phải đau khổ. Muốn thế, thì Phật khuyên chúng ta cố gắng làm phước tạo nhiều việc lành. Đồng thời, nên mở rộng cõi lòng thương người thương vật và hết lòng tùy hỷ đối với những ai làm việc phước thiện. Đó là ta biết thương và lo cho ta, có một tương lai an vui hạnh phúc.

178. Người thống suất cõi đất, người làm chủ chư Thiên, hết thấy vị thế chủ ấy chẳng sánh kịp một vị đã chứng quả Tu đà hoàn²⁴.

Better than sole sovereignty over the earth, better than going to heaven, better even than lordship over all the worlds is the supramundane Fruition of Stream Entrance.

Kệ tụng

Kẻ thống lãnh cõi đất

Người được sanh cõi trời

Ai chủ trì vũ trụ

Không bằng quả dự lưu.

²⁴ Tu đà hoàn: Trung Hoa dịch là Thất lai hay Dự lưu. Thất lai, vì vị này còn bảy lần sanh lại nhơn gian. Nói Dự lưu, vì vị này đã dự vào dòng Thánh. Quả Tu đà hoàn đã dứt trừ được kiến hoặc. Tức những thấy biết sai lầm về lý. Họ tin chắc chắn vào chân lý nhân quả. Mọi tà kiến họ đều dứt sạch.

Lược giảng

Câu chuyện này xảy ra tại tinh xá Kỳ Viên, có liên quan đến Kàla, con trai của Trưởng giả Cấp Cô Độc.

Kàla là con trai yêu quý của ông Cấp Cô Độc. Cấp Cô Độc là người rất tin kính Phật pháp. Kàla thì không bao giờ tin Phật. Chàng ta rất ương ngạnh cứng đầu không bao giờ muốn gặp Phật. Dù hay tin Phật đến nhà, nhưng cậu ta không bao giờ ra chào hỏi. Đôi lần, ông cha khuyên con nên tin theo Phật pháp và chúng Tăng, nhưng không lần nào có hiệu quả.

Bấy giờ, ông cha nghĩ cách phải khuyến dụ con ông bằng tiền. Vì chỉ có tiền mới thuyết phục được con ông mà thôi. Nghĩ thế, ông liền nói với con:

- “Nè con! ngày mai con đến tinh xá nghe Phật thuyết pháp, xong rồi, trở về cha sẽ thưởng cho con 100 đồng”.

Cậu bé nghe cho tiền liền thực hiện ngay. Khi về, chưa nhận tiền, cậu ta làm nũng không ăn cơm. Mọi người năn nỉ, cậu ta vẫn từ chối. Giữ lời hứa, ông Trưởng giả cho tiền và rồi cậu ta mới dùng cơm.

Hôm sau, người cha khuyên cậu, nếu cậu chịu khó học thuộc lòng một câu kệ, thì sẽ được thưởng 1000 đồng. Thích chí, cậu ta liền đến tinh xá nghe Phật thuyết pháp. Phật biết, nên không muốn cho cậu ta nhớ. Phật đọc hết bài kệ này đến bài kệ khác và cậu ta chăm chú lắng nghe. Kết quả, cậu ta chứng được quả Dự lưu.

Khi Phật và chúng Tăng vào thành khất thực, cậu ta đi theo. Cha cậu trông thấy rất mừng thầm. Cậu ta thì mong cho cha đừng bao giờ đưa tiền trước mặt đức Phật.

Sau khi dâng thức ăn cho Phật và chúng Tăng, cha cậu liền đưa tiền cho cậu. Cậu ta quyết định không nhận. Trưởng giả

năn nỉ, nhưng cậu ta vẫn khư khư từ chối. Nhân đó, cha cậu trình bày tự sự cho Phật nghe. Nghe xong, Phật liền nói Pháp cú này.

Câu chuyện trên, mới nghe qua như là chuyện trẻ con, không có gì lý thú. Nhưng nếu suy nghĩ kỹ, ta thấy, ông cha rất sành tâm lý trẻ con. Kàla ý mình con nhà giàu có sang trọng, không kính nể từng phục một ai, dù đó là đức Phật. Ông cha biết rõ tâm ý con mình, thuộc dạng cứng đầu, nên không thể dùng biện pháp mạnh được. Thế là, phải dùng đến biện pháp tiền để khuyến dụ.

Trên đời này không ai lại không ham thích tiền, nhất là đối với trẻ con. Đối với trẻ con, thích cái gì rất thực tế. Vì tiền mới mua sắm được thứ này thứ kia. Còn vàng ngọc tuy vật rất quý giá, nhưng đối với chúng, thì thật là vô nghĩa. Vì chúng đâu có biết tiêu xài.

Dùng biện pháp dụ cho tiền để cho con đi nghe pháp, đó là một phương pháp giáo huấn rất hay. Điều lý thú hơn nữa, là khi nghe xong, trở về, người cha không vội đưa tiền liền. Để thử cậu ta có thích tiền không. Thay vì đưa tiền, thì ông lại bảo cậu bé ăn cơm trước. Và ông tỏ ý rất yêu quý con. Được cố, cậu bé làm nũng không chịu ăn. Thế là cậu bé đã mắc câu...

Lần sau, ông ta bảo đưa con cũng đi đến tinh xá nghe Phật thuyết pháp như lần trước, nhưng lần này ông tăng tiền thưởng nhiều hơn. Cậu bé Kàla nghe vậy đi ngay. Lần này, Phật biết và làm cho cậu ta chú tâm nghe pháp. Nhờ chú tâm lắng nghe mà cậu ta chứng quả Dự lưu (Tu đã hoàn).

Ngày xưa, ở Nhật Bản cũng có câu chuyện xảy ra tương tự như thế. Chuyện kể, có một ông già tuổi trên bảy mươi, nhưng ông còn rất ham tiền. Hằng ngày, ông đi làm vất vả để kiếm tiền. Thấy thế, đưa con trai của ông mới khuyên

ông nên ráng lo tu hành. Tuổi già gần đất xa trời mà cha chưa chịu thức tỉnh lo tu. Khi cha chết đâu có mang được tiền theo.

Ông cha nghe nói, nổi giận la ó om sòm. Biết cha mình nặng tiền bạc, nên người con tìm cách khuyên dụ. Anh ta lên chùa trình bày cho thầy biết, để nhờ thầy tìm cách chuyển hóa ông ta. Vị thầy nói rằng, thầy sẽ thuê cha con niệm Phật. Cứ niệm 10 xâu chuỗi, thầy sẽ trả cho một quan tiền. Người con về thuật lại cho cha biết. Ông cha rất vui mừng và đồng ý ngay.

Kể từ đó, ông ta bắt đầu niệm Phật. Niệm một cách chí thành tha thiết. Vì nếu ông niệm dối trá thì không được trả tiền. Đó là điều kiện mà vị thầy đã giao ước. Ông niệm Phật không bao lâu đã được kết quả tốt đẹp. Tâm ông được an định. Ông mất trong tư thế đang ngồi niệm Phật trước bàn Phật. Vì ham tiền, nên ông tha thiết chí thành niệm Phật. Kết quả được vãng sanh an lành như thế.

Căn tánh nghiệp lực của mỗi người sai biệt nhau rất nhiều. Bất cứ dùng phương tiện nào nhằm thức tỉnh, chuyển hóa người ta biết lo tu niệm, làm lành, lánh dữ và có kết quả tốt, đều là thượng sách cả. Điều quan trọng là chúng ta khéo biết sử dụng phương tiện thích hợp với căn cơ. Người cha hiểu rõ tánh con, ngược lại, người con hiểu rõ tánh cha, cả hai đều suy nghĩ tìm phương cách thích nghi để chuyển hóa. Cả hai đều sử dụng đồng tiền rất hiệu quả. Cùng một vật thể, nếu người khéo biết sử dụng, thì sẽ đạt được hiệu quả rất cao và lợi ích rất lớn.

Sự giáo dục con người không phải chỉ có cách dạy dỗ không thôi, mà nó còn nhiều phương cách khác. Nhưng dù cách nào, người có trách nhiệm giáo dục cũng phải có tấm lòng yêu thương chân thiết. Thiếu tình thương, hiểu và cảm thông, thì việc làm khó đạt được thành công như ý muốn.

Pháp cú trên, Phật nói, dù cho một người nào đó có đủ quyền uy thống suất khắp cả địa cầu, thậm chí làm chủ cả chư thiên, nhưng không thể nào sánh kịp một người chứng quả Tu đà hoàn. Vì có thể lực uy quyền đến đâu, mà không biết chuyển hóa tu hành, thì rốt cuộc cũng đi mãi trong sanh tử luân hồi. Cậu bé Kàla vì có phước nên sanh ra trong một gia đình giàu có nhất xứ, nhưng cái phước đó cũng không thể cứu được con người thoát khỏi mọi đau khổ ràng buộc. Chỉ có một con đường biết hoán chuyển nội tâm, theo một tiến trình: “**Niệm, Định, Tuệ**”, thì mới mong thoát khổ và đạt được Niết bàn an lạc.

XIV. PHẨM PHẬT ĐÀ (Buddhavaggo)

179. Chẳng ai hơn nổi người đã thắng phục dục tình. Người đã thắng phục dục tình không còn bị thất bại trở lại, huông Phật trí mệnh mông không dấu tích, các người lấy gì mà hòng cảm dỗ được?

By what track can you trace that trackless Buddha of limitless range, whose victory nothing can undo, whom none of the vanquished defilements can ever pursue?

Kệ tụng

Chiến thắng không thể bại

Trên đời không dấu tích

Phật giới rộng mệnh mông

Làm sao hòng theo dõi.

180. Người dứt hết trời buộc, ái dục còn khó cảm dỗ được họ, huông Phật trí mệnh mông không dấu tích, các người lấy gì mà hòng cảm dỗ được ư?

By what track can you trace that trackless Buddha of limitless range, in whom exists no longer the entangling and embroiling craving that perpetuates becoming?

Kệ tụng

Lưới mê được giải tỏa

Ái phục hết buộc ràng

Phật giới rộng mệnh mông

Làm sao lòng theo dõi.

Lược giảng

Hai Pháp cú này Phật dạy cho các cô gái con của ma vương, khi Ngài còn ngồi ở cõi Bồ đề.

Bà la môn Māgandiya (Mạn la hoa) ở nước Kuru (Câu lâu) ông này có người con gái đẹp tuyệt trần. Những chàng trai thuộc con nhà danh gia thế phiệt đến dạm hỏi xin cưới, nhưng tất cả đều bị cô ta từ khước.

Một hôm, đức Phật quan sát căn cơ tất cả chúng sanh, Ngài thấy, Bà la môn này cùng vợ ông có thể đắc quả A na hàm. Phật liền đi đến gặp ông ta. Ông nhìn thấy đức Phật tướng hảo quang minh, hình dung đỉnh đạt, mừng quá, ông vội chạy đến và bày tỏ nỗi vui mừng. Ông nói, ông có một đứa con gái nhan sắc tuyệt đẹp, trên đời có một không hai. Ông hứa là sẽ gả cho đức Phật.

Nói xong, ông quày quả chạy về nhà, báo tin cho vợ và con biết. Bảo đứa con gái trang sức cho thật đẹp rồi cả ba người đồng đến gặp Phật. Đến nơi, không thấy Phật đâu, chỉ còn thấy một dấu chân ấn sâu dưới đất. Ông bảo bà vợ xem thử, bà vợ nói rằng: “*Đây là dấu chân của người ly dục*”. Ông tức giận quyết tìm cho gặp đức Phật.

Khi tìm được Phật, ông bảo đây là con gái tôi sẽ gả cho Ngài. Thay vì Phật từ khước, Phật lại kể cho ông nghe câu chuyện trước kia, về các người con gái của ma vương.

Phật nói, trước kia, khi Phật thành đạo dưới cây Bồ đề đã có nhiều đứa con của ma vương đến khuấy phá Ngài. Bọn chúng đã khêu gợi nhan sắc đủ thứ. Nhưng tất cả đều thất vọng trước sức thiền định và trí huệ sáng suốt của Ngài. Và Ngài đã cho bọn chúng một bài học: “*Tất cả đều là những túi da hôi thúi, không làm gì mê hoặc được Ta. Mọi người hãy rút đi! Những thứ ấy Ta không cần dùng*”. Nhân đây, Phật nói Pháp cú này.

Trên đường đời, chiến thắng được lòng dục vọng của chính mình thật là khó. Người ta có thể diêu vũ dương oai hò hét chiến thắng oanh liệt vang dội ngoài chiến trường, nhưng họ

không dễ gì chiến thắng được cái lòng ham muốn của mình. Trước những khó khăn nguy nan đầy gian lao chạp bầy, người ta cũng có thể tìm cách để vượt qua dễ dàng, nhưng trước sự khêu gợi lòng dục vọng, thì người ta đành phải xuôi tay đầu hàng. Đã có biết bao người chiến sĩ không phơi thân ngoài trận địa, mà lại phơi thân ở những nơi hang ổ dục tình. Đó là điều mà con người thật khó khắc phục chế ngự để vượt qua. Quả đúng như lời người xưa đã nói:

Vũ vô thiết tảo năng lưu khách

Sắc bất ba đào dị nịch nhân

Thiên cổ anh hùng giai tạ tử

Bá thiên đồng tác tự khanh trần.

Nghĩa là:

Mưa không phải là cái khóa bằng sắt, nhưng nó có thể giữ khách lại một cách dễ dàng.

Sắc đẹp của mỹ nhân không phải là sóng to mà nó có thể nhận chìm con người.

Từ ngàn xưa đã có biết bao anh hùng đều chết vì sắc đẹp của mỹ nhân. Và có hàng trăm ngàn người đều bị sa đọa vào cái hầm trần lao tuyệt vọng khổ đau này.

Ở đây, ta thấy, đức Phật đã khắc phục, chiến thắng ngoại cảnh cám dỗ, có sức quyến rũ thu hút làm lung lạc lòng người. Ngài đã chiến thắng bằng cây cung Thiền định và mũi tên Trí huệ. Đây là hai loại vũ khí sắc bén mà Ngài đã chiến thắng oanh liệt. Trước sắc đẹp của các mỹ nhân thuộc bọn ma vương quyến rũ, nhưng cũng không thể gạt gẫm qua nổi đôi mắt tinh anh sáng suốt của Ngài. Vì những dục vọng tham, sân, si... không còn có cơ hội bộc phát. Tất cả những

thứ kiết sử đó, Ngài đã không còn. Ngài đã hoàn toàn giác ngộ giải thoát.

Ngài đã hùng tráng mạnh dạn đi vào đời bằng đôi chân Thiền định vững chắc và với một thanh gươm Trí huệ sáng ngời, cùng với một chiếc áo giáp sắt tinh tấn. Nhờ trang bị như thế, nên không có một sức cám dỗ quyến rũ nào đủ lực dụng làm cản trở bước chân vân du hóa đạo của Ngài.

Ngài đã nói rõ bằng tất cả kinh nghiệm mà Ngài đã trải qua rằng: chẳng ai hơn nổi người đã thắng dục tình. Chúng ta bị thất bại liên miên trên bước đường đời là vì chúng ta chưa thắng nổi dục tình. Chúng ta còn thích làm nô lệ cho bọn chúng. Ngày nào bọn chúng còn sai sử ta, thì ngày đó chắc chắn là ta còn phải đau khổ. Khi nào ta không còn bị bọn chúng sai sử nữa, thì chừng đó ta mới thực sự được tự do giải thoát. Và ta không còn bị thất bại nữa. Chừng đó đối với ta, tất cả là một bầu trời trong sáng an vui hạnh phúc. Ta không còn để lại bất cứ dấu vết gì. Đó là một bước chân ra đi không lưu lại vết hình. Mọi thứ đều cõi bỏ. Chỉ còn lại một bầu trời tự do trong sáng mà thôi.

181. Người trí thường ưa tu thiền định, ưa xuất gia và ở chỗ thanh vắng. Người có Chánh niệm và Chánh giác, bao giờ cũng được sự ái kính của Thiên, nhơn.

Those wise ones who are devoted to meditation and who delight in the calm of renunciation – such mindful ones, Supreme Buddhas, even the gods hold dear.

Kệ tụng

Người trí chuyên thiền định

Thích an tịnh, giải thoát

Bậc Chánh giác, Chánh niệm

Chư thiên đều ái kính.

Lược giảng

Phật dạy Pháp cú này tại cổng thành Sankassa, có liên hệ đến nhiều thiên, nhơn, với duyên do là vấn đề thi triển thần thông. Phái ngoại đạo dùng mọi mảnh lời thủ đoạn, gian xảo để họ so tài bằng cách sử dụng thần thông với Phật. Nhưng tất cả họ đều bị thất bại. Mọi thủ đoạn đều bị lộ tẩy phơi bày trước công chúng và họ rất hổ thẹn. Phật không cần sử dụng đến thần thông, dù có nhiều đệ tử xin phép Ngài để được so tài cao thấp cùng với ngoại đạo. Nhưng Phật không đồng ý. Phật đã quở ông Tân Đầu Lư về việc phô trương thần thông này. Trời Đế Thích ra oai trừng phạt họ toi bời. Sau khi Phật hiện thần thông song hành có nhiều phép lạ, rồi Ngài lên cung trời thuyết pháp và trở lại nhơn gian hóa độ. Các hàng thiên nhơn, kể cả ngoại đạo trông thấy thấy đều quy kính bái phục. Nhân đây, Phật nói Pháp cú này.

Trong đạo Phật việc hiện phép lạ thần thông là điều tối kỵ. Tại sao? Vì đó không phải là mục đích của đạo Phật nhắm đến. Chủ trương của đạo Phật là dạy mọi người phải đạt được giác ngộ và giải thoát. Ngoài ra, tất cả không phải cái mà đạo Phật chủ trương nhắm tới. Tuy nhiên, trong khi giáo hóa, vì muốn khắc phục chuyển hóa ngoại đạo, nên đôi khi Phật hay các đệ tử, như Tôn giả Mục Kiền Liên, phải vận dụng phương tiện thi thố thần thông.

Trường hợp nói trên là một trong nhiều trường hợp mà Phật đã sử dụng. Sử dụng với mục đích là để hàng phục ngoại đạo. Nếu không sử dụng phương tiện này, thì thật khó giáo hóa ngoại đạo ở thời đại đức Phật. Nhưng đây cũng là trường hợp rất hiếm hoi. Vì thần thông, là cái dụng phát ra từ thể mà có. Khi tu hành đạt được cái tánh thể rồi, thì hành giả sẽ có vô số diệu dụng thần thông. Nếu không hiểu được

cái cội gốc căn bản này, thì người tu Phật, không khéo sẽ bị lệch hướng. Tức là chỉ chạy theo trên cái dụng, mà quên mất cái thể, và như thế dễ bị lầm lạc, mê hoặc lòng người, nên khó được giác ngộ giải thoát.

Pháp cú trên, Phật dạy người tu hành là phải lấy thiền định làm căn bản. Bất cứ tu theo pháp môn nào, hay theo hệ phái nào, hành giả cũng phải cắm sâu gốc rễ thiền định. Nhất là đối với những hành giả tu theo Phật giáo Nguyên Thủy, thì việc tham thiền nhập định đối với họ là tối thiết yếu. Nhờ có định mới phát sanh trí huệ. Cho nên “*Giới, Định, Huệ*” là ba môn học chính yếu của người tu Phật.

Muốn thật hành ba pháp này cho có hiệu quả cao, thì Phật dạy người xuất gia phải ở chỗ thanh vắng. Người xuất gia đối với ba môn học này không thể thiếu được. Vì nó quan trọng thiết yếu như hơi thở và mạng sống. Nhờ sự ứng dụng hành trì một cách vững chãi, chúng ta mới có thể vượt qua được những chướng duyên thử thách.

Tâm có an định, trí ta mới sáng suốt. Muốn cho tâm an, thì phải giữ giới. Giới là hàng rào ngăn chặn mọi thứ dục nhiễm. Nhờ giữ giới tinh nghiêm, thanh tịnh mà tâm ta mới được an định và tự do. Đó là một đại lộ mà bất cứ hành giả nào muốn được lợi mình lợi người hiện tại và mai sau, cũng đều phải đi qua. Không có một lộ trình nào khác để chúng ta đạt được Niết bàn an lạc.

182. Được sinh làm người là khó, được sống còn là khó, được nghe Chánh pháp là khó, được gặp Phật ra đời là khó.

*Hard is it to be born a man; hard is the life of mortals.
Hard is it to gain the opportunity of hearing the Sublime
Truth, and hard to encounter is the arising of the Buddhas.*

Kệ Tụng

*Sinh làm người là khó
Được sống còn là khó
Nghe chánh pháp là khó
Sống gặp Phật là khó.*

Lược giảng

Pháp cú này Phật dạy dưới bảy cây Sirisaka, gần Ba la nại, có liên hệ đến Long vương Erakapatta. Vị Long vương này, trong tiền kiếp thời Phật Ca Diếp, làm một Sa môn trẻ, chỉ vì vô cố làm rách chiếc lá Eraka, mà phải chịu quả báo làm vua loài Rồng trải qua nhiều kiếp, không được làm người. Long vương thường dạy cho long nữ hát vài câu đố trên sông Hằng. Nếu có ai trả lời được, thì Long vương biết chắc là có Phật ra đời. Thật vậy, khi long nữ ca hát, thì Phật dạy cho anh chàng Uttara câu trả lời. Nhờ đó, mà cuối cùng, vị Long vương này mới gặp được Phật. Nhân đó, Phật nói Pháp cú này.

Nhân quả báo ứng thật là ghê sợ. Chỉ làm rách một chiếc lá thôi mà mắc phải quả báo làm rồng. Nhưng vị Sa môn này nhờ có tu thiên định (tà định) mà tái sinh làm vua loài rồng. Khi thác sanh làm rồng trải qua nhiều đời không được làm người. Thế mới biết, được làm thân người không phải là chuyện dễ dàng. Vì thế, trong Kinh Phật thường dạy: “*Được làm thân người rất khó*”. Khó hơn là con rùa mù tìm bông cây đề chui vào.

Trên biển cả bao la, có một bông cây khô trôi nổi bồng bềnh từ đông sang tây, từ nam qua bắc, trong biển đó có con rùa mù, trăm năm mới trôi đầu lên một lần để tìm bông cây chui vào. Phật nói, con rùa mù kia còn có thể chui vào bông cây được, còn con người khi mất thân này rồi không thể dễ dàng có lại được.

Thế mà, trong đời có lắm người khi được thân này, mà họ không biết quý trọng gìn giữ lại đi quỳn sinh tự tử! Phật nói: “*Đó là hạng người thật quá ngu si*”. Trên thế giới ngày nay, có rất nhiều thanh thiếu niên nam nữ tự tìm lấy cái chết bằng cách quỳn sinh. Bạn cứ thử tưởng tượng ở những nước văn minh tân tiến, như Anh, Mỹ, Pháp v.v... hằng ngày người ta thống kê có khoảng trên 30 thanh niên nam nữ tự tử.

Tại sao họ phải tìm lấy cái chết như thế? Bạn cho rằng, họ là kẻ mù quáng phải không? Bởi mù quáng nên họ mới hành động như thế. Nhưng thưa bạn, lý do vì sao mà họ mù quáng không muốn sống? Là con người không ai lại không tham sanh úy tử? Thế thì tại sao họ phải chết? Họ chết, đương nhiên có nhiều lý do bức xúc nội và ngoại tại. Nhưng theo tôi, chỉ có một lý do quan trọng nhất, đó là nếp sống trong gia đình của họ bị bật gốc mất hạnh phúc.

Họ thực sự không có được một mái ấm gia đình hạnh phúc. Họ không được cha mẹ yêu thương quan tâm chăm sóc. Vì cha mẹ họ bất hòa hay tranh cãi nhau. Họ sống trong gia đình như sống trong cảnh địa ngục. Để bớt căng thẳng, tất nhiên họ phải tìm cách giao du với bạn bè. Họ muốn đi tìm sự nguôi ngoai khuấy khỏa tinh thần. Nhưng rất tiếc, khi giao tiếp với bạn bè, không phải gặp bạn bè nào cũng tốt hết. Bè ngoài thì bạn bè, nhưng bên trong thì lại khác.

Với tuổi ngây thơ trong trắng, làm sao họ thấu hiểu hết được những bí ẩn bẫy rập ác độc của cuộc đời. Bạn xấu ác thì dần trải qua nhiều. Do đó, khi đang buồn chán lại gặp bạn xấu ác quỳn rũ, nên họ dễ bị sa ngã đi vào con đường sa đọa, trụy lạc. Khi đã lún sâu rồi, họ khó mà rút chân ra.

Từ đó, họ chịu đựng quá nhiều thứ áp lực luôn đè nặng tâm trí ngây thơ của họ. Áp lực của nhà trường, của bạn bè, của xã hội v.v... Bây giờ, họ nhìn lại gia đình, thì không có chỗ

tạ nương. Họ bị hụt hẫng, đói khát tình thương yêu. Họ thiếu hẳn tình thương an ủi của cha mẹ. Khi gặp khó khăn, họ không biết thổ lộ, tâm sự phơi bày cùng ai! Cha mẹ họ sống không có hạnh phúc. Hai người gặp nhau như nước với lửa, lúc nào trong gia đình cũng có sóng gió nổi lên bất an. Có kẻ thì không cha, không mẹ, sống lang thang bụi đời. Dù cha mẹ họ còn đó, nhưng coi như không có, vì cha mẹ họ đã bỏ bê hắt hủi họ.

Cha mẹ họ, vì bất hòa với một lý do nào đó, nên đưa đến gia đình tan nát. Kê ở một nơi người thì một ngã. Sau khi ly dị mỗi người tìm nguồn vui thú riêng để thụ hưởng. Mạnh ai nấy sống buông thả. Hoặc giả vì bận lo cho sự sống mới, nên cha hay mẹ họ cũng không có thời giờ để ý quan tâm tới họ nữa.

Từ đó, họ không còn thiết tha gì đến sự sống. Họ buồn nản chán đời. Vì khi va chạm thực tế với đời, họ thấy toàn là đen tối, gian dối, lừa bịp, cướp đoạt tranh giành sự sống. Đó là chưa nói, khi họ vướng vào những tệ nạn: xì ke ma túy, băng đảng, trộm cướp, giết người v.v... Họ đã đi đến mức đường cùng, không còn cách nào để giải quyết. Đường hầm của họ hoàn toàn đen tối, không thấy ánh sáng, dù họ đã đi cuối đường hầm của cuộc sống.

Bấy giờ, họ nhìn thấy ai cũng ghê tởm. Họ đâm ra chán ngấy tất cả. Nhìn lại gia đình, thì hoàn toàn đã mất mát. Nhìn lại bạn bè, người thân, mọi người đều xa lánh họ. Xã hội thì giăng đầy cạm bẫy. Tình yêu thì toàn là giả dối lường gạt. Họ hoàn toàn hụt hẫng mất hết tất cả, họ không còn gì để bám víu tựa nương. Từ đó, một ý tưởng đen tối đến với họ. Chỉ có cái chết mới có thể giải quyết hết mọi việc rắc rối vẩn vương. Thế là, họ phải tìm mọi cách để kết liễu cuộc đời.

Trước thảm trạng bi đát tang thương đó, các bậc làm cha mẹ, các vị lãnh đạo tinh thần, các nhà lương tâm xã hội, các nhà có trách nhiệm giáo dục, các vị nghĩ gì và làm gì để làm giảm bớt tình trạng tự tử đen tối của những thanh thiếu niên nam nữ hiện nay? Xin mọi người hãy tìm phương cách chạy chữa, nhất là đối với các bậc phụ huynh. Chỉ có mái ấm hạnh phúc gia đình, mới thực sự là một món quà lớn nhất, trong các thứ món quà mà cha mẹ thương tặng cho con. Xin các bậc làm cha mẹ hãy bình tâm suy xét và gạt bỏ mọi vị kỷ ty hiềm cá nhân để cùng nhau xây dựng lại mái ấm hạnh phúc gia đình. Đó là một phương thuốc kỳ diệu vô giá chữa lành căn bệnh tự tử cho tuổi trẻ hiện nay.

Trở lại Pháp cú trên Phật nói: “*Được sinh làm người là khó, được sống còn là khó, được nghe Chánh pháp là khó, được gặp Phật ra đời là khó*”. Phật nói đã được làm người là cái khó thứ nhất, vì trong sáu đường: Trời, người, A tu la, địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, thì cõi người là dễ tu tiên hơn hết. Từ cõi người tiến lên Thánh quả nhanh hơn so với các cõi kia. Đó là cái khó thứ nhất mà chúng ta đã có được phải khéo gìn giữ để tiến tu.

Tuy đã được thân người, nhưng cũng không phải dễ nghe được Chánh pháp. Chánh pháp là những lời Phật Tổ dạy đúng theo chân lý. Chỉ có Chánh pháp mới đưa con người ra khỏi vòng sanh tử khổ đau. Không phải ai cũng nghe được Chánh pháp Phật dạy. Một khi nghe theo tà thuyết ngoại đạo, thì ôi thôi! chúng ta sẽ sa đọa vào con đường khổ không biết bao giờ mới được thoát ra. Cho nên Phật nói nghe được Chánh pháp là khó.

Cái khó kế tiếp là gặp Phật ra đời. Cái khó này quả thật là khó. Khi Phật ra đời, thì chúng ta đã bị trầm luân, không biết ở đâu và làm thân con gì. Nay được thân này, thì Phật đã nhập diệt. Tuy nhiên, dù chúng ta ra đời không gặp Phật,

nhưng bù lại, chúng ta cũng có chút phước duyên còn gặp được Phật pháp. Nếu chúng ta y cứ theo lời Phật dạy mà nỗ lực ứng dụng tu hành, thì chúng ta cũng sẽ được giác ngộ giải thoát. Phật ra đời bằng ứng thân ở Ấn Độ, thì chúng ta không gặp. Nhưng Phật pháp thân, thì chúng ta không phải là không gặp được. Chỉ cần một giây phút nào đó, tâm ta thật yên lặng sáng suốt, không phóng nghĩ quá khứ, vị lai, thì ngay giây phút đó là ta đã thực sự gặp Phật của ta rồi. Đó là điều mà chúng ta có thể làm được. Như vậy, đâu phải chúng ta vô phân không gặp được Phật. Vì Phật dạy : mỗi người đều sẵn có tánh Phật. Tức tâm tức Phật. Chỉ cần hồi quang phản chiếu trực nhận cái tâm thể bất sanh bất diệt, ngay đó là Phật rồi, không cần tìm đâu xa. Đó là nguồn an ủi lớn nhất của chúng ta. Mong sao mỗi người chúng ta nên ý thức những điều khó đó mà nỗ lực tu hành chóng được giải thoát.

183. Chớ làm các điều ác, gắng làm các việc lành, giữ tâm ý trong sạch. Ấy lời chư Phật dạy.

To avoid all evil, to cultivate good, and to cleanse one's mind – this is the teaching of the Buddhas.

Kệ Tụng

Chớ làm các điều ác

Gắng làm các hạnh lành

Giữ tâm ý trong sạch

Chính lời chư Phật dạy.

Lược giảng

Pháp cú này Phật dạy tại tinh xá Kỳ Viên, có liên quan đến câu hỏi của Tôn giả A Nan. Một hôm, Ngài A Nan khởi nghĩ: Đức Thế Tôn đã dạy rõ về cha mẹ của bảy đời chư

Phật, về thọ mạng, về nơi thành đạo v.v... nhưng Ngài không nói rõ phương cách giáo hóa của bảy đời chư Phật trong ngày Bồ tát. Phương cách đó có giống như hôm nay hay là khác nhau? Nghĩ xong, Ngài A Nan liền bạch hỏi đức Phật.

Phật dạy: Chư Phật tuy khác nhau về thời gian bồ tát, nhưng tương đồng về lời dạy khi giáo giới. Trước hết, Phật nêu ra bài kệ của Phật Ca Diếp dạy chúng:

Các điều ác chớ làm

Vâng làm các điều lành

Giữ tâm ý trong sạch

Là lời chư Phật dạy.

Bài kệ tuy có bốn câu ngắn gọn, nhưng đã gói trọn toàn bộ hệ thống giáo điển của Phật dạy. Dù cho chư Phật nào ra đời, tất cả cũng đều dạy như thế, nên nói là lời chư Phật dạy. Nếu y cứ vào bài kệ nói trên mà ứng dụng tu hành, thì chắc chắn hiện đời, chúng ta sẽ được an lạc giải thoát. Chỉ ác hành thiện, là người Phật tử luôn luôn ghi nhớ thật hành. Điều quan trọng là phải luôn giữ gìn tâm ý mình cho được thanh tịnh.

Hằng ngày, sở dĩ chúng ta đau khổ nhiều, là vì tâm ta luôn loạn động bất an. Con khi ý thức luôn luôn chuyển nhảy, không lúc nào nó chịu đứng yên. Muốn nó đứng yên, Phật dạy có nhiều cách để trị liệu nó. Tham thiền, niệm Phật, tụng kinh, trì chú v.v... tất cả cũng nhắm vào một mục đích chung là trị con khi ý thức này. Khi nó đứng yên, thì lúc đó tâm ta mới có được an định. Muốn được như thế, thì Phật dạy người tu phải thường xuyên nhìn lại mình. Có nhìn lại thật kỹ ở nơi mình mới thấy được sự hoạt động mạnh yếu của nó. Nếu chúng ta tu lơ là, không hành trì miên mật, thì

thật khó được an định. Bởi vì tâm ta thường phan duyên theo trần cảnh. Nói rõ hơn là nó thích đuổi theo sáu trần, và đắm mê nơi ngũ dục. Đó là những món mỗi ngon mà nó thường say mê tìm cầu thụ hưởng. Chính vì thế, mà câu kệ thứ 3 trên Phật dạy ta phải cố gắng chuyển hóa, gạn lọc tâm ý mình cho được thanh tịnh. Có thanh tịnh, thì sự tu hành của chúng ta mới có kết quả an lạc và giải thoát.

184. Chư Phật thường dạy Niết bàn là quả vị tối thượng, nhẫn nhục là khổ hạnh tối cao. Xuất gia mà nào hại người khác, không gọi là xuất gia Sa-môn.

Enduring patience is the highest austerity. "Nibbana is supreme," say the Buddhas. He is not a true monk who harms another, nor a true renunciate who oppresses others.

Kệ Tụng

Chư Phật thường giảng dạy:

“Nhẫn, khổ hạnh tối thượng

Niết bàn, quả tối thượng

Xuất gia không nào người

Sa môn không hại người”.

Theo truyền tích, thì ba Pháp cú 183, 184, 185, là do Ngài A Nan thưa hỏi như trên đã lược qua, mà đức Phật dạy liên tiếp ba Pháp cú này.

Phật dạy Pháp cú này, ta nên chú ý những từ ngữ: *Niết bàn, nhẫn nhục, và xuất gia*. Về ý nghĩa của những từ ngữ này, chúng ta thấy rai rác trong các Pháp cú trước, Phật cũng đều có đề cập đến. Và chúng tôi cũng đã có giải thích qua. Ở đây, chúng tôi chỉ xin giải thích một cách ngắn gọn thôi.

Phật nói: Niết bàn là quả vị tối thượng, tối thượng đây ý nói là quả vị Niết bàn của hàng A la hán. Vì A la hán do nhân tu diệt hết phiền não mà đạt được Niết bàn vô sanh. Tức các Ngài này không còn sanh tử luân hồi nữa. Còn nếu nói bên Đại thừa, thì quả vị tối thượng là chỉ cho quả vị Niết bàn của Phật. Chỉ có Niết bàn của Phật mới được gọi là tối thượng.

Kể đến Phật dạy, người tu hành muốn đạt được quả vị đó, thì mỗi người phải cố gắng thật hành hạnh nhẫn nhục. Có nhẫn nhục mới vượt qua mọi chướng ngại thử thách. Nhẫn nhục với chính mình, nhẫn nhục với người và cảnh vật. Nhẫn nhục không phải là yếu hèn mà trái lại nó là một sức mạnh rất lớn. Nói chung, người tu phải thường xuyên thật hành hạnh nhẫn nhục mới có thể khắc phục chính mình và cảm hóa kẻ khác. Bằng trái lại, thì khó mong đạt thành sở nguyện.

Phật nói: *“Xuất gia mà nào hại người khác, không gọi là xuất gia Sa môn”*. Bản nguyện của người xuất gia rất cao thượng. Vì muốn độ mình, độ người ra khỏi con đường sanh tử khổ đau mà xuất gia. Với một bản nguyện cao cả như thế, thì làm sao lại nào hại người khác? Vì còn khởi ý niệm nào hại đó là tâm ác độc. Tu hành theo hạnh xuất thế, mà còn nuôi dưỡng cái tâm ác độc đó, thì sao gọi là xuất gia? Vì xuất gia là phải ra khỏi ba cõi. Nói cách khác, người xuất gia là phải ra khỏi ba nhà. Mà cái nhà khó ra nhất, đó là nhà phiền não. Hằng ngày phải tâm nguyện ra cho khỏi nhà này. Tất cả pháp môn Phật dạy, mục đích, cũng đều muốn người xuất gia ra khỏi ngôi nhà này. Đã thế, thì làm sao còn có ác ý khởi tâm hại người? Nếu ai còn có cái tâm độc ác này, thì không phải là người xuất gia vậy.

**185. Chớ nên phỉ báng, đừng làm não hại, giữ giới luật
tĩnh nghiêm, uống ăn có chừng mực, riêng ở chỗ tịch
tĩnh, siêng tu tập thiền định. Ấy, lời chư Phật dạy.**

*Not despising, not harming, restraint according to the code
of monastic discipline, moderation in food, dwelling in
solitude, devotion to meditation – this is the teaching of the
Buddhas.*

Kệ tụng

Chớ phỉ báng, não hại

Hãy hộ trì giới bản

Ăn uống có tiết độ

Sống tại nhàn tịnh xứ

Tâm chuyên tu thiền định

Ấy lời chư Phật dạy.

Lược giảng

Để hiểu Pháp cú này dễ hơn, chúng ta tạm chia ra thành 2 câu:

1. Phật dạy: “*Chớ nên phỉ báng, đừng làm não hại, giữ giới luật tĩnh nghiêm*”.

Phỉ báng là chê bai, bài xích, công kích, xuyên tạc, nói xấu v.v... Đây là loại ác ngữ mà người biết chút ít tu hành không ai sử dụng đến. Vì họ biết rõ, khi thốt ra những lời này là đã hại mình trước rồi. Nhất là lại phỉ báng người giữ giới luật tĩnh nghiêm. Dù người đó là xuất gia hay tại gia, chúng ta cũng không nên có ý niệm khinh thường chê bai. Chỉ có người ngu muội, ganh tỵ mới có ác ý chê bai như thế. Người hiểu rõ luật nhân quả, họ rất cẩn trọng ở nơi ý nghĩ, lời nói và việc làm. Họ là người khéo gìn giữ ở nơi ba

nghiệp. Đã thế, thì làm sao họ dám buông lời nói nặng người giữ giới tu hành.

2. Phật dạy tiếp: “*Uống ăn có chừng mực, riêng ở chỗ tịch tĩnh, siêng tu tập thiền định*”.

Uống ăn chừng mực, điều này rất có lợi cho sức khỏe. Vì người tu hành, thường phải ngồi thiền nhiều, nếu ăn no quá thì rất trở ngại cho việc hành trì. Ngoài việc lợi ích cho công phu bái sám ra, nó còn lợi ích cho sức khỏe của chúng ta rất lớn. Vì ngày nay, các bác sĩ thường khuyên chúng ta nên chăm sóc sức khỏe bằng cách ăn uống cho có điều độ chừng mực. Không nên lúc gặp thức ăn ngon, thì ăn nhiều quá độ, có hại cho bao tử. Ăn như thế, thì thật là có hại cho sức khỏe. Có người vì bận với công việc làm, nên họ ăn uống giờ giấc rất bất thường. Lúc thì ăn quá sớm, khi thì ăn quá trễ, cứ thế, sức khỏe khó được ổn định. Người xưa nói: “*họa tùng khẩu xuất, bệnh tùng khẩu nhập*”. Thiết nghĩ, lời nói này vẫn còn có giá trị muôn đời. Vì đây là kinh nghiệm của người xưa. Tất cả những chứng bệnh gây ra, phần nhiều là do ăn uống không đúng phép vệ sinh. Thế nên, thời Phật, Phật và các Thánh chúng mỗi ngày chỉ ăn có một bữa trưa, mà thân thể của các Ngài vẫn mạnh khỏe. Các Ngài ăn bằng tất cả sự có mặt của mình. Ăn trong chánh niệm, không suy nghĩ vẩn vơ như chúng ta. Chúng ta ăn trong hối hả, ăn mà không biết mình đang ăn. Ăn như thế, thật là tội nghiệp cho ta quá!

Nên nhớ, ăn ít, xuống cân, giữ chừng mực, đúng theo giờ giấc, đó là chúng ta khéo biết giữ gìn sức khỏe rồi vậy.

Nhờ ăn uống hợp vệ sinh như thế, nên việc ứng dụng ngồi thiền hay ngồi niệm Phật, hành giả cảm thấy rất an ổn thoải mái. Đói quá cũng khó ngồi yên tu, mà no quá óc ách, thì cũng ngồi tức bụng không tu được. Hành giả muốn ngồi thiền hay ngồi niệm Phật, thì cần phải tìm nơi yên tịnh, có

thê, thì sự tu hành mới có kết quả cao. Trong nhà Phật có đề cập đến nhiều loại ăn. Ăn bằng vật chất, gọi là đoàn thực. Loại ăn này là để bồi dưỡng cơ thể. Còn ăn về tinh thần, có nhiều thứ. Nhưng có hai thứ mà người tu cần ăn, đó là: “*Pháp hỷ thực và Thiên duyệt thực*”.

Pháp hỷ là chúng ta ăn qua giáo pháp Phật Tổ dạy. Khi nghe pháp hay lúc đọc tụng kinh điển, mà chúng ta có niềm vui an thoát nhẹ nhàng trong tâm thức, thì đó gọi là pháp hỷ thực. Món ăn này rất cần thiết để di dưỡng tinh thần.

Thiên duyệt thực là ăn trong lúc hành giả tham thiền nhập định. Duyệt là vui vẻ tươi mát cả tâm lẫn thân. Đây là một món ăn tối thiết yếu để quân bình giữa thân và tâm. Có tham thiền quán tưởng, tâm mới an định. Tâm có an định thì cuộc sống của chúng ta mới có an lạc hạnh phúc vậy.

186-187. Giã sử mưa xuống bạc vàng cũng chẳng thỏa mãn được lòng tham dục. Người trí đã biết rõ ái dục vui ít mà khổ nhiều. Thế nên, dù sự dục lạc ở cõi trời, người cũng chớ sanh tâm mong cầu. Đệ tử đáng Giác Ngộ chỉ mong cầu diệt trừ ái dục mà thôi.

There is no satisfying sensual desires, even with a rain of gold coins. For sensual pleasures give little satisfaction and much pain. Having understood this, the wise man finds no delight even in heavenly pleasures. The disciple of the Supreme Buddha delights in the destruction of craving.

Kệ Tụng

Dầu mưa vàng mưa bạc

Khó thỏa mãn dục tình

Dục khổ nhiều vui ít

Kẻ trí hiểu như vậy.

Đệ tử bậc chánh giác

Không tìm cầu dục lạc

Dầu ở cõi chư thiên

Chỉ mong tham ái diệt

Lược giảng

Hai Pháp cú này Phật dạy tại tinh xá Kỳ Viên, có liên quan đến thầy Tỳ kheo bất mãn.

Sau khi gia nhập Tăng đoàn, thầy này rất tinh tấn tu học và làm tròn phận sự của một người xuất gia. Thầy đi tu không bao lâu, cha thầy lâm bệnh qua đời. Trước khi chết, cha thầy để lại 100 đồng cho người em và căn dặn nhớ đưa lại cho thầy. Khi nhận được tiền, thầy sanh tâm bất mãn sự tu hành. Thầy không muốn tiếp tục tu hành xuất gia kham khổ nữa. Thầy có ý định hoàn tục.

Từ lúc khởi ý định này, thầy bỏ bê mọi việc tu hành. Thấy thế, các Tỳ kheo khác trình bày với Phật và Phật gọi thầy để hỏi duyên do. Thầy cho biết là với số tiền này, thầy có thể ra ngoài đời sống được. Phật phân tích cho thầy thấy rõ 100 đồng không thấm vào đâu trong việc chi tiêu. Phật còn cho biết thêm, thời quá khứ, các ông vua Chuyển luân thánh vương chỉ vẫy tay là mưa tuôn châu báu xuống, vàng bạc đầy đất. Dù được như thế đó, mà các ông vua này khi chết vẫn không mãn ước nguyện. Thế thì, đối với 100 đồng của ông, thử hỏi làm được gì?

Tiền tài, danh lợi thật là nguy hiểm. Người tu hành bị những thứ này cám dỗ mà tổn giảm đạo hạnh rất nhiều. Vẫn biết, vật chất, tiền tài, danh vọng, chỉ là những thứ huyễn ảo, phũ

du không thật. Tuy không thật, nhưng con người còn chất chứa nặng lòng tham lam, thì chúng vẫn còn có hấp lực thu hút phi thường. Chính chúng gây ra lắm điều tai hại trong giới tu hành.

Qua câu chuyện lược dẫn trên, cho ta thấy, một thầy Tỳ kheo đang tu hành tinh tấn, sống chung trong Tăng đoàn, bên cạnh còn có sự giáo giới của đức Phật, thế mà chỉ vì có 100 đồng của người cha để lại, mà ông ta muốn bỏ ngang việc tu hành. Tiền tài vật chất thời Phật so với thời đại ngày nay, dĩ nhiên là phải thua kém rất xa. Ngày nay với thời đại khoa học kỹ thuật tiến bộ, có biết bao nhiêu thứ máy móc điện tử tinh vi, nhìn thấy chóa mắt, sức thu hút rất lớn, thế thì, thử hỏi làm sao lòng người không say mê đắm nhiễm cho được?

Đối với người xuất gia đã phát nguyện từ bỏ tất cả, không màng gì đến việc đời, xem tiền tài, danh lợi, vật chất như áng phù vân, như đôi dép bỏ, thế mà vẫn không giữ vững được tâm niệm tu hành trước sức mạnh cám dỗ của ma lực kim ngân. Thế mới biết, sự tu hành đạt được giải thoát không phải là chuyện dễ dàng. Cái gốc của người tu, dù xuất gia hay tại gia, Phật dạy phải chuyên cần gia công diệt trừ phiền não. Dù tu hành lâu năm đến đâu, mà gốc phiền não tham, sân, si, không trừ, thì người đó chưa phải thật sự tu hành.

Dục vọng tham ái là cội gốc của sự sanh tử khổ đau. Vì vô minh mới tham cầu, mới làm thỏa mãn cho dục vọng. Mới có 100 đồng thôi mà thầy Tỳ kheo kia đã muốn sang ngang rồi. Còn bao nhiêu thứ khác của ngũ dục lạc thế gian, liệu người tu có gìn giữ không ham muốn đắm nhiễm được không? Cho nên, theo lời Phật dạy, chỉ có hai con đường khổ vui. Nếu chúng ta chọn con đường khổ, thì tiếp tục làm nô lệ cho dục vọng sai khiến, để thỏa mãn dục tính. Ngược

lại, nếu chúng ta muốn đi trên con đường hạnh phúc an vui, thì chúng ta phải đoạn trừ lòng dục vọng.

Bởi vì, vật chất không bao giờ làm thỏa mãn lòng ham muốn của con người. Nếu tiền tài vật chất làm cho con người được an vui hạnh phúc, thì các ông vua không bỏ ngai vàng đi tu. Bằng chứng như đức Phật, như vua Trần Nhân Tôn và các vị vua khác. Dù ở trên ngai vàng, điện ngọc, có biết bao nhiêu thứ dục lạc, để các Ngài vui hưởng lạc thú thỏa thích, thế nhưng các Ngài vẫn phải từ bỏ tất cả.

Tiền tài, danh vọng, địa vị, mỹ nhân, đối với các Ngài toàn là những thứ đau khổ. Chỉ có con đường chuyên hóa hết vô minh phiền não, mới thực sự là giác ngộ giải thoát mà thôi.

188-192. Vì sợ hãi bất an mà đến quy y thần núi, quy y rừng cây, quy y miếu thờ thọ thần⁽²⁵⁾, nhưng đó chẳng phải là chỗ nương dựa yên ổn, là chỗ quy y tối thượng. Ai quy y như thế khổ não vẫn còn nguyên.

Trái lại, quy y Phật, Pháp, Tăng, phát trí tuệ chơn chánh, hiểu thấu Bốn lẽ mâu: Biết khổ, biết khổ

²⁵ **Thọ thần:** Thọ chi đề (Rkkhacetya) là “ thọ miếu”, vị thọ thần của Ấn Độ tín ngưỡng, lấy cây làm đối tượng sùng bái, như đối với tháp miếu vậy.

nhân, biết khổ diệt, và biết Tám chi Thánh đạo⁽²⁶⁾ diệt trừ hết khổ não. Đó là chỗ quy y an ổn, là chỗ quy y tối thượng. Ai quy y được như vậy, giải thoát hết khổ đau.

Driven only by fear, do men go for refuge to many places – to hills, woods, groves, trees and shrines. Such, indeed, is

no safe refuge; such is not the refuge supreme. Not bu resorting to such a refuge is one released from all suffering. He who has gone for refuge

to the Buddha, his Teaching and his Order, penetrates with transcendental wisdom the Four Noble Truths – suffering, the cause of suffering, the cessation of suffering, and the Noble Eightfold Path leading to the cessation of suffering. This indeed is the safe refuge, this is the refuge supreme. Having gone to such a refuge, one is released from all suffering.

Kệ tụng

Loài người vì sợ hãi

Tìm nhiều chỗ quy y

Hoặc cảnh vườn rừng núi

Hoặc cây cối tháp đền.

Chẳng phải chỗ an ổn

Đâu phải chỗ tối thượng

²⁶ **Thánh đạo:** Bát chánh đạo: Chánh kiến, Chánh tư duy, Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng, Chánh tinh tấn, Chánh niệm, Chánh định.

Nương tựa các chỗ ấy

Không diệt mọi đau khổ.

Ai quy y Phật Đà

Chánh pháp và tăng già

Ai dùng chánh tri kiến

Thấy được bốn diệu đế.

Thấy khổ và khổ tập

Thấy cả sự khổ diệt

Thấy con đường bát chánh

Đưa đến diệt khổ não.

Thật nương tựa an ổn

Thật nương tựa tối thượng

Có nương tựa như vậy

Mới diệt mọi khổ đau.

Lược giảng

Phật dạy 4 Pháp cú trên tại tinh xá Kỳ Viên, có liên quan đến câu chuyện Bà la môn Aggidatta (A kỳ đạt đa).

Aggidatta là thầy tư tế của vua Mahākosalā, tức vua cha của Ba Tư Nặc. Sau khi vua cha băng hà, ông ta vẫn được vua Ba Tư Nặc trọng dụng. Về già, ông xuất gia tu theo đạo Bà la môn. Ông có số môn đồ rất đông. Phật muốn chuyển hóa ông, nên sai Ngài Mục Kiền Liên đến trước để hàng phục Long vương, vì Long vương là bạn chí thân của ông. Ngài Mục Kiền Liên vâng lời Phật dạy đến hàng phục Long vương. Hàng phục xong, các đồ đệ của Aggidatta đều hết sức bái phục quy kính Tôn giả Mục Kiền Liên.

Sau đó, Phật đến và hỏi Aggidatta dạy môn đệ như thế nào? Ông trả lời rằng ông dạy mọi người nương tựa nơi núi rừng, hang động, cây cối. Đó là những nơi nương tựa vững chắc. Nương tựa như vậy các người sẽ thoát khổ đau.

Phật nói: “*Không đúng! Này Aggidatta! Ai nương tựa vào những nơi ấy không thoát đau khổ. Chỉ có người quy y Phật, Pháp, Tăng mới hoàn toàn thoát khỏi vòng khổ đau*”.

Nhân đó, Phật nói 4 Pháp cú này. Nói xong, mọi người đều xin quy y theo Phật và không bao lâu Aggidatta chứng quả A la hán.

Từ ngàn xưa, con người đứng trước mọi hiện tượng thiên nhiên, họ đều sanh tâm sợ hãi. Họ cho rằng, mỗi một hiện tượng như: đất, đá, núi, rừng, trời, biển, cây cối, sấm sét v.v... mỗi mỗi đều có một vị Thần ngự trị. Do đó, muốn cho đời sống được yên ổn, họ phải cúng tế lo lót cho các vị Thần. Tức là họ không dám làm những điều sai trái sợ bị các vị Thần quả phạt.

Từ đó, họ hết lòng quy kính nương tựa. Đại biểu như Bà la môn Aggidatta đã dạy môn đệ phải quy kính nương tựa với các hiện tượng đó. May mắn thay! Aggidatta và các đồ đệ đã được đức Phật giáo hóa kịp thời, nên tất cả đều trở về với con đường Chánh đạo. Nhưng trước khi họ quy phục theo Phật, phải trải qua một cuộc trở ngại thì thần thông giữa Tôn giả Mục Kiền Liên và Long vương.

Từ trước, họ kính trọng tôn sùng Long vương rất mực. Vì Long vương hiện ra nhiều phép lạ thần thông mà họ chưa từng thấy. Nhưng sau khi qua cuộc đọ sức tranh tài, họ mới biết thần thông biến hóa của Long vương không qua nổi Tôn giả Mục Kiền Liên. Họ tự nghĩ, đệ tử Phật còn như thế, thì Phật còn cao hơn gấp mấy ngàn lần.

Do nghĩ thế, nên khi họ thấy Phật đến, tất cả đều bái kính xin quy y theo Phật. Đó cũng là một phương tiện giáo hóa thời Phật. Vì thời Phật có rất nhiều ngoại đạo, họ tu luyện theo tà giáo có nhiều phép lạ. Và họ rất tin tưởng vào các vị Thần linh. Nếu không sử dụng thần thông như thế, thì Phật không bao giờ nhiếp phục được họ.

Qua những câu Pháp cú trên, Phật đã minh định lập trường rất rõ, chỉ có nương tựa vào Tam Bảo con người mới thoát

khỏi khổ đau. Bởi vì, nương tựa vào ngoại cảnh, tất cả đều sinh diệt vô thường. Không có một hiện tượng nào thoát khỏi định luật vô thường. Trong kinh Kim Cang Bát Nhã Phật dạy:

Nhứt thiết hữu vi pháp

Như mộng huyễn bào ảnh

Như lộ diệt như điện

Ứng tác như thị quán.

Ý nghĩa của bài kệ Phật dạy: mọi người phải thường xuyên quán sát các pháp hiện đời, những vật có hình tướng, thấy đều như chiêm bao, như bóng, như bọt, như lửa điện chớp, như sương móc, không có gì là bền chắc. Như thế, nương tựa bám chặt vào những hiện tượng vật chất đó, thì không khổ sao được?

Phật dạy, chỉ có con đường thoát khổ là phải nương tựa với Tam Bảo bên ngoài và Tam Bảo tự tâm. Nghĩa là người Phật tử phải quy y cả “**Sự**” lẫn “**Ly**”. Sự là người Phật tử phải nương tựa vào Phật, vì Phật là một bậc Thầy giác ngộ hoàn toàn. Ngài chỉ cho chúng ta con đường giải thoát. Nương tựa vào Pháp, vì giáo pháp Phật dạy có công năng đưa chúng ta ra khỏi phiền não mê lầm. Nương tựa với Tăng, vì đó là những bậc tu hành chọn chánh hướng dẫn chúng ta đi theo con đường chánh lý Phật dạy.

Người Phật tử nên ý thức rằng, nương tựa với Tam Bảo bên ngoài là để làm sáng tỏ Tam Bảo tự tâm. Vì trong mỗi chúng ta, ai ai cũng có Phật, Pháp, Tăng. Chính Tam Bảo tự tâm mới cứu chúng ta thoát khỏi mọi đau khổ. Nếu chúng ta chỉ một bề y lại vào Tam Bảo bên ngoài, thì muôn đời chúng ta vẫn bị trầm luân khổ hải, vì Tam Bảo bên ngoài không cứu được chúng ta. Chính mình mới cứu được mình.

Thí như mình ghiền cờ bạc hay say sưa hút xách, Phật, Pháp, Tăng, bên ngoài có cứu được mình không? Phật, Pháp, Tăng, chỉ dạy khuyên mình nên ý thức tai hại của sự nghiện ngập, không nên mê say đắm nhiễm. Mình không chịu nghe và làm theo, như thế thì thử hỏi làm sao Tam Bảo cứu mình nổi?

Nếu mình nghe Phật dạy mà thật hành theo, quyết lòng cai bỏ, thì đó là mình đã tự cứu lấy mình rồi. Cho nên, Tam Bảo bên ngoài chỉ là trợ duyên tốt cho mình thôi. Tất cả khổ hay vui đều do mình định đoạt lấy. Hiểu và hành như thế, đó mới thực sự là người Phật tử chơn chánh học Phật. Bằng không, chỉ y lại nương tựa vào Phật, Pháp, Tăng bên ngoài, thì đó là ta rơi vào mê tín. Tin và chạy theo bên ngoài như thế, thì đó chỉ là một việc làm hoài công vô ích! Vì các Ngài không cứu thoát được mình khỏi khổ đau.

Xin tất cả hãy nghe theo lời Phật dạy mà mỗi người hãy mạnh dạn đứng lên để tự cứu thoát lấy chính mình. Cứu thoát bằng cách nào? Bằng cách nương theo Tứ diệu đế: “Khổ, Tập, Diệt, Đạo”, nhất là phải chịu khó nghiên tầm học hỏi và thật hành Bát chánh đạo, tám con đường chơn chánh đưa chúng ta thoát khỏi khổ đau. Có áp dụng đúng theo lời Phật dạy như thế, thì chúng ta mới được an ổn lợi lạc trong hiện đời và mai sau vậy.

193. Rất khó gặp được bậc Thánh nhân, vì chẳng phải thường có. Phạm ở đâu có vị Thánh nhân ra đời thì gia tộc đó được an lành.

Hard to find is the thoroughbred man (the Buddha); he is not born everywhere. Where such a man is born, that clan thrives happily.

Kệ tụng

Khó gặp bậc thánh nhân

Không phải đâu cũng có

Chỗ nào kẻ trí sanh

Gia đình tất an lạc.

Lược giảng

Pháp cú này Phật dạy tại tinh xá Kỳ Viên, có liên quan đến câu hỏi của Tôn giả A nan.

Một hôm, Ngài A nan trầm nghĩ, đức Phật từng dạy về dòng dõi của những loài voi, ngựa và bò quý. Phật nói: những con voi cao quý sanh ra từ giống Chaddanta hay giống Uposatha, còn ngựa cao quý thường phát sanh từ giống Valahaka là dòng ngựa chúa, và con báo cao quý thì sanh ra từ dòng giống Dekkan. Không biết con người cao quý xuất phát từ đâu? Nghĩ xong, Tôn giả liền đến đánh lễ bạch trình hỏi Phật về vấn đề trên.

Phật dạy: “Người cao quý không thể sanh ra ở bất cứ nơi nào, mà phải sinh trong phạm vi đường kính 300 dặm, cùng chu vi 900 dặm của thủ đô một nước. Và không phải sinh ra ở bất cứ gia đình nào, mà phải là gia đình thuộc dòng Sát đế lý hay Bà la môn”. Dạy xong, Ngài liền nói Pháp cú này.

Cùng sanh ra đời, nhưng nghiệp báo của mỗi loài đều khác nhau. Cùng là đồng loại, nhưng nghiệp báo cũng sai khác nhau rất nhiều. Như trong phạm vi loài người, cùng là con người, nhưng tại sao có người vầy người khác? Kẻ thì thông minh, người thì đần độn. Người thì giàu sang, kẻ lại nghèo hèn. Kẻ thì sung sướng suốt đời, người thì cực khổ cháy da phỏng trán. Người thì cao lớn, đẹp đẽ, kẻ thì thấp lùn, xấu xí. Kẻ thì lành lặn, người lại tật nguyền v.v...

Tất cả sự sai khác này do đâu? Phật dạy, là do nghiệp nhân gây tạo từ trong quá khứ bất đồng. Cho nên sự có mặt của con người hiện nay là kết quả của nghiệp báo mà chúng ta đã gây tạo thiện hay ác từ nhiều kiếp trước. Đó là theo luật nhân quả. Trong khi thọ báo thân này, rồi tiếp tục tạo nghiệp lành dữ mà có quả báo sai khác tiếp nối đời sau.

Vấn đề nhân quả nghiệp báo, thiết nghĩ, chúng ta cũng đã biết qua. Ở đây, chúng tôi không muốn bàn nhiều.

Qua câu chuyện lược dẫn trên, cho chúng ta thấy, Phật đã trả lời câu hỏi của Ngài A nan về vấn đề cao quý của sự khác biệt giữa con người và con vật. Con vật dù có cao quý đến đâu, cũng chỉ trong phạm vi nghiệp báo của chúng nó mà thôi. Ngược lại, sự cao quý của con người khi sinh ra thì có khác. Nghiệp báo của loài người, dĩ nhiên, phải cao quý hơn loài vật nhiều. Cao quý về mọi phương diện. Tuy nhiên, trong tâm thức của mỗi con người, vẫn có tính xấu ác của con vật. Nếu nhơn tính của con người mất đi, thì thú tính sẽ hiện ra. Sở dĩ con người còn hơn con vật là vì con người còn giữ gìn được nhơn tính.

Sinh làm người đã là khó, mà được sinh ra ở nơi thủ đô cũng lại là điều khó, rồi được sinh trong dòng dõi vua chúa hay trong dòng quý phái vọng tộc, thế phiệt trâm anh, cũng không phải là chuyện dễ dàng. Nếu đời trước không có tu nhân tích đức, làm lành bố thí nhiều, thì đời này làm gì sinh ra đời được như thế? Vì người sinh ra giữa kinh đô ánh sáng, dĩ nhiên, có đời sống văn minh văn hóa cao, so với những người kém may mắn hơn. Có những người kém phước báo, nên họ sanh ra ở những nơi nước mặn đồng chua hay nơi khí ho cò gáy. Dĩ nhiên, mức sống và các thứ tiện nghi, cũng như kiến thức của họ ở những nơi này làm sao có thể so sánh được như người dân ở kinh đô. Cho nên sinh ra ở thủ đô phải là con người có gieo trồng phước đức

mới có được. Đã thế mà được sinh trong gia đình có địa vị cao, giàu sang hơn người, thì lại càng có phước hơn. Câu chuyện trên, Phật so sánh cái phước báo có hơn kém là như thế. Phật dạy, người nào muốn có được như thế, thì phải gắng công lo tu tạo phước đức.

Pháp cú trên, Phật cho chúng ta thấy, sinh ra làm người không dễ gì gặp được bậc Thánh nhân ra đời. Vì Thánh nhân là người có đạo đức cao và luôn làm lợi ích cho mọi người. Nhờ thế, mà con người noi theo đức hạnh của vị Thánh nhân đó mà dốc chí tu hành sẽ được lợi lạc rất lớn. Nơi nào có những bậc cao đức dễ thương xuất hiện, thì nơi đó sẽ có được lợi lạc an vui rất nhiều.

Trong gia đình, nếu cha mẹ biết tu hành, khéo dạy dỗ con cái, thì gia đình đó ắt có hạnh phúc. Trong xóm làng, có người biết tự tu, có đức hạnh khá, hay làm lợi ích cho mình và người, thì xóm làng đó sẽ được an vui. Xã hội chúng ta đang sống, rất cần những hạng người cao đức đó xuất hiện.

Nếu mỗi người khéo biết chuyển đổi tâm thức hướng thiện, xây dựng nếp sống đạo đức từ bản thân đến gia đình và xã hội, thì mỗi người sẽ là một Thánh nhân nho nhỏ rồi. Thế là xã hội không muốn an bình cũng sẽ được an bình.

194. Hạnh phúc thay đức Phật ra đời; hạnh phúc thay diễn nói Chánh pháp; hạnh phúc thay Tăng già hòa hợp, hạnh phúc thay đồng tiến đồng tu.

Blessed is the birth of the Buddhas; blessed is the enunciation of the sacred Teaching; blessed is the harmony in the Order, and blessed is the spiritual pursuit of the united truth-seekers.

Kệ tụng

Sướng thay! Phật ra đời!

Sướng thay! Pháp được giảng!

Sướng thay! Tăng hòa hợp!

Sướng thay! Chúng đồng tu!

Lược giảng

Pháp cú này Phật dạy tại tinh xá Kỳ Viên, có liên quan đến một số thầy Tỳ kheo.

Một hôm năm trăm Tỳ kheo ngồi ở pháp đường và bàn luận:

- Chư hiền, điều gì là hạnh phúc nhất trên đời?

Người thì nói:

- Không có gì hạnh phúc bằng làm vua.

Người khác nói:

- Chỉ có tình yêu là hạnh phúc nhất.

Còn có người nói:

- Chỉ có ăn ngon là hạnh phúc nhất.

Đức Phật đi đến chỗ các thầy và nói:

- Các ông ngồi đây bàn tán về vấn đề gì?

Các Tỳ kheo kể lại, Phật dạy:

- Này các Tỳ kheo! Các ông nói thế nào? Tất cả các hạnh phúc các ông vừa kể đều nằm trong vòng luân hồi khổ đau.

Ngược lại, gặp Phật ra đời, được nghe chánh pháp, sống thanh tịnh và hòa hợp trong Tăng đoàn, những điều ấy là hạnh phúc nhất. Nhân đó Phật nói Pháp cú này. (Trích nguyên văn tích truyện Pháp Cú Tập II, Viên Chiếu, tr 369)

Qua câu chuyện trích dẫn trên, ta thấy, những thứ hạnh phúc mà các thầy Tỳ kheo nêu ra, Phật cho đó là những thứ hạnh phúc giả trá tạm bợ đưa con người vào vòng luân hồi đau khổ. Ở đời, có hai thứ uy quyền: uy quyền về tiền bạc và uy quyền về tâm linh. Uy quyền về tiền của vật chất, ăn sung mặc sướng, kẻ hầu người hạ, tiền hô hậu ủng, có lẽ trên đời không ai hơn ông vua, hay ông Tổng thống. Còn uy quyền về tâm linh, thì có lẽ không ai hơn những nhà thực sự chơn chánh tu hành, mong cầu thoát ly sanh tử. Vì đối với những vị này, họ coi tiền bạc vật chất, chẳng có ra gì. Đây là cái quyền uy chỉ có ở những con người có tâm hồn cao thượng, tự do phóng khoáng. Tất cả chỉ vì mục đích giác ngộ giải thoát mà thôi. Ngược lại, quyền uy của một ông vua, hay của những nhà tỷ phú, thực sự họ có sung sướng hay không? Hay tâm hồn của họ vẫn luôn bị đau khổ bất an, thua một người dân nghèo có nếp sống bình thường. Nếu so về tiền bạc, vật chất, thì họ không thể nào dám so sánh. Nhưng nếu so về đời sống hạnh phúc của tinh thần, thì ông vua hay tỷ phú, chưa chắc có đời sống an vui thoải mái như họ. Không có ông vua và nhà tỷ phú nào mà không có những nỗi khổ niềm đau bức xúc, khó thở. Có những nhà tỷ phú, họ chưa bao giờ có thời giờ rảnh rỗi, ngồi uống một chung trà thanh thoi thoải mái như một người nông dân bình thường, chớ chưa nói đến một ông thầy tu chơn chánh đạo hạnh.

Được ăn những thứ sơn hào, cao lương mỹ vị, bên cạnh đó còn có mỹ nhân hầu hạ, người đời ai lại không thèm khát. Nếu những thứ đó thực sự là hạnh phúc, thì chắc chắn các ông vua không bỏ ngai vàng điện ngọc, vợ đẹp con ngoan đi tu? Và cũng không phải chịu sống kham khổ trong việc tu hành.

Ngày nay, những thức ăn càng ngon miệng, béo bở nhiều chừng nào, thì con người càng gây ra nhiều chứng bệnh nan y chừng nấy. Và đưa đến cái chết như trở bàn tay. Thế thì ăn ngon, chỉ qua khỏi cổ là hết hạnh phúc rồi.

Tình yêu có thực sự là hạnh phúc không? Nếu thực sự là hạnh phúc, thì tại sao người ta lại ly hôn, ly dị nhiều quá. Đó là chưa nói, vì tình yêu mà người ta lại chán đời quyên sinh tự tử. Tình yêu, thoáng nhìn, người ta ngỡ rằng chắc là hạnh phúc lắm, nhưng khi nếm mùi rồi mới thấy muôn điều hệ lụy đáng cay. Bởi thế, mà nhà thơ Xuân Diệu mới than thở trong bài thơ Yêu:

*Yêu, là chết trong lòng một ít
Vì mấy khi yêu mà chắc được yêu
Cho rất nhiều, song nhận chẳng bao nhiêu,
Người ta phụ hoặc thờ ơ chẳng biết.*

*Phút gần gũi cũng như giờ chia biệt
Tuông trăng tàn, hoa tạ với hôn tiêu
Vì mấy khi yêu mà chắc được yêu!
Yêu, là chết ở trong lòng một ít !*

*Họ lạc lối giữa u sầu mù mịt
Những người si theo dõi dấu chân yêu:
Và cảnh đời là sa mạc cô liêu
Và tình ái là sợi dây vắn vít
Yêu, là chết ở trong lòng một ít !*

Khi thốt lên lời than thở này, chắc là thi nhân đã nếm hương vị chua chát của tình yêu rồi!

Một thi nhân nào đó cũng đã nói:

*Tình yêu sương khói giữa trời
Long lanh cát bụi gọi mời lầu mây
Thoáng qua hương thấm đông đầy
Sầu vương để lại một ngày nắng thơ.*

Tình yêu rất lại, chỉ còn là sương khói, lầu mây, sầu vương, tất cả đều là giả dối không thật. Thoáng qua, người ta cũng cảm thấy hương thấm ngọt ngào đông đầy lắm, nhưng cuối cùng chỉ để lại những u buồn, tủi hận, mất đi ngày đẹp nắng thơ rồi!

Thế thì, những thứ mà người đời đam mê tham đắm, cho là hạnh phúc đó, Phật nói tất cả đều là hệ lụy khổ đau. Vì tham đắm mà tạo nghiệp, nên chúng sanh đi mãi trong vòng sanh tử luân hồi.

Phật nêu ra những thứ hạnh phúc mà người đời khó được. Hạnh phúc trước nhất, là gặp Phật ra đời. Thật đây không còn thứ hạnh phúc nào bằng. Vì gặp Phật ra đời, nghe được những lời Phật dạy, sống trong một đoàn thể hòa hợp, thế thì còn gì hạnh phúc hơn! Ngày nay, đối với những thứ hạnh phúc này không phải là chúng ta không có. Nếu nói về Phật ứng thân ra đời, thì chúng ta không gặp được. Nhưng nếu là Phật pháp thân, thì người nào lại không có.

Khi nào tâm ta lắng đọng, mọi phiền não cấu bợn không có, thì ngay giây phút đó là ta gặp Phật ra đời rồi. Như vậy, trong giây phút mà ta không suy niệm gì hết, chỉ còn có cái

“**Biết**” hiện tiền, đó không phải là hạnh phúc tuyệt vời lắm sao? Thế thì ta đi tìm hạnh phúc ở nơi đâu nữa chớ?

Nếu ta biết sống ngay trong giây phút hiện tại, thì ta sẽ tìm thấy hạnh phúc trong từng hơi thở và mỗi nhịp đập của trái tim cũng như trong mọi hành động, việc làm. Đó là ta đã có một niềm vui tràn đầy. Sống trong một đoàn thể ai nấy cũng hằng sống trong chánh niệm như thế, thì còn gì nói đến hòa hợp hay không hòa hợp? Vì thực chất đã là hòa hợp rồi kia mà! Nếu như mọi người ai nấy đều cố gắng tu tiến như thế, thì còn gì hạnh phúc cho bằng! Thử hỏi thế gian này có gì sánh kịp?

195-196. Kẻ nào cúng dường những vị đáng cúng dường, hoặc chư Phật hay đệ tử, những vị thoát ly hư vọng, vượt khỏi hối hận lo âu, công đức của người đã cúng dường các bậc tịch tịnh vô úy ấy, không thể kể lường.

He who reveres those worthy of reverence, the Buddhas and their disciples, who have transcended all obstacles and passed beyond the reach of sorrow and lamentation – he who reveres such peaceful and fearless ones, his merit none can compute by any measure.

Kệ tụng

Cúng dường bậc đáng cúng

Chư Phật hoặc đệ tử

Vượt ngoài các ma chướng

Trừ diệt mọi ưu tư.

Cúng dường bậc như vậy

Bậc tịch tịnh, vô úy

Công đức thật vô lượng

Không gì so sánh kịp.

Lược giảng

Phật nói hai Pháp cú này có liên hệ đến câu chuyện ngôi đền vàng của Phật Ca Diếp.

Trên đường du hóa, Phật ghé lại làng Todeyya và Ngài vào trong tháp ngồi nghỉ chân. Gần đây, có một Bà la môn đang cày bừa, Phật bảo Tôn giả A Nan mời ông ta đến. Khi vào, ông ta không chào hỏi Phật mà chỉ làm lễ ngôi đền. Phật hỏi duyên cớ, ông nói: vì ngôi đền này đã có từ lâu, nên ông luôn tôn kính. Phật khen ngợi ông làm rất đúng.

Sau đó, Phật dùng thần thông hiện ra một trái núi bằng vàng giữa không trung, nơi ấy hiện ra bảo tháp của đức Phật Ca Diếp cao một dặm.

Kế tiếp Phật dạy, trong thế gian có bốn hạng người đáng tôn kính: Phật, Bích Chi Phật, A la hán và Chuyển luân vương. Đây là bốn hạng người đáng xây tháp cúng dường. Rồi, Phật liền dạy hai Pháp cú này.

Nghe xong, người Bà la môn chứng sơ quả (Tu đà hoàn). Ngôi tháp vàng hiện trong bảy ngày và dân chúng trong làng kéo nhau đến chiêm ngưỡng kính bái cúng dường.

Cúng dường là một pháp tu của người Phật tử. Trong mười Đại nguyện của Bồ tát Phổ Hiền, nguyện thứ ba là “*Quảng tu cúng dường*”. Nghĩa là cúng dường rộng khắp không phân biệt thân sơ. Cúng dường khác với bố thí. Cúng dường mang ý nghĩa trân quý đối với đối tượng mình dâng cúng. Như nói cúng dường Tam Bảo hay cúng dường chư Tăng. Không ai nói bố thí Tam Bảo hay bố thí chư Tăng. Ngược

lại, người ta hay nói bô thí cho những kẻ tàn tật cơ hàn, không ai nói cúng dường. Tuy nhiên, nói thế, không có nghĩa là đối tượng để mình bô thí không được trân kính. Vẫn kính trọng, nhưng so với nghĩa cúng dường, thì người cúng dường phải có tâm lòng tha thiết cung kính đối tượng mà mình trân quý cúng dường hơn. Đó là phân biệt đại khái sự sai khác ý nghĩa giữa cúng dường và bô thí.

Qua câu chuyện lược dẫn trên, ta thấy, Phật khen ngợi vị Bà la môn, khi gặp Phật, ông không chào hỏi Phật trước, mà ông lễ bái đền thờ trước. Họ xem đền thờ là linh hồn của họ, vì đã trải qua nhiều đời dân làng tôn kính. Hình ảnh đó nó đã gắn liền ăn sâu vào tâm thức của người dân. Họ rất cung kính trân quý bảo tồn đền thờ như mạng sống của họ. Nhìn bề ngoài, ta đánh giá như là họ mê tín, nhưng kỳ thật nhìn sâu vào ta mới thấy được khía cạnh của đời sống tâm linh. Họ trân quý bảo tồn những gì mà tổ tiên của họ đã dày công tạo dựng. Mất đền thờ là mất chỗ tựa nương linh hồn của họ. Nhờ đền thờ mà họ nối kết được tấm lòng yêu thương gắn bó trong tinh thần đoàn kết bảo vệ quốc gia dân tộc.

Cũng như ngôi chùa của quê hương ta đã trải qua mấy ngàn năm lịch sử, lúc nào cũng gắn bó thiết thân trong nếp sống hài hòa tinh tự dân tộc. Bảo vệ ngôi chùa là bảo vệ tinh thần đoàn kết của dân tộc. Bởi vì:

Mái chùa che chở hồn dân tộc

Nếp sống muôn đời của tổ tông.

Thi Sĩ Vũ Hoàng Chương cũng đã nói:

... Dân tộc ta không thể nào thua

Đạo Phật ta đời đời sáng lạn

Dầu trải qua mấy phân ly tán

Nhưng vẫn còn núi còn sông

Còn chót vót mãi ngôi chùa.

Đó cũng là một nếp sống văn hóa sinh tồn thiết thân của người dân. Vì thế, mà Phật khen ngợi Bà la môn này.

Phật nói: trong thế gian này, có bốn hạng người được xứng đáng cho chúng ta cung kính cúng dường: Phật, Bích Chi Phật, A la hán và Chuyển luân vương. Trong bốn hạng người này, chỉ trừ Chuyển luân vương ra, còn ba vị kia đã hoàn toàn dứt hết phiền não lậu hoặc. Các Ngài đã được tự tại giải thoát. Riêng Chuyển luân vương, nói đủ là Chuyển luân thánh vương, vị vua này làm cho chánh pháp ngự trị ở thế gian, cai trị bốn châu thuộc núi Tu di. Cõi nước vị vua này giàu đẹp, nhân dân an lạc, vua đi xe báu có đầy đủ bảy báu. Vị vua này có công đức rất lớn là luôn luôn hộ trì Chánh pháp và truyền bá Chánh pháp. Cho nên, cũng xứng đáng được cung kính cúng dường.

Người Phật tử cúng dường đối với những bậc tu hành chơn chánh thanh tịnh thoát ly mọi dục vọng, thì được phước báo vô biên. Đó là nói cúng dường theo nghĩa sự tướng bên ngoài. Còn cúng dường theo nghĩa lý tánh bên trong, là lúc nào tâm ta được an tịnh, không có phiền não dấy khởi, chính lúc đó là ta đang cúng dường Tam Bảo tự tâm.

Cúng dường là hằng nuôi lớn pháp thân huệ mạng. Đây mới là nghĩa cúng dường mà Phật thường khuyến khích chúng ta. Người Phật tử có cúng dường cả hai: “Sự” và “Lý” như thế mới thực sự là cúng dường. Nếu chúng ta chỉ biết cúng dường bên ngoài không thôi, thì chưa đúng với ý nghĩa cúng dường Phật dạy. Cúng dường cả hai như thế, thì phước đức và công đức, cả hai mới được vẹn toàn vậy.

XV. PHẨM AN LẠC

(Sukhavagga)

197. Sung sướng thay chúng ta sống không thù oán giữa những người thù oán. Giữa những người thù oán, ta sống không thù oán.

Happy indeed we live, friendly amidst the hostile. Amidst hostile men we dwell free from hatred.

Kệ tụng

Sướng thay nếu được sống

Không hận, giữa hận thù

Giữa những người thù hận

Ta sống không hận thù

Lược giảng

Duyên do Phật nói Pháp cú này cũng như hai Pháp cú liên tiếp 198 và 199, có liên quan đến câu chuyện tranh chấp giữa hai lân bang.

Dân cư trong thành Ca tỳ la vệ và dân cư trong thành Câu lợi (Koliya) có cùng một con sông. Hai bên vì tranh chấp nước trong con sông này mà sanh ra tranh giành ấu đả với nhau. Từ việc nhỏ giữa cá nhân, lan rộng đến dân làng và rồi đến cả hai quốc gia. Không ai chịu nhường nhịn ai. Thế là hai nước láng giềng định xua quân đánh nhau. Biết thế, Phật liền dùng thần lực đến can gián. Nhờ sự can thiệp của đức Phật kịp thời, nên hai bên mới chịu hòa giải nhau. Nhân đó, Phật dạy cho họ nghe về những Pháp cú nói trên.

Sống trong một thế giới đầy hận thù tranh chấp, mà ta sống không hận thù, đó là một hạnh phúc rất lớn. Đức Phật là một tấm gương sáng nêu cao tình thương, để mọi người noi gương. Phật thường khuyên dạy: “*Chỉ có từ bi mới xóa tan hóa giải được mọi tranh chấp hận thù*”.

Câu chuyện lược dẫn trên, chỉ vì tranh chấp với nhau một con sông mà đưa đến hai lân bang sắp sửa đánh nhau. Nếu không có bậc trí huệ sáng suốt như đức Phật kịp thời đến giảng hòa ngăn chặn, thì hậu quả sẽ xảy ra một cuộc chiến tranh tàn sát đẫm máu. Hai bên dân làng từ thương yêu nhau, trở thành đối nghịch thù hận nhau. Việc tuy nhỏ, nhưng không khéo giải quyết sẽ thành lớn chuyện.

Như hai nhà sống sát vách nhau, tương giao qua lại rất thâm tình, nhưng chỉ vì tranh chấp hơn thua với nhau có một tấm vách chung mà phải gây gỗ cãi vã và rồi ấu đả nhau. Kết quả, kẻ thì vào nhà thương, người thì bị ngồi tù. Thế mới biết lòng sân hận của con người thật là ghê gớm!

Mới đầu khởi lên, chỉ như một đốm lửa nhỏ, nhưng nếu hai bên không khéo dập tắt, thì nó sẽ trở thành một đám cháy

to. Mỗi thân tình gầy dựng với nhau rất lâu, chỉ trong phút chốc không dần được con giận mà nó tan biến trở thành mây khói. Từ đó, hai nhà trở thành thù hận với nhau. Họ ra vô không ngó mặt nhau. Hận thù cứ mãi ngấm ngấm trong lòng mỗi người. Nó đốt cháy tàn phá ghê gớm!

Mỗi người ôm ấp một mối hận khổ mà không ai gỡ ra được. Ra vô không nhìn mặt nhau. Đó là thêm cái khổ oán ghét gặp nhau. Sống gần nhau làm sao tránh khỏi gặp nhau. Muốn hóa giải hận thù và tránh nỗi khổ đau đó, Phật dạy chỉ có một cách giải quyết là mỗi người trong cuộc nên chuyên hóa hạt giống sân hận, rộng lượng cởi mở tấm lòng, tìm hiểu rõ nguyên nhân xảy ra, rồi cùng nhau ngồi lại bàn giải, tìm cách giải quyết cho ổn thỏa êm đẹp. Ai gây ra lỗi trước thì thành thật xin lỗi. Và người kia cũng phải rộng lòng cởi mở tha thứ. Và mỗi người nên hiểu, thương yêu thông cảm nhau hơn.

Chỉ có thế, mới chấm dứt hận thù khổ đau mà thôi. Ngoài ra, không có một phép lạ nào khác. Chúng ta cột nhau lại, thì chính chúng ta cũng phải tự cởi ra. Không ai cột trói và mở ra cho mình được. Hơn ai hết, người Phật tử phải sống có trí huệ và tình thương. Đó là hai yếu tố xây dựng hạnh phúc cho nhau trong gia đình cũng như ngoài xã hội. Thiếu hai yếu tố này, đời sống của chúng ta thật là đau khổ.

Một khi lửa sân hận nổi lên, nhỏ thì đốt cháy cá nhân với cá nhân, lớn thì đoàn thể với đoàn thể, lớn nữa thì quốc gia với quốc gia. Hận thù không những xảy ra cho người đời không thôi, mà ngay cả trong lãnh vực tôn giáo vẫn xảy ra. Và xảy ra một cách rất thâm trầm trọng. Đó là chiến tranh tôn giáo mà lịch sử đã chứng minh. Một cuộc chiến tranh chỉ vì hận thù truyền kiếp mà gây ra cảnh tàn sát nhau khốc liệt. Cho đến nay, hận thù này vẫn còn âm ỉ cháy hoài và chưa biết đến bao giờ mới thực sự dập tắt hẳn.

Pháp cú trên, Phật dạy người Phật tử sống không nên gây thù oán. Sống không có thù oán là cuộc sống được an vui giải thoát. Đi đâu cũng không sợ ai hãm hại, vì mình không gây thù oán với ai. Lỡ gây ra làm phiền ai, bằng lời nói hay hành động, chúng ta lập tức xin lỗi hóa giải ngay. Không nên để trong lòng của mình và người có mầm mống phiền não không vui. Đó là ta khéo dùng trí huệ và tình thương để xóa bỏ hận thù.

Trong đời sống hằng ngày, ít nhiều gì ta cũng có gây ra cho người khó chịu. Ta chỉ cần khéo xử sự trong khi giao tiếp, thì mọi việc sẽ không gây ra tác hại. Đừng khinh thường việc ác nhỏ, chính nó sẽ gây ra lớn chuyện sau này. Nghe theo lời Phật dạy, ta cố gắng dẹp bớt lòng tự ái vị kỷ, để mở rộng tấm lòng bao dung, rộng lượng, thương người. Có hiểu, thương, mới có cảm thông nhau. Và như thế là ta đã gieo hạt giống hạnh phúc cho ta và người. Hãy tưới tắm hạt giống tình thương, hễ xả cho ta mỗi ngày mỗi thêm lớn. Có thế, thì ta mới thực sự có cuộc sống hạnh phúc. Rồi từ đó, ta mang hạnh phúc gieo rắc đến cho mọi người.

198. Sung sướng thay chúng ta sống không tật bệnh giữa những người tật bệnh. Giữa những người tật bệnh, ta sống không tật bệnh.

Happy indeed we live, unafflicted amidst the afflicted (by craving). Amidst afflicted men we dwell free from affliction.

Kệ Tụng

Sướng thay nếu được sống

Khỏe mạnh giữa ốm đau

Giữa những người tật bệnh

Ta sống không ốm đau.

Lược giảng

Bệnh là một thực trạng trong bốn nỗi thống khổ lớn của con người: Sanh, già, bệnh, chết, không ai thoát khỏi. Bệnh cũng là một nghiệp quả của con người. Có người từ khi sanh ra, cho đến khi nhắm mắt, không lúc nào được mạnh khỏe. Bệnh trầm kha cứ dây dưa mãi. Có người thì mắc phải chứng bệnh nan y. Đau nhức khổ sở trăm bề. Đi, đứng, nằm, ngồi không yên. Nói đến bệnh của con người thì có trăm ngàn thứ, kể sao cho xiết! Nhưng thứ nào ít nhiều gì cũng gây ra cho người ta khó chịu, đau khổ cả.

Người bệnh tật lúc nào họ cũng ôm ấp nhiều mặc cảm. Họ đâm ra chán đời, có đôi lúc họ không còn thiết tha gì đến sự sống. Sống thì không vui mà chết thì không được. Quả đúng là khổ khô. Thế nên, trong Pháp cú trên Phật nói: “*Sung sướng thay chúng ta sống không tật bệnh*”. Người có được một cơ thể cường tráng, thì đó quả thật là hạnh phúc. Nhờ có sức khỏe, họ cảm thấy rất yêu đời. Họ rất vui vẻ trong cuộc sống. Đi đâu, ở đâu, họ cũng cảm thấy tươi vui. Họ ăn uống thụ hưởng vật chất bình thường. Được thế, là nhờ đời trước giữ giới không sát sanh hại vật. Đồng thời, cộng thêm cái nhân đời nay khéo giữ gìn phương pháp vệ sinh ăn uống đúng cách, nên mới được như thế.

Ngược lại, đối với người yếu đuối, bệnh tật, sức yếu, đi đâu họ cũng nom nớp lo sợ. Ăn uống thì phải kiêng cử đủ thứ. Đối với món ngon vật lạ, họ cũng không thụ hưởng được chút nào. Bệnh tật, tuy là một nghiệp quả bất hạnh, nhưng nếu người khéo biết tu, thì không đến nỗi phải buồn khổ. Biết mình nghiệp chướng nặng hơn người, thì chúng ta nên cố gắng tu hành để chuyển nghiệp. Thay vì ngồi đó buồn

khổ khóc than, thì tại sao chúng ta không gắng công niệm Phật? Và tài bồi phước đức bố thí, phóng sanh nhiều hơn? Đôi lúc vì ý lại vào mạnh khỏe, mà người ta cứ mãi lo bay nhảy theo dục trần mà quên lo tu hành, thì đó là họa trong cái phước.

Ngược lại, người yếu đuối bệnh đau, nhưng nếu cố gắng lo tu niệm, thì họ tìm cái phước trong cái họa. Hiểu thế, thì chúng ta không có gì phải tự ty mặc cảm ôm ấp khổ sầu. Biết mình yếu đuối bệnh tật, nên cố gắng tu tạo phước đức cho nhiều. Bệnh hoạn là hình thức trả nghiệp. Như người vay nợ nhiều, thì phải trả sớm cho mau hết nợ. Trả hết nợ, thì không còn gì phải lo lắng, ưu tư phiền muộn nữa. Hiểu thế, thì chúng ta không có gì phải lo buồn.

Pháp cú trên, Phật muốn nhấn mạnh đến cái nghiệp báo do con người gây tạo. Ngày nay, ta được mạnh khỏe ít có bệnh đau, đó cũng do ta tạo nhiều nhân lành trong quá khứ. Như ta ít có sát sanh hại vật chẳng hạn. Chẳng những không sát sanh hại vật thôi, mà ta còn biết mãi vật phóng sanh nữa. Nhờ vào nghiệp nhân tạo phước đó, nên nay ta mới được cái quả báo tốt, ít bệnh đau. Biết thế, thì ta cố gắng tu tạo nghiệp nhân tốt nhiều hơn nữa. Chớ nếu ta ý vào sức khỏe mà không lo tu hành, thì đời sau ta sẽ phải khổ mà thôi. Đó là luật nhân quả như thế. Chúng ta cố gắng tạo nghiệp lành để tránh quả khổ đau về sau.

199. Sung sướng thay chúng ta sống không tham dục giữa những người tham dục! Giữa những người tham dục, ta sống không tham dục.

Happy indeed we live, free from avarice amidst the avaricious. Amidst avaricious men we dwell free from avarice.

Kệ Tụng

*Sống thay nếu được sống
Không tham, giữa tham ái
Giữa những người dục vọng
Ta sống không tham ái.*

Lược giảng

Tham dục là nguồn gốc của mọi khổ đau. Trong Kinh Bát Đại Nhon Giác, có một bài kinh nói về tham dục. Phật dạy: “*Tham muốn nhiều là khổ, bao sinh tử nhọc nhằn, đều từ tham dục mà ra. Nếu ai ít muốn, vô vi, thân tâm được tự tại*”. Con người đắm mê vật dục không bao giờ cùng. Suốt đời họ đắm chìm trong ngũ dục lạc.

Ai cũng ham muốn có tiền của nhiều, nhan sắc đẹp, ăn ngon, ngủ kỹ và mặc đẹp. Vì chìm sâu trong ngũ dục mà con người mãi trôi lăn chịu biết bao nỗi khổ đau trong đường sanh tử. Vì hề tham muốn ngũ dục cho được sung túc, thì ngày đêm phải khổ thân mệt trí, vất vả cực khổ trăm bề. Có người cũng vì lòng tham lam quá độ, nên họ gây tạo nhiều nghiệp ác. Dục vọng càng nhiều thì khổ não tự nhiên cũng nhiều. Tô Đông Pha nói: “*Lòng dục của con người không cùng, song vật có thể làm thỏa mãn lòng dục của ta lại có hạn*”. Làm sao đáp ứng đầy đủ túi tham của con người. Tham nhiều khổ nhiều!

Biết thế, nhưng con người không dừng được lòng tham. Các ngành học thuật, một mặt thì cải thiện đời sống con người, nhưng mặt khác lại làm tăng thêm lòng dục vọng của con người. Ngày nay, người ta chạy đua tranh giành nhau về vật chất để cung ứng cho những nhu cầu của đời sống. Có người làm lụng vất vả, đầu tắt mặt tối, không có thời giờ đọc báo. Thậm chí, họ không có thời gian để dùng một bữa

com chung đầm ấm với gia đình. Họ không biết gì đến vợ con. Họ say mê vui đầu theo công việc nghề nghiệp của họ.

Thử hỏi cuộc sống như vậy, thì còn gì là hạnh phúc? Cả đời, họ chỉ biết làm nô lệ cho vật chất không thôi. Đến khi lâm trọng bệnh, ngã ra chết, thì than ôi! Mọi sự vật họ đều để lại cho đời! Rốt lại, tay trắng cũng hoàn lại trắng tay. Bao nhiêu những mùi phú quý vinh hoa ở đời có khác chi là Nam Kha giấc mộng?!

Giác Nam Kha khéo bất bình

Bừng con mắt dậy thấy mình tay không.

Lúc còn sống, thì ham mê đủ thứ, sau khi chết rồi thì chẳng mang được gì theo.

Bởi thế, Pháp cú trên, Phật nói: “*Sung sống thay chúng ta sống không tham dục giữa những người tham dục; giữa những người tham dục, ta sống không tham dục*”. Sống không tham dục là nếp sống ít muốn biết đủ. Ở đời, còn có sự sống, tất nhiên phải còn giải quyết ba cái nhu cầu: ăn, mặc, ở và còn những nhu cầu khác cho sự sống. Tuy nhiên, người biết tu, họ chỉ muốn giải quyết những nhu cầu vừa đủ mà thôi.

Ở đây, Phật muốn so sánh giữa hạnh phúc và đau khổ. Người có hạnh phúc là người ít ham muốn, biết đủ. Họ không bon chen đua đòi. Họ sống thật đơn giản. Mọi nhu cầu vật chất tạm đủ nuôi thân. Miễn sao no cơm ấm áo là được rồi. Họ biết rằng, cõi đời chỉ là quán trọ dừng chân. Mà mọi người có mặt ở đây đều là những lữ khách phong trần. Thế thì ham mê đua đòi chi cho khổ thân mệt óc. Chỉ cần ăn mặc giản dị và vui sống. Sống càng đơn giản chừng nào, họ càng cảm thấy an nhàn hạnh phúc nhiều chừng nấy.

Đó là nếp sống của một con người đi tìm nguồn vui với đạo. Họ khéo biết di dưỡng tinh thần. Họ bằng lòng với cuộc sống hiện tại mà họ đã tìm thấy hạnh phúc. Họ không màng đến dư luận khen chê. Miễn sao tâm hồn của họ được an nhàn thanh thoát là đủ rồi. Mặc cho thế sự thăng trầm hay vinh nhục, họ không cần quan tâm đến. Họ chỉ muốn bình an trong nếp sống mà thôi.

200. Sung sướng thay chúng ta sống không bị điều gì chướng ngại, ta thường sống với những điều hỷ lạc như những vị trời Quang âm ²⁷.

Happy indeed we live, we who possess nothing. Feeders on joy we shall be, like the Radiant Gods.

Kệ tụng

Sướng thay nếu được sống

Thoát mọi nghiệp triền chướng

Ta sẽ được hỷ lạc

Như chư thiên Quang Âm

Lược giảng

Pháp cú này Phật nói khi Ngài ở ngôi làng Bà la môn Pancasàlà, có liên hệ đến Ma vương.

Phật quán sát căn cơ của năm trăm cô gái trong làng Pancasàlà, Phật có thể độ cho họ chứng quả Tu đà hoàn. Quán sát xong, Phật đi đến gần làng ấy. Khi đó, nhằm ngày lễ hội, các cô gái đều đi tắm. Xong rồi, họ trang sức trở về làng. Trong lúc đó, Phật vào làng khát thực bị Ma vương không chế dân làng, không một ai cúng dường.

²⁷ **Quang Âm Thiên:** Phạn ngữ: Abhassara. Pali: Abhassara. Một trong các tầng trời cõi Sắc, tức là tầng trời thứ ba của đệ nhị thiên, tầng trời này ở trên Vô Lượng Quang Thiên và ở dưới Thiểu Tịnh Thiên, chúng sanh cõi này không có âm thanh, do định tâm phát ra ánh sáng thay thế ngôn ngữ để truyền đạt ý nghĩa, nên gọi là Quang Âm Thiên.

Phật và Ma vương chạm mặt nhau. Ma vương muốn làm nhục Phật, bằng cách cho dân làng cười chế nhạo Phật. Khi đó, các cô gái về đến cổng làng gặp Phật, họ bèn đánh lễ và đứng qua một bên. Ma vương nói với đức Phật:

- Bạch Thế Tôn, Ngài không xin được chút thức ăn nào, chắc đói bụng lắm.

- Nay Ma vương, dù cho ngày hôm nay ta bị người quấy rầy, Ta vẫn an lạc như cõi trời Quang Âm. Rồi Phật nói Pháp cú này.

Trên bước đường hành hóa, Phật gặp không biết bao nhiêu chướng nạn. Nhưng chướng nạn nào, Phật cũng vượt qua. Người hành đạo, muốn được giải thoát, không phải mọi việc đều được suông sẻ. Nếu thế, thì làm sao đánh giá được sức nhẫn nhục? Và nếu mọi việc suông sẻ như ý muốn, thì càng tăng thêm lòng cống cao ngã mạn. Có gặp chướng ngại thử thách, mới biết được ý chí tu hành. Giá trị của người tu là ở chỗ đó. Nếu gặp chướng ngại gian nguy thử thách, mà vẫn an nhiên không chùn bước, thì biết rằng đạo lực của người đó khá cao. Ngược lại, mới gặp chướng nạn sơ sơ thôi, mà chúng ta lại run sợ đầu hàng và thối bước, thì biết đạo lực

của ta còn quá non kém. Có kiểm nghiệm như thế, thì ta mới cố gắng huân tu trau dồi đạo lực nhiều hơn nữa.

Dù xưa hay nay, trên bước đường hành đạo, không ai lại không bị Ma vương khuấy phá. Tùy sức vận dụng công phu tu hành cao thấp, mà hành giả sẽ bị khảo đảo nhiễu loạn nhiều hay ít. Thông thường, người tu không sợ nghịch cảnh lẫn, mà chỉ sợ thuận cảnh. Vì nghịch cảnh dù có khó khăn, nhưng cũng dễ biết để đương đầu đối phó. Còn thuận cảnh, thì thật khó đề phòng.

Phần nhiều, người ta chết vì tiếng khen hơn là tiếng chê. Cũng như các ông vua thường chết vì bề lũ nịnh thần ton hót, hơn là chết dưới tay trung thần can gián. Vì trung thần là họ dùng lời ngay thẳng để khuyên can. Bởi thế, mà hay làm mất lòng vua. Lời ngay thì trái tai, làm sao ông vua chịu nổi? Vì chịu không nổi lời ngay, nên dễ mất ngai vàng như trở bàn tay.

Ngược lại, lời ton hót nịnh bợ lúc nào cũng ngọt ngào như rót đường mật vào, nghe rất êm tai. Thử hỏi ai lại không khoái thích? Lời ngon tiếng ngọt đó là thuận cảnh. Còn lời can gián bàn ra, không thuận theo ý vua, đó là nghịch cảnh. Thuận ý mình thì vui, nghịch ý mình thì buồn. Người ta chết vì thích ý đắc chí, hơn là chết vì không đắc chí như ý. Như lái xe, người ta chết vì tai nạn đường trường hơn là chết ở những con đường gồ ghề khúc khuỷu quanh co. Vì càng khó khăn nguy hiểm, người ta càng có sự chú ý cẩn thận chuẩn bị nhiều hơn, nên ít khi xảy ra tai nạn chết chóc.

Phật đối đầu với Ma vương, vì Phật biết Ma vương hại Phật. Ma vương dùng phép thuật không chế dân làng không cho họ cúng dường đức Phật. Chẳng những thế, mà chúng còn muốn làm nhục Phật trước mặt dân làng. Thật là nham hiểm độc ác. Ma vương thường khuấy phá người tu là như thế.

Câu chuyện lược dẫn trên, cho chúng ta một bài học đáng nhớ. Đã là Phật, bậc thiên nhơn chi Đạo Sư, mà Ngài còn bị hết nạn này đến nạn khác. Còn chúng ta thì sao? Tu hành tới đâu mà không muốn gặp chướng nạn? Cho nên, mỗi khi gặp chướng nạn, ta liền nhớ đến Phật. Khi nhớ đến Phật và hết lòng niệm Phật, thì nạn nào cũng phải qua hết. Hết lòng nhớ đến Phật là tâm ta an định. Tâm an định, thì nạn nào chẳng qua.

Chỉ có điều khi gặp nạn mà ta không chí thành tha thiết niệm Phật đó thôi. Vì Phật có bao giờ thua Ma vương đâu. Dù Ma vương có hại Phật đến cỡ nào, cuối cùng rồi bọn chúng cũng phải đầu hàng khuất phục. Nhưng chúng ta hay bị cái bệnh, lúc gặp nạn, thì nhớ đến Phật, khi nạn chướng qua rồi, thì Phật cũng qua luôn. Lúc gặp yên xuôi, thì không còn thiết tha nhớ đến Phật nữa. Bởi thế, nên sự tu hành của chúng ta, khi thăng, khi trầm, khi trôi, khi sụt mãi là vậy.

Pháp cú trên là một chứng minh cụ thể. Phật nói: “*Dù gặp chướng ngại, nhưng đối với Phật không có gì là chướng ngại. Khác nào như Phật ở cõi trời Quang Âm*”. Nghĩa là, ý nói không có gì khuấy nhiễu làm rối loạn được Phật. Tâm Phật lúc nào cũng an lạc, vì Phật đã sạch hết vô minh phiền não rồi.

Ngược lại, chúng ta thì sao? Chúng ta, vì còn vô minh phiền não vọng động, nên khó được an lạc. Chỉ cần gặp một chướng ngại nhỏ thôi, là tâm ta lộn xộn bất an rồi. Bao nhiêu câu nhiệm: tham, sân, si... liền hiện khởi. Vì thế, trên đường tu, chúng ta cần phải hết lòng cố gắng trau dồi đạo lực nhiều hơn nữa, vì biết chắc rằng đời tu của chúng ta sẽ gặp nhiều chướng nạn.

Tuy nhiên, chúng ta nên nhớ rằng, có chướng nạn thử thách mới trui luyện tâm ta được già dặn thêm. Và có như thế, thì

sự tu hành của chúng ta mới mau thành tựu sở nguyện. Bằng không, thì rất khó thành công.

Đẹp chướng ngại hành trình luôn cất bước

Trái rộng lòng muôn chón khắp nhơn gian

Nụ cười tươi trong ánh mắt chứa chan

Nguồn thơ đỏ thên thang ngàn sao sáng.

Phải có tâm niệm như thế, thì khi gặp chướng ngại ta mới không thối chí nản lòng. Chúng ta cương quyết khắc phục vượt qua mọi khó khăn. Những khó khăn đó, có thể đến bất cứ từ đâu. Nếu mỗi ngày, chúng ta cố gắng dùng trí huệ thực tập đi sâu vào thiền quán, phải hằng quán chiếu thấy rõ năm uẩn là giả dối không thật, thì chắc chắn mọi chướng nạn thử thách nào cũng sẽ vượt qua. Bằng không, thì chúng ta vẫn còn đi trong đau khổ dài dài và không biết đến bao giờ mới thực sự được giải thoát.

201. Thắng lợi thì bị thù oán, thất bại thì bị đau khổ; chẳng màng tới thắng bại, sẽ sống hòa hiếu an vui.

Victory begets enmity; the defeated dwell in pain. Happily the peaceful live, discarding both victory and defeat.

Kệ tụng

Thắng lợi sinh thù oán

Thất bại chịu khổ đau

Bỏ sau mọi thắng bại

Sống an bình, tịnh lạc.

Lược giảng

Pháp cú này Phật dạy tại tinh xá Kỳ Viên, có liên quan đến câu chuyện vua Ba Tư Nặc nước Kosala.

“Chuyện kể rằng, vua Ba Tư Nặc đánh nhau với A Xà Thế, gần làng Kàsika và ba lần bại trận. Trở về sau lần thất bại thứ ba, nhà vua nghĩ thầm: “Nếu không thắng được tên miệng còn hôi sữa ấy, ta sống làm gì”? Nhà vua bỏ ăn nằm dài trên long sàng. Tin tức bay đi khắp thành và tinh xá.

Các Tỳ kheo thuật lại chuyện cho đức Thế Tôn nghe:

- Bạch Thế Tôn, nhà vua sau ba lần chiến bại ở gần làng Kàsika, đã trở về bỏ ăn, nằm đã dượt trên giường, nói: “Nếu ta không thắng được tên vua trẻ tuổi kia, ta sống làm gì”?

Sau khi nghe kể, Phật dạy:

- “*Này các Tỳ kheo, kẻ thắng bị oán ghét, người thua phải buồn rầu*”. Nhân đó, Phật dạy Pháp cú này. (Trích nguyên văn tích truyện Pháp Cú Tập II, Viên Chiếu, tr 380)

Thắng bại là chuyện thường tình ở thế gian. Trường đời là một trường tranh đấu. Đã có tranh đấu, tất nhiên phải có kẻ thắng người bại. Kẻ thắng thì lên mặt hồng hách kiêu căng. Người thua, thì ôm hận đau sâu nuốt tủi. Lòng tự ái của con người không bao giờ chịu khuất phục ai.

Qua tích truyện dẫn chứng trên, ta thấy vua Ba Tư Nặc rất đau khổ vì thất trận liên tiếp ba lần. Lòng tự ái, tự cao, tự đại, không cho phép nhà vua phải chịu thua cuộc. Do đó, mà nhà vua mất ăn bỏ ngủ.

Chuyện đến tai đức Phật, đức Phật bảo: “*Kẻ thắng thì bị oán ghét, người thua thì phải buồn rầu*”. Thắng hay thua, cả hai đều đau khổ. Theo Phật, con người muốn cho thân tâm được an ổn, thì phải vượt lên trên ý niệm thắng và thua này. Vì thắng hay thua, mọi khổ đau đều bắt nguồn từ bản

ngã mà ra. Thế nên, Phật nói: “*Chẳng màng tới thắng bại, sẽ sống một đời hòa hiếu an vui*”.

Thái độ vượt lên thắng bại, đó là thái độ của người khéo biết sống. Mình hơn người ở một phương diện nào đó, chắc chắn là mình không sao tránh khỏi bị người ta oán ghét, nói xấu. Ngược lại, nếu mình thua người ở một phương diện nào đó, tất cũng cảm thấy khó chịu. Tâm lý con người, muốn hơn chứ không ai muốn thua. Dù biết rằng, mình là kẻ kém tài, thiếu đức, nhưng thấy ai hơn mình, được mọi người trọng vọng, nể nang, thì lòng mình trào lên bao nỗi căm tức, ghét ganh người đó. Không mấy ai, có tâm tùy hỷ đối với những người hơn mình. Đó là một tật tánh xấu của con người. Gốc của nó từ bản ngã mà ra. Cho nên, muốn được hạnh phúc, ta phải cố gắng tập sống theo lời Phật dạy: “*Phải vượt lên trên ý niệm thắng và bại*”. Vì cả hai đều nằm trong phạm trù đối đãi. Còn thấy có hai, tất nhiên, ta còn so sánh hơn thua, và cứ như thế, thì ta còn bị đau khổ dài dài...

Câu nói: “*Thắng làm vua thua làm giặc*”. Đây là một câu nói ngầm chứa sự ác độc và đau khổ rất nhiều. Tâm niệm còn tranh chấp rất nặng. Được làm vua chắc gì an ổn sung sướng. Thắng và thua chỉ là một hiện tượng của tâm thức. Thật ra, với cái nhìn bằng tuệ giác của đạo Phật, thì trong cái thắng nó ngầm chứa cái thua trong đó rồi. Ngược lại cũng thế.

Kẻ thắng thì thường bị kẻ thua tìm cách trả thù. Như vậy, trong ý niệm thắng bên cạnh đó có ý niệm bị trả thù. Chính vì điềm này, nên Phật nói: “*Kẻ thắng bị oán ghét*”. Trong khi mình nói thắng, là ngay đó đã có cái ghét hay thù đến với mình rồi. Sống trong cõi đời tương đối, hẳn có cái này, liền có cái kia xuất hiện. Chỉ có khi nào, lòng ta được an ổn

vượt ngoài những ý niệm tranh chấp hơn thua đó, thì đời ta mới thực sự được an ổn hạnh phúc.

Trở lại câu chuyện trên, ta thấy, mặc dù vua A Xà Thế thắng trận, nhưng chắc gì ông ta an ổn. Lúc nào ông ta cũng nơm nớp lo sợ phòng thủ kẻ địch trả thù. Thế thì, lòng ông cũng bất an. Đó là chưa nói, kẻ đắc thắng kiêu căng, sanh ra nhiều tệ hại khác. Vì tham, sân, si, chúng luôn luôn đột xuất phá hại làm tan nát đời ta. Phật nói, chỉ có kẻ nào hay nhất là phải thắng cho được cái dục vọng trong lòng mình. Chính cái thắng đó, mới thực sự an vui hạnh phúc. Và mới khỏe khoắn năm duỗi đôi chân ngủ.

202. Không lửa nào bằng lửa tham dục, không ác nào bằng ác sân hận. Không khổ nào bằng khổ Ngũ uẩn và không vui nào bằng vui Niết-bàn.

There is no fire like lust and no crime like hatred. There is no ill like the aggregates (of existence) and no bliss higher than the peace (of Nibbana).

Kệ tụng

Lửa nào sánh lửa tham

Ác nào bằng ác hận

Khổ nào sánh khổ thân

Lạc nào bằng tịnh lạc.

Lược giảng

Pháp cú này Phật dạy tại tinh xá Kỳ Viên, có liên quan đến câu chuyện một cô gái dòng quý tộc.

“Chuyện kể rằng, vào ngày hôn lễ của con gái, cha mẹ cô mời đức Thế Tôn đến nhà cúng dường. Đức Phật cùng chúng Tỳ Kheo đến nhà cô thọ trai, cô dâu lẳng xăng tới lui

để tiếp đãi chúng Tăng. Khi đó, chú rể đứng nhìn cô chăm chăm và lòng khởi lên tham dục. Chú không thấy đức phật, cả đến tám mươi vị Trưởng lão. Chỉ nghĩ đến một điều duy nhất: “Ta muốn ôm choàng lấy nàng”.

Đức Phật biết được ý nghĩ của chàng, và Ngài làm cho chú rể không thấy cô dâu nữa, mà quay sang chiêm ngưỡng Thế tôn. Khi chàng trai đứng đấy, nhìn Phật chăm chăm, Ngài nói với chàng trai:

- “*Này con, không lửa nào bằng lửa tham dục, không ác nào bằng lòng sân hận, không khổ nào bằng khổ uẩn, không vui nào bằng vui Niết bàn*”. (Trích nguyên văn tích truyện Pháp Cú Tập II, Viên Chiếu, tr 381).

Để hiểu rõ Pháp cú trên, chúng ta tạm chia thành 4 câu:

1. Không lửa nào bằng lửa tham dục: Lửa vật lý, chỉ đốt cháy được vật thể bên ngoài. Nhưng dù có cháy đến đâu, người ta cũng còn có thể chạy chữa, dập tắt được. Còn lửa tham dục trong lòng người làm sao có thể chạy chữa dập tắt được đây? Ngọn lửa dục vọng, chẳng những nó đốt cháy trong lòng ta thôi, mà nó còn đốt cháy âm ỉ cả thế gian này. Nó đốt cháy mình và người luôn luôn đau khổ.

Trong Kinh Tứ Thập Nhị Chương, bài Kinh 25, Phật dạy: “*Người ôm lòng ái dục, khác nào như kẻ cầm đuốc đi ngược gió, tất không tránh khỏi cái nạn cháy tay*”. Có người, vì không dẫn được lòng đam mê sắc đẹp, nên lân la vào nơi trà đình tửu điếm, để giải quyết cho thỏa mãn dục vọng. Cuối cùng, vướng bệnh nan y, ôm hận suốt cả cuộc đời, hại mình, báo người, thật là đau khổ. Có người vì không nén được lòng tham lam nổi lên, nên ra tay cướp của, giết người giữa ban ngày. Hậu quả, phải ngồi tù chịu khổ suốt đời. Bởi thế, sách Nho có câu nói:

Nhơn tham tài tắc tử

Điều tham thực tắc vong.

Nghĩa là:

Con người vì tham lam mà phải chết.

Chim vì tham ăn mà phải bị mất mạng.

Kinh nói: “*Ái dục do tư tưởng sanh, nếu tư tưởng không sanh thì ái dục không có*”. Muôn dập tắt ngọn lửa tham dục trong lòng, không phải là chuyện dễ dàng. Chúng ta cần phải gia công quán chiếu cho thật sâu sắc, để nhận diện rõ bộ mặt thật của nó, rồi gấp lo diệt trừ. Có thể, thì mới mong một ngày nào đó tâm ta mới được an bình.

2. Không ác nào bằng ác sân si: Chúng ta vì si mê, không nhận rõ chân lý, chạy theo những giả tướng hư vọng của cuộc đời. Vạn vật ở trên đời không thật có, nhưng vì mê lầm ta cho là thật có. Từ mê lầm đó, ta mới khởi lòng tham muốn cướp đoạt của người. Vì không thỏa mãn được lòng tham, nên lửa sân hận nổi lên. Và từ đó, gây ra biết bao nhiêu nghiệp ác. Nhơn loại ngày nay, cũng bị ba thứ “độc tố” này mà gây ra đại loạn thế gian.

3. Không khổ nào bằng khổ ngũ ấm: Ngũ ấm là sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Sắc thuộc về phần vật chất. Bốn thứ còn lại thuộc về tinh thần. Nói gọn dễ hiểu là vật chất và tinh thần. Thử hỏi trong đời có ai không khổ về vật chất và tinh thần hay không? Về vật chất, nói gần là xác thân này. Đã có cái thân này, khổ bao nhiêu thứ? Nào là: sanh, già, bệnh, chết, rồi thêm bốn nỗi khổ nữa: Oán ghét gặp nhau khổ; thương yêu nhau chia lìa khổ; mong cầu thứ gì không được vừa ý cũng khổ; năm ấm cường thịnh cũng khổ. Nói khổ năm ấm, tức thân bất an, tâm thì thoái hóa loạn động không dừng. Tóm lại, thân và tâm không lúc nào an ổn, nên nói là khổ về năm ấm.

4. Không vui nào bằng vui Niết bàn: Niết bàn là trạng thái tâm lý được an lạc hạnh phúc. Trong tâm ta không khởi lên những thứ phiền não. Nói gọn, mọi dục vọng vô minh phiền não không còn. Như thế, thì còn niềm vui nào hơn. Đây mới thực sự là cái vui nhẹ nhàng an thoát.

203. Đói là chứng bệnh lớn. Vô thường là nỗi khổ lớn; biết được đúng như thế, đạt đến Niết-bàn vui tối thượng.

Hunger is the worse disease, conditioned things the worst suffering. Knowing this as it really is, the wise realize Nibbana, the highest bliss.

Kệ Tụng

Đói khát, bệnh tối thượng

Các hành, khổ tối thượng

Hiếu chơn thực như vậy

Niết bàn, lạc tối thượng.

Lược giảng

Pháp cú này Phật dạy tại Ālavi, có liên quan đến một nam cư sĩ.

Một hôm, đức Phật quan sát căn cơ chúng sanh, Ngài thấy có một nông dân nghèo ở làng Ālavi, có thể độ cho anh này chúng quả Tu đà hoàn. Sau đó, từ hương thất, Ngài cùng với năm trăm Tỳ kheo đến làng đó để khất thực. Khi Phật và chúng Tăng đến, dân làng rất mừng rỡ. Họ dâng cúng thức ăn cho Phật và chúng Tăng. Trong khi đó, người nông dân này, vì mất bò, nên sáng sớm ông ta chạy vào rừng kiếm bò. Sau khi kiếm được bò, trời đã trưa, nhưng ông quyết để bụng đói đến nghe Phật thuyết pháp. Phật chờ ông đến mới nói pháp. Phật biết ông ta chưa ăn gì cả, nên Phật bảo các thầy Tỳ kheo lấy thức ăn còn dư của tín thí cúng để

cho ông ta dùng. Ăn xong, Phật thuyết bài pháp Tứ Diệu Đế. Nghe xong, ông liền chứng quả Dự Lưu.

Trên đường trở về tinh xá, các Tỳ kheo thắc mắc thì thầm với nhau về việc Phật bảo mang thức ăn cho ông nông dân đó. Phật biết, liền nói cho các Tỳ kheo đó biết. Sở dĩ như thế, Phật chỉ vì muốn độ ông ta, nên phải trải qua ba mươi dặm đường. Phật nói, khi một người đang đói, dù có nói pháp hay đến đâu, người ta cũng không bao giờ để tâm nghe đến. Chỉ có khi nào no bụng, thì người ta mới chăm chú lắng nghe và lãnh hội được mà thôi. Nhân đó, Phật dạy Pháp cú này.

Qua chuyện lược dẫn trên, ta thấy lòng từ bi của Phật thật quá tràn trề. Chỉ vì muốn độ một người để họ được đắc quả Dự lưu, mà Phật phải đi bộ trải qua ba mươi dặm đường. Ba mươi dặm đường đâu phải là gần. Thế mà, Phật vẫn bắt chấp mệt nhọc khó khăn. Quyết lòng độ cho được ông nông dân đó.

Một điểm nữa, ta thấy, Phật vô cùng tâm lý. Mặc dù đây là lần đầu tiên Phật phá lệ, Phật bảo rằng, muốn cho người ta lãnh hội được những gì mình nói, thì phải cho người ta ăn no bụng trước đã. Sau đó, mình nói họ mới yên dạ để lắng nghe. Nếu bụng đang đói cào lên, thì làm sao người ta có thể ngồi yên để nghe mình nói. Dù cho bài pháp thoại mình nói có hay đến đâu, người ta cũng không bao giờ quan tâm thu thập được. Người ta thường nói: “*Có thực mới vực được đạo*”.

Thật đây là một tâm lý rất thực tế mà ta cần phải lưu tâm học hỏi. Các thầy Tỳ kheo này, vì không hiểu được thâm ý của Phật, nên mới bàn tán xì xào nhỏ to với nhau. Các Ngài cho Phật làm một việc mà xưa nay chưa từng xảy ra. Phật không phủ nhận điều đó. Nhưng vì muốn độ cho một người thoát khổ, mà Phật phải làm như thế.

Điều này cho ta thêm một bài học, khi ra hoẵng hóa độ sanh, ta cần nên linh động, uyển chuyển, không nên quá cố chấp. Miễn sao đạt được mục đích lợi người là được.

Ngày nay, nhơn loại còn gánh chịu biết bao nỗi khổ vì nghèo đói. Những người có phước thì được no cơm ấm áo. Còn những người vô phước, thì phải sống trong cảnh đói khát lầm than. Người thì quá dư dả thừa thãi, kẻ thì quá thiếu thốn chết khô. Thế giới loài người vẫn còn cách biệt vật chất rất xa. Người ta khi khổ về vật chất, nó tác động ảnh hưởng đến tinh thần rất lớn. Có người khổ quá, khi hết sức chịu đựng, thì họ sẽ đâm ra nổi loạn, quậy phá lung tung.

Xã hội biết đến bao giờ mới được bình đẳng san sẻ vật chất cho nhau. Làm sao phá được ranh giới giai cấp giữa nghèo và giàu. Nếu luận theo nhân quả nghiệp báo, thì nghèo giàu, khổ vui, đều do con người tạo lấy. Đành là vậy, nhưng tình đồng loại, nghĩa đồng bào, chúng ta cũng phải yêu thương và san sẻ cho nhau. Đó cũng là thể hiện lòng vị tha nhân ái theo tâm hạnh của Bồ tát.

Có những người giàu lòng nhân ái, họ tình nguyện làm những việc từ thiện, mang tình thương đến an ủi cho những người bất hạnh. Họ vào làm việc ở những trại cùi hay những trại cô nhi khuyết tật v.v... Họ làm việc với tất cả tấm lòng yêu thương. Họ bất chấp nguy hiểm có thể gây tác hại cho họ. Quả họ là những Bồ tát đi vào cuộc đời, để xoa dịu nỗi khổ niềm đau cho mọi người. Đây là những tấm lòng vàng, mà xã hội loài người thật khó kiếm. Họ có niềm vui và họ cũng muốn san sẻ niềm vui đến cho mọi người. Xã hội rất biết ơn họ.

Tóm lại, Pháp cú trên Phật chỉ cho chúng ta thấy: nghèo đói là chứng bệnh lớn, mà nhơn loại xưa nay đều vướng phải. Ngoài khổ về nghèo đói ra, vô thường cũng là nỗi khổ lớn.

Vì vô thường là hoại diệt, là bất an, là luôn luôn sanh diệt. Biết được bản chất của chúng rồi, người tu cần phải tìm phương trị liệu. Trị liệu bằng cách nhìn thẳng vào sự thật, và tìm nguyên nhân gây ra khổ đau, để từ đó tìm phương pháp diệt trừ. Có thể, thì mới đạt được Niết bàn an lạc.

204. Không bệnh là điều rất lợi, biết đủ là kẻ rất giàu, thành tín là nơi chí thân, Niết-bàn là vui tối thượng.

Health is the precious gain and contentment the greatest wealth. A trustworthy person is the best kinsman, Nibbana the highest bliss.

Kệ Tụng

Vô bệnh, lạc tối thượng

Biết đủ, tiền tối thượng

Thành tín, bạn tối thượng

Niết bàn, lạc tối thượng.

Lược giảng

Pháp cú này Phật dạy tại tinh xá Kỳ Viên, có liên quan đến vua Ba Tư Nặc.

Vua Ba Tư Nặc có thói quen ăn uống không điều độ, chùng mực. Có khi ông ăn no quá, tâm thần đâm ra ngầy ngật mệt mỏi, ngồi đâu muốn ngủ đó. Mỗi khi đến thăm Phật, ông tỏ ra mệt mỏi và muốn tìm chỗ ngủ nghỉ. Tuy thế, nhưng ông cũng ráng gắng gượng ngồi bên Phật. Thấy thế, Phật khuyên ông nên ăn uống có điều độ lại, thì tinh thần minh mẫn và thân thể ít bị môi mệt uể oải và sanh bệnh. Phật khuyên dạy ông nhiều bài kệ, nhưng vì buồn ngủ ông không nhớ hết câu kệ. Tuy vậy, ông bảo quân hầu, sau này khi đầu bếp nấu thức ăn cho ông, bảo họ nên giảm bớt đồ ăn lại. Từ

đó về sau, nhờ ăn ít lại, nên thân thể nhà vua giảm cân và rất khỏe.

Nhân đó Phật dạy: “*Sức khỏe là hạnh phúc lớn nhất mà mọi người mong muốn. Bằng lòng với những gì hiện có là giàu có nhất. Trung tín là điều tốt nhất khi giao hảo. Nhưng không có hạnh phúc nào có thể so sánh với Niết bàn*”.

Ăn uống là một trong những nhu cầu thiết yếu nhất cho sự sống. Nhưng có người lại ham ăn uống quá độ. Họ coi trọng sự ăn uống. Khi ăn họ đòi hỏi đủ thứ món ngon vật lạ. Họ cho rằng ăn uống là một trong “*tứ khoái*”. Đê thức nhắc những người quá coi trọng miếng ăn, nên người xưa có câu nói:

Miếng ăn là miếng tòi tàn

Mắt ăn một miếng lợn gan lên đầu.

Câu chuyện lược dẫn trên, ta thấy vua Ba Tư Nặc là người rất thích ăn uống. Vì không biết tiết chế sự ăn uống, nên ông bị chứng bệnh mập phì. Do đó, thân thể của ông khi đi chuyên đi, đứng, ngồi, nằm rất nặng nề chậm chạp. Tệ hơn nữa, là mỗi lần ông đến nghe Phật thuyết giảng, thì ông lại hay mệt mỏi buồn ngủ. Tức ông bị chứng bệnh hôn trầm ngủ gà ngủ gật. Đó là một tật bệnh mà đa số chúng ta thường mắc phải.

Nhơn loại ngày nay, bị nhiều chứng bệnh nan y, có thể nói, phần lớn cũng do ăn uống trái phép, không kiêng cử mà ra. Có những thức ăn hợp với cơ thể, nhưng cũng có những thức ăn không hợp với cơ thể. Đối với những người háu ăn uống, gặp những thức ăn nào khoái khẩu, thì họ ăn uống thả cửa vô độ. Ăn cho no phình bụng mới thôi. Ăn uống không điều độ như thế, thử hỏi làm sao không sanh bệnh?

Đến khám bệnh, các bác sĩ thường khuyên bệnh nhân nên giảm ăn để cho xuống cân. Khi xuống cân, thì mọi bệnh tật trong người cũng hạ thấp theo. Như các chứng bệnh thông thường mà đa số người ta hay mắc phải: áp huyết cao, cao mỡ trong máu, tiểu đường v.v... Ăn uống tiết chế, đúng pháp, hợp vệ sinh, là một trong những phương cách bảo vệ sức khỏe hữu hiệu nhất.

Đức Phật khuyên vua Ba Tư Nặc cần phải giữ tiết chế khi ăn uống, đó là điều rất tốt để bảo vệ sức khỏe. Bản thân đức Phật, Ngài đã thực hiện và thường khuyên đệ tử nên ăn uống có điều độ. Mỗi ngày, Phật và các chúng Tăng, chỉ ăn một bữa vào buổi trưa. Ngoài ra, các Ngài không ăn gì thêm cả. Điều này, được xem như là một quy luật bắt buộc ở thời Phật. Ăn như thế, mà sức khỏe của các Ngài vẫn bình thường và rất tốt.

Thế nên, Pháp cú trên, Phật dạy: “*Vô bệnh là điều rất lợi, biết đủ là kẻ rất giàu*”. Tại sao biết đủ lại rất giàu? Biết đủ là người sống hài hòa, không có tâm đua đòi mong cầu. Họ hạn chế bớt lòng tham dục. Họ giữ mức sống bình thường vừa đủ. Vì vậy, nên lòng họ lúc nào cũng cảm thấy an vui hạnh phúc. Ngược lại, người không biết đủ, thì họ không bao giờ có hạnh phúc.

Xưa kia, thời Phật, có một vị Bồ tát cư sĩ tên là Thuận Thiên. Một hôm, ông lượm được một cái chuông vàng. Cái chuông này có giá trị rất lớn. Ông bảo là ông sẽ tặng cho một người nào nghèo nhất trong nước. Ông hỏi mọi người biết ai là người nghèo nhất trong nước không? Không ai tìm ra được. Ông nói: chỉ có vua Ba Tư Nặc là người nghèo nhất trong nước.

Mọi người nghe nói thế, ai nấy đều rất ngạc nhiên và hỏi Bồ tát Thuận Thiên: tại sao vua Ba Tư Nặc lại là người nghèo nhất xứ? Bồ tát trả lời: Vì ông ta có bao giờ biết đủ đâu?!

Ông là người có nhiều tham vọng mong cầu rất lớn. Ông không bao giờ hài lòng với những gì đang có. Như vậy, không phải ông là kẻ nghèo nhất xứ sao? Chỉ có người biết đủ và vui sống bằng lòng với những gì đang có, người như thế, mới thật là kẻ giàu nhất xứ.

Tiếp theo Phật nói: “*Thành tín là nơi chí thân, Niết bàn là vui tối thượng*”. Khổng Tử nói: “chí thành thông thánh”. Trong đạo hay ngoài đời, đức tánh chí thành hết sức quan trọng. Nhất là người tu, lúc nào cũng phải chí thành ở nơi chính mình. Chí thành là phải thành thật với chính mình. Mà thành thật với chính mình là phải thật tâm nhìn kỹ lại mình. Có nhìn kỹ lại mình mới thấy được lỗi lầm của mình để sửa đổi, chuyển hóa. Bằng không, thì trên đường tu khó được giác ngộ giải thoát.

Niết bàn là vui tối thượng, điều này, không ai có thể phủ nhận được. Niết bàn là tên khác của chân hạnh phúc vậy.

205. Ai từng nếm mùi độc cư, ai từng nếm mùi tịch tịnh, người ấy còn ưa nếm mùi pháp vị để xa lìa mọi tội ác, sợ hãi.

Having savoured the taste of solitude and peace (of Nibbana), pain-free and stainless he becomes, drinking deep the taste of the bliss of Truth.

Kệ Tụng

Ai nếm vị độc cư²⁸

Ai hưởng mùi nhàn tịnh

Không còn ác khổ đau

Nhờ mến ưa pháp vị.

Lược giảng

Pháp cú này Phật dạy, khi Phật đang ngụ tại Vệ xá lý (Vesali), có liên quan đến một thầy Tỳ kheo.

Khi nghe Phật tuyên bố, bốn tháng nữa Phật sẽ vào Niết bàn, các thầy Tỳ kheo ai nấy đều buồn lo. Chỉ trừ những vị A la hán, dứt hết phiền não, chứng nghiệm rõ lý vô thường, nên các Ngài không có bi ai. Còn lại, những vị khác đều ngậm ngùi bi lụy khóc than. Khi đó, thầy Tỳ kheo Tissa đi tìm chỗ thanh vắng ở một mình, không tiếp xúc với bất cứ ai. Thầy quyết tâm thiền quán để chứng quả A la hán khi Phật còn tại thế. Thấy vậy, các Tỳ kheo khác đến hỏi duyên do, thầy Tissa không nói, chỉ âm thầm lo chuyên tu đoạn trừ phiền não.

Những vị này đến bạch trình với đức Phật, Phật gọi thầy Tissa đến hỏi duyên cớ. Bây giờ, thầy Tissa mới trình bày rõ ý nguyện của mình cho Phật nghe. Phật liền khen ngợi và nhân đó Phật nói Pháp cú này.

²⁸ **Độc cư:** ở một mình. Tìm chỗ thanh vắng và chỉ sống một mình để tu hành.

Khi hay tin Phật sắp vào Niết bàn, các Tỳ kheo chưa chứng Thánh quả, ai nấy đều đau buồn rơi lệ khóc than. Vì không ngăn được mối tình cảm thiêng liêng sâu đậm trong tình nghĩa Thầy trò trải qua bao nhiêu năm dài tháng rộng chung sống với nhau. Đó là một tâm lý tình cảm rất thường tình của một con người. Nhất là đối với đức Phật là một bậc Thầy gương mẫu cao thượng; một thâm ân quá lớn lao. Thử hỏi làm sao các Ngài có thể ngăn được đôi dòng lệ thấm?

Thế nhưng, trong lúc mọi người than khóc buồn lo, thì thầy Tissa lại vượt hơn cái thường tình của một người đệ tử. Thay vì khóc lóc than thở bi ai, thì thầy lại đi tìm chỗ thanh vắng để quyết chí ân tu. Thầy quyết lòng đạt cho kỳ được Thánh quả A la hán, trước khi Phật vào Niết bàn. Sau khi biết rõ duyên do, Phật khen ngợi thầy hết lời.

Việc làm của thầy Tissa, mới nhìn qua, ta thấy thầy như không nghĩ gì đến thâm ân sâu dày của Phật dạy dỗ. Trước cảnh sắp chia ly tình nghĩa Thầy trò, thầy không tỏ ra một chút bi ai xúc động. Đã vậy, thầy còn đi tìm chỗ ở riêng một mình lánh xa Thầy bạn. Nhưng khi Phật khen ngợi việc làm của thầy, thì các nghi ngờ của các thầy Tỳ kheo khác không còn nghĩ quấy cho thầy Tissa nữa.

Thiết nghĩ, đây là một bài học thật đáng giá cho chúng ta noi gương. Báo ân Thầy Tổ, không phải chỉ có khóc than bi lụy mới gọi là báo ân thương Thầy. Là người đệ tử thực sự thương và muốn báo đáp thâm ân dạy dỗ của Thầy, tất nhiên ta phải làm tròn bổn phận của một người đệ tử, là phải hết lòng tu học cho có kết quả như ý Thầy mong muốn. Được như thế, thì người đệ tử đó mới thực sự là tri ân và báo ân Thầy. Và Thầy cũng rất vui mừng khi biết được người đệ tử của mình có chí hướng quyết tâm tu hành như thế.

Thầy Tissa đã biểu lộ một hành động vượt hơn thường tình rất xa. Biết đạo lực của mình còn yếu kém, nên thầy quyết chí nỗ lực tu hành đạt cho được kết quả, để đáp lại cái thâm ân mà bấy lâu nay vị Thầy của mình đã dày công giáo huấn. Phải đạt cho kỳ được trước khi Thầy nhập diệt. Có thể, thì Thầy mình mới vui và mình cũng không cảm thấy hổ thẹn với Thầy. Trong tâm tưởng của thầy Tissa, thầy nghĩ phải thực hiện cho kỳ được như thế. Và thầy đã quyết tâm thực hiện.

Trong khi đó, thì những vị khác lại tỏ ra bi lụy khóc than. Thử hỏi khóc than như thế, có lợi ích gì cho mình và cho Thầy mình không? Hơn nữa, mình là người đang đi trên con đường giác ngộ giải thoát, phải tỏ ra cho mọi người biết về lý vô thường mà mình đã được thụ huấn từ một bậc Thầy vĩ đại đã hết lòng truyền đạt cho mình. Có thể, thì Thầy mình mới cảm thấy thật không uổng công dạy dỗ. Người xuất gia phải thể hiện cho kỳ được cái tinh thần vô úy đó. Vì mình là người có trách nhiệm hướng dẫn tín đồ Phật tử tu học. Nếu mình không vượt qua nổi cái thường tình bi lụy đó, thì mình đâu có gì hơn họ. Bởi thế, mà đức Phật khen ngợi thầy Tissa trước mặt các Tỳ kheo khác.

Chúng ta dù xuất gia hay tại gia, mỗi khi Thầy Tổ viên tịch, chúng ta quyết không bi lụy khóc than theo thói tình. Chỉ một lòng vâng theo lời Thầy dạy mà hết lòng gắng công tu học. Phải tu học cho có kết quả như ý Thầy mong muốn. Có thể, thì ta mới thực sự báo đáp lại phần nào thâm ân của Thầy đã dày công dạy dỗ cho mình.

Pháp cú trên, Phật cho chúng ta thấy lối sống độc cư là một lối sống trầm lặng xa lánh ồn náo. Đây là nếp sống mà bản thân Phật đã từng trải qua. Ngày xưa, trước thời Phật cũng như trong thời Phật, nếp sống độc cư trong núi rừng của các thầy Bà la môn đã có rồi. Vì vậy, sau khi xuất gia, Phật đi vào rừng sâu để hỏi đạo với các vị này. Có ở chỗ vắng vẻ, hành giả mới dễ dàng kiểm soát nhận diện vọng niệm. Đồng thời, cũng dễ tiến thân trau dồi đạo hạnh và đi sâu vào đời sống tâm linh hơn. Điều này, ta thấy các Thiên sư ở Trung Hoa cũng như ở Việt Nam, phần nhiều các Ngài hay lên núi tìm chỗ thanh vắng để ân tu. Và nhờ thế, mà sự công phu tu hành của các Ngài mới chóng đạt được kết quả tốt đẹp. Khi tâm an định, thì ta có một nguồn vui tràn đầy vô tận, nên

nói là pháp hỷ sung mãn vậy. Đó là một sự thật, không ai có thể phủ nhận được.

206. Gặp được bậc Thánh nhơn là rất quý, vì sẽ chung hưởng sự vui lành. Bởi không gặp kẻ ngu si, nên người kia thường hoan hỷ.

Good it is to see the Noble Ones; to live with them is ever blissful. One will always be happy by not encountering fools.

Kệ tụng

Lành thay gặp thánh nhơn

Sống chung thường hưởng lạc

Không thấy các người ngu

Thường được hưởng an lạc.

Lược giảng

Pháp cú này và hai Pháp cú kế tiếp (207- 208) Phật dạy có liên quan đến trời Đế Thích.

Vào những ngày cuối đời, đức Phật bị bệnh kiết lỵ nên rất đau đớn. Bấy giờ trời Đế Thích nghĩ cách đến chăm sóc cho Phật. Ông đã bỏ thân hình cao lớn và mang thân hình trẻ trung đến xoa bóp chân Phật.

Phật bảo chư thiên không thể chịu được mùi của phàm nhơn, ông nên rời khỏi nơi đây. Mặc dù bị Phật từ khước, nhưng ông vẫn quyết lòng ở lại để phụng dưỡng săn sóc cho Phật. Ông hết lòng phụng sự không chút tỏ ra nhòm góm, dù có lúc ông đội thùng phân trên đầu. Tuyệt đối, ông không cho một ai đến gần Phật để săn sóc. Thấy ông săn sóc cho Phật đặc lực như thế, mọi người rất thán phục ông.

Nhân đó, đức Phật cho biết là trời Đế Thích nhờ nghe Phật thuyết pháp mà chứng quả Tu đà hoàn, bỏ thân già nua và nhận thân Đế Thích trẻ trung đến chăm sóc cho Phật.

Phật nói tiếp: *“Này các Tỳ kheo! Thật là hạnh phúc khi được sống gần gũi và chăm nom chư Phật, còn sống với người ngu chỉ đem lại đau khổ”*.

Còn hạnh phúc nào hơn khi gần gũi phụng thờ bậc Thánh nhơn. Nếu không có phước duyên lớn, thì làm gì ta được cái diễm phúc quá lớn lao này. Trời Đế Thích là vua cai quản cõi trời Đao Lợi, nghe Phật thuyết pháp, ông chứng quả Tu đà hoàn. Khi biết Phật bị bệnh, ông đích thân đến hầu cận và chăm sóc cho Phật. Dù là vua của một cõi trời, nhưng ông không quản ngại khi hầu cận săn sóc đức Phật. Ông bất chấp mọi thứ ô uế. Dù là đội thùng phân trên đầu, nhưng đối với ông vẫn không có gì tanh hôi như uest. Đây, cũng là một cách báo đáp phần nào thâm ân của Phật.

Qua câu chuyện lược dẫn trên, cho chúng ta một bài học thật quý giá về phước duyên hầu Thầy. Khi được hầu cận phụng sự cho một bậc Thầy đức độ, thì đó quả là một hạnh phúc rất lớn lao cho ta. Nếu chúng ta không có một nhân duyên lớn đối với bậc Thầy cao đức đó, thì làm gì ta được hầu cận để chăm sóc phục vụ cho Ngài.

Nhất là những lúc Thầy đau yếu bệnh hoạn, rất cần đến sự chăm sóc của ta. Ta thấy, trời Đế Thích, dù bị Phật từ chối, không cho ông hầu cận, nhưng ông quyết lòng ở lại, không thay đổi ý nguyện. Đó là một tấm gương sáng mà ta cần bắt chước.

Đối với thời nay, ta rất khó gặp một bậc Thánh nhơn cỡ lớn như Phật, đại Bồ tát, hay A la hán. Nhưng đối với những bậc Thầy cao đức dễ thương không phải là không có. Được gần gũi những vị này, thật cũng không phải dễ dàng. Nếu ta

đủ phúc duyên gần gũi, thì đời ta thật là hạnh phúc. Vì ta sẽ có nhiều lợi lạc, khi được hầu cận bên Thầy. Ta có cơ hội học hỏi rất nhiều. Từ một nụ cười, một lời nói, một cử chỉ v.v... nhất cử nhất động đều là những bài học lớn cho ta. Được tiếp nhận những lời chỉ dạy của Thầy, thì chắc chắn đời tu của ta sẽ có cơ hội tiến bộ rất nhanh. Đó là một cơ duyên hy hữu rất lớn cho đời tu học của ta.

Ngược lại, nếu ta bất hạnh sống chung với những người thiếu đức hạnh, thì bờ đề tâm của ta rất dễ lui sụt. Thầy hiền bạn tốt, đối với ta rất cần. Vì môi trường sống rất quan trọng. Nếu chúng ta gặp môi trường tốt, trên có bậc Thầy đức độ chỉ giáo hướng dẫn, dưới có huynh đệ đồng tu đồng học, hết lòng thương yêu quý kính giúp đỡ cho nhau, thì còn có hạnh phúc nào hơn! Sống trong môi trường có quy cũ nề nếp tốt đẹp như thế, thì sự tu học của ta ngày càng thăng tiến vượt bậc. Bằng trái lại, thì đời tu hành của chúng ta sẽ khó mong đạt thành sở nguyện. Thế nên, ta phải hết sức cẩn thận khi chọn Thầy và môi trường tốt để nương thân tu học.

207. Đi chung với người ngu, chẳng lúc nào không lo buồn; ở chung với kẻ ngu, khác nào ở chung với quân địch. Ở chung với người trí, vui như hội ngộ với người thân.

Indeed, he who moves in the company of fools grieves for long. Association with fools is ever painful, like partnership with an enemy. But association with the wise is happy, like meeting one's own kinsmen.

Kệ tụng

Thường thân cận người ngu

Luôn luôn bị lo buồn

Khổ thay gần người ngu

Như thường sống kẻ thù

Lành thay gần người hiền

Như sống với bà con.

Lược giảng

Pháp cú trên, ta tạm phân tách làm ba vấn đề để tìm hiểu:

1. Tại sao đi chung với người ngu, chẳng lúc nào không lo buồn?

Vì người ngu là người thiếu nhận định sáng suốt. Họ hành động theo bản năng sở thích của họ mà không cần phải đắn đo cân nhắc suy nghĩ kỹ càng. Khi giao tiếp chuyện trò với người đối diện, họ cũng không cẩn thận giữ lời. Họ phát ngôn bừa bãi, không sợ ai giận buồn. Họ ăn nói một cách cẩu thả lung tung và thường hay chọc gheo phá phách người này, gây chuyện người nọ, tạo thêm lăm điều phiền phức rắc rối. Họ không có một chút lịch sự tự trọng. Họ là người không biết gìn giữ ý tứ oai nghi. Thử hỏi đi chung với người như thế, bạn có bực mình hay không? Nếu bạn là người có học thức, tự trọng, lễ độ, ăn nói lịch sự khiêm cung, giao tiếp đàng hoàng, làm việc cẩn thận, thì bạn có thích đi chơi chung với hạng người ngu như thế hay không? Chắc là bạn không bao giờ muốn giao du với hạng người như thế. Vì càng gần họ, bạn càng thêm bực mình, chớ không có ích lợi gì. Đồng thời, nếu không khéo, thì bạn sẽ bị người ta đánh giá chê cười bạn là thứ “*cá mè một lứa*”. Như thế, bạn có chịu nổi không? Thế thì, tam thập lục kế, chỉ có một kế sách hay nhất là bạn phải tránh xa họ để khỏi phải gây ra tai họa lo buồn sau này.

2. Tại sao ở chung với kẻ ngu khác nào ở chung với quân địch?

Quân địch là kẻ thù, là người mà họ với ta không có cùng chí hướng. Họ với ta có ranh giới khác biệt rõ ràng. Người ta thường nói “*kẻ thù bất cộng đái thiên*”. Nghĩa là họ với ta không đội trời chung. Nơi nào có họ, thì nơi đó không có ta hay ngược lại cũng thế. Ở đây, Phật muốn so sánh giữa người ngu và người trí. Người trí mà sống chung với người ngu như sống chung với kẻ địch. Đã nói là kẻ địch, tất nhiên, hai bên khác nhau rất nhiều: khác về lập trường, về lý tưởng, về cách sống, về sở thích v.v...

Như thế, nếu bạn là người trí, thì làm sao bạn có thể thiết lập được sự cảm thông với họ? Sống chung với người ngu cũng như thế. Đã là ngu, thì dù bạn có nói những điều cao siêu hay ho đến đâu, chắc gì họ lại nghe theo bạn? Chẳng những thế, đôi khi họ còn làm cho bạn rất bực mình về thái độ thiếu lễ độ của họ. Hơn nữa, họ là mẫu người luôn luôn cố chấp bảo thủ những định kiến tri giác sai lầm. Họ không biểu đồng tình với bạn. Bạn muốn làm điều lành, điều phải, những gì hữu ích lợi mình lợi người, thì bạn sẽ bị họ phá rối cản trở. Họ cố tâm phá hoại kế hoạch xây dựng hướng tiến cao đẹp của bạn. Thử hỏi người ngu như thế, thì người trí làm sao sống chung cho được? Cho nên, Phật nói giữa người ngu và người trí như là kẻ địch, không thể sống chung với nhau được.

Đó là nói kẻ ngu và người trí ở bên ngoài. Còn nếu luận về ngu và trí trong tâm thức của mỗi người chúng ta, thì ai ai cũng sẵn có hai thứ hạt giống đó. Ngu là vô minh, là nghiệp thức phiền não nhiễm ô. Trí là trí huệ sáng suốt, là tánh giác thanh tịnh. Hai thứ này, nếu nói ở một phương diện thuộc giáo lý bất liễu nghĩa, thì quả chúng nó không thể ở chung một nhà, vì chúng là hai phạm trù đối nghịch nhau, như bóng tối và ánh sáng.

Bóng tối dụ như kẻ địch; ánh sáng dụ như người trí. Hễ có ánh sáng, thì không có bóng tối, hay ngược lại cũng thế. Thế nên, nếu chúng ta sống với vô minh, thì chẳng khác nào chúng ta tiếp nhận và sống chung với kẻ địch. Tất nhiên, là nó sẽ phá tan và gây ra biết bao đau khổ cho đời ta. Nếu như chúng ta không chịu loại trừ nó ra khỏi nhà, thì chắc chắn là chúng ta sẽ chuốc lấy những họa hại đau khổ hệ lụy dài dài...

3. Tại sao ở chung với người trí khác nào hội ngộ với người thân?

Người trí ở đây, Phật muốn nói là người hiểu biết sáng suốt và có đạo đức thanh cao. Họ nhận định biện biệt phải trái rõ ràng. Họ là người sống bằng lý trí hơn là nô lệ tình cảm. Họ không bao giờ hành động mà không có mặt trời ý thức soi sáng. Họ có tấm lòng rộng lượng hỷ xả bao dung. Họ không cố chấp bảo thủ tìn điều. Khi có dịp giao tiếp với họ, ta cảm thấy lòng ta thực sự an vui tươi mát. Vì lúc nào, họ cũng nở nụ cười hoan hỷ tươi mát trên môi. Họ là người cảm sâu gốc rễ đạo đức vào mảnh đất tâm linh. Họ là mẫu người thích làm hơn thích nói. Họ được điều gì hay, họ đem ra ứng dụng ngay trong đời sống hằng ngày. Họ không thích phô trương ba hoa khoác lác theo kiểu ngược mặt lên trời và cũng không thích làm một lý thuyết gia. Họ là người rất thực tế và rất giàu lòng vị tha nhân ái. Do đó, ai cũng quý mến yêu thương họ. Nếu ta sống chung với người như thế, thì còn hạnh phúc nào hơn! Vì giữa ta với họ không có phân chia ranh giới khác nhau. Ta rất kính mến yêu thương họ và họ cũng rất kính mến yêu thương ta. Gần gũi họ, ta cảm thấy ấm áp cõi lòng và ta học hỏi ở nơi họ rất nhiều những cái hay cái đẹp. Do đó, tình giao hảo giống như người thân. Ta không có gì phải lo âu sợ hãi. Bởi thế, Phật nói: “*Ở chung với người trí khác nào hội ngộ với người thân*”. Vì

người thân xa cách nhau lâu, nay bỗng nhiên ta gặp lại, thì thật không có niềm vui sướng nào bằng. Ta được điếm phúc sống chung với người trí thì tâm trạng ta cũng như thế.

208. Đúng thật như vậy : Người hiền trí, người đa văn, người trì giới chân thành và bậc Thánh giả là chỗ nương dựa tốt nhất cho mọi người. Được đi theo những bậc thiện nhân, hiền huệ ấy, khác nào mặt trăng đi theo đường tinh đạo.

Therefore, follow the Noble One, who is steadfast, wise, learned, dutiful and devout. One should follow only such a man, who is truly good and discerning, even as the moon follows the path of the stars.

Kệ tụng

Do vậy ...

Bậc hiền trí nghe nhiều

Bậc thánh hơn trì giới

Hãy gần gũi nương tựa

Thiện hơn, trí giả ấy

Như trăng theo đường sao.

Lược giảng

Pháp cú trên, Phật dạy khi tu học, muốn đạt được kết quả tốt đẹp, thì chúng ta cần phải nương tựa vào những bậc Thiện hữu tri thức hướng dẫn chỉ giáo. Bởi vì những bậc Thiện hữu tri thức này, họ có đủ tài đức trải nghiệm để khai thông con đường tuệ giác cho ta. Có tuệ giác, thì ta mới có đủ khả năng tiếp nhận Chánh pháp. Đây là con đường tối hệ trọng mà các bậc Hiền Thánh đã đi qua. Có gần gũi các Ngài, chúng ta mới có thể trau dồi thêm kiến thức và mới có sự

thật hành bảo đảm vững chắc, không sai lệch rơi vào tà kiến.

Thế nên, là kẻ hậu học, chúng ta cần nên chọn lựa bậc Minh Sư để tu học. Vì bước đầu tìm Thầy học đạo là vấn đề tối hệ trọng đối với người xuất gia cũng như tại gia. Nếu chúng ta chọn sai lầm, thì thật là uổng phí cho đời tu học của ta. Do đó, khi bước vào đường đạo, ta cần nên dùng trí huệ để biện biệt chọn lựa kỹ càng. Không nên vì tình cảm mà ta đánh mất sự ích lợi trong việc tu học của đời ta.

Môi trường tu học để được tiến thân trên đường đạo thật là hệ trọng. Người tu học được thành công là nhờ họ khéo biết chọn môi trường. Nơi nào có tổ chức nghiêm trang, có quy chế tu học đàng hoàng và nhất là có bậc Thầy sáng suốt, đức độ lãnh đạo hướng dẫn tu học, thì ta nên tìm đến đó để tu học. Sự tu học giống như ta chọn đất gieo giống. Mặc dù ta có hạt giống tốt, nhưng nếu ta không khéo chọn đất tốt để gieo, thì hạt giống của chúng ta chắc chắn là sẽ lên không có kết quả tốt, nếu không muốn nói là quá ẻo uột và đi dần đến tàn rụi, vì chúng ta chọn làm đất xấu, và chung quanh môi trường cũng không tốt. Thế là, kết quả, ta sẽ đi vào con đường tử lộ. Ngược lại, nếu ta đã có hạt giống tu học tốt mà ta chọn đúng đất tốt, môi trường chung quanh tốt, thì khác nào mặt trăng đi theo con đường tinh đạo. Nghĩa là tất cả nhân duyên, tăng thượng duyên đều tốt đẹp. Như thế, thì con đường tu học tiến đến thành công đối với chúng ta sẽ không còn là một ước mơ nữa, mà chính đó là một sự thật vậy.

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Lời nói đầu.	3 - 5
X - Phạm Dao Trọng	6 - 66
XI - Phạm Già	67 - 110
XII - Phạm Tự Ngã	111 - 148
XIII - Phạm Thế Gian	149 - 198
XIV - Phạm Phật Đà	199 - 240
XV - Phạm An Lạc	241 - 281

CÚNG DƯỜNG PHÁP LÀ TỐI THƯỢNG NHẤT

The gift of truth surpasses all other gifts

Phương Danh Ân Túc

List of Virtuous Sponsors

Tổ Đình Phước Huệ

Chư Tăng Ni	850	SC Phước Lượng	57.5
Thầy Phước			
Độ	57.5	Thầy Minh Thông	300
Thầy Phước			
Thái	100	TT Thích Duy Tín	225
GĐ Viên Giác	100	SC Huệ Mãnh	50
Quincy Trí Việt	30	Diệu Ngọc	20
Nguyên Tâm	10	Chơn Huyền Hiền	20
Quảng Thanh	20	Ý Ngọc	20
Minh Quang	15	Diệu Thiện 1	20
Diệu Huệ 2	15	Hoàng Quý	10
Diệu An	20	Diệu Hoa 2	20
		Yêm, Khiêm,	
Tâm Thạnh	20	Phương Minh	20
Diệu Trí 2	20	Diệu Thiện 2	20
Tâm An	20	Đức Ngọc	20
Tâm Đạt	20	Tâm Hiệp	20
Viên Linh	10	Diệu Hiền	20
Tâm Hoa	20	Trần Thanh Thủy	20

Chùa Quang Minh

Tâm Trúc	50	Lu Huệ Dung	5
----------	----	-------------	---

Diệu Liên 2	10	Tâm Chiêu	20
Tâm Tiên	30	Tâm Thanh	50
Diệu Nguyễn 2	20	Lệ Báo	20
GĐ Thanh Liên	20	Tịnh Từ	50
Diệu Phi	20	Thúy Phượng	100
Nguyễn Lạc	20	Diệu Huệ	10
Lệ Gấm	20	Diệu Lượng	20
Nguyễn Hoàng	50	Tâm Bảo	20
Viên Hảo	50	Chân Mỹ Lộc	20
Diệu Nguyễn 1	10	Diệu Châu	20
Tâm Thiện	20	Tâm Hải	50
Đồng Giỏi	10	Diệu Thông	10
Diệu Hiền	20	Diệu Ngọc 2	50
Chân Tâm			
Niệm	10	Diệu tuyết	20
Chơn Thừa	20	Chiếu Hoàng	20
Thanh Châu	20	Ân danh	5
Diệu Hải 2	20	Ân danh	5
Chân Mỹ Hóa	20	Minh Đức	20
Chân Hiền Đạo	20	Chiếu Thiện	20
Nguyễn			
Phương	20	Diệu Thi	100
Từ Hương	50	Ân danh HH CHTT	50
Diệu Hương 2	20	Diệu châu 2	50
Tâm Đắc	20	Diệu Phước	20
Tuệ Anh	50	Viện Định	20
Diệu Lạc	30	Huệ Tịnh 2	30
Viên Hiệp	40	Viên Nguyễn	20
Viên Thật	40	Thu Ngọc	20
Diệu Lạc	15	Hoa Lộc	5
Diệu Huệ 2	30	Viên Trúc	10
Diệu Hạnh	30	Nguyễn thuần	20
Tâm Đạo	20	Nguyễn Đạo	50

Hạnh Giác	10	Minh Thư	10
Lệ Ánh	10	Diệu Hải	20
Diệu Huệ 5	50	Thanh Thế	50
Nhật Thiện + GD	30	Thanh Nhơn	10
Thế Niên	30	Diệu Nghiêm	50
Diệu Viên	30	Thông Ngọc	30
Nguyễn Dung	20	Huệ Hiền	25
Diệu Quang 2	10	Quảng Thọ	25
Lệ Tâm	20	Thiện Minh	30
Phước Ngọc	20	Đức Ngọc	30
Chân Mỹ Thu	50	Nguyệt Thiện	50
Nguyễn Sơn	20	Quảng Đài	20
Diệu Pháp	20	Diệu Hóa	20
Viên Thành	10	Hạnh Thông	20
Nguyễn Diệu	20	Từ Chánh	10
Tịnh Trang	20	Tô Ngọc Lan	10
Diệu Đức	20	Chân tâm Đạo	20
Diệu Từ	20	Diệu Huệ 5	10
Minh Bạch	20	Diệu Sương	30
Hạnh Hải	20	Chiếu Ngạn	5
Diệu Ngọc	20	Chí Phước	20
Diệu Quang	10	Diệu Lương	100
Chơn Trì	20	Tâm Thanh	20
Tâm Quảng	20	Nguyễn Hồng	30
Diệu Nhân	30	Viên Hảo	20
Ngọc Duyên	20	Duyên Ngọc	20
Tâm Thân	10	Như Nghinh	20
Nguyệt Phước	10	Diệu Đào	10
Nguyệt Điện	30	Viên Hoa	20
Diệu Nghĩa	20	Mẫn Liên	100
Tắc Hương	20	Tuần liên	100
Thanh Diệu	25	Hoa Quang	20

Trịnh Tam Kỳ	10	Trịnh Tam Bình	10
Trịnh Ngọc			
Thảo	10	Trịnh Ngọc Loan	10
Diệu Châu 1	20	Huệ Giải	50
Viên Như	50		

HỒI HƯỚNG CÔNG ĐỨC

Nguyên đem công đức này
 Trang Nghiêm Phật Tịnh Độ
 Trên đền bốn ơn nặng
 Dưới cứu khổ ba đường
 Nếu có người thấy nghe
 Đều phát lòng Bồ Đề
 Hết một báo thân này
 Sanh qua cõi Cực Lạc
 Nam mô A Di Đà

DELICATION OF MERIT

May the merit and virtue
 Accrued from this work
 Adorn the Buddha's Pure Land
 Repay the four great kindnesses above
 And relieve the suffering of
 Those on the three paths below
 May those who see or hear of these efforts
 Generate Bodhi-Mind
 Spend their lives devoted to the Buddha Dharma

The Pure of Ultimate Bliss.

Homage to Amita Buddha